N° 147 Février 1930

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

## VĂN-HÓA PHÁP ĐỐI VỚI TIỀN-ĐỒ NƯỚC NAM (1)

Dân-quốc Thổ-nhĩ-kỳ mới thành-lập, phái đại-sứ sang *Paris* đầu tiên là Djevad bey; ngày mồng 6 tháng 2 năm 1925, đại-sứ vào yết-kiến quan Giám-quốc Pháp để trình giấy ủy-nhiệm, trong lời diễn-thuyết có nói rằng:

« Dân Thổ-nhĩ-kỳ trong thế-kỷ hiện-kim đã từng tiến-bộ nhiều, ngày nay có thể coi như quân tiên-phong của văn-minh Âu-Tây ở miền Cận-Đông vậy. Trong cái sự-nghiệp chấn-chỉnh tinh-thần của nước Thổ đó, văn-hóa nước Pháp thật đã có một phần to.»

Lời nói của quan đại-sứ đó vẫn là ăm-hợp với dư-luận nước Thổ; xem như lời một nhà báo trứ-danh nước ấy là Agha Oglou Ahmed viết trong báo *Djumhouriet* hồi tháng 10 năm 1925 thì đủ biết.

Lời báo nói rằng: « Ở nước chúng tôi, ngoài tiếng quốc-âm là lấy tiếng Pháp làm trọng nhất. Ngoài văn quốc-ngữ là lấy văn-chương Pháp làm hay hơn cả. Lại trong toàn-quốc Thổ-nhĩ-kỳ, các nhà tư-tưởng bác-học ngoại-quốc, duy có người Pháp là quốc-dân biết hơn cả. »

Nay lại xét đến một nước ở tận phía cực-đông châu Á, là nước Nhật-bản kia, hồi tháng giêng năm 1924, không đầy năm tháng sau cuộc thiên-tai động đất làm cho nước ấy khốn-nạn cực-khổ là dường nào, ở giữa thành *Tokyo* còn đương ngổn-ngang những nhà-cửa đổ-nát, xướng lên lập một nhà « Pháp - Nhật Công - quán » (*Maison franco-japonaise*), để làm cái giây liên-lạc tinh - thần nước Nhật với nước Pháp. Trong lời phi-lộ giải rõ cái mục-đích cuộc kiến-thiết đó, có câu nói rằng:

« Văn-hóa nước Pháp là nguồn gốc tự cái cổ-học của Tây-phương, lại là uyên-nguyên của văn - minh cận-đại, thật đã có công to khai-hóa cho cả thế-giới; từ sau cuộc Âu-chiến thời xem ra lại tăng giá-trị lên nhiều... Chúng ta thiết-tưởng rằng nước chúng ta nhờ ngữ-ngôn văn-hóa nước Pháp để mà tham-dự vào các phong-trào lớn trong thế-giới một cách mật-thiết hơn và để cho thế-giới biết đến ta cùng văn-hóa của ta, thật có lợi-ích to vậy. »

Nay muốn chứng rõ nước Nhật trọng văn-hóa Pháp là dường nào, văn-hóa Pháp ở Nhật vẫn có về sinh-hoạt là dường nào, và kẻ thượng-lưu nước Nhật tôn-sùng hâm-mộ những bậc danh-sĩ Pháp là dường nào, thời cứ xem như mấy việc sau này là đủ biết: gần đây, vào khoảng năm 1928 và đầu năm 1929, ở *Tokyo* có cử-hành ba cuộc kỷ-niệm thập-chu-niên ngày tạ-thế của ba người Pháp đã trứ-danh về ba khoa rất là đặc-biệt với nhau, là: nhà xã-hội-học Emile Durkheim, nhà âm-nhạc-học Debussy và nhà Chi-na-học Edouard Chavannes.

1) Xem bài Pháp-văn ở phần Phụ-trương dưới.

Tôi kể ra mấy việc đó là những việc đích-thực và những việc cận-tiếp ngay đây, để làm cái chứng-cớ rõ-ràng rằng văn-hóa nước Pháp vẫn có thanh-danh trong thế-giới, vẫn được các nước trọng-dụng một cách đặc-biệt, nước nào cũng công-nhiên tuyên-bố rằng đã từng được ơn nhờ và hiện còn ơn nhờ ở đó nhiều.

Nay cái văn-hóa quí-giá vô-ngần đó, có đức-tính cải-hóa được cả cá-nhân cùng dân-tộc, nhờ cơ-hội mà hình như đem đến sẵn cho người Việt-Nam ta, đã được ngót nửa thế-kỷ nay rồi, không cần phải khó-nhọc đi tìm kiếm đâu.

Vậy thì người Nam ta đối với cái văn-hóa đó, biết thưởng-thức ra thế nào? Đã từng hưởng-dụng thế nào? Đã từng đối-phó thế nào? Đã từng thu-hoạch được những sự lợi-ích gì về đường tinh-thần tri-thức?

Nếu tôi cứ thực-tình mà nói cho rõ, thì không khỏi có kẻ trách là bi-quan. Xin chỉ nói là người Nam ta đối với văn-hóa nước Pháp, đáng lẽ là phải có lợi-ích nhiều về đường tri-thức mà hưởng-lai thật chưa thu-hoạch được hết sự lợi-ích đó. Trừ một số ít người lỗi-lạc không kể, còn phần nhiều người đi học chữ tây là chỉ chủ có cái mục-đích cận-lợi ngay, — mục-đích này không phải đáng khinh, nhưng cũng không phải chỉ có thế mà thôi, — nghĩa là học chỉ mong để kiếm lời ngay, mong được làm công nọ việc kia cho thỏa cái lòng cầu-danh cầu-lợi ngay; cái mục-đích cận thiết đó đã đạt tới rồi, thời không mấy người học rộng học cao hơn nữa, cho tới cái bậc không phải học để làm nghề kiếm ăn, mà học để luyện tinh-thần, mở trí-tuệ cho được cao-xa sáng-sủa thêm ra. Ngay trong hạng những người có tài học giỏi, cũng ít người là có cái chí học không vị-lợi, phần nhiều còn ham-mê về đường thi-cử, cốt chiếm lấy cái văn-bằng nọ văn-bằng kia, thành ra lại sa vào cái vết xe cũ của bọn đàn anh khi trước, là phái nhà nho cựu-học, chỉ mải-miệt về đường khoa-cử mà đến tai-hại như thế nào, trong một bài luận-thuyết trước đã từng nói.

Nói tóm lại thì văn-hóa nước Pháp, theo như lời phi-lộ của người Nhật vừa kể trên kia « đã có công to khai-hóa cho cả thế-giới », nay đối với tâm-hồn tri-tuệ người Việt-Nam ta, thời cái công-dụng tốt-đẹp ấy thật chưa được mĩ-mãn chút nào.

Hay là người Nam ta không có tư-cách hưởng-thụ được chăng? Dân-tộc ta vẫn có tiếng là ham học-vấn, trọng tri-thức, há lại không đủ năng-lực mà thu-hoạch được những sự lợi-ích của một cái văn-hóa rất quảng-đại và rất hợp nhân-đạo dư? — Sự trái-ngược đó là bởi duyên-cớ gì?

Thiết-tưởng là bởi cái tình-thế đặc-biệt của bọn thượng-lưu Nam-Việt vậy.

Hạng thượng-lưu nho-học trước, tuy vẫn có nhiều điều khuyết-điểm, nhưng là nối-dõi một cái cổ-học đã mấy nghìn năm. Những người ấy thật là người có « học », nghĩa là có luyện-tập tinh-thần, và thường khi là người có phẩm-cách thanh-cao nữa. Những người ấy không phải là không biết cảm văn-hóa Pháp: qua cái thời-kỳ nghi-kỵ, là thời-kỳ sau khi nước Pháp chiếm-lĩnh nước ta, thời nhà nho đua nhau mà giảng-cầu « tân-học », và những sách đọc trước nhất là sách Pháp. Nhưng vì không thể đọc ngay ở Pháp-văn được, — là bởi hồi bấy giờ chữ Pháp chưa học rộng như bây giờ, vả lại các bậc ấy cũng đã đứng tuổi bắt đầu học cũng khó, — nên phải nhờ bản dịch tàu để tiếp-thụ lấy cái tư-tưởng Pháp. Có một hồi, ước từ năm 1895 đến 1908, nhà nho ta động nói là dẫn chữ sách của ROUSSEAU với MONTESQUIEU. Thầy Lư với thầy Mạnh bấy giờ tưởng tôn-trọng không kém gì ông Khổng ông Mạnh đời xưa.

Nhưng vì cái cổ-học Hán-Việt bãi bỏ dần đi, nên bọn thượng-lưu cũ đó cũng hết dần, vì không có người nữa. Kế vào hạng đó thời gây lên một hạng người mới, có cái hình-thức là thượng-lưu, nhưng chưa có cái cốt-cách thượng-lưu. Người Việt-Nam bắt đầu học tiếng Pháp trước nhất là những người xuất-thân tầm-thường, chỉ có cái hi-vọng học cho biết ít nhiều để làm thông-ngôn hay thư-ký trong các công-sở của Chính-phủ Pháp mà thôi. Số những người đó mỗi ngày một nhiều lên, lại trung-gian Chính-phủ định mở-mang việc học cho người bản-xứ, nên mỗi ngày sự học-hành cũng dễ-dàng hơn trước. Tuy những người ấy cũng cố công học-tập thêm lên, kể cũng đáng khen thật, nhưng vì xuất-thân như thế, nên sự học thế nào cũng không khỏi có khuyết - điểm và vẫn chưa có tư-cách thâu-thái được cái tinh-túy của văn-hóa Pháp. Nhất-diện thời hạng thanh-niên mới thuần học ở trường tây ra, hãy còn mới-mẻ lắm, tuyệt không có liên-lạc tinh-thần gì với đời trước cùng với lớp người trên mình. Tuy được học chữ Pháp nhiều, nhưng tựa-hồ như học một cách « tiêu-cực », chưa có đủ trí khôn-ngoan suy-nghĩ, cho biết cái chân giá-trị của sự học ấy thế nào, và cho hưởng-thụ được hết sự lợi-ích.

Thành ra nhà nho hai ba mươi năm trước, có tư-cách thưởng-thức được văn-hóa Pháp, thì vì không biết tiếng Pháp nên không thể trực-tiếp cái văn-hóa ấy được; còn bọn pháp-học mới thời tuy cũng đủ biết đủ hiểu tiếng Pháp, nhưng vì thần-trí còn non-nớt, chưa có cái óc lão-luyện từng - trải những điều nghĩa-lý, lại vì cách học-hành hơi có ý cấp-tốc và chỉ thiên về một phương-diện, nên cũng chưa đủ tư-cách thu-hoạch được cái tinh-túy của văn-hóa Pháp để bồ cho tâm-hồn trí-tuệ mình, và tài-bồi cho tinh-thần chung của nòi giống vậy.

Tình-trạng đó không phải là không tăng thêm cho cái không-khí ưu-uất trong dân-gian hiện bây giờ; chắc rồi sự học mỗi ngày một tấn-tới, dân-trí mỗi ngày một khai-thông, thời tình-trạng ấy rồi cũng mỗi ngày một ràng-rạng ra. Nhưng muốn cho bọn tân-thượng-lưu nước Nam bây giờ có thể hưởng-thụ được văn-hóa Pháp cho ích-lợi, lại có thể giúp cho nước cũng nhờ đó mà chấn-chỉnh được tinh-thần trí-thức, thời cần phải tự mình nhận-chân lấy mình, phải bỏ cái thái-độ tiêu-cực như bây giờ, phải tỏ ra biết suy-nghĩ phán-đoán, có tư-cách đặc-biệt, đối với văn-hóa ấy cũng như đối với các trạng-thái khác của văn-minh đời nay, phải biết xem xét cho kỹ-càng, nhiệt-thành mà không háo-hức, tin theo mà biết phê-bình, có thể thời mới hiểu rõ và dần dần tiêm-nhiễm lấy được. Phải biết rằng văn-hóa nước Pháp có thể làm một cái động-cơ rất mạnh trong sự-nghiệp cải-tạo nước Nam sau này, nhưng muốn cho được hoàn-toàn hiệu-lực, thời cần phải có mấy cái tư-cách mà người mình hãy còn thiếu. Những tư-cách ấy phải gây lấy cho được. Nghĩa-vụ chúng ta ngày nay là phải chấn-chỉnh lấy cái hồn Việt-Nam của ta để có thể theo phong-trào mới mà cải-cách duy-tân vậy.

Trong cái sự-nghiệp chấn-chỉnh tinh-thần đó, văn-hóa Pháp có thể giúp cho ta được nhiều lắm. Đây không cần phải tán-dương những cái hay của văn-hóa ấy. Trong thế-giới thiếu gì những bậc danh-giả đã từng ngợi-khen nhiều lần rồi. Mới đây công-sứ Hòa-lan ở *Paris* làm lễ đặt viên đá thứ nhất cho nhà học-hiệu Hòa-lan ở Xóm Học-sinh, có tỏ lòng cảm-phục cái tinh-thần học-thuật nước Pháp như sau này:

« Chỗ này là chỗ học-sinh vạn-quốc đến tụ-hội, sẽ được nhờ tinh-thần nước Pháp truyền cho mấy cái tính tốt, như tính sáng-sủa, đích-xác, lý-luận, phong-thú, là những đặc-tính của một nước về văn-học khoa-học đã sản được những bậc đại-danh như MONTAIGNE, DESCARTES, PASTEUR, BERTHELOT, BRANLY »

Lại ngay sau khi chiến-tranh, mấy học-giả nước Mĩ có nói riêng với giáo-sư BERGSON một câu rằng :

« Cách dạy học của người Pháp, chúng tôi ưa nhất có hai điều : một là bài giảng của thầy giáo bao giờ cũng có mạch-lạc sáng-sủa lắm ; hai là khéo khiến cho học trò, không những là học-sinh trường lớn mà cả học-trò trường nhỏ nữa, phải thường-thường suy-nghĩ biến-báo luôn. »

Sáng-sủa, đích-xác, có lý-luận, có kết-cấu, hay sáng-nghĩ, hay biến-báo, đó chẳng phải là những tính-cách mà trong tâm-trí người Việt-Nam ta hiện hãy còn thiếu dư ? Tính-cách ấy, văn-hóa Pháp có thể đoàn-luyện cho ta được. Nếu ta biết khéo lợi-dụng, thời quốc-hồn Việt-Nam của ta sẽ được nhờ đó mà phong-phú thêm lên, tức là cái điểm nước Nam có cơ tái-tạo vậy.

THƯỢNG-CHI

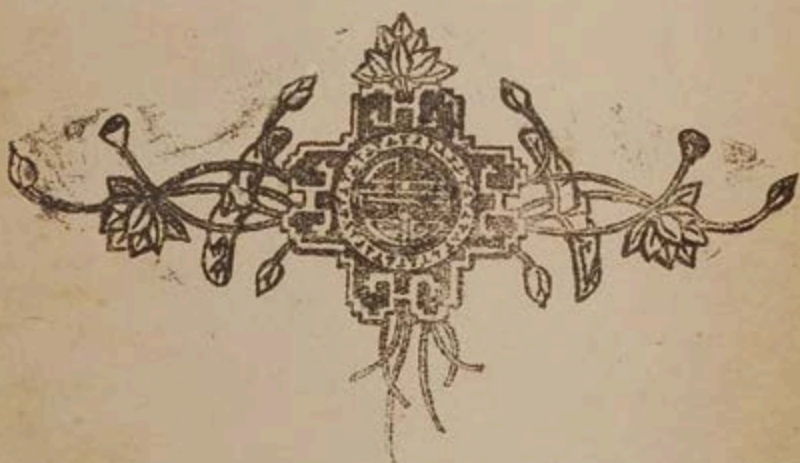

# HÒA-LAN DU-KÝ (1)

Tập du-ký này là biên chép qua những cảm-tưởng trong khi du-lịch ở nước Hòa-lan (*Hollande*). Nguyên tôi có qua Hòa-lan ở ít lâu, thấy phong-cảnh đất nước rất hữu-tình, mà xem ra có bốn tính-cách như sau này: một là nước Hòa-lan là một xứ bình-tĩnh; hai là nước Hòa-lan là một xứ sông nước; ba là nước Hòa-lan là một xứ mĩ-thuật; bốn là nước Hòa-lan là một xứ hòa-bình.

Sau đây là những cảm-tưởng thuộc về bốn phương-diện đó, gặp sao chép vậy, cốt lấy tự-nhiên, không cầu hoa-mĩ.

**Nước Hòa-lan là một xứ bình-tĩnh**

Nước Hòa-lan là một xứ bình-tĩnh. Cảnh-vật có cái vẻ yên-lặng. Khách du-lịch trông trước mắt chỉ thấy đồng-điền bát-ngát. Ruộng cỏ mênh-mông, sắc cỏ xanh rờn, cũng một màu như sắc trời xanh lạt. Xa-tít chân trời, không có một ngọn núi, không có một cái đồi, không có một đống cao. Mắt nhìn thẳng tuột, chỉ thỉnh-thoảng nhấp-nhô có đám rừng, cái cối say gió (2), hay là cái tháp chuông nhà thờ, cao vót lên trời, bốn bề nhan-nhản. Nhà cửa cũng theo cái hình-thế chung của cảnh-vật: nhà như thấp rạp xuống đất, mái thì to mà dốc, như trùm lên trên. Quanh nhà có mấy bụi cây, để ngăn sức gió. Đó là cái lối thông-thường những nhà ở các xứ bình-điền, như tựa hẳn xuống đất để chống với sức gió mưa lay động.

Lại đến súc-vật cũng thích-hợp với cái hoàn-cảnh lắm. Trên mặt đất xanh rì, có lốm-đốm những sắc đen sắc trắng, từ-từ chuyển-động: đó là những bò cái ăn cỏ ngoài đồng. Lợn thì con đen con đỏ, thung-thăng đi kiếm ăn. Cừu thì lông dài rậm-rạp, ăn cỏ ra dáng thung-dung lắm. Không có con nào nhảy-nhót, không có con nào rống kêu, không có con nào lộn-xộn: chỉ có đồn-điền tịch-mịch bát-ngát.

Cảnh-vật như thế, người cũng in theo hình-ảnh đó. Cái hoàn-cảnh yên-lặng hình như đã tiêm-nhiễm cả người ta, từ trong tâm-trí cho đến ngoài dáng bộ, từ trong tư-trưởng cho đến cách đứng ngồi. Cứ xem người ta đi ngoài đường phố, bước đi đều-đặn, không vội-vàng, không hấp-tấp, không nóng-nảy, cũng đủ đoán được tâm-tính vậy. Ở các nơi thành-phố: không có đám tụm năm tụm ba, ồn-ào rộn-rịp, tiếng kêu tiếng hò, kẻ đầy người ngã. Ai nấy cứ đi bước thẳng, không thơ-thẩn cũng không vội-vàng, điềm-nhiên như không, như đã tập quen kỷ-luật vậy. Trước khi đi ngang đường thì nhìn kỹ bên tả bên hữu, mà xe hơi xe đạp đi giữa đường cũng phép-tắc lắm, không có ngần-ngại chút nào, hoặc lầm đường lỡ bước bao giờ: ai muốn đi về đường nào thì giơ cánh tay lên làm hiệu, trong khi ấy thì ở các ngã tư đã có lính cảnh-sát đầu đội mũ cứng, mình mặc đồ xanh, cứ luôn tay chỉ cho biết đường nào đi được, đường nào còn mắc, lẹ-làng mềm-mại vô-cùng.

(1) Nguyên Pháp-văn của LOUIS-LUCIEN HUBERT là một nhà làm báo ở *Paris*.
(2) Bên Tây cối say to bằng cái nhà.

Trông thấy những người họ đi lại như thế, tưởng như không có ai tranh nhau đi mau hơn lên một bước, hay đạp mạnh cái bánh xe lên một nhịp vậy. Ai đã sinh-trưởng ở những dân-tộc tính-khí nóng-nẩy hay bất-thường hơn, mà trông thấy cái cách điềm-nhiên của họ như thế, có lúc cũng hơi lấy làm tức mình, nhưng xem cái cách đó thì đoán được tính-nết cùng tri-nghĩ của họ vững-vàng chắc-chắn biết chừng nào.

Mà thật dân-tộc đó, tuy bề ngoài có cái vẻ nặng-nề chậm-chạp một chút, mà quả là một dân-tộc có sức hoạt-động nhất trong thế-giới từ xưa đến nay vậy. Đất thì nhỏ hẹp mà cái địa-vị trong lịch-sử Âu-châu không phải là nhỏ. Hồi vua Tây-ban-nha PHILIPPE đệ-nhị đương hách-dịch, họ đánh cho phải thua ; hồi vua Pháp LOUIS thập-tứ đương thắng-thế, họ cự cho phải nhụt. Chủ-quyền trên mặt bể, đã có hồi ở trong tay họ. Họ đã chinh-phục được và hiện thống-lĩnh một cõi thuộc-địa lớn-lao. Về mĩ-thuật, về pháp-luật, họ đã chiếm được một cái địa-vị cao. Hoặc trong cách hoạt-động có cái vẻ nghiêm-khắc một chút, thời đã khéo biết đem những hoa thơm cỏ đẹp mà trang-điểm vào.

Nhưng dân-tộc đó sở-dĩ thành-công được như vậy, sở-dĩ thịnh-vượng được đến thế, há chẳng phải là chính nhờ ở cái tính nết điều-độ ôn-hòa, vững-vàng chắc-chắn đó dư, không sự gì để phó mặc cho tình cờ, không việc gì là nóng-nẩy háo-hức ? Người Hòa-lan khi sắp-sửa làm việc không vội-vàng, vì có suy-nghĩ; khi thi-hành công việc không vội vàng, vì đã suy-nghĩ. Nghĩ-ngợi không hấp-tấp, để cho dự-liệu được khắp, mà hành-động cũng không hấp-tấp, vì đã dự-liệu cả rồi. Trong khi lẳng-lặng suy- ghĩ, việc khó đến đâu cũng lường được hết cả, rồi đến khi thực-hành, thì cứ vững dạ thẳng tay mà làm, vì bao nhiêu sự nguy-hiểm đã tính trước kỹ-càng cả rồi. Văn-sĩ Đức SCHILLER nói về vua Hòa-lan GUILLAUME D'ORANGE đã có câu rằng : «Buổi ba-đào chúa vẫn bình-tĩnh, vì khi bình-thường chúa đã lo sợ.» Câu đó thật là tóm-tắt được một cách rõ-rệt cái tâm-lý một bậc vĩ-nhân hiển-hách nhất của nước Hòa-lan, quốc-dân đã tặng cho cái huy-hiệu là «quốc-phụ» thật là đáng lắm ; nay lại đem ra để tả cái tâm-lý người Hòa-lan đời nay, há lại không đúng dư ?

Cái cảnh êm-đềm yên-ổn trong dân-gian đó, thật là tiêu-biểu ra rõ ở nơi kinh-đô *La Haye*, là một chốn thị-thành rất có phong-vị. Vua quan nước Hòa-lan chọn chốn ấy làm thủ phủ trong nước, quả là thích-hợp lắm. Thành-phố có vẻ lịch-sự mà phong-quang, cây cao bóng mát, nước chảy suối reo, cỏ xanh mướn-mượt, nhà cửa giản-dị, xây áp bên đường, không có bờ hè, không có cửa cuốn, coi đơn-sơ mà không phải là không có vẻ, tựa giống nhau mà không phải là cùng một kiểu ; trong thành-phố lại có nơi Cổ-Trì (*Vieux Vivier*) nuôi cá, có cái phong-vị xưa, nhắc-nhở đến lịch-sử cũ; còn những phường-phố mới thì sáng-sủa quang-đãng, lại lẫn những vườn cây um-tùm, lối đi khúc-khuỷu, như chan-chứa một cái vẻ bình-hòa yên-tĩnh. Những nhà phú-thương đi thuộc-địa Đông-Ấn-độ (*Indes néerlandaises*) làm giàu rồi về nước nghỉ-ngơi, thật không có cái cảnh dưỡng-nhàn nào phong-thú bằng cái cảnh này. Tuy-nhiên, phong-thú thì phong-thú mà không phải là nơi sinh-sản hoạt-thật, động, về đường kinh-tế còn phải ỷ-lại vào nơi khác. Tuy tiêu-biểu được cái phong-vị an-nhàn của nước Hòa-lan, mà không tiêu-biểu được cái tính-cách cương-cường hoạt-bát vậy.

Muốn biết cái quả tim của nước này đập mạnh là đường nào, thời phải đi

ra *Amsterdam* hay là *Rotterdam*. Đây thì không có cái phong-vị an-nhàn diễm-lệ nữa. Thật là những đô-thành lớn-lao sầm-uất, mạnh-bạo quả-cảm, làm cho lừng-lẫy khắp thiên-hạ cái danh giá một dân-tộc.

Như thành *Amsterdam*, chằng-chịt những sông những ngòi, những đường phố buôn-bán rộn-rịp, có nhà thị-sảnh thật vĩ-đại, nhà bảo-tàng thật rực-rỡ, sở hối-đoái thật to rộng, sở này có cái chuông lớn, mới rồi giữa hồi đồng phật-lăng đương hạ giá thì hình như mỗi hồi chuông nện là làm cho đồng tiền bản-vị nước Pháp sụt xuống một tầng vậy; lại các công-viên sửa-sang sạch-sẽ, các bể cạn chứa tầu, ồn-ào rộn-rịp luôn, thật là cái cảnh-tượng một chốn đô hội lớn về bắc-phương, dân đông và có cái sức hoạt-động rất cần-cù.

Lại đứng trên cái cầu rộng bắc qua sông *Meuse* mà thu-quát cả phong-cảnh cửa bể *Rotterdam*, có cái vẻ mạnh-mẽ hoạt-bát biết đường nào: ngổn-ngang những tầu bể, cái lớn cái nhỏ vô-số, từ các tầu khách vĩ-đại của hãng *Hamburg-Amerika*, cho đến các du thuyền nhỏ tí, trên bến thì đầy những máy-móc lớn-lao, khí-cụ lạ-lùng, sản-vật đủ mọi thứ ở khắp các nơi đem lại; đứng đấy mà phóng nhỡn-quang nhìn một lượt cái rừng những ống khói cùng cột buồm, ở trên có từng đàn bạch-âu bay vùn-vụt, lại trên cao nữa thì những tàu bay của các hãng hàng-không vận-tải, bay đi bay lại vù-vù cả ngày, trông cái cảnh-tượng ấy mà nhớ đến những cảnh đồng-bằng yên-lặng vừa mới qua thì tưởng như cách xa đến mấy nghìn dặm, và đối với cái cảnh nhân-lực hoạt-động một cách hùng-hồn như thế, không thể cầm lòng kính-phục vậy.

Ở mấy chỗ đó hơn là ở mấy nơi khác trong xứ này, người dân vẫn có cái sức hoạt-động tạo-tác, là tính di-truyền của tổ tiên từ đời xưa, mà ngày nay lại nhờ được sức máy-móc tăng thêm lên gấp mấy mươi lần vậy. Cái nền phú-cường của nước Hòa-lan cổ-lai vẫn gây-dựng nên ở đó. Xem đấy thì biết cái cảnh-tượng một nước lớn đời nay rực-rỡ là đường nào.

**Nước Hòa-lan là một xứ sông nước**

Nước Hòa-lan là một xứ sông nước. Cả lịch-sử nước ấy là một cuộc chiến-đấu với nước và hiệp-tác với nước, hết chiến-đấu đến hiệp-tác, có khi lại đồng-thời vừa chiến-đấu vừa hiệp-tác, cứ thế mãi từ xưa đến giờ. Nào ra sức lùi cái giới-hạn nước ra xa để tăng cái diện-tích đất của mình. Nào tìm cách xử-lính nước để dùng tưới ruộng cho tốt, để mở lối giao-thông cho tiện. Lại gặp hồi quốc-bộ gian-nan, khi vua Louis thập-tứ nước Pháp định đem quân tràn sang đánh, nhờ có sông nước hiểm trở mà không đến nỗi mất nước. Vì lẽ tự-nhiên khiến nên mà ở xứ này người với nước thật là ví như một đôi bạn bất-tương-ly vậy.

Nước ở đây man-mác, đâu đâu cũng có.

Ngoài duyên-hải thì là nước bể, bể Bắc-hải, vừa có cái vẻ thảm-đạm, vừa có cái vẻ hùng-tráng; sóng nhấp-nhô tràn vào bãi cát nhỏ, cảnh bể mỗi lúc một khác. Tôi đã từng trông thấy có ngày nước sâm ngắt, mây đen xì, mưa như trút, tưởng như trời với nước nối liền nhau. Tôi lại từng trông thấy có buổi mùa hạ mặt trời chiếu xuống, nước xanh ngăn-ngắt. Lại từng trông thấy có buổi trời bảng-lảng không có sắc gì, hình như để cho sắc nước tự-nhiên, thời bấy giờ nước vàng và hình như vẩn bùn vậy. Lại có buổi trời vừa tối, không có sao, thì trông nước đen như mực vậy. Nhưng cảnh-sắc tuy mỗi lúc một khác mà bao giờ cũng dường

như có cái khí-vị tiêu-điều và hơi nghiêm-khốc vậy. Không có cái thú vui-vẻ dễ-dàng như các bể miền nam. Sóng đánh bần nước lên trông như sương mù miền Bắc-cực và tưởng-tượng đến những cuộc hàng hải hiểm-nghèo ở trong đám mây mờ trắng sóa. Cảnh-tượng ấy, chỉ những kẻ nào có gan góc mạo-hiểm mới dám vượt bể ra khơi vậy. Bể này thật không có cái thú mĩ-miều, mà có cái vẻ hùng-tráng vậy.

Nhưng lạ thay, đối với cái cảnh trời nước nghiêm-nhặt đó, lại dựng nên một cái cảnh thành-phố tráng-lệ, có vẻ tân-thời, một dải bãi bể sừng-sực những nhà lầu cùng khách-sạn nguy-nga tức là sở tắm mát *Scheveningue* vậy. Trên đường phố, cạnh một đám thủy-thủ già, mặt không râu mà da sạm nắng, mặc những lối quần áo dị-kỳ, lại thấy một bọn khách du-lịch ngoại-quốc, ăn mặc rất hợp thời-trang, khách đến tắm mát, đi lại ồn-ào, và ra vẻ phóng-khoáng lắm, cùng những kẻ nhàn-hạ không có công việc gì đi dạo phố chơi. Chạy ngược chạy xuôi, toàn những ô-tô rất lịch-sự, đi áp tận bờ bể, tưởng như sóng ngoài khơi đánh tạt vào, bắn cả nước vào chỗ ngồi, đem cho người ta cái sức ngầm hơi mạnh của trời bể mênh-mông.

Cái đất xây lên những lâu-đài tráng-lệ đó, nào đã được chắc-chắn gì đâu. Nền dưới là những đồi cát cả, chửa kiên-cố gì. Hiện còn phải ra công ngăn-giữ lấy, chửa biết có được không.

Những khu nào chưa dựng nhà thì chung quanh chăng giây thép cấm chông, — thứ giây thép này là thứ thường dùng khi chiến-tranh để chăng các đường hầm-hố, nhưng nước Hòa-lan là xứ hòa-bình thì chỉ dùng để ngăn cho công-chúng khỏi dẫm vào các cây cỏ mọc ở đồi cát cho sau này cát đứng yên không di-dịch nữa.—Ngay men bể thì mới có những cỏ thơ-thớt ngẳng-nghiu. Vào trong một ít, đã có bụi cây to rậm. Vào trong xa nữa, thì thành rừng thật, cây cao rễ sâu, đất mới thật là vững-vàng. Nhiều nơi cả một thành-thị lớn, như thành *La Haye*, là dựng trên cát cả, mỗi lần đào sâu xuống hay làm đường ngầm cống ngầm thường thấy cát luôn. Trong khoảng tự *Haarlem* đến *Amsterdam* xe lửa chạy thường phải để ý cẩn-thận, vì đó là bãi cát xưa, đất chửa được thập-phần kiên-cố, vẫn còn phảng-phất sợ có sự nguy-hiểm.

Tuy-nhiên các công-trình để thu-hoạch lấy đất thêm vẫn thi-hành một cách quả-quyết lắm. Như trong vịnh *Zuyderzée*, hiện nay vẫn rút nước cho khô dần đi để làm đất ở, công-trình thật là vĩ-đại. Xem một việc «tát cạn bể khơi» đó thì đủ biết cái chí kiên-gan, cái tài kiến-thiết của người Hòa-lan mạnh-bạo là dường nào. Càng tăng thêm diện-tích trong nước, lại càng thêm cho nước một cái nguồn lợi lớn nữa. Cách sinh-hoạt của một phần trong dân-gian cũng nhờ đó mà thay-đổi đi. Lái được bể ra ngoài bao nhiêu thì bấy nhiêu dân thủy-thủ sẽ đổi làm dân canh-nông. Chài lưới bỏ một nơi, cày bừa đem ra dùng, mỗi đánh cá đổi làm phân bón ruộng, thuyền đi bể phá làm chuồng súc-vật. Nhưng trong con mắt người dân sau này, bao giờ cũng còn mơ-màng tưởng nhớ đến cái cảnh trời cao bể rộng mãi mãi.

Song dẫu không đi bể nữa mà xoay ra làm ruộng, nhưng có bao giờ là con mắt không trông thấy nước đâu, nước vẫn ở quanh mình cả, không phải là nước mênh-mông bát-ngát như ngoài khơi, mà là nước yên-ổn lặng-lẽ ở trong các ngòi các lạch.

Ngòi lạch thật là khắp mọi nơi, có thể ví như đường mạch máu của nước Hòa-lan cũng không phải là nói ngoa vậy. Thành *Amsterdam* ở giữa, mà

chung quanh kề hàng mấy vòng những sông ngòi bao-bọc. Lại thành *Rotterdam* thu-nạp những sản vật của bốn phương cầu đem lại, phân-phát mọi nơi, đều là nhờ các sông ngòi cả. Hàng-hóa vận-tải đi khắp trong nước cũng là bằng đường sông cả. Đường bộ thật là ít dùng đến. Việc giao-thông trong nước là bằng từng dẫy « sà-lan », thường thấy đi từ-từ ở giữa các sông các lạch. Gặp năm nào mùa đông lạnh quá mà các đường nước đóng vảng cả, thì sự sinh-hoạt trong nước như bị đình-đốn hết.

Lại nhờ các sông ngòi mà đồng-điền được tươi-tốt. Trông cánh đồng bát-ngát, chỉ thấy những đường nước chạy dọc chạy ngang, chia ra từng khu, tầm-tưới khắp cả. Có nước thấm-nhuần, đất được mầu-mỡ, ruộng cỏ xanh tươi, vườn - tược rực-rỡ. Nghề dẫn-thủy nhập điền ở đây thật là tinh-xảo vô-cùng. Các đường sông ngòi sửa-sang, sắp-đặt, trông nom, lợi-dụng thế nào, đã đặt thành chuyên-cục, định rõ phép-tắc, phân-minh tinh-tế vô-cùng. Phải cần đến kinh-phí nhiều, tài-học rộng, máy-móc cho khôn-khéo, coi-sóc cho kỹ-càng. Thậm-chí những cái cối say gió cũ, ngày nay không dùng để say lúa nữa mà dùng để làm máy kéo nước lên, thành ra tình-cờ cũng được một phần việc trong cái chương-trình kinh-tế của quốc-gia.

Sông ngòi không những dùng để chuyển-vận hàng-hóa, hay để tầm-tưới ruộng đất mà thôi. Lại giúp được cả cho việc địa-chính nữa. Điền-sản thường lấy sông ngòi làm giới-hạn. Không phải đắp bờ đặt lũy, chôn mốc cắm cọc gì nữa. Cái ngòi hay cái lạch là đủ rồi. Giống vật khôn-ngoan, thường biết đến đấy là hết ruộng hay hết đất của chủ mình, không hề có lội qua bao giờ, thật là biết tôn-trọng của kẻ khác, có thể làm gương cho người vậy.

Cách phân địa-giới bằng ngòi-lạch như thế, làm cho cảnh đồng-điền bằng-phẳng một màu. Cực-mục chỉ thấy đồng-bằng bát-ngát, không có một cái gì khả-dĩ lưu con mắt lại, chỉ thỉnh-thoảng có chiếc buồm như từ-từ theo ngọn gió mà đi trong giữa cánh đồng vậy. Mặt đất thẳng-băng, đi cho cùng thì liền với mặt bể, có khi trông thấy nước bể thấp thoáng đàng xa. Đất với nước cùng ngang bằng nhau, hình như lúc nào cũng giao-tiếp với nhau vậy. Cái cảnh đó tức là tóm-tắt cái cuộc sinh-hoạt của nước Hòa-lan, sinh-hoạt một cách bình-thường, bằng-phẳng, mà kiên - nhẫn, cần - cù, cứng - cỏi, gan-góc, ở giữa khoảng trời nước giao nhau. . .

**Nước Hòa-lan là một xứ mĩ-thuật**

Ta đã phác-họa qua mấy cái cảnh-tượng nước Hòa-lan ngày nay. Nhưng nếu không xét qua về nước Hòa-lan ngày xưa, thì không thể hiểu được hết. Mà nước Hòa-lan ngày xưa thì còn cái hình-ảnh nào rõ-rệt bằng hình-ảnh của các tay mĩ-thuật trứ-danh nước ấy truyền lại ? Vậy thì ta cũng nên đi dạo qua mấy nhà bảo-tàng có tiếng của nước ấy, người Hòa-lan thường lấy làm tự-cao, mà thật cũng là đáng lắm ; ta vào xem các nơi ấy không phải là đem con mắt nhà phê-bình để thưởng-thức, nhưng chỉ lấy con mắt khách du-lịch mà thu-quát lấy cái đại-thể để cho rõ cái dây liên-lạc đời xưa với đời nay vậy. Xem qua như thế kể cũng đã thu-hoạch được nhiều rồi, vì ai là chẳng biết nước Hòa-lan là một xứ mĩ-thuật rực-rỡ.

Vào giữa hồi nước ấy đương toàn-thịnh về đường vật-chất, giữa hồi tầu-bè đương dọc ngang trên các bể, các nhà ngân-hàng đương chi-phối cả thương-nghiệp của Âu-châu, những kẻ thợ-thuyền đương đứng đầu cả công-nghệ, những tay chính-trị đương chiếm

địa-vị cao trong quốc-tế, các chúa Hòa-lan đương đối-đãi một cách bình-đẳng với những bậc đế-vương rất biền-hách của Âu-châu, giữa lúc ấy thì trong nước có một phái họa-học rất tài-tình, rất rực-rỡ, làm huyễn-diệu cả thế-giới đương-thời, cổ-lai thật cũng ít có vậy. Các nhà Bảo-tàng trong nước ngày nay còn lưu-trữ được nhiều những bức danh-họa, xem thật là khoái-trá tinh-thần, và đủ chứng cho cái cảnh-tượng sán-lạn đương-thời.

Vẫn biết rằng mĩ-thuật Hòa-lan không phải chỉ có một nghề họa mà thôi, các sở Bảo-tàng còn nhiều những đồ-vật quí nữa, đủ lộ cái tài của các nhà mĩ-thuật Hòa-lan trong khắp các nghề, tỉ như đồ sứ *Delft*, có một cái phong-vị cổ-thời rất khả-ái. Ngay những bức họa ở các nhà Bảo-tàng, cũng có nhiều bức không phải là tự tay các họa-gia Hòa-lan vẽ ra; có nhiều bức của Tĩ-lợi-thì, của Tây-ban-nha, của Pháp. Song tuy đó toàn là những danh-họa cả, có bức độc-nhất vô-nhị, không đâu có nữa, nhưng khách du-lịch đến đây không phải chủ-ý xem cái mĩ-thuật ngoại-quốc đó, mà cốt là xem cái mĩ-thuật cố-hữu của nước Hòa-lan vậy.

Mĩ-thuật này là hình-ảnh nước Hòa-lan đời xưa, còn lưu-truyền đến nước Hòa-lan đời nay: hình-ảnh này bày ra khắp từng dẫy dài, khách du-lịch không thể dời con mắt đi được. Nước Hòa-lan ngày xưa phản-chiếu ra đó đủ các hình-trạng, đủ các cảnh-sắc. Ruysdaël thì vẽ các tầu buôn, cảnh mây cảnh bể; Hobbéma thì vẽ các phong-cảnh đồng-điền; Cuyp và Potter vẽ các giống vật; Van Ostade và Vermeer ở *Delft* thì vẽ các cảnh gia-đình, Vermeer tài nhất có một thứ mầu xanh da trời, tuy dùng luôn một kiểu hơi như thành sáo, nhưng coi rất là ngoạn-mục. Song đó mới là cái khung bên ngoài mà thôi, đẹp thì đẹp thật, nhưng toàn là vật ngoài cả. Muốn biết ngay đến người là chủ-động của các vật ở ngoài, muốn biết những người ấy tư-tưởng, hành-vi, tạo-tác thế nào, muốn biết cái tâm-hồn của dân-tộc này phản-chiếu ra hình-ảnh mấy nhân-vật tiêu-biểu nhất, thì phải xem đến những bức họa của hai bậc tôn-sư trong nghề họa, hai tay tuyệt-luân trong làng mĩ-thuật Hòa-lan, đã làm cho danh-giá mĩ-thuật ấy truyền khắp thế-giới, là Rembrandt nổi danh ở thành *Amsterdam* và Franz Hals, nổi danh ở thành *Haarlem*.

Muốn xét cho kỹ cái tinh-thần từng nét bút của hai nhà ấy, thì phải đến mấy ngày mấy tuần mới được. Phải dừng lại từng bước ở trong các gian nhà Bảo-tàng này là nơi ghi chứa những cái kỷ-niệm rất tiêu-biểu của một dân-tộc, phải ung-dung thong-thả mà xem từng bức một, mỗi bức xét kỹ từng phần, nhận rõ từng nét. Nhất là không nên bắt-chước những khách du-lịch Mĩ kia, đi từng bọn, cứ chiều theo mục-lục bức nào có kê tên thì kéo ồ lại xem, giở sách chỉ-nam ra đọc, hay nghe người chỉ-dẫn cắt nghĩa, còn những bức khác thì đi lượt qua đi, không thèm nhìn đến nữa. Không biết rằng trong những bức bình-thường đó mà biết để ý nhận kỹ, có lắm cái thú-vị, lắm cái đặc-sắc không ngờ. Có khi đối với những bức đã nổi danh lộng-lẫy, mình lấy làm thất-vọng, mà nhận được một bức nhỏ khác đủ làm cho mình khoái-trí để bù lại.

Tôi xin thú thật rằng những bức trứ-danh như bức « Đi tuần đêm (*La Ronde de nuit*) của Rembrandt, tôi lấy làm thất-vọng. Cách bài-trí có cái vẻ khoa-trương, coi đã không thú rồi; đến cách vẽ thì tuy kết-cấu khéo, các nhân-vật chính biểu-lộ ra rõ-ràng, chỗ sáng chỗ tối điều-hòa, nhưng xem ra

nét bút không được phân-minh, cứng-cáp, giản-dị mà thanh-tao, thi-dụ như bức « Bài học giải-phẫu » (*La Leçon d'anatomie*) vậy. REMBRANDT hồi bấy giờ đã không còn cái lửa nhiệt-thành lúc tuổi trẻ nữa, tay đã sành nghề lắm, lối vẽ đã hơi như thành sáo rồi. Tự biết rằng mình sở-trường về lối « nửa sáng nửa tối », nên có ý lạm-dụng. Đối với những bức xảo quá đó, tôi lại ưa những bức vẽ hình người theo mầu sẫm, như có cái khí nóng-nẩy mà biết đè-nén xuống, chỗ nào đen thì đen sẫm, chỗ nào trắng thì trắng toát, có vẻ lực-lưỡng mà như biết điều-hòa hạn-chế, tưởng còn nẩy-nở được ra lắm cái tuyệt-xảo tuyệt-mĩ hơn nữa.

Tôi lại thú thật một điều nữa : xưa nay vẫn công-nhận REMBRANDT là lãnh-tụ tuyệt-luân của phái họa-học Hòa-lan, không còn ai dám dị-nghị nữa ; vậy mà về phần riêng tôi thời tôi lấy làm khoái-trá nhất không phải là những bức danh-họa của REMBRANDT mà chính là những bức kỳ-họa của FRANZ HANS hiện nay bày ở sở Bảo-tàng thành *Haarlem*. Tôi đứng trước những bức vẽ hình các ông trùm các phường, các ông trưởng các hội, mà tôi tưởng-tượng như trông thấy trước tôi mắt nước Hòa-lan về thế-kỷ thứ 17, đương buổi trong nước vẻ-vang, người dân lạc-nghiệp.

Xem những bức đó thì biết cái tính tự-nhiên của nhà mĩ-thuật, cái vẻ đậm-đà, cái khí hăng-hái, lại thêm cái tài trước-sắc thật là phong-phú vô-cùng. Nào là mầu đỏ mầu đen, lại mầu trắng sóa, xanh thì xanh dịu-dàng, vàng thì vàng rực-rỡ, xám thì xám phơn-phớt, bấy nhiêu sắc đấu lại điều-hòa, coi thật là sướng mắt. Lại quần áo bóng-bẩy, pha-lê trong suốt, gươm giáo sáng quắc, băng đeo bóng lộn, cờ-sí phấp-phới, bút nào mà tả cho được ? Lại tả làm sao được cái nét mặt hiền-nhiên như hệt, tưởng như người thật đứng trước mắt vậy.

Các bậc trưởng-giả vẽ ra đó không phải có vẽ tôn lên chút nào. Bình-thường cử-chỉ thế nào, hành-động thế nào, dáng-cách phong-lưu hay thô-tục thế nào, hình-dung ra như hệt, nào là khi bạn-bè họp chuyện, khi quây-quần yến-ẩm, con mắt lấp-lánh, nét mặt sáng-sủa, kẻ thì sắp-sửa cắt miếng thịt trông ra dáng ngon lành lắm, kẻ thì nghiêng cái cốc không để bảo rót rượu thêm, trông như hệt cả. Họa-gia không những tả cái cách cử-chỉ bề ngoài mà lại hình như là trông suốt được cả tâm-lý của các nhân-vật đó nữa. Tâm-lý ấy hình-dung ra nét bút khiến cho ta trông tranh mà hiểu được người. Ta biết rằng những người ấy là những người cẩn-trọng nghiêm-trang, lúc vui-vẻ cũng như lúc bình-thường, khi giải-trí cũng như khi làm việc, vẫn không sai cái thái-độ cẩn-nghiêm đó. Họ ngồi chuyện-trò yến-ẩm ở đây thế nào, thì họ ngồi ở bàn giấy họ, ở xưởng thợ họ, ở thương-cục hay ngân-hàng của họ cũng thế. Nói tóm lại, đó là cái hình-ảnh chân-chính của cả một xã-hội, cả một thời-đại, cả một dân-tộc, nhờ ngọn bút tài-tình của FRANZ HANS mà truyền đến thiên-cổ vậy.

Cứ như thiển-kiến tôi, thì trong hai tay danh-họa Hòa-lan, REMBRANDT có thâm-trầm hơn, có tư-tưởng hơn, có triết-lý hơn, nhưng FRANZ HANS thì có sinh-hoạt hơn, có đặc-sắc hơn, có mãnh-liệt hơn. Một người thì thần-trí cao-siêu, nghệ-thuật nghiêm khắc, một người thì con mắt sáng-suốt, ngọn bút tự-nhiên. Một người thì nét vẽ có thế, một người thì nét bút tự-do. Một người thì biết hạn-chế mình như cầm như nén được cái sức mạnh lại, một người thì bộc phát cả ra ngoài, không

gin-giữ gì. Một người thì có cái vẻ duy-nhất hơn, một người thì có cái tài uyển-chuyển hơn. REMBRANDT là họa-gia của một nước Hòa-lan trầm-trọng cần-nghiêm, đốc lòng tín đạo ; FRANZ HANS là họa-gia của một nước Hòa lan hoạt-động buôn-bán, giàu-có khoái-lạc. Một người thì có cái tính-cách phổ-thông hơn, một người thì có cái tính-cách quốc-gia hơn. Nay ta đến xem những bức danh-họa của xứ này là chủ-ý tìm lấy cái hình-ảnh chân-chính của nước Hòa lan, thì sao ta lại không đành bỏ cái thứ-tự đã định xưa nay mà trong hai tay lãnh-tụ nghề họa đó nên thiên-trọng người đã đem hết tài hết khéo tả được rõ cái tâm-lý của dân-tộc mình ?

**Nước Hòa-lan là một xứ hòa-bình**

Nay đã xem về hiện-tại, về quá-khứ rồi, nên xoay nhìn về tương-lai. Nước Hòa-lan đã có cái lịch-sử vẻ-vang phong-phú như thế, lại có cái tiền-đồ cũng lớn-lao rực-rỡ chẳng kém gì. Đã mấy mươi năm nay, nước ấy thành một nơi trung-tâm của chủ-nghĩa « trọng-tài » (*la métropole de l'arbitrage*). Từ khi nước ấy được cái danh-dự vạn-quốc chọn nơi kinh-đô để đặt tòa « Quốc-tế tài-phán thường-trực-viện » (*Cour permanente de justice internationale*), là một tòa án để cho các nước đem những việc phân-tranh đến mà thưa kiện như người thường-dân vậy, thì nước ấy dần dần thành một nơi chủ-trương cuộc hòa-bình bằng công-lý.

Mà cứ thực ra, một cái chế-độ hay như viện Quốc-tế-thẩm-phán đó, chan-chứa những cái hi-vọng tốt về sau này, tưởng không còn chọn đâu được một cái hoàn-cảnh thích-hợp với tinh-thần mục-đích bằng ở chốn này nữa. Không có nơi nào có cái vẻ bình-tĩnh bằng ở đây, không có nơi kinh-đô nào là có được cái khí-vị lặng-lẽ để mưu - tính những công cuộc hòa-bình bằng ở đây. Thành *La Haye* thật là một chốn thiên-định để cho vạn-quốc đến đấy mà giảng-hòa với nhau. Kỳ hội-nghị năm 1899 họp ở một cái nhà gỗ tĩnh-mịch, hội-nghị năm 1907 họp ở nơi gọi là « Võ-sĩ-đường » (*Salle des Chevaliers*), có vẻ nghiêm-trang tráng-lệ, hai nơi ấy ngày nay con giữ lâm chốn kỷ-niệm cho cái chủ-nghĩa hòa-bình. Vào đến trong thành *La Haye* còn như tưởng-tượng đến những người dạ cả tri cao đã hết lòng tuyên-truyền cái chủ-nghĩa « trọng-tài » trên thế-giới, như những bậc LÉON BOURGEOIS, LOUIS RENAULT là những người Pháp đã quá-cố đi rồi mà còn để tiếng thơm cho nước mãi mãi. Nhiều những việc phân-tranh rất khó-khăn nguy-hiểm mà đến đây cũng giải-quyết được êm-thấm cả. Nhiều vấn-đề quan-trọng giá trước kia phải dùng đến chiến-tranh mới giải được, mà đem đến đây cũng có thể điều-đình được xong. Ở chốn này biết bao nhiêu lần cái họa chiến-tranh đã phải thoái-bộ ở trước vị thần công-lý. Hội Vạn-quốc đặt ra tòa Quốc-tế-thẩm-phán để làm cái cơ-quan hòa-giải trong vạn-quốc, đã nhiều lần được việc lắm, tưởng không đặt vào đâu có cái không-khí thuận-hòa bằng ở đây.

Lại cái nhà họp tòa Thẩm-phán, đặt tên là « Hòa-bình-điện » cũng là xứng-đáng lắm. Cái tên ấy, cái lịch-sử ở chốn ấy, cái dấu-vết những việc đã xảy ra ở đấy, thực đủ làm cho nơi cung-điện đó có cái tính-cách một nơi tòa án của thế-giới. Kiến-trúc theo kiểu *flamand*, tường xây bằng gạch đỏ, mái rộng tháp cao, chung quanh có vườn rộng, lối đi thẳng - băng, bãi cỏ ngay-ngắn-dẫy hoa bằng-bặn, bụi cây vừa rậm, rạp um-tùm mà vừa sửa-sang chỉnh-đốn, mọc lên từng chùm chíu-chít những hoa tử-vệ, hoa trúc-đào, hoa thạch-lựu. Ở trước điện thì có một bãi cỏ xanh ngút-ngát, hai bên hai dẫy

hoa tú-cầu sắc đạm. Đàng sau thì những cổ thụ cao lớn ùm-tum như rừng. Một bên thì có một trại hồng nức mùi thơm giống nào trồng riêng giống ấy, thành từng đám đỏ, đám vàng, đám hồng, đám trắng, chạy dài trên bờ một cái hồ nước mát kiểu Nhật-bản, trong có thả sen.

Hoàn-cảnh bên ngoài thì như thế, mà cách sắp-đặt bên trong cũng thích-hợp lắm. Điện này dựng lên là nhờ nhà triệu-phú nước Mĩ ANDREW CARNEGIE xuất tiền ra giúp, còn cách bày-biện, cách trang-sức thì là do mỗi nước giúp vào một phần, nào là tượng đồng tượng đá, nào là tranh vẽ thảm thêu, nào là gấm vóc, nào là đỉnh lọ, các thứ gỗ quí cho đến cả những bồn nước vĩ-đại nữa. Các gian, các phòng, các lối đi lại, đều có cái vẻ nghiêm-trang quảng-khoát cả. Sàn lát bằng cẩm-thạch, cột đứng cao chót-vót, thang đi rộng thênh-thang. Vào đây tưởng như vào một nơi đền thờ, mà thật đối với những người sùng-trọng công-lý, há chẳng phải là một nơi đền thờ công-lý đó dư ?

Trong đền này, nơi chính-điện là chỗ họp viện Thẩm-phán, chỗ này là một gian hình chữ nhật, trên có cuốn, lại có kính ngũ-sắc cho ánh sáng vào, coi hệt như một nhà thờ đạo. Trong cùng có cái bệ cao, đặt bàn ghế cho các quan Thẩm-phán ngồi. Có bao-lơn bọc chung quanh, ngay bên dưới là chỗ các viên tốc-ký và viên phiên-dịch ngồi, vì các lời cãi phải dịch ra tiếng Pháp và tiếng Anh cả. Ở giữa, đối-diện với quan chánh thẩm-phán, thì cái bàn của nhà diễn-thuyết. Còn hai bên tả-hữu là bàn của phái-viên các nước. Đàng sau có một chỗ hẹp để cho công-chúng ngồi.

Người đến xem đấy kể nhiều hạng lắm : nào là các nhà báo vì chức-nghiệp mà phải đến, nào là học-sinh trường Quốc-tế-luật-học, nào là khách du-lịch ngoại-quốc đến xem một cái cảnh-tượng mới, lại cũng có một hạng khách quen, phiên nào cũng đến như các tòa án thường vậy. Cạnh cô tóc ngắn để theo « mốt » mới, có bà tóc bạc quấn theo lối cũ ; ông thì mặc lễ-phục nghiêm-trang, ông thì mặc áo thường du-lịch, cái quần thẳng nếp ngồi cạnh cái tất dòng-dọc. Một đám người tạp như thế, mà ngồi im phăng-phắc, yên lặng-lặng, như có ý tôn-trọng kính-cẩn. Không có ồn-ào bao giờ, không có xảy ra sự gì phạm đến trật-tự, không có lộ ra ý gì là kích-động quá : cứ yên-nhiên bình-tĩnh như không vậy.

Cái vẻ bình-tĩnh ấy lộ ra cả trên mặt các quan thẩm-phán. Lúc các ngài vào thì đi từ-từ, có uy-nghi lắm, mặc áo quan tòa sắc đen giản-dị, vành áo cũng bằng nhung đen, chỉ có mấy đường thêu bằng « đen » trắng là tỏ ra có trang-điểm một chút nhẹ-nhàng mà thôi. Các ngài ngồi một cách ung-dung tự-nhiên, ghế ngồi làm thứ gỗ sáng mầu, đệm bằng da vàng, đặt chung quanh một cái bàn giải thảm xanh, những hồ-sơ bút-lục để trên đó. Quan Chánh Thẩm-phán cầm cái búa nhỏ đập xuống bàn để ra hiệu khai hội-đồng, rồi mời nhà diễn-thuyết đứng lên nói. Diễn-giả khi thì là một bậc giáo-sư mặc phẩm-phục đỏ chói-lọi, khi thì là một nhà biện-hộ mặc lối áo đen của thầy kiện, khi thì là một viên quan-lại mặc áo « gia-két » thường, khi thì là một viên quan tòa Anh còn đeo tóc giả theo lối cổ. Trong khi đương nói thì không có một tiếng động nào, không ai nói ngắt lời bao giờ.

Các quan Thẩm-phán, mỗi người có một dáng ngồi riêng, ai nấy đều chú-ý nghe mà không lộ ra nét mặt cái cảm-giác thế nào. Người giống nào, trên nét mặt như in cái phong-thái đặc-biệt của giống ấy, nhưng nhìn con mắt mỗi

người đều có cái vẻ thành-thực cẩn-trọng, biết cái trách-nhiệm mình là trọng và dốc chí muốn làm cho trọn. Nhận kỹ cũng thấy thỉnh-thoảng như vô-ý có cử-động ra ngoài, hoặc mỉm cười một chút, nhưng chỉ thoảng qua rồi lại bình-tĩnh như thường. Các vị này thật đã có cái đức điềm-nhiên bất-động, là cái tư-cách yếu-cần của những nhà có trách-nhiệm đem oai-quyền của pháp-luật mà dẹp những sự phân-tranh của Liệt-quốc.

Hoặc khi vào phòng thảo-nghị, có biện-luận hăng-hái, cũng có khi đến phản-đối lẫn nhau, thì đó là tỏ ra cái bụng nhiệt-thành của mình muốn làm hết bổn-phận cho xứng-đáng.

Nhưng ra giữa hội-đồng, ngồi trước công-chúng, thì dù trong lòng thảo-luận thế nào mặc lòng, không hề lộ ra ngoài mặt một tí gì, tỏ cho người ngoài biết rằng đã đem thân phụng-sự công-lý thì trong khi tìm kiếm cho ra lẽ phải, ai nấy đều một lòng một dạ như nhau cả.

Các vị thẩm-phán đây là người khắp các nước, chủng-tộc đã khác nhau, giáo-dục cũng không giống, vậy mà ra ngồi chỗ hội-đồng tự-nhiên bày ra một cái gương đồng-tâm hiệp-lực để cùng nhau thực-hành một cái công-nghiệp có ích-lợi chung cho cả các dân các nước, đó cũng là một cái cảnh-tượng đáng cho ta cảm-động vậy. Nước Hòa-lan được cái danh-dự làm nơi hội-họp cho các vị thượng-đẳng thẩm-qu n đó, là những người có quyền tuyệt-đối chung-thẩm các việc quốc-tế, tự đặt mình ra ngoài vòng hiềm-thù ghen-ghét, tự-kỷ tự-phụ, mà đứng lên để tiêu-biểu cho công-lý vạn-quốc, nước Hòa-lan được cái danh-dự đó, há chẳng đáng tự-cao lắm dư?

HỒNG-NHÂN *dịch*

# PHẠM THẾ-LỊCH TIÊN-SINH TRUYỆN
## 范世歷先生傳

Ông họ Phạm, húy Thế-Lịch, hiệu Trác-phong, người xã Quần-mông, nay đổi Lạc-quần, huyện Giao-thủy, phủ Xuân-trường, tỉnh Nam-định. Cha là Phạm Đình-Kham, làm thuốc, ai đưa bằng nào thì lấy, không có đòi tiền ai; mẹ là Mai Thị-Duyên, một hôm đi chợ bán gạo, khi về chợ, trời đã tối, qua xứ Cồn-mồng thuộc xã Hội-khê, nghe văng-vẳng có tiếng đọc sách ở trên cây đa, đứng dừng lại nhìn lên thì không thấy ai cả, bụng cứ hồ-nghi không biết rằng thần-thánh hay là ma-qui, hay tự tại minh hoảng-hốt, mà tưởng-tượng như vậy chăng, ngày nào đi chợ cũng về qua lối ấy, thử xem duyên-cớ làm sao, thời cứ tối đến vẫn nghe tiếng đọc sách như hôm trước, lạ thay có tiếng mà không có người. Được ít lâu có thai. Tự khi sinh ra ông, cây đa chỗ ấy không nghe thấy tiếng đọc sách nữa. Bấy giờ có câu rằng: « Ai cho vạn họ Quần-mông, sao mà dám rủ thần-đồng Hội khê! »

Ông sinh ngày mồng ba tháng mười năm tân-hợi triều Tây-sơn, niên-hiệu Quang-trung, tây-lịch 1792, ông mặt chữ *dụng* 用, trán lớn, mũi cao, tai to mỏng như tờ giấy, miệng rộng, nói như tiếng chuông, cái xương cùng dài gần một tấc, thường hay ngồi xổm. Khi lên bảy tuổi học đâu nhớ đấy, ai cũng khen là thần-đồng. Đến năm mười bốn tuổi nghe tiếng xã Hà-lạn trong tổng-hạt, đệ-niên đầu tháng xuân có lệ khảo thi học trò ở trong làng, ông đem bút giấy đến xin dự-thí; ra bài phú « *Nhật trung vi thị* 日中爲市 », nghĩa là giữa ngày họp chợ; ông cất bút viết ngay, huynh-thứ và các người văn-sĩ đều thán-phục là đại-tài.

Người trong làng có ông Mai Công-Kỳ làm chức hương-trưởng, sinh được bảy trai, hai gái. Kỳ quí con gái hơn con trai, con nhà giàu trong làng đến hỏi không gả, nói: « Ta hiếm-hoi có hai người con gái, hễ ai học hay chữ thì ta gả, không kể giàu nghèo. » Sau nghe tiếng ông học giỏi, gọi gả cho người con gái lớn, còn người em thời gả cho ông Mai Khắc-Mẫn là người cùng làng. Năm Gia-long thứ sáu, tây-lịch 1807, nghe tin nhà vua bắt đầu mở khoa thi, đâu đấy học trò văn bài nô-nức. Ông bèn chỉnh-bị hành-lý, cặp sách túi đàn, đến làng Hoài-bão huyện Tiên-du, nghe tiếng cụ Nguyễn Hữu-Bảo (đỗ thứ nhất triều Cảnh-hưng nhà Lê khoa đình-dậu), xin vào nhập-môn, chí học quyết-khoa. Không may khoa ấy gặp phải đình-gian, bèn ở nhà tang cha ba năm, theo như cổ-lễ. Trong làng ai cũng khen có hiếu-hạnh. Xong tang lại đi tìm thầy học, nghe làng Bột-thượng huyện Hoằng-hóa tỉnh Thanh, có ông Lê Huy-Du đỗ tiến-sĩ triều Lê Chiêu-thống, là bậc đạo-đức văn-chương, thiết-trường ở làng Trà-lũ, bèn theo đến học, văn-chương nổi tiếng, đáng tài khôi-nguyên. Năm ấy khoa ất-mão triều vua Gia-long, chiếu ông Lê Huy-Du ra giám-thí trường Nam, quyển thi của ông trúng ưu-hạng nhất, duy đái-khoản viết không hợp cách bị truất-lạc; sĩ-phu ai cũng tiếc thay, đổ lỗi cho ông Lê Huy-Du chấm quyển không tinh, thầy đánh hỏng học trò, nhân gọi là «Bột-tinh gia-thế», ý trỏ người làng Bột-thượng; (sao Bột là một vị ác-tinh) Bấy giờ có bài văn-tế sao bột-tinh, trích biên sau này:

« ...*Vào trường Nam giám-thi, ngồi*

*võng đào bỏm-bẻm vuốt râu dê; ra cửa Ất xướng danh, giữa ghế chéo cù-dù thu giáng chuột.... Khách Đông-hải hợp chơi cùng Nam-hải, văn nhương-tinh đều thảo một thiên; đoàn tai-tinh theo cả buổi thần-tinh, rượu tiêu-độc gọi là mấy giọt... »*

Ông Du nghe học-trò có ý oán minh, bảo rằng: « Khoa-danh có phận, có người văn hay mà viết không hợp cách thì cũng hỏng, đó là tự trường-qui nghiêm-ngặt như vậy, chứ có phải là chấm văn không tinh đâu. Thôi các thầy cứ về chăm học chẳng đỗ khoa này để dành khoa sau ».

Ông khi hỏng thi về tự-thân văn-chương bạc-mạnh, có ý chán-nản việc khoa-cử. Một hôm ông nhạc-phụ đến chơi ủy-dụ rằng: «Học tài thi phận, học như anh mà không đỗ cũng nên đổi nghề khác, hay là xoay ra làm lý-trưởng mỗi năm được mấy mẫu ruộng bồng, cũng đủ phong-lưu, việc gì phải đeo-đẳng mãi cái nợ lều chiếu cho mệt, mà chẳng có ích gì. » Khuyên bảo hai ba lần không nghe. Đáp rằng: «Ông nói như vậy chả bỉ tôi lắm dư! Chẳng đỗ khôi-nguyên thì chớ chứ tôi lại chịu làm tuồng lý-dịch hay sao! »

Lúc ấy trong nhà thanh-đạm, hỏng thi đã vậy, lại nhiều điều khó chịu. Trong làng nay họ thu tiền công-tiêu, mai họ thu tiền công-dịch, chưa lo kịp, người khán-thủ đến bắt cả xanh nồi và đồ vật. Nghĩ đến nông-nỗi nhà nho, lòng càng uất-ức. Năm ấy khoa tân-mão triều vua Minh-mệnh năm thứ hai, đi thi lại hỏng lần nữa. Em rể người cùng làng là Mai Khắc-Mẫn đỗ cử-nhân, về làng mở tiệc khánh-hạ, giết trâu bò, mời làng nước đến chén, mà nhà mình cùng với nhà ông Mẫn cùng một xóm, nhục với người ngoài đã vậy, lại nhục với anh em rể nữa, chỉ nằm đắp chăn thở dài, tự nghĩ mình học không kém ai, mà công-danh lạo-đảo con tạo thực cũng trêu ngươi; có tài mà chẳng nên tài, gương vàng dưới nước dễ ai biết mình; bực mình thì chớ, lại bị phu-nhân chọc tiết trêu gan, nói những điều cay như ớt; hôm ông Mẫn khai-hạ, phu-nhân gọi con gái bảo rằng: « Mày sang nhà dượng cử, xin bát xáo trâu cho thầy mày ăn cơm! » Ông bực lắm, nhưng không nói ra, muốn tìm nơi xa để học-tập, kẻo ở nhà ngày nào lại phải ngậm đắng nuốt cay ngày ấy. Định bước chân ra đi, nhưng nhà không có tiền, bất-đắc-dĩ phải sang nhà chú họ mượn được sáu mươi đồng tiền kẽm, đi đường bộ ba ngày, nào tiền đò, nào tiền cơm hàng, chỉ có bấy ấy, liền nghĩ cách thế nào cho đủ được. Ngày thứ bốn mới đến thành Thăng-long, thì trong lưng không còn đồng nào cả, lúc ấy nghe tiếng quan nghè Hoa-đường, thức là cụ Phạm Quí-Thích hiện Lập-trai, đương chức Đốc-học, danh-sĩ đến học cũng đông, bèn vào yết-kiến xin nhập-môn. Cụ ngồi trong màn nhìn ra thấy quần áo rách-rưới hỏi: — Anh quê ở đâu, nhà có đủ ăn không?

— Bẩm con nhà nghèo, quê ở xã Quần-mông tỉnh Nam-định.

Cụ khen người có chí, và hỏi:

— Nhưng nhà nghèo lấy gì mà vận lương đi học?

— Bẩm con vào hầu thầy, rồi con phải đi tìm chỗ tự-lương.

Nói xong cáo xin ra ngoài, may được anh em bạn tìm cho chỗ ngồi ở ngay thành-phố, bảo được năm sáu đứa trẻ, cũng khỏi phải tốn lương nhà.

Khi vào học hơn một năm mà không biết mặt thầy, vì ngài đã gần bảy-mươi tuổi yếu chịu rét, nhiều khi mùa hạ cũng mặc áo bông, vẫn nằm trong màn không mấy khi ra ngoài. Lúc chấm văn cho học trò, cử người

tiếng tót bình lên, câu nào đáng khuyên đáng điểm, bài nào đáng ưu đáng bình, chỉ lấy miệng chấm mà thôi. Học ngài vừa dùng một năm, văn bài ông đã nức tiếng. Đến năm sau nhà trọ sa-sút, không lấy gì mà rước thầy được, bèn mất chỗ tư-lương. Nhân đi đến Bắc-thành, gặp quan Thú-úy họ Lê, người Trà-nam tỉnh Bình-định, ra làm quan ở Bắc-thành. Nhân ngồi tiếp truyện, quan Thú-úy biết ông là người có học, liền rước về nhà dạy con. Lúc ấy nhà nho đã có bụng mừng, qua được hồi đen, gần đến ngày hanh-thân, trong bụng khoan-thư, văn-chương lại có phần linh-lợi hơn trước. Tuy ngồi bảo học ở đó, nhưng đến kỳ tập văn, vẫn đi bộ lên Hà-nội không bỏ kỳ văn nào.

Một hôm, nghe bình văn xong, cụ Phạm Quý-Thích gọi ông đến bên giường mở màn xem người thế nào rồi bảo ông rằng: « Tướng anh, văn anh ngày sau cũng có thụ-dụng, sách có chữ: « *thanh thắng ư lam* 青勝於藍 », anh có nhớ không? » Ý ngài bảo học trò có thể hơn thầy. Từ đó nức tiếng Đông-kinh, không ngờ Nam-hạ có tay danh-sĩ như vậy.

Năm ấy sắp đến kỳ hạch. Ông trở về Nam gặp Phan Bá-Vành nổi loạn ở hạt Nam. Vành nghe tiếng ông, định rước làm chủ-mưu, bèn đến dụ ông rằng: « Làm tài trai chí việc cung-đao, ruổi đường xe ngựa, để lập công-danh chỗ chiến-trường, hà-tất phải đoạt giáp tranh-khôi, khu-khu cái nghề khoa-cử, chả là tầm-thường lắm dư? » Ông tự nghĩ Bá-Vành là người chí to tài ít, không phải là bậc anh-hùng, chẳng qua những đồ châu-chấu đá voi, chẳng có ích gì cho dân cho nước, quyết-chí không theo. Nhưng từ khi gặp Bá-Vành thì cái lòng khoa-cử đã dần dần hôi-lạnh.

Ngày tháng như thoi đưa, cái chí-khí của thiếu-niên, cái sự-nghiệp của thiếu-niên đến bây giờ đã thành ra quá-độ thời-đại; bèn đi du-lịch sơn-thủy, tìm kiếm phúc-địa, có ý đại-hi-vọng sau này. Đến kỳ tỉnh hạch, ông không chịu nộp quyển, anh ruột là Phạm Đình-Khương nghĩ công em học tập bấy lâu nay, bỏ thời cũng tiếc, bèn nộp quyển thay cho ông, thành ra ông muốn cáo cũng không được, bất-đắc-dĩ phải ứng-hạch, trúng bình hạng. Khoa ấy năm mậu-tí triều vua Minh-mệnh thứ 9, ông đỗ Á-nguyên, cùng với ông Phạm Thế-Hiển người làng Luyến-khuyết, Phạm Chi-Hương người Đường-an, Đỗ Tôn-Quang người Gia-lộc, Phạm Sĩ-Ái người Trung-lập, Ngô Thế-Vinh người Bái-dương đỗ cùng khoa, đều là bậc danh-vọng.

Đến năm sau thi Hội ông liền đỗ Tiến-sĩ. Trước khi chưa truyền-lô, vua Thánh-tôn nằm mộng thấy ba ông phật Thế-tôn; lúc yết bảng vua thấy Phạm Thế-Hiển, Phạm Thế-Lịch, Ngô Thế-Vinh cùng vào chỗ điện-đình lĩnh mũ áo cờ biển, mới biết cái mộng ấy ứng-nghiệm, vua liền đọc rằng:

« *Thế-Lịch, Thế-Hiển, Thế-Vinh, tam thế đồng-khoa Vinh Hiển Lịch* 世榮世顯世榮三世同科榮顯榮 ». Rồi ban cho ba ông ăn yến. Khi về vinh-qui ông Hiển ông Vinh là người cùng tỉnh, về đến Vị-hoàng vào bái-tạ chỗ Hành-cung, tỉnh-thần sức bản-huyện các dân-xã phải đem cờ trống đến nghinh-tiếp tự tỉnh.

Thời ấy đỗ đại-khoa rất có giá-trị; lúc vinh-qui hàng tổng hàng huyện thân-hào đón rước, bông cờ rợp đất, tiếng trống vang trời, đàn ông đàn bà, người già người trẻ, nô-nức đến xem quan nghè mới, đông như đám hội.

Khi ấy có ông bạn là Phạm Văn-Uyển ở Nam-lạng huyện Trực-ninh mừng bài thơ quốc-âm rằng:

*Ba ông tam-thế hóa trên tòa,*
*Khéo rủ nhau vào đỗ một khoa;*
*Nhưng vậy bụt no nhờ có oản,*
*Chẳng thời bụt đói bụt ra ma.*

Ông cười đáp rằng:

*Có tu bụt mới hóa trên tòa,*
*Một tháng hai tuần diễn giáo-khoa;*
*Bụt vẫn ăn chay không sợ đói,*
*Bụt đâu có lẽ hóa ra ma?*

Ông về khai-hạ không bao lâu có chiếu lôi vào Kinh sung chức Hành-tẩu, kế thăng Hàn-lâm biên-tu, thăng tri-phủ Tư-nghĩa thuộc tỉnh Quảng-nghĩa. Khi tại quan, chính-lệnh khoan-giản, cũng đáng chức tuần-lương. Được một năm thăng chức Án-sát, liền thăng Bố-chính Bình-định. Nhân khi Lê Văn-Khôi người Gia-định, thủ-hạ quan Tả-quận-công Lê Văn-Duyệt giấy loạn ở Nam-kỳ, giết quan Tổng-đốc, cướp thành Gia-định, tự xưng là Đại-nguyên-soái. Vua sai quan Tổng-đốc Định-biên, Tổng-đốc Long-tường là Lê Phúc-Bảo và Tổng-đốc An-hà là Lê Văn-Cương, cùng đem quân đi đánh. Quan-quân qua Bình-định, ông thân sức điều-độ binh-lương, các việc đều được chu-tất. Bấy giờ hậu-quân là Lê Tôn-Chất can việc giặc Khôi, ông cùng quan Tổng-đốc tỉnh Bình-Phú là Vũ Xuân-Cẩn hội tra cái án ấy. Kết án xong nên rồi việc quan thường đi chơi ngoạn, cảnh. Tỉnh Bình-định có thành Đồ-bàn và mười cột tháp, nay đã mai-một ở trong đám cỏ, bóng tà-dương. Nào núi Vọng-phu, nào đồn Khố-sơn (Tây-sơn Đô-đốc đóng quân), nào lầu bát-giác (chỗ hậu-quan Vũ Tôn-Tính tử-tiết), nào đất Thị-dã (chỗ Nguyễn Văn-Thành đánh Tây-sơn), dấu cũ mờ rêu, biết hỏi ai là cố-lão; nhớ đến giống Hời nước Xiêm, hai nghìn năm gây dựng lên cơ-sở; vua Quang-trung tự-lập cường-thịnh như thế nào, hiển-hách như thế nào, đến nay thành ra khói lạnh tro tàn, nghĩ đến càng thêm ái-ngại. Cho nên dương lúc ông ở chỗ quan-trường, mà phú-quí công-danh coi như là cơn gió thoảng

Triều vua Minh-mệnh lệ định hai năm một lần sang cống Tầu, bốn năm một lần sang triều.

Năm thứ mười bảy, cống-lệ đã đến kỳ, ông được sung làm chánh-sứ. Nhân chữ *lịch* húy nhà vua nước Tầu, vua đổi tên là Phạm Thế-Trung. Ông Nguyễn Đức-Hợp, Nguyễn Văn-Mô làm phó-sứ, vào bái-mạng nhận đồ cống-vật ra đi. Đến cửa Nam-quan đi thuyền tới Ngô-châu, qua sông Tương, gặp tiết đoan-ngọ, ở đấy có lệ đấu-thuyền, và làm một chiếc thuyền rồng bày các thức bánh, buộc chỉ ngũ-sắc, chèo ra giữa sông, làm lễ điếu Khuất Nguyên, ông sai đậu thuyền lại xem. Rồi qua hồ Động-đình gặp gió nam nổi sóng to, thuyền không đi được, nghỉ lại xem cảnh, có đền đức Hộ-quốc đại-vương, trên treo bốn chữ « *Van-cổ an lan* 萬古安瀾 », người sở-tại nói đền rất linh-ứng; ông bèn sắm lễ vào lễ kỳ-yên. Xong rồi định chèo thuyền đi. Nhưng sóng hồ dữ-dội, lại gặp gió to, không đi được. Ông nói: « Lũ ta vâng lệnh triều-đình, hết lòng trung-tín, đi đến đâu cũng có giang-sơn a-hộ, nếu đi bộ thời sợ tri-lưu quân-mệnh, nghĩ sao cho đành. » Mới nói xong tự-nhiên trời trở gió bấc, thuyền kéo buồm qua hồ; da trời xanh biêng-biếc, mặt nước trắng phau-phau, thảnh-thơi thơ túi rượu bầu, sông Ngô bể Sở biết đâu là nhà. Đến Nhạc-dương nghỉ lại năm ngày, lên lầu nhìn xem phong-cảnh. Lầu ấy có ba tầng: tầng thứ nhất có tượng ông Lã Đông-Tân, thổi sáo cưỡi con hạc; tầng dưới có bia khắc bài văn của ông Phạm Văn-Chính, lời văn lưu-loát, nét chữ rất xương-kính; đó cũng là một nơi thắng-tích, triều trước các quan đi sứ đề-vịnh cũng nhiều.

Tự Nhạc-dương đi thuyền đến Hồ-bắc, thành Vũ-xương, dời thuyền qua cửa khe, thấy gần đó có đài của Gia-Cát cầu phong. Đài hai bên có tám cửa, tượng hai-mươi-tám ông sao, coi rất li-kỳ. Xem xong chèo thuyền sang bắc-ngạn, nghỉ ở chỗ công-quán đất Hán-dương, chỗ ấy là phụ-đầu to nhất ở nước Tầu, phố-xá liền như bát úp, thuyền tầu đông như lá tre. Chương, Quế các tỉnh, đường vào Yên-kinh tất phải qua những chỗ ấy. Từ đó lên thuyền đi bộ đến tỉnh Hà-nam, gần đất Quan-phong, thấy có từ-đường họ Lã, tầng-lâu điệp-các, xem rất nguy-nga, không kém gì phong-cảnh thành Phú-xuân, trong từ-đường thờ thần-tượng, sơn son thiếp vàng; tượng thời ngồi, tượng thời nằm, tượng thì chém ngang lưng, tượng thì lòi ruột ra ngoài. Thoạt coi ai cũng kinh sợ. Xem xong tìm vào Trịnh-châu, đi thuyền qua sông Hoàng-hà tới huyện Hoạch-gia tỉnh Trực-lệ.

Đến Yên-kinh nghỉ chỗ công-quán ba ngày, rồi vào Bộ-Lễ, diễn tập lễ-nghi, rồi vào bệ-kiến vua Tàu, dâng quốc-thư và cống-phẩm: vàng đúc vuông như hộp 200 phiến.

Bấy giờ đương triều vua Đạo-quang nhà Thanh. Vào triều, vua Thanh hỏi xuất-thân thế nào. Ông tâu ngọc-bệ: « Tiểu-thần xuất-thân tam-giáp Tiến-sĩ. » Vua Thanh hỏi điều gì ứng-đối hợp lễ, ngài ban khen, chế cho hai bộ triều-phục. Xong rồi bái-tạ ra sứ-quán, ứng tiếng công-văn dùng lối chữ Hán và chữ Mãn; các quan bồi-tụng đều dùng một người Mãn và một người Hán. Khi ban yến đủ đồ phẩm-vật: đồ yến bên Mãn như gà cá thì dùng cả con; đồ yến bên Hán thì dùng nem chả giò mọc, v. v... Lúc ăn yến xong, xỉa răng, người Tàu thấy ta nhuộm răng đen, cho lấy làm lạ, đều bưng miệng cười.

Lưu ở Yên-kinh hơn một tháng. Khi về, vào bái-mạng, vua thán-thưởng thăng chức quyền-biện Công-bộ sự-vụ. Bấy giờ bà Hoàng-thái-hậu lập đàn kỳ-phúc, mở khảo thi hòa-thượng: sai ông làm chánh-chủ-khoa. Các thầy tăng ứng-thi hơn 300 người, điểm quyển xong, tâu lên ngự-lãm. Vua hỏi: « Ngươi bình-nhật có học kinh Phật không? » Ông tâu: « Tôi có học, nhưng nhiều nghĩa huyền-vi chưa được tường lắm. »

Làm quan trải đến triều vua Thiệu-trị năm thứ 3, thăng chức Hộ-lý Hưng-hóa, tuần-phủ quan-phòng. Tỉnh ấy thuộc xứ Thượng-du, khống-chế ba mặt tiếp-giáp nước Tàu, dân-cư đều Mán, Thổ, Mường, Triều-đình xưa nay chưa kịp khai-hóa, nên phong-tục hãy còn nhiều lối dã-man. Ông cai-trị ba năm, đem nghĩa-lý hiểu bảo dần dần, thổ-hào đâu đấy đều tín-phục. Bấy giờ gỗ thiết chỉ để quan dùng, cấm không được bán trộm, ai phạm cấm phải tội tử. Người Tàu hơn 40 tên thiện-tiện chém trộm gỗ thiết chở đi, dân sở-tại bắt giải nộp tại tỉnh. Tổng-đốc Tam-Tuyên (Sơn-tây, Hưng-hóa, Tuyên-Quang) Nguyễn Công-Hoán (người Gia-định ghét quân khách to gan dám vào nước mình làm sự phạm-cấm; y luật nghĩ tội tử. Ông can rằng: » Gỗ chém rồi gỗ lại mọc, người ta chém đi không thể sống lại được nữa. Nếu bây giờ chúng nó kêu rằng lệ của Triều-đình chúng nó chưa được am-hiểu nay đã chót chém, chúng nó xin lỗi và giả gỗ bao nhiêu xin đền, ngài cứ luật xử tội, liệu đâu chúng nó ngài có thể đền được không? » Ông Hoán lặng ngắt, mật-tấu về Kinh; ông cũng mật tấu sự-trạng lên vua nghe. Cách 10 hôm có chỉ ra rằng: « Gỗ thiết là cấm-vật phải sung công-khố, người phạm thì nghị tội trảm-quyết. » Ông Hoán tuân lời chỉ-dụ, sai đem ra chém 40 người

khách. Ông nói: « Ngài tiếp được chiếu-chỉ, nhưng tôi đã tấu việc này rồi, mà nay chưa tiếp được chiếu-chỉ, xin ngài thứ-thả rồi sẽ chém. » Cách 2 hôm lại có chiếu ra rằng: « Phàm cấm-vật thời sung công, còn những quân khách nó có phạm tội thì sẽ cô-khoan một lần. Đến như tờ chiếu trước phải đệ trả Bộ. » Ông bèn gọi 40 người ấy ra biểu bảo rồi tha cho về; lũ ấy cảm tạ, đều vỗ tay reo rằng; « Sinh ra ta ấy là công cha mẹ, tái-sinh ra ta ấy là quan Phạm Trung-thừa! » Rủ nhau đến xin danh-hiệu về lập đền kỷ-niệm.

Năm ất-tị thứ 5, đương triều Đạo-quang nhà Thanh năm thứ 25, lệ phải cống hiến, Đình-thần lại cử Phạm-Thế Lịch, và tâu rằng trước đã sung chánh-sứ, công việc đã am-hiểu. Vua y lời cử ông làm chánh-sứ và ông Bạch Đông-Ôn nguyên Binh-bộ thị-lang (người huyện Kim-đàm, đỗ Hoàng-giáp) sung chức phó-sứ. Khi vào bái-mạng xin đi, vua truyền rằng: « Lũ ngươi sang sứ, phải hỏi cương-giới cũ nước ta. Nguyên trước, Hồ Quí-Li cắt châu Lộc-bình, Cổ-lâu, năm-mươi-chín thôn thuộc tỉnh Lạng-sơn đem dâng nhà Minh sáp vào châu Tư-lăng tỉnh Quảng-tây; đến Mạc Đăng-Dung cắt đất Kim-lạc, La-phù, ở châu Vĩnh-an, thuộc Quảng-yên ra hàng nhà Minh, sáp vào châu Khâm thuộc tỉnh Quảng-đông. Lịch-triều đã đưa thư sang hỏi, thế mà thượng-quốc vẫn im đi không chịu trả; nay lũ ngươi sang Yên-kinh cống-hiến xong, phải nhắc lại việc ấy, xem vua Thanh truyền như thế nào, về tâu ta biết ». Ông tuân mệnh, khi đi sứ đem lời vua dặn tâu với vua Thanh. Vua Thanh truyền sự đó thuộc về đời trước đã lâu, cớ gì được hỏi đến, rồi đưa thư cho vua ta cật-trách sứ-thần vô-lễ.

Lúc ở Yên-kinh trọ nhà Tú-tài tên mỗ, tinh thiên-văn; đếm xem vì sao thuộc phương nam, đoán An-Nam có quốc-biến, tất Hoàng-thái-tử, hay là Hoàng-thái-hậu mất, bảo ông đổi y-phục, ông nghe lời, ngày hôm sau mặc áo thanh-bào vào triều, đình-thần lấy làm lạ, hỏi cớ sao, ông nói nước tôi có quốc-biến; hỏi đài Khâm-thiên cũng nói đúng như thế, sau hỏi ra mẹ vua Thánh-tổ nước Nam mất. Đình-thần lấy làm thâm-phục. Sau ông lại trọ nhà một người triết-học nước Tàu, nói đến việc nước Nam, ông triết-học hỏi rằng: « Loa-cáp đã xuống bể Nam chưa? Gia-cáp đã loạn quần chưa? Bạch-ma đã qua sông chưa? Sông Văn-giang đã thành rừng chưa? » (1)

Những việc ấy thuộc về cuối đời Tự-đức, nên ông trả lời không biết.

Đi sứ về, thăng Hộ-bộ Hữu-thị-lang, cử làm chánh-chủ-khảo trường Nghệ-an. Ông nằm mộng thấy một người đeo gông vào trong trường. Kịp lúc xướng-danh, có Mai Thế-Quí người huyện Bình-lục, bộ xét ra cha trước có tội, con không được ứng-thí, phải truất. « Sau ông Quí được miễn-nghị, thi đỗ cử-nhân, hội-thi đỗ tiến-sĩ.

Năm đinh-vị vua Thiệu-trị thứ 7, ngọc-thể khiếm-hòa, các hoàng-tử ngồi hầu bên, duy ông Hoàng Bảo là lớn, gọi là Hoàng-tử đệ-nhất, lại vắng mặt.

---

(1) *Loa-cáp* tục ta gọi là con sò, trước duy bể Quảng-yên mới có, nay đã sinh khắp bể Thái-bình, Nam-định. *Gia-cáp* tục gọi là chim câu, trước xưa vợ chồng nó đôi nào đi với đôi ấy, con đực chết thì con cái cứ ở vậy, nay không như thế nữa. *Bạch-ma* là ám chỉ người Pháp sang nước ta. *Sông Văn-giang* thuộc tỉnh Bắc-ninh cuối đời Tự-đức, bị vỡ đê ngập lụt, nhiều chỗ nước sa cấn lại thành cồn, cây-cối mọc rậm-rạp; chỗ ấy tiếp hạt Khoái-châu, giáp Hưng-yên, sau có Cai-tổng Quế làm giặc, gọi là giặc Bãi-Sậy

Vua sai Trung-sứ đi tìm thấy ông Hoàng Bảo đang ngồi ở ca-lâu, điểm trống hát, sứ-giả về tâu, vua thở dài nói rằng : « Hoàng Bảo tuổi đã lớn, nhưng tính phóng-đãng, không thể đương được quốc-gia đại-sự ». Liền gọi Hoàng-tử thứ hai là Hồng Nhậm Tuy-phúc-Công trao cho ấn-kiếm, rồi sai Thái-bảo Văn-minh-điện đại-học-sĩ Trương Đăng-Quế (người Quảng-ngãi), Hiệp-biện Nguyễn Văn-Phương (sau đổi Nguyễn Tri-Phương), Tiền-quân Đô-thống chưởng Phủ-sự Vũ Văn-Giai (người Quảng-ngãi) và Lâm Duy-Nghĩa lập ông Hồng Nhậm nối ngôi.

Bấy giờ ông làm chức Lại-bộ Tham-tri, phải vào túc-trực ở nội-điện, nghe có chiếu-chỉ đem quân Hồ-bôn 3000 đóng ở cửa Ngọ-môn. Ông Hồng Bảo biết tin, đương ở chốn ca lâu, vội-vàng cỡi ngựa đốc-suất thân binh đến tận Ngọ-môn, toan xông bắt giết các quan đình-thần ; những người a-phụ với ông Hồng Nhậm, mới vào đến cửa đã thấy 3000 quân đứng bày hàng, gươm giáo rất là uy-nghiêm, ngăn không cho vào, truyền loa rằng : trong cấm-điện không ai được vào, chỉ cho Hồng Bảo vào mà thôi.

Hồng Bảo vào bên giường vua, phục xuống đất tâu rằng : « Muôn lạy Thánh-thượng, khi mới lên ngôi đã hứa lời cho con nối ngôi, khi ra bắc-tuần con phải lưu giữ Kinh-thành, sau lại được vâng mệnh đi tế nam-giao, ai cũng công-nhận là con lên ngôi Thái-tử. Nay con lỡ phạm tội bất-hiếu, xin thánh-thượng ơn trời lượng bể tha lỗi cho ! » Vua bảo : « Thiên-hạ là thiên-hạ của đức Cao-hoàng, công sáng-nghiệp khó-nhọc muôn phần, mới có ngày nay ; kế đến đức Thánh-tổ truyền lại cho ta, ta định truyền ngôi cho mi, thường khuyên mi chăm-chỉ học-hành, nghĩ thế nào cho xứng-đáng bổn-phận và đủ tư-cách trị được thiên-hạ ; thế mà mi không biết sửa mình đổi lỗi, nay cờ-bạc mai hát-xướng, không tuân lời ta, thời việc thiên-hạ đương thế nào nổi, thần-khí rất trọng, ta không thể lấy cái tình riêng mà bỏ nghĩa chung được. Nay ta đã chót trao ấn kiếm cho Hồng-Nhậm rồi, cho mi ra. Nếu không tuân lời ta, sẽ phải tội. »

Lúc ấy ông ở trong cấm-điện trông thấy Hồng-Bảo vẫn quì bên giường ngự, mắt sáng như đuốc, khí giận xung-thiên. Ông lấy mắt đưa ông Nguyễn Văn-Giai ; Văn-Giai biết ý đưa Hồng Bảo ra hận-cung cấm-cố. Không bao lâu tiên-hoàng long-ngự ; Hồng-Nhậm nối ngôi, kiến-nguyên Tự-đức, truyền bách-quan văn-võ cùng ông đem tờ chiếu đăng vời tôn-nhân và đình-thần ký tên, đến lượt Hồng-Bảo không chịu ký, lấy đầu thúc vào tường, máu chảy chan hòa. Ông đến tận nơi khóc mà than rằng : « Xin điện-hạ yên lòng nghĩ lại ; việc này di-chiếu của đức Tiên-hoàng để lại, nay điện-hạ không ký cũng không được, xin điện-hạ ký vào để yên xã-tắc và để linh-sảng đức Tiên-hoàng cũng được yên-ổn ở dưới cửu-tuyền, ấy là đại-trung đại-hiếu ! » Khuyên hai ba lần, Hồng-Bảo mới chịu ký ; đức Tân-hoàng ủy-lạo và khen rằng : « Ngươi khéo vì ta xử chỗ cốt-nhục, nay được chu-toàn, cũng nhờ có công ngươi.»

Một ngày Tân-hoàng nằm mộng rằng cần phải lưỡi, mệnh đình-thần ứng chế có câu rằng :

*Ta sinh trước mày, mày chưa sinh.*
*Mày sinh sau ta, ta làm anh ;*
*Không được cùng hưởng mùi ngon ngọt,*
*Nỡ đâu cốt-nhục bỏ cho đành ?*

Nhà Thanh sai án-sát-sứ tỉnh Quảng-tây là Lao Sùng-Quang, chiếu lệ cũ sang phong-vương cho vua ta ở thành

Thăng-long. Ông sở xin đón vào kinh sắc phong cho tiện. Sùng-Quang mới từ Thăng-long vào Huế ; vua sai ông ra hậu-tiếp, lễ rất long-trọng. Sùng-Quang ở kinh bấy giờ, khanh-sĩ trong triều thơ văn xướng-họa ; Sùng-Quang thán thưởng có câu rằng :

« *Văn như Siêu Quát* (1) *vô Tiền-Hán,*
« *Thi đáo Tùng Tuy* (2) *thất Thịnh-Đường.* »

Đương bấy giờ vua sai Phan Văn-Nhã dự-thảo bài văn Ngọc-điệp, thảo xong đệ lên ngự-lãm. Nhân một hôm nhà ông Nhã làm tiệc mời các quan đến chén. Ông Nhã đương tiệc rượu giở bài Ngọc-điệp đưa cho các-thần là Phạm Võ-Khải xem, có ý tự-đắc văn của mình hay. Phạm Võ-Khải cũng cậy mình có văn-tài, bảo Nhã rằng : « Văn của bác các quan nghe thế nào, tôi nghe cứng-nhẳng lắm ! » Nhân chén say, hai bên đâm ra cãi nhau. Phạm Khải bảo : « Văn như thế chó làm cũng được ! » Việc ấy đến tai vua ; vua bèn chiếu bắt hai ông Khải và Nhã bỏ ngục. Cao Bá-Quát cũng dự tiệc phải làm chứng. Quát cung rằng : «*Quát quá Nhã gia, hà hô : Quát! Quát ! Quát lai ẩm ; thủ bất tri, vĩ bất tri, chỉ kiến lưỡng tương ngung đấu-khẩu ; bỉ viết cẩu, thử diệc viết cẩu, bỉ thử giai cẩu, dĩ chí đấu-ẩu; thần kiến thế nguy, thần khủng thần tẩu.* 括過雅家。雅呼括括。括來飲首不知。尾不知。只見兩相鬪口。彼曰狗此亦曰狗。彼此皆狗。以至鬪毆。臣見勢危臣恐臣走。» Nghĩa là : « Quát đi qua nhà ông Nhã, ông Nhã gọi: Quát, Quát, lại đây uống rượu, Quát đến, đầu không biết, đuôi không biết, chỉ thấy đôi bên cãi nhau, bên kia bảo « chó », bên nọ cũng bảo « chó », bên nọ bên kia đều « chó, chó », rồi thấy thế nguy, tôi sợ tôi chạy.»

Đình-thần có ý ghét Phạm Khải kiêu-ngạo, tâu xin trị tội, sở đệ vào các, vua chưa y lời, nhưng xem ra có ý yêu Phạm Khải có tài văn-học không nỡ trị. Ông hiểu ý vua bèn tâu xin bác nghị của đình-thần, nói Phạm Khải chẳng qua vì chén say lỡ bất-tốn như vậy, nay đem pháp-luật mà hạ ngục, tưởng cũng quá-khắc, nghĩ xin nhất-thứ cô-khoan, mà phạt bổng. Vua nghe lời, chiếu tha cho Phạm Khải ; Khải biết việc ấy cũng nhờ có công ông bênh-vực. Ngày hôm sau đến tạ ông, ngậm vành kết cỏ không dám quên ơn.

Tự-đức năm thứ ba, Bắc-ninh có giặc cỏ ; cừ-khôi là Lê Văn và Trịnh Hải giết hại quan-dân. Tổng-đốc Bắc-ninh là Nguyễn Khắc-Tuần đem binh đánh không được. Đình-thần nhân việc Võ Khải đem lòng ghét ông, bèn cử ông thay Phạm Huy-Trinh đi quân-thứ, ý muốn buộc cho ông những sự nguy-hiểm. Ông cười mà rằng : « Nam-nhi hồ-thỉ, anh-hùng kiếm-cung, nếu không gặp khúc gỗ rắn, đoạn tre già, thì sao biết dao của mình sắc ? » Liền vâng mệnh ra Bắc-ninh hội binh tiến đánh ngụy Văn ở Lang-giang. Nhân việc quân, quan Lãnh-binh không tuân pháp-luật, ông nọc ra đánh ở trường diễn-vũ. Quan Lãnh-binh đấm ngực kêu : « Trời ơi ! Trời ơi ! quan nhị-phẩm đánh quan tam-phẩm, có lẽ nào ! » Sau ông hỏi, gọi quan Lãnh-binh bảo rằng : « Phép-luật của Triều-đình, mà việc quân lại càng nên thận-trọng lắm. Nhân ông lầm lỗi mà tôi cũng quá nóng, nên có sự bất-bình như vậy, xin ông đừng giận. »

Quan Lãnh-binh nói : « Tôi có tội thì tội với Triều-đình, chứ tội gì với quan lớn ! »

— Ông không có tội gì với tôi, nhưng tôi tuân lệnh Triều-đình ra đây, thời

(1) Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá-Quát, văn hay chữ tốt.
(2) Tùng Quốc-công, Tuy Quốc-công, có thi-tập.

phép-luật trong quân-quyền ở tay tôi; nhưng chỉ vì tôi có tính nóng, nên tôi phải có lời nói lại với ông, sao ông còn giới-ý mãi?

— Ngài là quan văn, ngài có ý ăn hiếp tôi là võ-biền hay sao?

— Không phải là ăn hiếp, văn hay võ đều là chức-tước của Triều-đình, nếu việc binh-quyền vua ủy cho ông thì tôi cũng phải ở dưới cái quyền-phép ông.

Quan Lãnh lặng ngắt.

Trận Lạng-giang, thủ-hạ ông là Lê Thế-Vinh (người Hà-lạn, Nam-định) đi tiên-phong đánh bắt được ngụy Vân bỏ cũi đưa về Bắc-ninh giam ở ngục. Nhà ngục xây ba tầng, ngoài đào hào, canh-phòng rất là nghiêm-mật. Đảng ngụy Vân đút tiền cho lính để đem cơm nước vào ngục; thuốc đạn bỏ vào trong nắm cơm, gươm mác giắt vào trong đòn ống, rồi quảy cơm nước vào trong ngục, thế mà quân coi ngục không biết. Đêm ấy ngụy Vân mưu vượt ngục; mới ra đến tầng thứ nhì quân ngục báo ông biết, ông liền sai đem binh-mã ra vây; mới canh hai, trời tối như mực, ông bảo Lãnh-binh cùng Án-sát Phan Đình-Tuyển (người La-sơn) rằng: « Ngụy Vân chắc có quân ngoài ứng-viện, ta phải phòng-bị cho cẩn-mật đợi sáng mai xem tình-ý chúng nó như thế nào, đừng nên đánh vội.» Bấy giờ quân ngoại-viện của ngụy Vân nghe tiếng quan-quân đã vây được ngụy Vân rồi bèn giải-tán cả. Ngụy Vân biết mình thế cô bèn cùng với đảng-tốt hơn 30 người chỉ có một thanh gươm và mảnh sành mảnh gạch, xông vào trận-tiền ném tứ - tung. Ông bị gạch ném phải cánh tay bên tả, máu thấm hết tay áo mà không biết đau, vẫn hô quân xông đánh; đảng giặc tự-liệu thế không đủ chống được với quân - quan, bèn xin ra hàng, còn ngụy Vân thoát chạy mất. Đã sang canh tư, đốt đuốc tìm trong nhà ngục và chung quanh thành, không thấy đâu cả, đến sớm mai ra nom ngoài lũy, thấy ngụy Vân nằm phục ở đó, máu chảy đầm-đìa thấm đầm quần áo, xem ra bị mũi giáo đâm hai bên hông và hai cổ chân đau quá không thể đi được, bèn khiêng vào trong thành cho ăn uống rồi đến ngày mai khiêng đi quanh thành-phố cho công-chúng xem. Ngụy Vân bị chín-mười dấu phạm thương, máu chảy kín mình, thế mà thần-sắc vẫn không biến, vừa cười vừa mắng: « Chỉ tại đảng ta sai hẹn, khiến ta không được với quan-quân quyết-chiến một phen, trời buộc ta, chứ quan-quân chả làm gì ta nổi. » Ông liền sai chém, đầu bêu giữa chợ, rồi mới tấu.

Khi ấy thành Bắc đã bình, ông có công-trạng thăng làm Tổng-đốc. Đình-thần thấy vua tin-dùng để lòng sai-kị; vì lúc ông ở Triều có tính cương-trực, gặp việc gì trái tai nói ngay, không có hủy-kỵ, cho nên các quan nhiều người không ưa. Nhân bấy giờ Vũ Đăng-Dương (người Thanh-trì) đã ngoại 70 tuổi đương chức Tri-huyện, viện lệ về hưu. Ông Ngụy Khắc-Tuần bảo: «Anh tuổi lão nhưng người còn mạnh chưa được về, bổ cho Tri-phủ Thiên-phúc (nay Phúc-yên).» Ông Dương lĩnh bằng đề-lị, vào yết-kiến ông; lệ bấy giờ thuộc-viên vào yết quan tỉnh phải lạy, ông Dương không chịu lạy. Ông mắng vô-lễ. Ông Dương nói: « Trong Lễ: lục-thập trượng ư hương, thất-thập trượng ư quốc; tôi nay đã ngoại 70 mà phải lạy hay sao? »

Ông bảo: « Anh già sao không cáo về? »

Ông Dương cáo về phủ có ý oán ông...

Lại nhân bấy giờ ông tâu xin phát

thóc kho cho dân các hạt nghèo đói. Nhân việc ấy Dương đem nộp ấn-tín tại tỉnh-đường, về Kinh qui Tam-pháp thưa ông hai việc : một là không có bệnh mà quan Tổng-đốc bắt phải cáo-bệnh về hưu ; hai là hạt Thiên-phúc vẫn phong-phú, mà quan Tổng-đốc mạo-tấu kém đói lấy thóc kho đem phát, để cố-ơn với dân. Vậy xin Tam-pháp minh xét cho.

Việc đó tâu vào vua nghe, liền sai Hà-ninh Tổng-đốc Nguyễn Đăng-Giai đi thanh-tra. Triều-thần tấu rằng : Nguyễn Đăng-Giai cùng với Phạm Thế-Lịch là bạn thân, sợ có tư-tuẫn, xin cử người khác. Vua nghe lời bèn cử Ngụy Khắc-Tuần ra tra án. Ông nghe tin ấy bảo người nhà rằng : « Ta là hàn-sĩ đội ơn Triều-đình, may được cao-khoa hiển hoạn, hai độ hoàng-hoa, bốn lần chủ-khảo, quan đến đốc-bộ, bá-y đến như thế đã là quá-vọng ; nay không ngờ gian-thần có ý vu-chức để buộc tội cho ta, thời ta cũng cam lòng chịu tội với Triều-đình, còn mặt mũi nào mà chịu thâu-sinh với lũ gian-thần kia ! »

Khi ông Khắc-Tuần đến tra án ở chỗ hành-cung tả-lang, tại tỉnh Bắc-ninh, bày đủ năm hình roi vọt, vồ nọc kim búa để tra tấn, giữa giải chiếu hoa, giải ông ra nằm phục chịu tội. Khua chuông trống ba hồi ; các quan thủ-hiến các tỉnh đều hội ở đó, tuyên đọc chiếu-chỉ cho ông nghe, rồi đem tra ông. Ông không thú nhận điều gì, và cũng không chống cãi ra sao cả. Nét mặt không biến, coi như thường vậy. Ông Khắc-Tuần đoái bảo tả-hữu rằng : « Thật là gan sắt. »

Việc án ấy kết nghĩ ông phải cách-chức, và bồi thóc kho.

Năm Tự-đức thứ tư, ông về nhà cùng bạn liên-khâm là Mai Khắc-Mẫn kết làm hội kỳ-anh ở Lạc-xã ; ngày ngày vui thú điền-viên, cờ vây điểm nước thơ tiên họa vần.

Bấy giờ ông Trương Đăng-Quế làm phụ-chính, trước có việc bất-bình với ông, nhưng vẫn trọng ông là người có khí-tiết, muốn vời ông về Kinh sung chức Kinh-diên, ông không vào, lại cử ông ra đốc-học bản-tỉnh, ông cũng không chịu. Bạn-hữu đến hỏi duyên-cớ ra sao, ông nói : « Cơn ba-đào ở trong bể hoạn, khi thăng khi giáng có kể chi ! Ta hỏi lòng ta, cốt có trung-tín hai chữ mà thôi ; dẫu ông Trương có lòng quyến-luyến, nhưng bây giờ tuổi đã 60, lại còn tham mùi chung-đỉnh, khác gì mụ già trang-điểm chực đi lấy chồng nữa hay sao ? »

Sau ông Đăng-Quế vâng mệnh đi thanh-tra các quan ở xứ Bắc-kỳ, nhân đậu thuyền ở bến sông xã Phụng-tường (xã ấy cùng với Lạc-quần đối-ngạn), cho người tìm ông ra chơi, để đàm-đạo tâm-sự, ông cũng không ra. Thân-bằng đến nói rằng : « Nay ông Trương quyền-thế như trời cho tìm mà không ra, chả phật-ý ông Trương lắm dư ! » Ông nói : « Nay đã cách chức về nhà, được cùng với cây tùng cụm cúc tiêu-dao vui thú cảnh già, thế là hạnh-phúc, giờ lại muốn giao chơi với lũ quyền-qui, khác gì như giang-sơn mặt trời mọc thì băng tan ra nước, nào có chắc gì đâu ? » Chúng đều cười nói rằng : « Gừng càng già lại càng cay. »

Ông thọ 80 tuổi, năm Tự-đức thứ 27 ông mất. Hiện nay con cháu tuy không hiển-đạt, nhưng vẫn giữ nề-nếp nhà nho.

∴

Bình-phẩm nhân-tài, ai cũng nói khi quốc-gia vô-sự thì trọng bậc văn-chương đạo-đức, khi quốc-gia hữu-sự thì trọng bậc khảng-khái anh-hùng. Tuy-nhiên hai bậc ấy, khi hữu-sự khi

vô-sự cũng đáng nên trọng cả. Vì là có bậc văn-chương đạo-đức để duy-trì, trong nước mới có văn-minh tinh-thần ; có khẳng - khái anh-hùng để bảo - thủ quyền-lợi thời trong nước mới có cơ - sở tự - lập. Nếu chỉ biết trọng võ mà không biết chuộng văn, thời lấy ai mà khai-trí tiến-đức ? Nếu chỉ biết chuộng văn mà không biết chuộng võ, thời lấy ai mà tập-đạo yên-dân ?

Vậy muốn cho trong nước tự-trị tự-cường, tất phải trọng cả văn lẫn võ.

Nước ta, triều vua Tự-đức, đương quãng tây-lịch 1848, trong nước vô-sự ; triều-đình chỉ chuyên-thượng về khoa-cử văn-nghệ. Các-thần như ông Vũ Phạm-Khải chỉ tri-sinh Hán-văn mà không biết nghiên - cứu thực - học. Tướng-thần như ông Nguyễn Đình-Tân chỉ bài-bác Gia-giáo mà không biết ngoại-giao. Đương lúc ấy mà cầu được những bậc văn-võ toàn-tài có học-thức có can-đảm như ông Phạm Thế-Lịch, thời chưa có mấy. Kể đến văn chương kinh-tế ông cũng không kém gì ông Lục Tuyên - Công nhà Đường, thế mà trên thời vua không biết dùng, dưới thời đình-thần đem lòng hãm-hại, đến nỗi phải cách chức. Sinh-bình bão - phụ chưa được đem hết cái tài-lực của mình mà thi-thố với đời, thực cũng đáng tiếc. Chép đoạn lịch-sử này đến chỗ ông bị tấn mà thương thay cho ông, và lạ thay cho pháp - luật triều - đình, rất là nghiêm-khắc, phải không được nói, oan không được kêu ; thế thời cái pháp-luật ấy chả phải là quân-quyền áp-chế đó dư !

PHỤC-BA

# TUỒNG HÁT MỚI

## Lão - thiếu kỳ - phùng

### Chương-trình

Có một Đào Huế, vốn là người tài-sắc song-tuyệt, kén chồng ở đường trong, xuân xanh đã đến mười-chín đôi-mươi mà chưa gặp-gỡ được một người nào là bằng đôi phải lứa, nhân ra Bắc-kỳ du-lịch, cốt để kén một nhà văn-sĩ, tình-cờ gặp cảnh hồ sen, có một đêm trăng mờ sương lạnh, nước mát hoa thơm, bỗng một cụ lão-nho xuân-thu chừng độ 60 tuổi, đem một đứa tiểu-đồng, chèo con thuyền nhỏ, lặn hồ hái hương sen, ngâm thơ đối cảnh; cô Đào Huế bỗng nghe tiếng vàng sang-sảng, như rót vào lỗ tai, vội cho là nhà văn-sĩ còn trẻ, liền ngâm giọng sa-mạc, ví mình như cánh hoa sen, để gợi tình người hái sen dưới hồ. Lão-nho nghe tiếng, bèn sai tên tiểu-đồng lên mời, tiểu-đồng lại nói tán là văn-sĩ còn trẻ, song Đào Huế không chịu xuống thuyền, bắt mời lên bờ hồ, hai bên bắt tình với nhau, ngâm-ngợi rất là tao-nhã, cùng lấy làm duyên-nợ kỳ-phùng, trao xuyến vàng khăn tay thề hẹn lấy nhau. Chợt khi trời sáng, Đào Huế thấy lão-nho già quá, mới hối-hận cùng than-vãn, song trót hẹn lời thề, lão-nho níu lấy khuyên giỗ mãi. Đào Huế mới nghĩ ra một cách, xin đánh lấy lão làm chồng, mà ngồi ca « vọng-phu » hát cho chồng ngủ, lão-nho lấy làm thú quá, chợt ngủ đi mất thì Đào Huế bước, lão-nho dạy bâng-khuâng ngâm thơ cảm khái rất buồn cười.

∴

### Cảnh hồ sen đêm trăng

*Đào Huế ra vừa đi vừa vía truyền, giọng huế :*

Trèo lên đồi đá cheo-leo, rứa mần trăng tui trèo cho nó đặng, trót vì tình nặng, nên ba-tui gắng-đẳng qua đồi; trèo lên ba đọi tui coi, bốn đọi tui ngồi, năm đọi tui trông ; lóng nghe tiếng trống thùng - thùng, giục trăm hoa nở xui lòng tui mong xuân ; rập-riu tài-tử giai-nhân, tui làm gương cho khách hồng-quần thử soi ; dừng chân tui bước qua đồi, từ trong xứ Huế ba-tui ra kén chồng ; cỏ hoa sương tuyết lạnh-lùng, tui hỏi thăm ông nguyệt-lão rứa nào chồng tui đâu ? Cõi Bắc-thành tui lần bóng trăng thâu, con đàng ra Hà-nội bấy lâu tui ngập-ngừng. (*Đứng ngóng trông thấy thuyền và bóng người*).

*Ngâm tiếp :*

Xa xa luống hãy trông chừng, hỏi ai nhà văn-sĩ dưới bóng trăng ngồi chờ ; lúc đêm sao lặn sương mờ, con thuyền tình rẽ nước lững-lờ hái hương sen ; một tình hai nợ ba duyên, bốn yêu năm giấu sáu bảy tám chín nguyền mười thương ; vừng trăng leo-lẻo bóng gương, khéo ai chắp mối tơ hường như se.

*Tiểu-đồng tay chèo miệng hát giọng đò đưa :*

(Y ý y) ấy mấy cô nàng ơi, bấy lâu nay (y ý y) gió tựa (y ý y) gió tựa hoa kề, (y ý y) con thuyền tình thấp-thoáng (y ý y) mấy đi về trong cái bóng ông trăng ; (y ý y) hỏi cô mình (y ý y) dù có biết (y ý y) có biết mà) anh chăng. (Y ý y) hái hương sen để anh ngồi tựa (y ý y) dưới bóng trăng chèo đò ; (y ý y) em tới ni (y ý y) chẳng hát (y ý y) chẳng hát (bên) thì hò. (Y ý y) chớ đừng như con cò (y ý y) em quải cổ mà trông ; (y ý y) chiếc thuyền lan cô nàng ơi (y ý y) nước cuốn (mà trăng lồng. (Y ý y) chứ gì bằng loan ôm lấy phượng (y ý y mấy) phượng bồng lấy loan ; (y ý y) cảnh sen thơm thoang-thoảng (y ý y) là thoang-thoảng mặt lân.

*Bắt sang giọng dâm đó:*

Thoang-thoảng mặt làn (khoan giô khoan), mau mau dịp gõ (giô khoan) mấy khoan khoan tay chèo (khoan giô khoan). Nước non vỗ sóng (khoan giô khoan) vỗ sóng mấy trôi bèo (giô khoan), sen sa bùn lấm (khoan giô khoan), mấy nỡ liều cánh sen (giô khoan, khoan giô koan, giô khoan, giô khoan).

*Cụ đồ ngồi thuyền ngâm thơ tứ-tuyệt liên-chi :*

Vầng trăng lấp-ló mặt hồ sen,
Dưới bóng le-te một chiếc thuyền ;
Sắc nước in trời hương đượm vẻ,
Cõi trần riêng chiếm một bầu tiên.

Cõi trần riêng chiếm một bầu tiên,
Sen dầu đầy bùn dễ nhuốm đen ;
Ướm hỏi ai người thăm hỏi nhị,
Mặt hồ ngồi tựa bóng trăng in.

*Đào Huế lóng nghe nói lối :*

Uả lạ thiệt, lạ thiệt ; mà may sao may sao. Nước non xa cách buồng đào ; hoa cỏ thương mình phận liễu. Đêm thanh vắng ai ngâm thơ tuyệt-diệu ; mình trẻ-trung xuân dạ héo rầu dưa. Huống như mình cũng bạn văn-thơ ; từng kén khách đợi chờ văn-sĩ. Chừ dạo miền sơn-thủy ; may gặp bạn phong-hoa. Sẽ ngâm câu ướm hỏi trăng già ; may gặp bạn đó là tri-kỷ, cũng nên.

*Ngâm sa-mạc :*

Ngẫm mình chút phận thuyền-quyên,
Tấm thân như cánh hoa sen nở đó ;
Bấy lâu trải thú giang-hồ,
Tuy rằng bùn lấm vẫn đò hoa sen.
Tình-cờ không hẹn mà nên,
Kia ai tựa bóng trăng in mặt ghềnh ;
Dễ chăng tình lại gặp tình,
Đố ai gỡ mối tơ mành cho khuây.

*Cụ đồ lóng nghe rồi nói :*

A Đồng, nghe lạ thật, đêm khuya cảnh vắng, nước mát hoa thơm, trăng đã xế, hoa đã tàn, mà nghe có tiếng người con gái nào ngâm giọng đường trong, nỉ-non nghe như ve ngâm vượn hót, làm cho lão già này, sóng tình bột-bột, lửa dục bằng-bằng, âu là lão cũng ngâm-ngợi một đôi câu phong-tình mà đáp lại xem sao, rồi mày sẽ ghé thuyền vào, mày nên mời cô ấy xuống đây với lão, hay là để lão lên với cô ấy, a Đồng.

*Đồng nói :*

Vâng vâng, cụ hãy ngâm xem, hễ cô ta bất tình thì con xin chèo thuyền vào, để cụ lên với cô ấy.

*Cụ đồ ngâm sa-mạc :*

Đêm khuya trăng tạnh vẻ mây,
Lặn hồ sen hái sương bay bạc đầu.
Trăng in ngàn nước lâu lâu,
Nhuốm bùn sen ngó vẫn mầu thanh-tân.
Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Vớt hoa dưới nước mười phần yêu hoa.
Nên chăng ướm hỏi trăng già,
Giọng tình ai khéo mặn-mà nỉ-non ?

*Đào Huế lóng nghe nói :*

Hứ mình từ trong Huế ra tới nơi, chỉ muốn kén lấy một nhà văn-sĩ làm chồng, mà chừ ra tới ngoài Bắc, đêm trăng thanh gió mát, may lại gặp cảnh hồ sen, có nhà văn-sĩ ngâm thơ, giọng nghe như châu gieo ngọc rắc, làm cho mình đã nhủn cả ruột, mềm cả gan, âu là mình thử ra tận bên bờ hồ, mà ngâm đáp lại mới đặng.

*Ngâm tiếp sa-mạc :*

Lời vàng tiếng ngọc vẻo-von,
Làm cho hoa phải lìa hồn vì hoa.

*Cụ-đồ ngâm tiếp sa-mạc :*

Lời đâu ngọc rắc châu sa,
Làm cho anh cũng vì hoa mê hồn.

*Cụ-đồ giục thằng Đồng ghé thuyền lên mời. Tiểu đồng lên nói :*

Tôi xin chào mĩ-nhân, dạ thưa với mĩ-nhân, thầy đồ tôi là một nhà văn-

sĩ cự-phách, chỉ say về cái cảnh hồ sen này, trăng trong nước mát, mà không chịu ra làm quan; vả thầy đồ tôi, tuổi hãy còn thanh-niên mà kén vợ, kể những các cô tiểu-thư «vôi», nhiều người cay tình lắm, mà thầy đồ tôi không chịu lấy, giờ nghe thấy tiếng cô ngâm thơ, thiệt là một bậc nữ-sĩ, thầy tôi bảo tôi lên mời cô xuống thuyền chơi, cũng ngâm thơ hái hoa thưởng nguyệt, đó a cô.

*Bát dịp đuổi :*

Dạ dám thưa cô, thầy đồ hay chữ, người coi lịch-sự, quân-tử đa-tình, (tình tình tình tình, quá lới nọ tình ơi !) — Các tiểu-thư vôi, thấy mỏi chết mệt, thầy tôi không thiết chỉ quyết chơi hồ, (tình tình tình hồ, quá lới nọ hồ trăng.) — Thầy hãy trẻ măng, dặn rằng cô xuống, thầy đồ luống-cuống, cốt chuộng vi tài, (tình tình tình tài, quá lới nọ tài to.)

*Nói :*

Thầy tôi bảo cô tài lắm, xin mời cô xuống chơi ngay.

*Đào Huế nói :*

Cái đó thì mi phải mời thầy đồ lên đây, chớ có lẽ nào ta lại xuống thuyền.

*Đồng xuống mời, cụ đồ lên nói :*

Dám xin chào mĩ-nhân.

*Đào Huế nói :*

Không dám, xin chào văn-sĩ.

*Hai người cùng ngồi xuống hai tảng đá trên bờ hồ. Đào Huế nói :*

Thưa văn-sĩ, tui từ Huế ra tới ni, chỉ cốt kén một nhà văn-sĩ, cho bằng đôi phải lứa với mình, rứa mà chừ may gặp đặng văn-sĩ, thiệt là tui lòng ưng lắm đó, a văn-sĩ.

*Ngâm bồng-mạc lấy* Kiều :

Trăm năm tính cuộc vuông méo, thấy cô khéo léo, tính cuộc vuông giẹp, thấy cô tốt đẹp, tính cuộc vuông tròn, phải dò cho đến ngọn nguồn mạch sông.

*Cụ đồ ngâm đáp :*

Trăm năm tính cuộc vuông-vắn, thấy em đứng-đắn, tính cuộc vuông chếch, thấy em xếch-mếch, tính cuộc vuông dài, ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ. Còn điều chi nữa mà ngờ, phải người trăng gió vật-vờ hay sao.

*Đào Huế kể* Kiều *lấy pha kinh* Thi :

Lơ-thơ tơ liễu buông mành, con chim oanh học nói, *quan quan thư cưu, tại hà chi châu, yểu-điệu thục-nữ, quân-tử hảo cầu*, nó học đi học lại, ríu-ra ríu-rít, trên đầu ngành mỉa-mai.

*Cụ đồ kể* Kiều *lấy pha* Đại-học *đáp lại :*

Lơ-thơ tơ liễu buông mành, con chim oanh học nói, *miên-man hoàng điểu, chỉ vu kỳ ngu. Tử viết, ô tri kỳ sở chỉ, khả dĩ nhân nhi bất như điểu hồ*, nó học lo học líu, giắt-gia giắt-díu trên đầu gò mỉa-mai.

*Hai người trao xuyến và khăn tay thề hẹn.*

*Đào Huế nói :*

Thưa văn-sĩ, chừ đêm đã khuya rồi, tui gọi có cái xuyến, tui trao lại cho văn-sĩ, để làm chút của tin thề hẹn, vậy văn-sĩ có cái chi, để tặng lại cho tui không, a văn-sĩ ?

*Cụ đồ nói :*

A mĩ-nhân, giờ trời đã gần sáng rồi, tôi gọi có khăn tay để tặng lại mĩ-nhân, gọi là ghi tích một chút, rồi hai ta hãy về, kẻo trời sáng mất rồi, xin để tối mai sẽ hay.

*Nói vừa dứt câu đứng dậy thì trời bắt sáng, đào Huế trông thấy thì ra cụ đồ già quá, ngần người ra không biết làm thế nào, liền cầm lấy tay cụ đồ mà than vãn.*

*Đào Huế than tuồng :*

Ới lão-nhân ơi ! rứa mần răng mà lão-nhân già quá làm vậy, rứa mà đêm tối tui lầm, tui thề hẹn tui lấy, ớ trời ơi là trời, đêm trót trao lời thề ước.

*Vỉa nam :*

Đêm trót trao lời thề ước, sớm ai ngờ tóc bạc sương pha. *Hàn* : Ới lão-nhân ơi ! *Hát nam* : Chứ trăng bao nhiêu tuổi trăng già, *Hàn* : Hảo a. *Nam*: Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non. *Hàn* : Uả trời ơi là trời !

*Cụ đồ cầm lấy tay Mĩ-nhân than tuồng đáp lại :*

Ới thiếu-cơ ơi! đêm qua thiếu-cơ đã thề hẹn với lão, chứ thiếu-cơ có lẽ chê lão già, mà phụ lão đặng sao ; ủa trời ơi là trời, rứa đã trót trao lời thề hẹn.

*Vỉa nam :*

Đã trót trao lời thề hẹn, sánh trăng già chỉ nguyện sắt son. *Hàn* : Ới thiếu-cơ ơi. *Hát nam* : chứ trăng núi hãy còn non. *Hàn* : Hảo a. *Nam* : Núi trơ-trơ đá trăng tròn-tròn gương.

*Đào Huế tiếp nam :*

Ới lão-nhân ơi ! rứa tui bỏ lão-nhân sao đặng. *Nam* : Chứ thương sao cho vẹn thì thương, tánh sao cho trọn mọi đường thì vâng.

*Cụ đồ tiếp nam :*

Ới thiếu-cơ ơi, rứa thiếu-cơ không bỏ tôi đặng chứ. *Nam* : Rằng sao khéo nói đè chừng, *Hàn* : Hảo a. *Nam* : Chứ lòng đây lòng đó chưa từng hay sao ?

*Đào Huế tiếp nam :*

Ới lão-nhân ơi! một lời đã trót thâm-giao, dưới rầy có đất trên cao có trời.

*Cụ đồ tiếp nam :*

Ới thiếu-cơ ơi ! dẫu rằng vật đổi sao dời, tử sinh cũng giữ lấy lời tử-sinh.

*Đào Huế nói :*

Rứa bi chừ tui đã trót với lão-nhân thề hẹn thì thế nào cũng đành lấy lão-nhân vậy, rứa lão-nhân hãy ngồi xuống đây để tui hát ru cho mà ngủ nào, kẻo đêm thức suốt đêm mệt quá, a lão-nhân.

*Cụ đồ nghe thích quá ngồi tựa lưng vào bàn đá nói :*

Ừ thiếu-cơ ca vọng phu ru chồng cho lão ngủ tí nhé.

*Đào Huế ca vọng-phu ru chồng :*

Ới ông ơi ! ông náu đi ông, cho thiếp than rằng : ngồi buồn khuấy nước khua trăng, nước trong trăng lũng buồn chăng chăng hỡi buồn ; thôi ông náu đi ông, ông hỡi hơi hời, ông hỡi hời hơi, thỏa lầm ông chồng ơi. Phụ tình phàng chứ duyên chi hỡi, ới chồng chồng ơi, ới chồng chồng ơi, chi mà thú lầm chồng, chi mà mệt mà mệt lầm chồng, thôi ông ngủ ngủ đi ông, ông hỡi hơi hời, ông ngáy đi ông, ông hỡi hời hơi, thứ lầm ông chồng ơi. Trăng kia bóng lỡ xế, bề non thề, bề hẹn non thề, chồng phụ tui chăng, ới chồng chồng ơi. Đêm năm canh mỏi mệt gầy hao, chồng ngồi bỗng chiêm bao, thiếp lẳng nơi nao, trời đã định duyên, ới chồng ơi. Cợt làm chi Hoa-nhi ông hỡi, nay ông chồng mệt mãi thì thôi, ới chồng chồng chồng ơi. Ông nằm xuống đây kẻo mỏi tay em lầm, nay ông còn say đắm em chi, ới chồng chồng ơi, ới chồng chồng ơi, chi mà thú lầm chồng, chi mà mệt mà mệt lầm chồng, thôi ông ngủ ngủ đi ông, ông hỡi hời hơi, ông ngáy đi ông, hỡi hời hơi, ngủ ngáy ông chồng ơi.

*Đào Huế ru ông cụ ngủ say rồi nói :*

Hừ bi chừ tui ru đặng ông cụ đồ ngủ rồi, âu là tui bước, kẻo khi ông cụ sực thức dậy lại ngầy-ngà, chớ mình trẻ-trung như thế ni, có lẽ lại lấy ông cụ bạc phơ đầu như thế kia hay sao? Âu là mình chuồn quách. *Hạ.*

*Cụ đồ sực thức dậy bâng-khuâng ngơ-ngác nói :*

Hừ mưu gái trẻ cũng bợm thật! mĩ-nhân ru mình ngủ rồi, lừa bước ngay, thế là đêm qua thề hẹn không đâu cả, mình rõ khờ quá! Vậy lão ngâm câu thơ cảm-khái cho khuây-khỏa vậy nào.

*Ngâm thơ bát-cú :*

Con tạo trêu chi bậc sắc tài,
Tiếc mình già đã sọc hoa tai;
Bắt tình hươu hão năm canh nhạt,
Mảng cuộc mê say một giấc dài,
Vì bởi thích ru nên quích thế,
Lỡ ra mà ghẻ bắt bò ai!
Từ rầy ông quyết ông không dại;
Lão giả an chi thiếu giả hoài.

*Ngâm thông :*

Mái đầu trắng sóa hoa mai,
Sao còn thơ-thẩn thương ai má hồng.
Hồ sen sánh vẻ trăng lồng,
Chị Hằng đâu đến ru chồng năm canh.
Xót nàng tuổi trẻ dầu xanh,
Lơ-thơ tóc bạc đề chiếc thuyền tình anh ngẩn-ngơ.
Duyên kia ai hẹn mà chờ,
Tình kia ai tưởng mà tơ-tưởng tình.
Vì ai tả nỗi bất-bình,
Hỡi người nghiêng nước nghiêng thành biết chăng.
Dẫu già mỏi gối long răng,
Bề tình cũng lấp cho bằng mới nguôi.
Bây giờ ngọn nước chảy xuôi,
Tấm riêng riêng những ngậm-ngùi nước non.
May nay cân-cốt chưa mòn,
Còn non còn nước hãy còn trăng hoa.
Nước non bao tuổi mà già!

(HẾT)

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

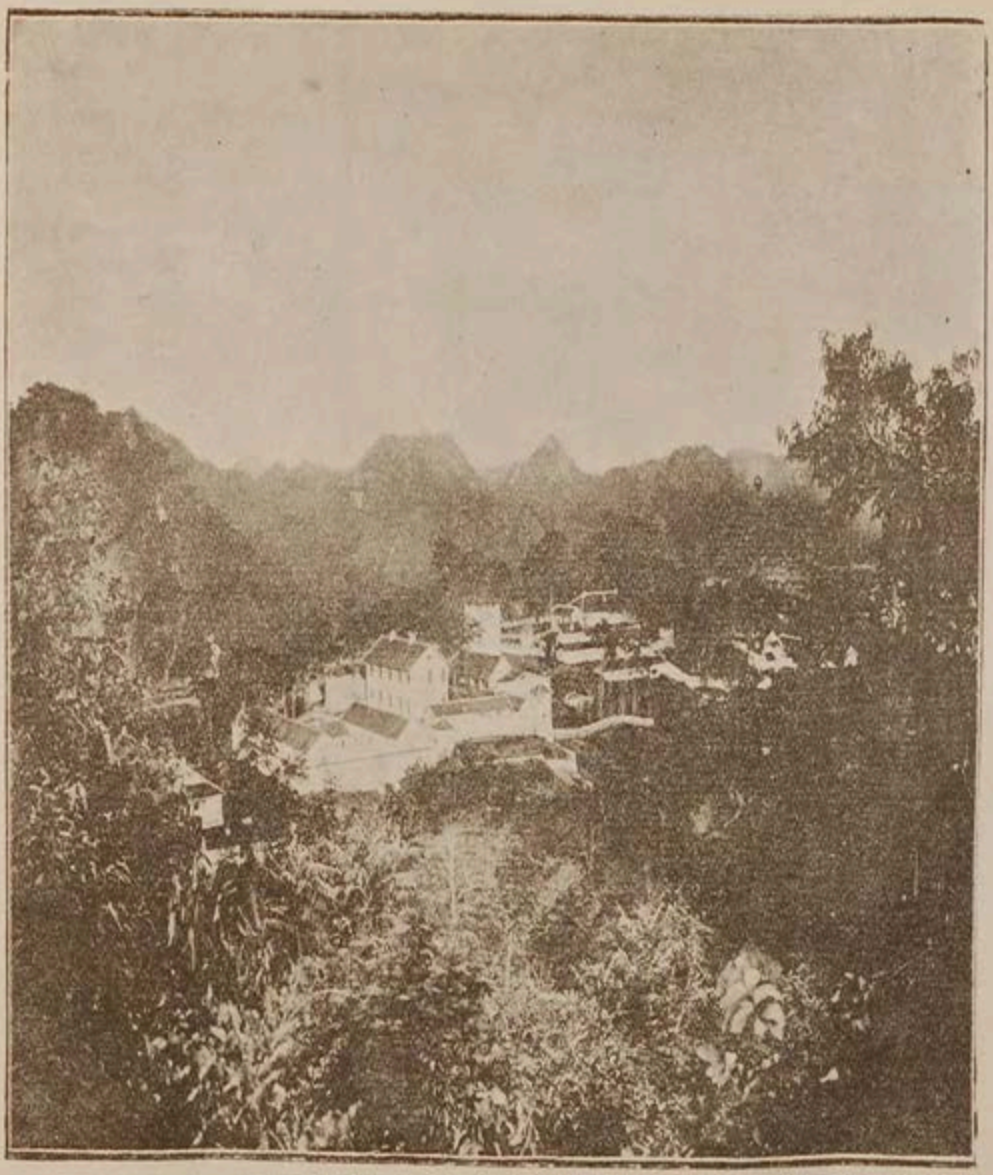

Tỉnh-lị Sơn-la

*Kinh ảnh Nguyễn Văn-Bao*

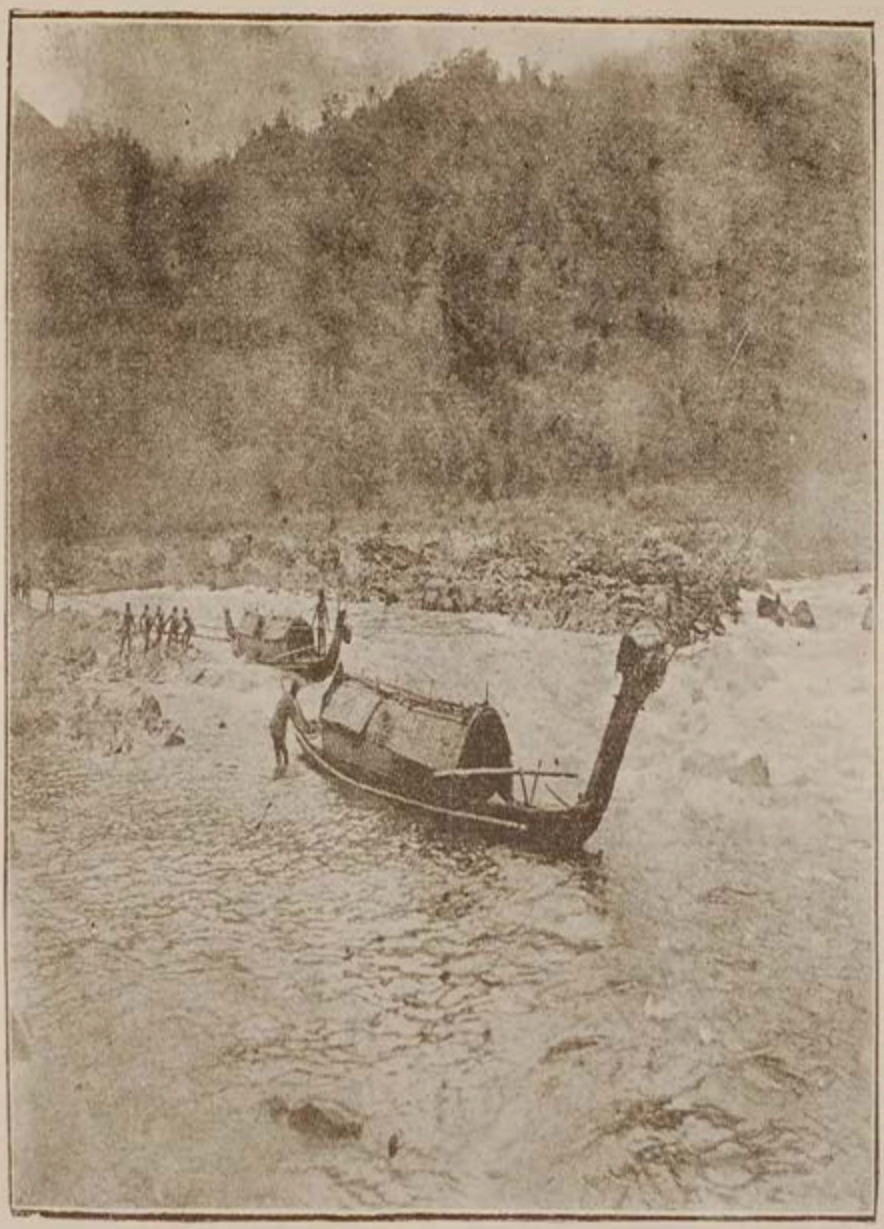

Thác Tiếu (Sông Bờ). — Thuyền lên thác

*Kinh ảnh Nguyễn Văn-Bao*

# KHẢO VỀ TÔN-GIÁO NHẬT-BẢN

I

## 1. – Về thời cổ

Nước Nhật-bản chạy suốt từ nam đến bắc, kiêm cả hai giải hàn-đới và nhiệt-đới. Tây-bắc thì cái khí hàn lãnh lẫm-liệt từ đại-lục thổi vào; đông-nam thì những trận nồm-nam ấm-áp từ trùng-dương quạt lại. Vì hai khí âm-dương khác tính nhau ấy cùng đến để tranh-đấu xô đẩy nhau ở trên chỗ đất nước này, mà sinh-sản ra biết bao nhiêu những cảnh-tượng ly-kỳ biến-ảo. Cho nên phàm những động-vật thực-vật phổ-thông trên thế-giới thì ở đây không thiếu một giống gì.

Dân-chủng thì bọn lạp-phu ở Lục-úc 陸奥 gan ngầm mà mạnh-bạo kia với bọn ngư-phủ ở Tát-ma 薩摩 thông sáng mà lanh-chai nọ, tuy có khác tính-chất nhau mà thực cùng chung nhau một dòng-giống. Cho đến tiếng nói, cảm-tình cũng đều không khác gì nhau hết thảy. Đó chính là một cái tính bao-quát dung-hòa vốn tự thiên-nhiên sinh-thành của quốc-dân Nhật-bản vậy. Coi đó đủ biết những điều tín-ngưỡng, những sự văn-hóa của họ, cỗ lẽ nào lại ra ngoài lệ ấy mà khác nhau được. Cho nên xưa kia cái văn-minh đại-lục nước Tàu đã hòa-hợp với phong-hóa đảo-quốc Nhật-bản được, thì ngày nay sự tín-ngưỡng Đông-phương với nghĩa tôn-giáo Tây-dương cũng có thể hòa-hợp mà không trái gì. Tôn-giáo-giới Nhật-bản sở-dĩ chỉ quanh-quẩn trong hồi duy-tân độ 3, 4 mươi năm mà bao quát được cả các tư-tưởng của cổ-kim đông-tây để qui-y vào một mối mà phát-lộ ra những vẻ tráng-quan như mây bay rồng lượn như thế, thực là có sở-nhân đó, chứ có phải là sự ngẫu-nhiên mà được đâu.

Chúng ta đọc tôn-giáo-sử Nhật-bản trong hồi duy-tân ba-mươi năm, thì biết người Nhật-bản ngày nay mà được cũng hệt như người Thái-Tây, nước Nhật-bản ngày nay cũng ngang hàng với mấy cường-quốc trong thế-giới, không phải là họ chỉ chăm mô-phỏng những cái hình-thức, những cái vật-chất bề ngoài của người ta. Mà thực họ biết ân-cần để chỉnh-đốn điều-hòa đến cả những chỗ về căn-bản, về tinh-thần của mình vậy.

Nay ta hãy thử xét lên hai nghìn năm trước là từ khi Nhật-bản mới lập-quốc trở đi, thì tôn-giáo nước ấy đã có cái tính-cách bao-quát rồi. Kể cổ-sơ như những câu thần-thoại 神話 của giống người từ trên mây xuống với giống người bởi mặt trời ra, rồi sau bởi sao mà hai bên hỗn-hợp làm một để làm cơ-sở cho « thần-đạo 神道 » Nhật-bản thì nay không còn dấu-vết gì mà tra xét được nữa. Ta chỉ khảo từ khi có sách-vở biên chép đến nay thì thấy những sự tư-tưởng tín-ngưỡng của nước ấy, bao giờ cũng đem phần nội-địa với phần ngoại-quốc mà tiếp-xúc đồng hóa lại với nhau cả.

Kỳ-thủy tự sách *Luận-ngữ thiên-tự-văn* 論語千字文 ở Tàu đem sang thì Nho-giáo mới truyền vào từ đó. Tuy Nho-giáo luận về cái nghĩa quốc-gia cho rằng: « *ấp tốn* 揖遜 *hay chinh-tru* 征誅 *là phải thể theo lòng trời mà làm,* » thì thuyết ấy đối với cái thuyết « *vạn thế nhất hệ* 萬世一系 » là cái lý-tưởng về quốc-thể của Nhật-bản không hòa-hợp được; nhưng trong Nho-giáo lại lấy gia-tộc-chế-độ làm cơ-sở, mà đem cái thuyết « *di hiếu tác*

*trung* 移孝作忠 » để giải-thích, cho viên-mãn giáo-nghĩa. Bởi vậy người Nhật-bản mới thâu-nạp mà dung-hóa đi, mà cái giáo « *trung hiếu* » của nhà nho bèn vĩnh-viễn làm chủ-não cho cõi tư-tưởng của Nhật-bản từ đấy.

Sau khi Nho-giáo truyền vào 270 năm thì Phật-giáo là một tôn-giáo trầm-uất u-huyền ở Ấn-độ về mé nam châu Á, theo tượng Phật với kinh Phật mà xâm-nhập vào cõi đất này. Bấy giờ có họ Tô-ngã 蘇我 được tiếp thấy cái tư-tưởng mới của ngoại-quốc ấy thì hoan-nghênh ngay. Không bao lâu Thánh-đức Thái-tử 聖德太子 nổi lên, Thái-tử xướng lên cái thuyết « *Thần, Nho, Phật, tam giáo hợp-nhất* » để chỉ bảo cho đời. Từ đó tam-giáo đều được lưu-hành. Duy có lúc thì giáo này thịnh, có lúc thì giáo kia suy. Lại có lúc thì giáo này chê giáo nọ. Giáo nào cũng lấy mình làm phải mà chực đem nghĩa chính của giáo kia để làm nghĩa phụ cho giáo mình. Thế nhưng nhờ được quốc-dân Nhật-bản sẵn có cái tài bao-quát dung-hợp, nên sau rồi họ điều-hòa thành ra giáo nào cũng lưu-truyền được, mà Nho-giáo biến-thành ra Nho-giáo riêng của Nhật-bản, Phật-giáo cũng đổi mới hẳn đi. Còn như Thần-đạo là cái tôn-giáo của bản-quốc thì cũng đồng-hóa với hai giáo trên ấy.

Đến hồi đầu triều Bình-an 平安, Triều-đình sùng chuộng học-thuật Trung-quốc, cho nên những sách chú-thích kinh-truyện cổ của các nhà nho-giả đời Hán lưu-hành trong nước thịnh lắm. Về Phật-giáo thì các quan Công Khanh ở Kinh-đô cũng rất quí-trọng những sách đàm-lý của phái Thiên-thai và phái Hoa-nghiêm.

Tới khi nhà quyền-thần Đằng-nguyên 藤原 bị đổ, nhà quyền-thần Nguyên-bình 源平 nổi lên, lòng người bấy giờ cảm thấy cái lẽ vô-thường của đời người, bèn quay ra qui-y Phật-giáo tất cả. Cái chủ-nghĩa « *yếm thế quan* » tức thì tràn ngập khắp cả cõi tín-ngưỡng của quốc-dân Nhật-bản. Thậm-chí đến trang vũ-sĩ cũng xin ngồi thiền-định 禪定 để cho được chóng đắc-đạo. Các quan triều với dân-gian thì cho cách niệm kinh Tam-muội của Phật là phép tu có một không hai. Còn như những kẻ tội-ác cực-trọng cũng không có phép phương-tiện gì bằng niệm Phật Di-đà để cho được vãng-sinh nơi cực-lạc. Thành ra Phật-giáo ở Nhật-bản bấy giờ chiếm-cứ hết cả cõi tín-ngưỡng của người Nhật-bản mà thuộc về phái « *tĩnh-độ* 淨土 » vậy.

Tuy-nhiên bấy giờ thì Phật-giáo cực-thịnh đấy, nhưng Thần-đạo với Nho-giáo cũng vẫn còn tiềm-tàng ở bề trong, chứ không phải là tuyệt-diệt cả đâu. Các sách-vở của Nho-giáo nhờ được các nhà sư bảo-tồn lại cho, mà vẫn còn giữ được ít nhiều thế-lực ở trong bọn sĩ-phu. Kế đến đời nhà quyền-thần Túc-lỵ 足利 thông-hiếu với nhà Minh Trung-quốc, bèn thâu-thái lấy những cái văn-minh của hai đời Tống Minh, Những sách « thề-chú » của thầy Chu-tử nhân mà đem vào Nhật-bản để dự-bị cho cuộc Nho-giáo phục-hưng sau này.

Còn Thần-đạo thì đương cái hồi Nam-bắc-triều của Nhật-bản, có ông Thân-phòng-khanh 親房卿 thấy Vương triều suy yếu, bèn xướng lên cái thuyết « *quốc-thể chính-thống* », mà luận đến cả Thần-đạo. Từ đó những nghĩa chính-thống thường ngụ ở trong Thần-đạo cùng thuật chiêm-bốc của nhà âm-dương, phép tu-luyện của bọn tụng-niệm kỳ-đảo vậy.

Mãi đến thế-kỷ 16, tôn-giáo Nhật-bản bỗng nổi lên một làn sóng cực mạnh, tức là bọn hàng hải Tây-ban-nha đem đạo Cơ-đốc ở Tây-dương truyền vào. Bấy giờ các giáo-sĩ Cơ-đốc rất nhiệt-tâm về sự truyền-giáo, lại nhờ có những đồ súng đạn tốt chở đến, nên chi các chúa Chư-hầu đời Chiến-

quốc Nhật-bản rất lấy làm hoan-nghênh. Bởi vậy đạo Cơ-đốc bèn chiếm được thế-lực ở Nhật-bản. Các chúa Chư-hầu đi theo đạo Cơ-đốc nhiều lắm. Thậm-chí ông Đại-hữu-tôn-lân 大友宗麟 nhân vì tông-giáo mà đem tất cả miếu Thần chùa Phật đốt đi.

Vị Giáo-sư đạo Cơ đốc thì vào kinh-đô dựng chùa Nam-man, người ta theo đạo đông lắm. Đạo truyền đến cả vùng đông-bắc nước ấy. Nhà quí-tộc Y-đạt 伊達 cũng xin tông-giáo và phái Sứ-giả riêng sang La-mã yết-kiến Giáo-hoàng.

Coi đó thì biết đạo Cơ-đốc bấy giờ truyền-bá đã gần khắp nước Nhật-bản rồi. Tuy-nhiên các chúa Chư-hầu đi đạo này lúc đó, đại-đề là họ vì cái chính-lược nhất-thời, có sở-nhân mà đi đó thôi. Còn như dân-gian thì chưa phải là thực lòng cảm-hóa đâu.

Gia-chi-dĩ ông Phong-thần-tú-cát 豐臣秀吉 hạ lệnh cấm đạo, rồi đến đời nhà quyền-thần Đức-xuyên 德川 lại đặt ra đạo luật «*tôn-giáo hình-phạt*», đều là những cái đại-bất-lợi cho đạo Cơ-đốc cả. Đến nỗi về sau bao nhiêu người tin đạo đến phải tử vì đạo cả. Thực cũng đáng thương. Cũng vì thế mà họ Đảo-nguyên 島原 phải nổi lên làm loạn, đó là kết-cục cho việc cấm đạo vậy. Mà đạo Cơ-đốc cũng nhân thế bị trung-tuyệt ở Nhật-bản.

### 2. — Thời-đại nhà Đức-xuyên

Đạo Cơ-đốc truyền vào Nhật-bản từ niên-hiệu Thiên-văn thứ 10 (1541), đến niên-hiệu Khoan-vĩnh thứ 15 (1638) thì thị-tịch. Cái kết-quả sự-nghiệp trong một trăm năm trời ấy, thực có một cái ảnh-hưởng lớn cho tôn-giáo nước ấy. Nhà Mạc-phủ Đức-xuyên thấy cái loạn Đảo-nguyên lấy làm sợ mà đặt ra đạo luật « *nghiêm cấm tà-tông-môn Thiết-chi-đan* 邪宗門切支丹 ». Vì muốn cho cấm-lệnh ấy thực-hành, lại đặt ra điều luật « *kiểm-tra sự tín-ngưỡng* », mà giao cái quyền kiểm-tra ấy cho bọn nhà sư. Nhất-diện thì bắt dân-gian phải cưỡng-tòng pháp-luật ấy; nhất-diện thì lấy uy-quyền ủng-hộ cho kẻ tăng-đồ.

Từ đó trở đi hơn 200 năm Nhà-nước thăng-bình mà những chế độ về hình-thức như thế vẫn không cải bỏ đi. Vì vậy mà trong cõi tín-ngưỡng của Nhật-bản tiêu-diệt hết không còn một chút sinh-khí nào nữa. Nhân-dân bấy giờ chỉ biết có những đám hội chùa, nơi đàn-việt, chỗ trai-tiếu mà thôi, ngoài ra không còn có tí gì đáng gọi là tôn-giáo nữa. Bọn sư-mô thì ăn no ngủ kỹ, chẳng lo-lắng gì, rồi sinh ra có những câu như ở Việt-Nam ta: « *Nay mười tư mai lại hôm rằm, ai muốn ăn oản lễn nằm với sư* »! Phật-giáo suy-đồi bại-hoại đến thế là cùng.

Bấy giờ có phái Đông-Bản-nguyện-tự 東本願寺 nhờ được Mạc-phủ bênh-vực, dựng được một tòa chùa lớn ở mé nam kinh-đô, tốt đẹp không biết chừng nào, bọn thiện-tín đến mấy trăm vạn kéo đến lễ-bái, kể cũng là thịnh lắm. Song đó chẳng qua chỉ là một cái cảnh-tượng riêng của phái này, bởi chùa Bản-nguyện-tự phân ra hai phái đông với tây mà phát-sinh ra đó thôi, chớ không gọi là hanh-vận của Phật-giáo được.

Cho nên Phật-giáo ở đời Đức-xuyên là cực đồi-bại. Tuy cũng có những tay nhà sư trác-lạc, như Thiên-hải 天海, Thiết-nhỡn 鉄眼, đạo-đức như Bạch-ẩn 白隱, Vô-ẩn, học-thức như Bảo-đàm 寶潭, Phả-tịch 普寂, Từ-vâu 慈雲; Song cũng gọi là xuất-sắc hơn các sư-mô bấy giờ đôi chút. Chớ đem mà so với các tăng-đồ ở về đời nhà Túc-lỵ về trước là cái thời-đại Phật-giáo toàn-thịnh thì không thấm vào đâu. Cho nên cái tiền-đồ của Phật-giáo Nhật-bản bấy giờ chẳng khác gì như ngọn đèn trước gió chỉ chực tắt lúc nào không biết. Vả

bọn nhà nho bấy giờ lại công-nhiên chia rẽ với nhà Phật mà mở rộng cái thuyết « *trung-hiếu đạo-đức* » ra để cổ-súy trong hàng sĩ-phu.

Lại từ đời nhà quyền-thần Hưởng-bảo 享保 về sau, phái quốc-học lại phục-hưng, những thuyết thuần-túy Thần-đạo lại phản-đối với Phật-giáo. Mà trong Phật-giáo thì không có một người nào là tài cao học rộng đủ giữ lấy nhà mà chống-chọi với ngoài. Gọi là bậc cao-tăng bấy giờ cũng chẳng qua chỉ thuộc được vài quyển giải-nghĩa của sơn-môn minh, đã tự xưng là bác-thông Phật-học rồi. Thế mà trong bọn nhà Nho thì lại có người quán-thông cả kinh Tam-tàng, vào đến cõi tinh-vi nhà Phật mà phát ra được nhiều nghĩa hay cùng lời bàn rộng. Một nhà thương-chủ ở Đại-bản 大阪 là Phú-vĩnh-trọng-cơ 富永仲基 đem tất cả bao nhiêu kinh-sách nhà Phật ra đọc hết một lượt, rồi làm ra một quyển nhan là « *Định hậu ngữ* 定後語 ». Nói khám-phá ra rằng : « *Những kinh-điển của phái Đại-thừa, vốn không phải là lời của Phật nói.* » Chư-tăng bấy giờ trông thấy quyển sách ấy lấy làm kinh-hãi hết vía. Lại một nhà nho ở kinh - đô là Phục-bộ - thiên-du 服部天遊 thì viết một quyển đề là « *Sích lõa lõa* 赤裸裸 ». Đem tất cả kinh-điển của phái Đại-thừa ra mỗi chỗ làm một bài án nói rất nghiêm-khắc. Phàm những lời giáo-phán 教判 của phái Thiên-thai mà xưa nay trong nhà chùa rất lấy làm quí-trọng, thì ông bài-bác cả đi. Ấy hai người ấy cũng chỉ vì cái công-phu học-vấn khảo-cứu nó kết-quả ra như thế đó, chứ có phải là họ cố-ý thù-hiềm gì Phật-giáo đâu.

Sau lại có Bình-điền-đốc-dẫn 平田篤胤 cũng viết một quyển là « *Định tiếu ngữ* 定笑語 » để phê-bình Phật-giáo. Lời nghị-luận cũng nhiều chỗ không thiết-đáng, nhưng ông này tinh-thông sách Phật thực đến bậc Hòa-thượng bấy giờ cũng không bằng. Vậy đủ biết cái tình-trạng Phật-giáo Nhật-bản lúc ấy suy-đốn là nhường nào.

Hai giáo Nho Phật ở Nhật-bản vẫn tự cổ đến giờ, cứ thay nhau một bên suy một bên thịnh. Cho nên trong thời-đại nhà Đức-xuyên là buổi Phật-giáo suy kém thì cái khí-vận của Nho-học đã nhô lên ngay từ hồi đầu rồi. Đằng-nguyên-tinh-oa 藤原惺窩 là một người bắt đầu bỏ Phật về với Nho mà tuân theo cái thuyết « *tính-lý* 性理 » của thầy Chu-tử. Sau học trò của Đằng-nguyên tinh-oa là Lâm-la-sơn 林羅山 làm đến chức Đại-học-đầu 大學頭 cầm quyền giáo-dục của Mạc-phủ, bèn quyết-định lấy học - phái của Tống - nho 宋儒 làm chính-thống của Nho-đạo

Trung-giang - đằng-thụ 中江藤樹 với Hùng-trạch-phiên-sơn 熊澤蕃山 thì lại chăm cổ-động về cái thuyết « *tri hành hợp nhất* 知行合一 » của thầy Vương Dương-Minh để đối-lập với phái trên.

Trong Nho-học Nhật-bản bấy giờ đã phân ra làm hai phái là Tống-học với Vương-học ganh nhau, thì lại nẩy ra một phái Cổ-học 古學 nữa là ba, cũng là cái lý-thế tất-nhiên như vậy. Bấy giờ Nhà-nước có định một đạo luật cấm « *dị-học* 異學 » để ngăn cái tệ chi-phái đi, nhưng cái sức tín-ngưỡng tự-do của họ mạnh quá, nên cấm-lệnh cũng không có hiệu-lực gì.

Phái Tống-học được Mạc-phủ nhận cho làm chính-thống rồi, ỷ quyền cậy thế, dần dần dưỡng-thành ra cái thói nhân-tuần. Phái Vương-học thì nhân có bọn di-thần 遺臣 nhà Minh Trung-quốc lánh sang thì lại càng thêm sáng rực lên. Còn phái Cổ-học thì cũng không thoát khỏi phạm-vi của Nho-giáo, nhưng biết lấy cái tư-tưởng tự-do mà mở-mang những điều sáng-kiến. Tức như Y-đằng-nhân-trai ở Kinh-đô thực là một vị thủy-tổ của phái này.

Ông rất tôn-sùng đức Khổng-tử mà phát-huy cái tinh-thần của ngài ra. Ông lại phát-minh ra nhiều ý hay nghĩa mới như là viết quyển « *Luận Mạnh cổ-nghĩa* 論孟古義 », đem cái chủ-nghĩa « *tiến-hóa* 進化 » mà giải-thích cho các vấn-đề về « *nhân-tính* 人性 với *nhân nghĩa* 仁義 ».

Kế đó lại có Vật-tổ-lai 物徂來 lập ra một thuyết là « *thuần-túy hiện-thế đạo-đức* 純粹現世道德 ». Học-thuyết của ông này lấy công-lợi làm cái gốc lớn của đạo-đức, lấy lợi-dụng hậu-sinh là đạo của Thánh-nhân. Suy-lý đến cực-đoan, rồi đến cả Khổng-tử ông cũng có điều ngờ.

Ấy cũng vì lẽ đó mà trong Nho-giáo, một bên Tống học với một bên Cổ-học trái ngược hẳn nhau. Làn sóng vỗ mạnh mà sinh ra lắm ngả nhiều dòng. Nay phân đại-khái ra làm ba là: 1° — *Biến theo Chi na*. 2° — *Nhật-bản tinh-thần*. 3° — *Nhân-đạo chủ-nghĩa*.

Lúc Vật-tổ-lai mới lập ra phái Cổ-học thì ông đã lấy đạo-đức với kinh-tế làm chỗ trung-tâm của chủ-nghĩa ấy. Nay ông biết rằng muốn thực-hành chủ-nghĩa ấy mà không nhờ vào văn-tự thì không được. Bởi vậy ông bèn bài-bác lối huấn-hỗ hán-văn của phái Tống-học đi, mà sùng chuộng lối học tiếng Tàu, ông cho rằng bỏ lối học ấy đi thì viết văn Tàu không thể nào hay được. Sau lưu-tệ đến cử-quốc Nhật-bản đều túy-tâm về người Tàu. Không những một việc văn-chương, đến cắt-nhắc một cái gì mà không được giống Tàu thì lấy làm sỉ-nhục. Xem như ông Tổ-lai tự-xưng là: « *Đông-di chi Vật Mậu-khanh* 東夷之物茂卿; *Tôi Vật Mậu-khanh người rợ Đông-di* », thì đủ hiểu.

Xuống đến cuối đời Mạc-phủ, bọn nhà Nho chỉ biết có nghề làm văn thơ mà thôi. Thành ra trong nước Nhật-bản lại hiện lên một bọn « *viết thếp văn Tàu* » nữa, ấy là cái công-hiệu của phái Tổ-lai vậy.

Đang cái thời ấy, ở Nhật-bản lại có một phái là « *Chiết-trung học* 折衷學 ». Phái này lấy tập chữ cho tốt, cắt nghĩa đen cho tinh, là hết cả tài-năng của nhà Nho. Họ lại cho rằng lối học như thế là kiêm được cả hai phái Cổ-học với Tống-học. Song kỳ-thực thì phái này chỉ gây ra một giống học vô-dụng mà thôi.

Ấy đấy, sùng-bái người Tàu đã làm mất cả tính độc-lập của sự tư-tưởng của mình đi, mà cứu-cánh rồi đến cả cái tinh-thần của người Tàu cũng làm mất hết. Biến thành ra một giống tử-học 死學 vậy đó thôi.

Ngay bấy giờ cũng trong phạm-vi của Nho-giáo mà vẫn giữ được cái tinh-thần của Nhật-bản thì có Hoàng-môn-quang-quốc-khanh 黃門光國卿 ở Thủy-hộ 水戶 là người rất có thế-lực. Tính ông đã hiếu-học lại được cảm-hóa những học-thuật ở Kinh-đô. Phàm những cổ-văn cổ-sử là ông được đọc qua cả. Cái chủ-nghĩa thượng-cổ 尚古 về quốc gia của ông là uyên-nguyên từ đấy. Đối với Thần-đạo thì cái học của ông tuy chưa được là hoàn-toàn thuần-khiết cả; song đang khi quốc-giáo sút kém, ông thực có công khai-đoan để mở tinh-thần ra cho quốc-dân vậy. Lại thêm được bọn Tố-hành 素行, Phiên-sơn 蕃山, là những bậc khí-khái, nhân phản-đối lại cái lệnh « *cấm dị-học* » của Mạc-phủ mà nẩy mầm ra cái tư-tưởng « *thân-cận vương-triều* ».

Nhân lại gặp một người di-thần của nhà Minh Trung-quốc là Chu Thuấn-Thủy 朱舜水 trốn sang Việt-Nam ta rồi lại từ Việt-Nam ta sang ở Nhật-bản. Họ Chu đem cái quốc-gia-tư-tưởng một cách rất khẳng-khái bi-tráng đến để cảm-hóa cho họ Hoàng-môn trên kia, rồi nhờ các nhà ấy giảng bàn biện-luận với nhau mà cái nghĩa

quốc-gia với vương-bá ở Nhật-bản lại sáng rõ ra được. Vì vậy mà cái học-khí ở Thủy-hộ bèn nổi danh ở đời, cảm-hóa được các bậc công-khanh xử-sĩ nhiều lắm. Đến đầu thời duy-tân, cái học ấy vẫn thịnh lắm, bèn đứng làm tay đại-chủ-động cho cái thuyết « *tôn-vương nhương-di* 尊王攘夷 » vậy.

Sau nữa nhờ có Sơn-dương 山陽 làm sách « *Nhật-bản ngoại-sử* », rất hâm-mộ những thời đại của Vương-triều từ trước đời nhà Nguyên-bình 源平. Ông ngụ ý rất kín-đáo để cảm-khái về những cớ gây nên chế-độ quyền-thần. Lại Đông-hồ 東湖 thì làm bài « *Chính-khí ca* », cho rằng : « *Cái chính-khí của trời đất vẫn bàng-bạc nơi Đông-phương là nước Nhật-bản này.* » Ông làm bài « *Lưu-hồn-lục* 留魂錄 » cho rằng « : *Nguyên khí của vũ-trụ cùng chung thủy với chốn đất tổ quê cha.* » Ấy các nhà trên ấy đều là đem cái tôn-giáo thuộc về đạo-đức hiện-thế để cổ-động nhân-tâm cả.

Ngoài ra lại còn nhiều những kẻ chí-sĩ bực mình vì Mạc-phủ khinh-miệt Vương-triều và bị ngoại-di lăng-bức, sau họ đến nỗi vì cái chủ-nghĩa thượng-cổ thuộc tính quốc-gia mà chết. Đó là theo về cái học-phong có khí-phách của đất Giang-hộ cả vậy.

Thấm-thoát không mấy lúc nữa thì lại chuyển sang cái chủ-nghĩa nhân-đạo của bọn Bối-nguyên-ích-hiên 貝原益軒, Thạch-điền-khâm-bình 石田勘平, là một chủ-nghĩa dịu-dàng êm-ái, có cái cảnh hòa-khí xuân-phong.

Bắt đầu về chủ-nghĩa này thì có Trung giang Đằng-thụ 中江藤樹 cả xướng lên cái học-thuyết của Vương Dương-Minh, hợp *lương-tri* với *thiên-lý*, *tri* với *hành* làm một mà chủ-trì cái nghĩa tự mình phải thực-hành. Trước còn cảm-hóa được một làng, sau lan rộng ra cả xứ Trung-quốc (là tên một quận Nhật-bản). Người đời gọi ông là « *Cận-giang thánh-nhân* 近江聖人. »

Kế tiếp ông Trung-giang mà nổi lên thì là Bối-nguyên-ích-hiên. Đạo của ông này thì cho : « *Âm dương đều bởi ở đạo trời. Đạo trời là gì, là chữ thành* 誠 *vậy. Nghĩa là thành-tâm thành-ý, thể theo đạo trời mà thi-hành đạo người đó*). Ông có làm ra những sách dạy nhi-đồng nam-nữ, viết bằng một giọng văn bình-dị dễ hiểu, nên được thịnh-hành ở đời.

Nay ta xét học-thuật Nhật-bản bấy giờ, Nho thì tranh nhau dòng nọ phái kia, Phật thì túi cổ ngủ kỹ. Sĩ-phong ngày đê-hạ, dân-tục ngày càng sinh ra dâm-đãng lười biếng, chưa có ai ra mà giáo-hóa cho đời. Tuy có bọn Nhân-trai, Đông-nhai, thì cái giáo-hóa lại không đạt được đến hạng người dưới bậc sĩ-tử. Cho nên đương thời buổi ấy mà Bối-nguyên-ích-hiên biết vận-động về chủ-nghĩa nhân-đạo và tu-dưỡng về đường luân-lý, lại thuyết-pháp cho người ta nghe bằng những lời-lẽ giản-dị để cho bọn phụ-nhụ cũng hiểu được, thì ông thực là biết chốn trọng-yếu vậy.

Đến thời nhà Hưởng-bảo, ở Kinh-đô có Thạch-điền-khâm-bình với Mai-nham 梅巖 cũng đều theo cái phong của Đằng-thụ với Ích-hiên, đem nghĩa tu-thân là một nghĩa cốt-yếu mà thuyết-pháp cho dân-gian.

Đồng-thời lại có một phái học gọi là tâm-học. Phái này thì coi cái nghĩa « *Tính-lý* » của Tống-học mà theo về cái thuyết « *lương-tâm* » của Vương-học ; lại thêm cái tinh-thần của thuyết « *hiển-tính* 顯性 » nhà Phật vào nữa mà giải-thuyết về nhân-đạo.

Ý-nghĩ của phái này cho rằng : « *Người ta ai cũng có cái lương-tâm từ*

*khi phú-bẩm thì mới thành ra người. Vậy người ta phải phát-hiện cái lương-tâm ấy ra thực-hành để thuận theo tính hằng của trời cho, thì tức là cái gốc của mọi điều hay nết tốt đó.* » Vì vậy mới phát huy bản-tính thiên-nhiên ra mà cho rằng : « *Khổng-Mạnh gọi là « nhân 仁 » là « minh-đức 明德 », Dương-Minh gọi là « lương-tri », Phật gọi là « bản-lai Phật-tính » ; đều không ngoài cái lương-tâm ấy cả. Vậy người ta phải khử hết cái bụng tư-dục đi, mà thành-thực theo lên con đường thiên-đạo.* » Ấy tôn-chỉ của phái Tâm-học như thế. Thủ-đảo-đồ-yêm 手島堵菴 thì đem truyền-bá ở Kinh-đô. Trung-trạch-đạo-nhị 中澤道二 thì đem truyền-bá ra Giang-hộ ; còn các xứ khác cũng đều đua theo. Phái Tâm-học bèn đứng ra vận-động cho lan khắp dân-gian. Dầu từ nơi ngõ hẻm thôn cùng cũng đi đến để tụ-chúng diễn-giảng. Vì vậy mà cử-quốc đều qui tâm về đạo ấy. Về sau ở Giang-hộ có Bố-thi-tòng-ông 布施松翁, Sài điền-cưu-ông 柴田鳩翁, đều là những tay cự-phách trong phái ấy.

Một tôn-giáo thuộc về nhân-đạo như thế là lấy rằng cái tính thiên-phú của người ta với đạo trời là một mối. Cho nên họ muốn đem thiên-đạo tức là nhân-đạo ra làm cái phép xử-thế cho đời. Nay xét đến cỗi rễ cũng là thoát-thai của Nho Phật, ra rồi phát-dương cái tôn-chỉ của nhà tôn-giáo về luân-lý lên đó. Vì thế cho nên kẻ chủ-động với kẻ qui-y trong phái này đều không có bụng kỳ-nệ gì về dòng nọ phái kia cả. Tức như hai thầy Mai-nham với Đạo-nhị là người trong Thiền-tông, thầy Đồ-yêm thì vốn ở phái Vương-học, thầy Cưu-ông thì xuất-nhập cả tam giáo Nho, Phật, Thần. Vì họ nghĩ rằng nhân-đạo ở trong lẽ phải, cho nên trong đạo của họ, vô-luận người nào, không phân-biệt vị-thứ cao hay hạ, học-vấn thiển hay thâm gì cả, chỉ cốt ai nấy đều mở-mang bản-tính của mình cho sáng-láng ra để làm lấy đạo trời là việc đáng nên làm là được.

Đạo này họ cũng lại không lập ra bề bậc là hạng người nào đã có cái nghĩa dễ hiểu của hạng người ấy. Cho nên họ làm ra những sách vở để giảng học, đều lấy lời-lẽ giản-dị làm cốt. Cứ nói rõ-ràng chứ không cần viển-vông gì.

Coi đó thì biết cái chủ-nghĩa nhân-đạo này, thoạt coi bề ngoài thì tựa-hồ là chiết-trung của Nho, Phật mà ra, nhưng kỳ-thực thì họ đem mọi việc tri-hành qui-nạp cả cho bản-tâm, dung-hội cả các giáo khác mà thống-nhất lại. Lại bỏ được cái tư-tâm về dòng phái, chỉ cốt dạy người ta thực-hành lấy điều đạo-đức cho trọn đạo làm người mà thôi. Những lối vận-động mới-mẻ như thế, thực ở Nhật-bản tự cổ-lai chưa có một giáo-phái nào như thế.

*(Còn nữa)*

Đỗ-NAM *biên-dịch*

# NGHI-LỄ PHỔ-THÔNG (1)

II

## II. — Tang-lễ 喪禮

Năm lễ cũng không lễ gì lớn bằng lễ tang, cũng không lễ gì thận-trọng bằng lễ tang. Không thận-trọng thời có lẽ hối-hận về sau, nhất là đến đồ gì quan-thiết đến thân-thể người chết, và những việc trị-quan càng phải nên cẩn-thận lắm ; còn những nghi-tiết tế-lễ là thức ở bên ngoài, thời nên tùy gia-lực giàu nghèo mà làm cho được xứng-đáng. Đức thánh Khổng dạy : « *Xứng gia chi hữu vô* 稱家之有無 », nghĩa là xứng nhà có hay không, không nên miễn-cưỡng.

Tục ta có người mê-tín về sự làm chay, khi bố mẹ chết rước sư về làm đàn năm bảy ngày, cầu cho cha mẹ thoát khỏi địa-ngục để lên thiên-đường, nào biết bố mẹ phạm tội gì mà phải kêu cầu, như thế cũng là không phải ; lại sùng-thượng về sự làm ma, tuần nọ tiết kia tế lễ linh-đình, lấy thế làm báo hiếu, nhưng không biết nhà có người chết mà dân làng đến đấy ăn uống có đáng hay không.

Bố mẹ chết còn để trong nhà, mà mình đã đi khoản-đãi dân làng. Tự hỏi lương-tâm có phải là hiếu không ? Tục có câu : « Thế-gian còn dại chưa khôn, sống mặc áo rách chết chôn áo lành ». Lại có câu : « Khi sống thời chẳng cho ăn, đến khi chết xuống làm văn tế ruồi ». Lời nói ấy thật là chính-đáng.

Có người gộ-nhận lấy câu : « *Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn,* 事死如事生。事亡如事存 ». Lúc đưa ma bố mẹ, làm cỗ bàn lễ chiêu-điện tịch-điện và minh-tinh nhà tán các đồ khí-dụng như lúc cha mẹ còn, nhưng không hiểu nghĩa hai câu ấy là thánh-hiền dạy người ta làm con thờ cha mẹ, lúc sống phải hiếu-thảo thế nào, đến khi chết cũng phải hiếu-thảo như thế vậy, đừng có làm điều gì trái ý cha mẹ, chí-ý, sự-nghiệp của cha mẹ phải noi theo đó mà làm. Nếu chỉ biết đám ma cho to, để báo hiếu cha mẹ, nhưng trong nhà không có, thậm-chí phải vay công lĩnh nợ, đợ ruộng bán nương, vì một cái khẩu-trái mà mất cả sản-nghiệp của tiền-nhân để lại, thế cũng cho là báo hiếu hay sao? Vậy thời việc mai-táng cốt phải cho cẩn-trọng, việc tế-lễ cốt phải cho thành-kính, còn như nghi-tiết hư-văn cũng phải tùy thời châm-chước cho khỏi phiền.

### Lúc gần mất 臨終

Khi người ốm kịch gần chết thì đưa lên nhà chính-tẩm, nếu không có nhà chính-tẩm thì phải đưa vào gian giữa quay đầu về hướng đông, để hướng sinh-khí, cấm người ngoài không được huyên-náo, rồi hỏi người ốm có muốn dặn gì không, dặn lời gì thì lấy bút ghi lấy, không dặn gì thời thôi.

Thay quần áo xong đem bông để vào mũi đợi khi-tuyệt thời lấy cái đũa gạc ngang vào hai hàm răng, đợi sau còn phạn-hàm, rồi khiến một người cầm cái áo của người chết vẫn thường mặc, đem lên nóc nhà hướng về bên bắc, hai tay cầm áo giơ lên gọi tên người ấy, nghĩa là hú ba hồn bảy vía (hoặc chín) vía ông Mồ bà Mồ đi đâu thời về, gọi như thế ba lần, rồi đem cái áo ấy đậy lên mình người chết.

Chiêu-hồn tục gọi là hú hồn, một là gọi hồn người ấy cho sống lại, một là gọi linh-hồn người ấy về mà nhận lấy phần xác. Phương Bắc thuộc về u-âm, cho nên chiêu-hồn phải hướng mặt về phương bắc.

(1) Xem Nam-Phong 146.

*Gia-lễ* của quan Hồ Sĩ-Dương nói kết hồn bạch rồi mới chiêu-hồn, đối với cổ-lễ không hợp. *Chu-công gia-lễ* nói lúc khi gần tuyệt giải chiếu xuống đất rước người bệnh xuống để đợi khi tuyệt. Như thế tưởng cũng phiền-văn nên thôi. Ngày nay thành-phố theo cách văn-minh bỏ việc chiêu-hồn, duy nhà có người chết, treo hai cái đèn lồng, khiến người ngoài qua đó là đều biết nhà ấy có tang, điều ấy cũng phải.

## Lúc khi tuyệt

Khi đã tuyệt, con cháu thay quần áo khác. Con trưởng phải ngồi một bên, ủy một người quen việc trông coi việc quan-quách cho cẩn-thận. Nếu quan chưa sẵn thời phải mua gỗ đông đặc mà sơn gần cho kỹ, nhà nghèo không mua được sơn, thời dùng lá khoai, xé bỏ những xương lá đi rồi bỏ vào cối đá đâm cho nát, hòa với vôi đâm lại cho nhiễn, xong đem đắp các mạch chung quanh dầy độ hai ba phân ta, bó đến đâu thì lấy giấy trắng đắp bên ngoài, tấm thiên, mạn trong cũng phải đắp lá khoai như vậy, vì việc tang cần nhất là cái áo quan; còn như ván thất-tinh, khoét bảy lỗ hình như sao bắc-đẩu là theo gia-lễ, xét ra không có quan-thiết gì đến thân-thể người chết, bỏ đi cũng được. Tìm thợ may để may đồ khâm-liệm và mũ áo phục cho kịp giờ nhập-liệm và làm lễ thành-phục.

Xét cổ-lễ sáu mươi tuổi phải dự-bị cỗ thọ-đường, tục ta lấy thế làm kiêng, không mấy người sắm trước, nhưng xem ra tử-sinh có mệnh, nếu không dự-bị trước, đợi khi chết mới làm thời sơn gần sơ không được kỹ-càng.

## Lập người chủ tang và người hộ tang

Người chủ tang là người con trưởng, người con trưởng chết, lập cháu đích-tôn để thừa-trọng. Nếu không có cháu đích-tôn thì lập con thứ, không có con cháu thời lập người kế-tự làm chủ-tang. Việc tang bố chết thì người chủ-tang phải bẩm mệnh ở mẹ, mẹ chết thì phải bẩm mệnh ở bố, bố mẹ chết cả thì phải bẩm mệnh ở ông bà, ông bà mất cả, thời bẩm mệnh ở tôn-trưởng.

*Gia-lễ* của ông Hồ Sĩ-Dương nói mẹ chết cha còn thời cha làm chủ-tang, bà chết ông còn thời ông làm chủ-tang, nghĩa là lễ phải theo tôn-thống; nhưng xét ra chủ-tang là chủ việc tang-chế và chủ việc tế-lễ, có con có cháu mà lại phiền đến cha ông thời không xứng tình, nghĩ cứ con trưởng cháu trưởng làm chủ-tang công việc phải bẩm mệnh cha ông thời có lẽ phải hơn.

Ông Vương Sĩ-Trinh nói : Vợ cả không con trai, vợ thứ có con nhưng còn bé, mà vợ thứ ba có con trai lớn, thời lấy con lớn ấy làm chủ-tang. Tưởng như vậy thời mất cả trật-tự, và sợ sinh ra kiện cáo lôi-thôi, nghĩ nên cứ dựng con thứ hai vào chủ-tang, nếu người con ấy còn bé quá thời cho người con vợ ba ấy thay vào tế-lễ mà thôi; còn như chồng chết mà người vợ cả hiện có mang thai, nhưng chưa biết sinh con trai hay con gái, thời người chủ-tang chưa có thể định ngay được, sẽ lấy người con thứ quyền-nghi lúc bấy giờ, nếu sau này người vợ cả sinh con trai thời lấy người con ấy làm chủ, chứ người con thứ không được viện cớ mà tranh dành được.

Trong lễ thừa-tự lập-hiền lập-ái mặc lòng, cốt phải theo thứ-tự, nhưng theo thứ-tự, mà người đáng lập ấy lại không phải là người hiền, mà cũng không phải là người tín-ái, thời lập người nào cho phải ? Vậy việc lập-tự đã theo thứ-tự thời phải có nhất-định, phỏng như hai anh em, anh không có con trai, khi anh mất thời dùng con cả người em để thừa-tự cho anh, về sau này người em ấy trăm tuổi cũng thờ chung với anh một tử-đường, lễ bác rồi lễ cha cũng tiện, chính hợp với chủ-nghĩa tông tôn-đến vậy.

Tục ta có nhà cho con thứ lập-tự cho người anh, như thế thời sau này cháu bác phải gọi cháu chú bằng anh, thế chẳng mất trật-tự đấy dư ?

Việc lập-tự nhiều nơi sinh ra kiện tụng, đến nỗi sản-nghiệp của người chết phá-tán mất cả, xét ra những người đành lập-tự,

thực chỉ dành về của-cải, chứ đối với người chết có lòng hiếu-nghĩa gì đâu, nếu người chết không có của thời chắc không ai dành lập-tự làm gì.

Gần đây Nhà nước cải-lương, nghị cải luật hộ, có ông bàn « vô nam dụng nữ » theo như tục Mường, không con trai thì dùng con gái, đó là cái tục ăn lang, nhà không có con trai thời người rể đến nhà bố mẹ vợ để nối vào cái chức lang ấy, chứ nay lại theo như tục của họ thời người rể đối với tổ-tiên bên vợ không có huyết-mạch gì, phương-chi con cháu người rể họ có thiết gì đến tổ-tiên mình mà họ cúng bái; như vậy thời việc lập-tự không nên theo « vô nam dụng nữ », và cũng không nên theo nghĩa lập-hiền lập-ái.

Người ta ở đời ai cũng muốn có con cháu để nối-dõi tứ-đường hương-hỏa, bất-hạnh không con, sợ sau này chết không có ai chống gậy chịu tang, ngày giỗ ngày tết không ai đơm cúng cho mình, nên phải dựng người kế-tự.

Nghĩ cho kỹ thì lập-tự cũng không bổ-ích gì cho người chết, mà chống gậy cũng không quan-thiết gì đến người chết. Cổ-nhân cư-tang phải có gậy, vì thương bố mẹ, ngày không ăn đêm không ngủ, nên phải có gậy để phù-suy; xem như người đời có tang bố mẹ vẫn thường ăn no uống say, vui-vẻ với vợ con như thường, con đối với bố mẹ có huyết-mạch còn như vậy, huống-chi đến người lập-tự, tưởng cũng là hư-văn, chống gậy cũng là hư-văn. Cha dùng gậy tre, mẹ dùng gậy vông, gậy tre thì tròn, gậy vông thì vuông, tròn là tượng trời, vuông là tượng đất, dùng phân-biệt như thế để biết tang cha tang mẹ khác nhau, chứ không quan-hệ gì đến cương-thường luân-lý. Thói đời vì một cái gậy ấy mà sinh lắm sự lôi-thôi, con lớn con bé và con thứa-tự chỉ vìu một cái gậy ấy mà tranh kiện nhau. Thiết-tưởng người không có trai khi chết người trưởng ngành tiểu-tôn vào cúng-tế không phải dùng đến gậy nữa, khi tống-táng xong, thời bài-vị phụ vào tứ-đường tiểu-tôn, để ngành trưởng giỗ tết cho tiện; nếu có của mà không có con trai, thời cái của ấy nên chia làm ba phần: một phần để cho người ngành tiểu-tôn nhận lấy kỵ chạp; một phần chia cho người con gái; một phần để làm ma, có thừa thời để chung họ làm việc công-ích; nếu người chết ấy không có sản-nghiệp gì thời trong họ cũng phải trích một món tiền hoặc ruộng để giao cho ngành trưởng tiểu-tôn sau này cung việc giỗ tết, để tỏ chút cảm-tình với người chết ấy.

### Lập người hộ-tang và người giúp lễ.

Chọn một người trong họ biết lễ và quen việc để coi nom việc tang, một người tướng-lễ, phàm công việc nên xử-trí thế nào cho ổn-đáng thời bàn định với người chủ-tang mà làm cho khỏi sai lầm. Lại chọn một người tư-thư để biên sổ sách, một người tư-hóa để trông coi lễ-vật đương lúc việc tang. Nếu nhà nghèo nên dùng một người hộ-tang kiêm cả tướng-lễ và tư-thư tư-hóa cũng được.

### Mộc-dục và phạn-hàm

Dùng cái màn che bên ngoài người chết, đặt một cái bàn nhỏ rồi nấu nồi nước ngũ-vị-hương, hai vuông khăn vải trắng hoặc lụa, một cái lược thưa, một con dao con, cùng là quần áo mới của người chết đặt trên trước bàn cho chỉnh-bị.

Khi mộc-dục lấy khăn bao từ mặt cho đến rốn và hai tay rồi, thay nước đổ ra cái chậu khác, lấy chậu nước khác bao từ rốn cho đến chân. Mộc-dục cho người đàn ông thời phải dùng đàn ông trong họ, mộc-dục cho người đàn bà thì phải dùng con gái cháu gái hoặc người trong họ. Xong lấy lược gỡ tóc và cắt móng tay móng chân những móng ấy và tóc rụng phải phong riêng cho cẩn-thận đợi khi nhập-liệm đem bỏ vào quan.

### Đồ phạn-hàm

Một đĩa gạo, một đồng tiền bạy phân vàng để vào cái đĩa, người chấp-sự cầm cái thìa xúc một ít gạo, một đồng tiền, sẽ đổ vào trong mồm, cất

đũa ra, xong rồi vấn khăn và quần áo cho được chỉnh-đốn.

Phạn-hàm, nhân khi sống ăn bằng gạo đúng bằng tiền, nên lúc chết phải theo như vậy.

*Gia-lễ*, ông Hồ Sĩ-Dương phạn-hàm đến ba lần tưởng cũng phiền-văn quá. Tục ta nhà phú-qui đồ khâm-liệm dùng bằng vóc nhiều, đến bà hoa hột vòng xuyến lúc sinh-nhật thường dùng, đem liệm cả cho người chết, lấy thế làm sang-trọng, nhưng không biết quân gian thấy thế, nó thường đào mả để bóc lột những đồ ấy, thành ra mất của mà di-lụy cho người chết. Thế chẳ phải là phi vô-ích đấy dư ?

### Kết hồn bạch

Khi chưa để thần-chủ thì dùng năm vuông lụa bạch, kết thành như đầu người, hai bên hình như hai tay, còn thừa rủ xuống làm hai chân. Nếu nhà nghèo không có lụa lấy tờ giấy trắng chếp giữa viết danh-hiệu dán vào bài-vị cũng được. Nay cũng nhiều nhà chụp ảnh thời thần nương ở ảnh, không dùng hồn-bạch cũng được. Xong bày lên hương-án, bốc bát hương và cơi trầu nậm rượu bày bàn thờ thì thôi.

Tục ta có nơi dơm bát cơm, vót hai cái tre hình như đôi đũa cắm lên trên bát cơm, rồi để cái trứng luộc bày trên chỗ bài-vị, đó là tùy tục chứ cổ-lễ thì không có.

### Lễ nhập-liệm 入 斂

Dùng hai thỉ bông trắng để lọt vào hai tai, dùng lụa hoặc vải một vuông bốn góc khâu bốn cái giải đậy lên trên mặt bốn cái giải ấy buộc về đằng sau, và khâu bốn cái bao hoặc vải hay lụa để bao hai tay hai chân, dùng thứ vải rộng dài độ bảy thước làm đai buộc ngang bụng cho chặt. Đồ tiểu-liệm, vải để dọc một đoạn, dài mười-bốn thước, ngang ba đoạn, dài sáu thước, cái vải ngang ấy đều xé găm làm ba để còn buộc ; đại-liệm thì vải ngang vải dọc cũng theo như đồ tiểu-liệm, nhưng vải ngang thời phải năm đoạn, đều dùng nửa khổ vải mà không có xé đầu, khâm thời năm khổ vải dài mười-hai thước, vải tạ-quan thời khâu sáu khổ, vải dài sáu thước. Đồ khâm-liệm đã chỉnh-bị rồi, thời giải chiếu xuống đất ở chỗ gian rộng, trước đặt năm đoạn vải ngang, sau mới đặt bức vải dọc lên trên, rồi đặt vải đại-liệm lên trên cái vải dọc ấy, hễ đặt lần nào thời phải lấy mực đánh ghi cho đúng, rồi phải lấy kim chỉ đính lại cho kỹ-càng. Xong sẽ đặt đồ tiểu-liệm lên trên, lấy kim chỉ đính làm một. Bấy giờ mới rước thây ấy đặt lên trên đồ khâm-liệm, có đồ bổ-khuyết bằng bấc hoặc bằng giấy thời cứ thế mà liệm. Nếu không có đồ bổ-khuyết thời phải lấy áo cũ mà đệm vào hai bên vai và hai dưới chân cho đều rồi sẽ gấp hai bên vải lại, trước bên tả, rồi sau bên hữu, thứ nữa gấp cái vải mạn đầu xuống, gấp cái vải mạn chân lên ; buộc cái đai ngang lại cho chặt, tiểu-liệm đã xong mới đến đại-liệm, rồi cứ theo lần lượt mà buộc lại, cách-thức cũng theo như tiểu-liệm vậy.

Đại-liệm tiểu-liệm xong rồi giải vải tạ-quan ra, đặt thây liệm vào giữa.

### Lễ nhập-quan

Lúc nhập-quan, người con trưởng đứng trước, trai gái đứng hai bên hướng vào quan mà khóc. Lúc ấy cử sáu người chấp-sự đứng hai bên cầm cái vải tạ-quan mà rước thây vào quan cho êm-ái, người chấp-sự xem chỗ nào còn khuyết thời phải lấy áo cũ hoặc giấy trắng mà điền vào cho kín rồi gấp vải tạ-quan lại, mạn đầu gấp xuống, mạn chân gấp lên, thứ nữa gấp bên tả sang bên hữu, bên hữu sang bên tả. Xong rồi sẽ đem sơn bỏ vào hòm quan cho đòng đặc, rồi đậy mặt quan lại, đóng

đanh cho chặt (nhà nghèo không có sơn, thời dùng vôi với lá khoai cũng được), nhưng phải dùng sáu cái nẹp, trên quan đặt ba cái, dưới quan đặt ba cái, rồi lấy lạt tre mà ràng lại cho kiên-cố, cốt để khỏi hơi xông ra ngoài mà đèn lửa ở chỗ quan thì phải giữ-gìn cho cẩn-thận, sợ lỡ ra thất hỏa, nên phải phòng xa.

### Minh-tinh

Minh-tinh thì dùng bằng lụa trắng có quan-chức thì lụa dài, không chức tước thì lụa ngắn, viết bằng phấn, chữ rằng: « Mỗ tước mỗ công chi linh. » Không quan-tước thì tùy lúc sinh-thời xưng-hô mà viết. Minh-tinh ấy thì treo ở bên quan; còn như linh-sàng thời tưởng là phiền-văn nên chước

Minh nghĩa là ghi chức tước họ tên người chết; tinh nghĩa là cái cờ tinh-biểu khiến cho người ta đều biết.

Sách *Gia-lễ* ông Chu Văn-Công nói minh-tinh tam-phẩm trở lên dùng chín thước; tứ-phẩm trở xuống dùng tám thước; lục-phẩm trở xuống dùng bảy thước. Minh nghĩa là ghi chức tước danh-hiệu người chết, tinh là làm như cái cờ tinh để tiêu-biểu sự-nghiệp của người chết; người ngoài viết chứ không phải là con cháu làm ra, nên nhiều nhà viết chữ « cố-phụ cố-mẫu » thế không hợp-lễ.

Còn lễ nhập-quan.— Cổ-lễ tang-thứ quan đặt đầu mạn nam, chân mạn bắc, thế là quan đặt dọc, con trai con gái phục hai bên, nhưng nhà hẹp đặt dọc không tiện, nên tục ta đặt quan ngang.

*Gia-lễ* ông Hồ Sĩ-Dương nói: kẻ hiếu-tử chớ nghe thầy âm-dương câu-nệ chọn ngày mới nhập-quan, vì để lâu sợ uế-khí xông ra ngoài không tiện.—Cho nên trong 24 giờ phải nhập-quan, chọn giờ không phải chọn ngày. Người chết phạm phải giờ độc trùng-tang hay là liên-tang đã có phép trừ-trị, phép trừ-hung nên theo *Thanh-thận gia-lễ* của quan Lê Qui-Đôn dùng Hà-đồ Lạc-thư và thuốc phù nói rõ sau này: lấy gỗ hoàng-bá làm cái hòm dài 7 tấc rộng 2 tấc, lấy giấy vàng bút son viết một đạo thần-phù kết như hình người để vào trong hòm, lại dùng mười cái lá triệt-lộ mỗi cái lá viết son hai chữ, viết xong, lấy chỉ ngũ-sắc buộc lá ở vòng trong, lá có thuốc trừ rồi bỏ trong hòm đậy kín lại, lấy cái giấy triệt-lộ và mười lá viết bốn chữ buộc ngoài hòm cho cẩn-mật, xong để vào trong quan trên thây chết; phép đó là theo về môn phù-thủy, chứ không phải là cổ-lễ. Hiện nay có nhà người chết phạm giờ độc mà không biết cách trừ-hung, sợ xẩy ra nhiều sự khốn-nạn cho đến con cháu, tuy thời-đại văn-minh, nên bỏ những điều mê tín đó đi, song hoặc có người cho đó là việc quan-hệ về huyết-mạch, đạo làm con nên phải đề-phòng để khỏi nghi-ngại về sau, thì phù phép cứ xem ở bộ *Thanh-thận* mà viết.

### Chiêu-điện tịch-điện 朝奠夕奠

Người con trưởng ra đứng chực chỗ linh-tọa, trai gái đứng sau, người chấp-sự rửa tay dâng lễ điện lên trước ăn xong, người chấp-sự tới trước linh-tọa đốt nhang rót rượu dâng điện, người con trưởng chống gậy đúng đấy, trai gái đều lạy hai lạy, người chấp-sự đậy mâm cơm lại, con cháu cử-ai rồi lùi vào tang-thứ.

Cổ-lễ đặt quan ở giữa chỗ tang-thứ, thì con trai bên tả, con gái bên hữu, khi quan còn để ở nhà thì chỉ lễ ở chỗ tang-thứ không ra lễ bên ngoài. Tục ta đâu thôn nhà chật không bày tang-thứ, nên phải lễ bên ngoài.

### Lễ thành-phục 成服 (1)

Trong bốn ngày làm lễ thành-phục, các người ngũ-phục đã chỉnh-bị mũ áo xong, người xướng lễ xướng tự-lập, người chủ-nhân ra đứng trước chỗ linh-tọa, còn trong ngũ-phục cứ theo thứ-tự mà đứng, con trai bên tả, con gái đứng bên hữu, người chấp-sự rửa tay lau tay đốt hương, rót rượu,

(1) Người nào để trở bao nhiêu, xem bản cửu-tộc ngũ-phục của bản-chí đã đăng ở *Nam-Phong* số 98, từ trang 123 đến 135.

dâng rượu xong, chủ-nhân cùng các người ngũ-phục cử-ai, lạy hai lạy rồi lui vào chỗ tang-thứ.

Tục ta lễ thành-phục cũng nhiều nhà theo lễ *Thọ-mai* có tế-văn, nhưng xét cổ-lễ và *Chu-công gia-lễ* khi chưa chôn thì không có tế-văn. *Gia-lễ* của quan Bằng Đôn cũng chỉ dùng lễ thành-phục tương-điếu mà thôi, chứ không có dùng văn-tế. Như thế cũng giản-tiện và hợp với cổ-lễ. Nếu trước khi chưa đưa, con cháu hoặc thân-bằng có muốn dùng tế-văn để tỏ tấm lòng thương nhớ, dùng văn chữ hoặc văn nôm, chỉ đọc mà thôi, chứ không đốt, vì lúc chưa chôn còn phải lấy cái cách sinh-thời mà đối với người chết.

## Lễ phúng-điếu 賻弔

Thành-phục xong, họ-hàng thân-thích mới làm lễ phúng-điếu. Khi người vào điếu, người trong họ thì không phải đáp lễ, còn người ngoài người nào đến phúng cũng phải đáp lễ, tùy người sang-trọng thì chủ-nhân phải đáp lễ, còn người thường thì cử người em thứ đáp lễ cũng được. Người đến phúng quen biết người chết có lòng thương thì cử-ai lễ hai lễ, còn người quen biết với người sống thì chỉ đến hỏi thăm mà thôi.

Sách *Khúc-lễ* có câu: « *Tri-sinh giả điếu, tri tử giả ai* 知生者吊。知死者哀。» Nghĩa là biết người sống mà không biết người chết thì chỉ có lễ điếu mà không vào khóc; biết người chết mà không biết người sống thì chỉ khóc chứ không điếu. Tục ta nhiều người không quen với người chết bao giờ đến phúng thì gật đầu ba lần, khóc giả ba tiếng, như thế chả là vô-vị lắm dư?

Người Nhật-bản trước xưa cười tục nước ta việc phúng-điếu ba lần gật đầu ba tiếng ô-hô, như là trẻ con đùa bỡn, và nhà có tang, tân-bằng đến phúng-điếu, cỗ bàn yến-ẩm như là tiệc mừng vậy, mà nhiều nơi vẫn còn giữ thói dã-man như thế. Nay thời-đại văn-minh ta cũng không nên câu-chấp thói cũ, làm thế nào cho hợp lẽ xứng tình thì thôi. Đến như phúng-điếu dùng bằng văn trướng, câu-đối thời cổ-lễ không có. Duy trước xưa tang đức Khổng-tử thì ông Công-Tây-Xích làm lời chí, tang ông Tử-Trương thì ông Công-Minh Nghi làm lời chí.

Chí nghĩa là ghi sự-tích và công-nghiệp người chết thôi, chứ có phải là trướng đối đâu. Tục ta việc hiếu nhiều trướng đối lấy thế làm sang, vì vậy những nhà phú-quí có tang, người điếu ai cũng dùng trướng đối bằng vải trúc-bâu, hoặc vóc nhiều thêu, hoặc dán giấy, có đám phí đến ba bốn năm trăm bạc, xong rồi cũng xếp một chỗ, cứu ra không có báo-bổ gì cho người chết, mà lại thêm bận cho cả người sống không ích gì. Vì trướng đối ấy phần nhiều là của ngoại-hóa, ta cũng nên tỉnh-giảm, nếu chưa tỉnh-giảm được nên dùng nội-hóa thì hơn. Chu-công gia-lễ, làm lễ khóc điếu xong rồi, những người ngoài đến điếu, điếu xong thì lui, chứ không có lưu lại nhà tang ăn uống gì cả. Tục ta người ở gần làm như thế cũng được. Nhưng người xa đến điếu mà không lưu lại khoản-tiếp thì không tiện, nên cũng phải theo tục. Nay thiết-tưởng việc hiếu dùng phúng-điếu rất là phiền-văn, nghĩ nên bỏ hẳn, duy thân-thích hoặc tân-bằng ai đến hỏi thăm, lúc bấy giờ đưa danh-thiếp để cảm ơn, nhà không danh-thiếp thì viết những tên hiếu-chủ cảm ơn cũng được, không nên dùng cỗ bàn tiếp-đãi cho khỏi phiền.

## Lễ chuyển-cữu 轉柩

Trước ngày tống-táng, lễ chiêu-điện xong, làm lễ di-cữu ra ngoài sảnh-thứ, vì trong nhà chật hẹp, phải rước ra ngoài để thân-thích tân-bằng đến phúng-điếu, và khi rước ra đồng cũng tiện. Lúc thiên-cữu thì dịch-phu phải sắp sẵn cho chỉnh-tề, cơi trầu nậm rượu đặt trước linh-tọa, người chấp-sự cáo-từ rằng: « Nay được giờ lành xin rước cữu ra ngoài sảnh-thứ », rồi rước hồn bạch hay giá ảnh đi trước rước cữu sau, đi cho đều, chủ-nhân và con cháu trong ngũ-phục theo sau mà khóc.

Lúc yên cữu, để ngang hoặc dọc tùy nhà rộng hẹp, quay đầu mạn nam, hoặc mạn đông. Đó là tùy-nghi không phải câu-nệ, nếu nhà nghèo muốn giản-

tiện cho đỡ phiền chỉ để nguyên chỗ cũ, nhưng cũng phải dịch đi ít nhiều.

*Gia-lễ* ông Chu Văn-Công nói : « Nhà giàu thì làm lễ thiên-cữu, nhà nghèo cũng phải di-cữu. xong không nói vì cớ gì phải làm như vậy, có lẽ vì quan mới sơn gần tử-khí xung bốc bên trong, sợ có sự gì quan-ngại, nên phải di-dịch, thử xem có được cẩn-thận không. Đến như lễ triều-tổ, cổ-lễ rước cả trường-quan và hồn-bạch đến từ-đường để chầu tổ, làm như thế là theo nghĩa « xuất tất cáo 出必告 », đi ra ngoài phải cáo với cha mẹ, cho nên *Gia-lễ* của cụ Hồ và cụ Lê các nhà đại-gia cũng theo lễ ấy, nhưng thiết-tưởng từ-đường cách xa mà rước đi rước lại không tiện, nghĩ nên trầu rượu đặt lễ cáo tổ, có lẽ tiện hơn.

Văn khấn cáo-tổ :

*(Mỗ) niên nguyệt nhật, tên (mỗ) (người chấp-sự) duyên cô-tử (mỗ) thân-phụ (mỗ), (hoặc thân-mẫu) tạ-thế, định ngày an táng, xin cáo tổ biết.*

## Tìm đất và chọn ngày táng

*Gia-lễ* táng nghĩa là mai-táng, để hài-cốt cho khỏi bộc-lộ. *Tang-kinh* của Quách Phác nói : « Táng là thừa sinh-khí tìm chỗ nào đất tốt khí-hậu thì hài-cốt được yên. » Tìm đất xong, chọn ngày an-táng, nếu không được ngày chọn giờ cũng được. Rồi sẽ bảo cho thân-thích tân-bằng biết để hộ-táng không nên để lâu. Thành-phố thời trong ba ngày, nhà quê thời trong năm ngày, nhà quan sang hoặc nhân việc công ngăn-trở, hoặc con cháu ở xa chưa kịp về, hoặc nghi-tiết chưa chỉnh-bị, thời liệu thu xếp trong tuần-lễ, vì quan-tài để lâu trong nhà không tiện.

Địa-lý bắt đầu từ Quách Phác : xem long-mạch từ đâu nó đến, hình-thế đến đâu là chỉ, có nước làm giới-hạn và không có gió làm tán khí, thừa sinh-khí ở trong mà táng, khiến cho hài-cốt thường được ấm-cúng không phải đến nỗi chóng nát, hài-cốt cha mẹ yên thời con cháu cũng được thịnh-vượng. Phép địa-lý nguyên là thế, kể cũng không hại gì, nhưng cũng không nên mê-tín.

Nếu bảo rằng chỗ nay phát-phú, chỗ kia phát-quí, chẳng qua thầy địa-lý huyễn-hoặc người ta để kiếm tiền đó thôi.

Lời ngạn nói : « *Tiên tích đức hậu tầm long* 先積德後尋龍 », nghĩa là tích-đức đã rồi hẵng tìm đất, chứ không phải cứ tìm đất mà được phú vậy.

Cổ-nhân nó: « *bốc kỳ trạch triệu* 卜其宅兆 », là bói phần-mộ xem có yên không, chính là hiếu-tử hiền-tôn có ý thận-trọng hài-cốt của tổ-tiên, chứ không phải mượn hài-cốt của tổ-tiên để làm cái mồi phú-quí vậy.

Thế-tục có nhà mê địa-lý tham tìm phú-quí, để quan trong nhà ba bốn năm cũng chưa táng, hoặc táng xong nhân xảy ra sự gì không yên lại đổ tội cho đất, nay rời chỗ này mai rời chỗ khác, ba bốn lần cũng chưa thôi; hoặc nhân đất cát mà sinh ra kiện cáo, mồ chưa ráo đất mà gia-tài của bố mẹ đã rơi tay người khác ; hoặc anh em nghe địa-lý nói đất ấy phát ngành trưởng, đất kia phát ngành thứ, bấy giờ anh em sinh ra hiềm-thù nhau xét ra nhiều sự lôi-thôi sinh ra cũng ở địa-lý, vậy thời địa-lý cũng nên tin mà cũng không nên quá tin.

## Lễ khiển-điện 遣奠

Sách *Nghi-lễ* nói : « Tồ-đạo 祖道 » nghĩa là gần ra đi mà uống rượu, tồ là bắt đầu, lúc rước quan ra đi là lễ tồ-đạo.

*Nghi-tiết*

Chủ-nhân tựu vị, cử ai, ai chỉ.

Người chấp-sự quản tầy, tới trước linh-tọa, quì, phần hương, châm-tửu, rồi cáo-từ rằng :

*Vĩnh thiên chi lễ, linh thời bất lưu.*
永遷之禮，靈時不留。
*Kim phụng cữu xa, thức tuân tồ đạo.*
今奉柩車，式遵祖道。

Văn nôm :

*Nay được ngày lành, làm lễ tồ-đạo ;*
*Rước cữu lên xe, tắc thành kinh cáo.*

Cáo xong bái một bái lùi ra ngoài, chủ-nhân cử-ai, bái hưng (4 lễ), bình-thân, lễ tất. Xong rồi mới đặt lễ khiển-điện.

Chủ-nhân tựu vị, cử ai, ai chỉ.

Người chấp-sự quán tẩy, tới trước linh-tọa, quì, phần hương, châm tửu, rồi cáo từ rằng:

*Linh nhi ký giá, tái trần khiển lễ ;*
靈輀既駕, 載陳遣禮.
*Vãng tức u trạch, vĩnh quyết chung thiên.*
往卽幽宅, 永訣終天.

Văn nôm :

*Tìm chỗ yên lành, sửa-sang kiên-cố;*
*Nay đã được ngày, rước quan ra mộ.*
*Hồn đã về âm, dẫu lưu chẳng ở ;*
*Vĩnh biệt từ đây, tấm lòng thương nhớ.*

Xong bái một bái lùi ra ngoài.

Chủ-nhân cử ai, (bốn lạy cũng như lễ tổ-đạo vậy.)

Văn khấn con khóc cha :

*Than ôi! Giọt ngọc dưới suối ; lá vàng trên cây. Đọc thơ Nga nhớ chữ cù-lao, bâng-khuâng tấc dạ ; trông núi Hồ đau lòng cảm cảnh, mờ-mịt tầng mây.*

*Nhớ cha xưa : Nền nhân mở rộng ; cỗi đức vun dầy. Gây dựng cửa nhà, trăm đường cần kiệm ; răn con dạy cháu, giữ đạo thảo ngay. Nghĩa-huấn đinh-ninh, lời ngọc ghi sâu tấc dạ ; cao-đường trường-thọ, chén quỳnh dâng chúc hai tay. Trước nhờ phúc tổ ; sau gặp duyên may. Hiềm vì nỗi không mẹ, như đàn đứt giây, càng thương càng tiếc ; mong còn được có cha, như nhà có nóc, mọi về mọi hay.*

*Ước sao khế lại mọc chồi vui vầy như trước ; phút đã xuân vừa khuất bóng, cách - biệt từ nay. Hẹn trăm tuổi được đâu trăm tuổi ; mong một ngày lại vắng một ngày. Cực chi trời, cây lặng gió chẳng đừng, công sơn-hải chưa đền, ai rước cha đi với mấy ; tưởng đến đất, tre già măng lại mọc, hội phong-vân vừa tới, bây giờ con biết sao đây.*

*Hai hàng chan-chứa ; chín khúc khôn khuây.*

Con khóc mẹ

*Sương rơi thềm bắc ; bóng ngả non tây.*
*Hơi xuân ấm cỏ ; ngọn gió rung cây.*
*Nhớ xưa còn mẹ, mọi về mọi hay.*
*Bây giờ mẹ mất, ngày vắng một ngày.*
*Cù lao đức nặng, non bể khôn tầy.*
*Mẹ đi đâu vội, càng nghĩ càng cay.*
*Như cây lìa gốc, như đàn đứt giây,*
*Lòng thương xiết kể, trời cao đất dầy !*

Khi làm lễ khiển-điện xong thì đem đọc văn

**Lễ phát-dẫn (đưa ra đồng)** 發引

Ngày hôm trước hoặc sáng ngày hôm đưa phải cử dịch-phu tập đòn.

Lúc phát-dẫn rước hồn bạch hoặc giá ảnh lên trên xe và các đồ hành-ngơi đưa ra trước, dịch-phu đứng sắp hàng trước linh-cữu bái hai bái rồi rước linh-cữu lên đòn *tiếp-dư* 接輿 cử hai người cầm hai lá cờ. Một người đi trước cữu, một người đi sau để chỉ bảo những người khiêng cữu đi cho đều.

Khi rước quan lên đòn đầu đi trước, người trưởng-nam theo quan đi sau khóc, còn các con cháu cứ lần lượt mà đi, rồi đến họ-hàng tân-khách.

Khi rước cữu đến mộ chủ-nhân và con trai đứng bên tả mộ, đàn bà đứng bên hữu,hướng quan mà khóc,còn tân-bằng thời cáo trở về.

Người chấp-sự thảo minh-tinh xuống, đến khi hạ quan xong thì giải minh-tinh lên trốc mặt quan. Lúc hạ quan đã cómáy trục quan xuống cho được bình-tĩnh. Lấp đất phải chèn bốn bên trước cho đều, bỏ dần, chứ không nên làm vội. Khi lấp đất được một nửa đặt lễ hậu-thổ ở bên tả mộ.

**Nghi-tiết lễ Hậu-thổ**

Lấy hương và trầu rượu, người chấp-sự thắp hương rót rượu bái bốn bái rồi cáo rằng: «Năm . . . tháng . . . ngày . . . giờ . . . nhân vì quan chức tên mỗ táng tại mỗ xứ-sở . . . Kính xin thần-linh chứng-giám bảo-hộ khang-ninh, cần-cốc.»

Phụ văn tế Hậu-thổ chữ nho

*Niên . . . nguyệt . . . nhật . . . (tính-danh mỗ . . .) cẩm chi cáo vu Hậu-thổ chi thần. . . Kim vì (mỗ quan mỗ-danh, mẫu tắc vân mỗ phong mỗ thị) doanh kiến trạch triệu. Thần kỳ bảo hựu, tỉ vô hậu ngu, cẩn cu thứ tu, phục dụng giáng giám. Thượng hưởng.*

某年月日。姓名某敢祇告于后土之神，今爲某姓名(母則云某封某氏)。營建宅兆。神其保佑。俾無後虞。謹具庶羞，伏惟降鑒。尚饗。

*(Còn nữa)*

THIỆN-ĐÌNH

---

# DANH-NHO NƯỚC TÀU

**Chu Hi 朱 熹**

Chu Hi 朱 熹 là một kẻ nhà nho tập-hợp học-thuyết của phái Nho mà trở nên bậc đại-thành ở đời Nam-Tống. Tên tự là Nguyên-hối 元 晦, sau đổi là Trọng-hối 仲 晦, hiệu là Hối-am; trước ở núi Tử-dương, sau ở đất Khảo-đình, lại thụy là Văn-công, cho nên đời gọi là Chu Tử-Dương 朱 紫 陽, Chu Khảo-Đình 考 亭 hoặc là Chu Văn-công 朱 文 公. Tiên-sinh ở đất Mân (Phúc-kiến), cho nên đời thường gọi là Liêm, Lạc, Quan, Mân (1), là bốn phái đại-nho đời nhà Tống. Tiên-sinh là con thầy Chu Tùng, thuở tiên-sinh mới lên hai lên ba tuổi, người cha trỏ lên trời mà bảo rằng trời đấy. Tiên-sinh liền hỏi trên trời kia là cái vật gì. Người cha lấy làm kỳ-dị. Thuở lên năm lên sáu tuổi, cùng lũ trẻ con chơi đùa, tiên-sinh một mình ngồi đoan-chính, lấy tay vạch xuống cát, xem ra thì là hình-tượng bát-quái. Thuở lên bảy lên tám tuổi, người cha mới dạy cho sách *Hiếu-kinh*. Tiên-sinh học được một lượt, đề ngay lên trên quyển sách một câu rằng: « Chẳng bắt-chước được như trong sách này, chẳng phải là người vậy. » Tuổi mười-bốn người cha mất, tiên-sinh mới tòng học tam-quân-tử là thầy Hồ Nguyên-Trọng, thầy Lưu Miễn-Chi và thầy Lưu Ngạn-Sinh. Thầy Lưu Miễn-Chi lấy con gái gả cho. Tuổi mười tám đi thi hương, đỗ hương-cống, tuổi mười chín đỗ tiến-sĩ. Năm Thiệu-hưng thứ 21 về cuối đời Cao-tôn, tiên-sinh thăng chức Tá-dịch-công-lang, sung chức Đồng an chủ-bạ, đi ra Đồng-an nhiệm-chức, mới đi bộ vào yết-kiến thầy Lý Đồng thính tòng học, vừa làm quan vừa theo học vãng-lai ở cửa thầy Lý Đồng mấy năm, phần thì suy-nghĩ, phần thì thể-nghiệm, sự học-vấn dần dần càng tinh thâm.

Tiên-sinh xuất-hiện với đời trong bốn mươi năm, trải qua Cao-tôn,

---

(1) Liêm, Lạc, Quan, Mân = Liêm là phái học Châu Liêm-Khê, Lạc là phái học hai họ Trình, Quan là phái học Trương Tử-Hậu, Mân là phái học Chu-tử.

Hiếu-tôn, Ninh-tôn ba đời, làm quan ngoài 27 năm, làm quan trong triều chỉ có bốn mươi ngày. Tiên-sinh ở triều Nam-Tống, gặp những ông vua tầm-thường, ít biết đến tiên-sinh, lại phần nhiều bị kẻ tiểu-nhân ức-chế. Kẻ biết tiên-sinh chỉ có chúa rợ Kim mà thôi; chúa rợ Kim mỗi khi sai sứ sang nước Tống, ắt hỏi rằng Chu-tiên-sinh hiện nay làm chức gì và ở đâu.

Tiên-sinh về đường chính-trị, thì hiền-trứ nhất là việc kiến-lập ra phép xã-thương. Về đường giáo-dục thì hiền-trứ nhất là việc Bách-lộc-đồng học-qui.

Năm Kiền-đạo thứ tư, địa-phương Triết-đông cả đói kém. Tiên-sinh phụng-mệnh làm chức đề-cử coi xét về việc dân đói, bắt đầu chiêu-tập gạo buôn, trước lượng phát-chẩn, dân được qua khỏi buổi đói. Tiên-sinh lại xin với chính-phủ cho dân vay thóc, khiến nơi nào cũng thường chứa được số thóc sáu trăm thạch trở lên, gọi là thóc thường-bình, để dự-bị về sự chẩn-cấp, và làm phép xã-thương. Mùa gặt thóc thì thu thóc vào kho, mùa làm ruộng thì phát thóc cho dân vay mà lấy lãi nhẹ. Tự đấy về sau, tùy năm được mùa mất mùa mà thu phát; được mùa thì thu cả lãi, mất mùa thì thu nửa lãi, cả mất mùa thì chỉ thu gốc mà thôi. Làm như thế mấy năm, được thóc lãi khá nhiều, làm ra ba cái kho, và đem nguyên số vay ngày trước trả lại cho chính-phủ, hiện mỗi kho còn chứa thóc được ba nghìn một trăm thạch, để làm vĩnh-viễn việc xã-thương. Từ đấy thóc đã dư-dụ, cho dân vay không phải thu lãi nữa, mỗi thạch chỉ thu thóc hao ba đấu mà thôi. Vì cớ ấy đất Triết-đông trong một xã một hương khoảng bốn năm mươi dặm, tuy gặp năm mất mùa, dân vẫn chẳng thiếu ăn. Vua Hiếu-tôn mới hạ chiếu đem phép ấy thi-hành ra khắp chư-lộ, dân đều được chịu ơn.

Nguyên đời nhà Đường năm xưa viên Giang-châu thứ-sử là Lý Bật cùng với anh là Lý Thiệp, về ẩn-cư ở trong một cái đồng đất Lư-giang, từng nuôi con bạch-lộc để tự vui, đời nhân gọi đồng ấy là đồng Bạch-lộc. Năm Thăng-nguyên triều Nam-đường từng kiến-lập học-quán ở đồng ấy, đặt học-điền để cung-cấp sự học, đặt ra có chức đồng-chủ coi giữ việc giáo-dục, học trò thường có vài nghìn người. Đến năm Hưng-quốc nhà Tống đời vua Thái-tôn, lại từng ban cho sách-vở, khiến học trò giảng-tập. Đến năm Hi-ninh đời vua Thần-tôn, Vương An-Thạch đắc-chí, dùng chí xuyên-tạc đặt ra nghĩa mới các kinh, sự học trong nước mới rối loạn, người dạy và người học ở trong đồng thứ-đệ trông nhau giải-tán; rồi đồng ấy cỏ rậm rêu phong, chỉ còn là một cái đồng hoang mà thôi. Tiên-sinh khi ấy làm chức tri Nam-khang-quân, nhớ dấu vết cũ của tiền-nhân, và thương việc học ở đời hoang-phế đã lâu, nhân mưu với các bạn đồng-chí sửa-sang đường đàn, tụ-tập sách-vở, quan địa-phương thì hết lòng kinh-doanh, kẻ lại-dịch thì hết sức bôn-tẩu, học trò thì để sách đấy đi làm việc, thợ vẽ thì tinh-xảo mà hiến kiểu; ngày tháng chửa bao lâu, nghiễm-nhiên là một tòa nhà học nguy-nga rực-rỡ. Tiên-sinh lại kiêm chức đồng-chủ, đội mũ chương-phủ làm việc trưởng-giáo, học-trò gần xa ôm cổ-điển cổ-kinh lại thính-giảng, sự học trong đồng lại cả chấn-hưng. Tiên sinh lại đặt ra học-qui mười tám điều, khiến học-trò vào học trong đồng đều có qui-thức noi theo, để dần-dần mong tiến vào cõi thánh-hiền, đời gọi là Bạch-lộc-đồng học-qui.

*Lời học-qui*

Một là: Cha ở với con, con ở với cha, phải có tình thân.

Hai là: Vua đối với tôi, tôi đối với vua, phải có nghĩa nặng.

Ba là : Con trai con gái, lúc thường-cư hoặc khi giao-tế, phải có lễ phân-biệt.

Bốn là : Người tôn-trưởng, người ti-ấu, phải có trật-tự trên dưới.

Năm là : Bè-bạn chơi với nhau phải giữ điều tín-thực.

Sáu là : Phải học sách cho rộng-rãi, chớ nên chửa giỏi mà đã lấy mình làm giỏi.

Bảy là : Phải hỏi nghĩa cho tinh-tường, chớ nên chửa biết mà đã lấy mình làm biết.

Tám là : Suy-nghĩ phải cho cẩn-thận chính-đáng, chớ nên nghĩ sai.

Chín là : Biện lẽ phải cho minh-bạch rõ-ràng, chớ nên hiểu lầm

Mười là : Thực-hành lấy đạo-đức, chớ nên chỉ nói không.

Mười một là : Nói sao phải tin như lời làm vậy.

Mười hai là : Làm việc gì phải kính-trọng về việc ấy.

Mười ba là : Răn những điều tức-giận vô-ích, át những điều dục-vọng có hại.

Mười bốn là : Thấy điều thiện thì vui mà làm lấy, có điều lỗi thì chửa mà đổi đi.

Mười lăm là : Cứ đường nghĩa mà đi thẳng, chẳng mưu tính đường lợi mà đi quanh.

Mười sáu là : Cứ kể cái đạo mình cho sáng, chẳng kể cái công mình thành hay không.

Mười bảy là : Những điều mình chẳng muốn, thì chớ đem điều ấy xử với người.

Mười tám là : Những sự làm mà chẳng làm đi được, thì xét lại mình phải hay trái, dại hay khôn.

Đến đời vua Lý-tôn nhà Tống, là sau khi tiên-sinh đã mất rồi, vua mới lâm-ngự nhà quốc-học, thủ-bút viết ra lời Bạch-lộc-đồng học-qui, tuyên-thị cho chư-sinh, để làm qui-thức cho sự học cả toàn-quốc. Từ đấy về sau, đạo học của tiên-sinh đã có cả quan-hệ với đời.

Tiên-sinh khi ở núi, khi ở triều, khi ở quận, trước sau kẻ tri-ngộ và tiến-cử có ba người, là Tả-hữu thừa-tướng Lương Khác-Gia, Vương Hoài và tể-tướng Triệu Như-Ngu. Duy tiên-sinh với Vương Hoài, trước là kẻ tri-ngộ, sau là kẻ cừu-địch, khiến cho kẻ sĩ-phu thuộc về phái đạo-học ở đời ấy, bị một phen ảnh-hưởng rất lớn. Giữa năm Long-hưng đời vua Hiếu-tôn, Vương Hoài làm chức Hữu-thừa-tướng, hỏi viên Thái-tử thị-độc là Dương Vạn-Lý về việc kể nhân tài. Vạn-Lý tức-khắc liệt tên tiên-sinh và sáu mươi người nữa đem tiến cho Vương Hoài. Tiên-sinh với Vương Hoài mới tri-ngộ nhau từ đấy. Lúc ấy địa-phương Triết-đông cả kém đói, Vương Hoài tiến-cử tiên-sinh làm chức Đề-cử kho thường-bình ở Triết-đông và được tiện-nghi làm việc chính-trị nữa. Tiên-sinh đi đến quận, phàm chính-sự cũ có những điều bất-tiện cho dân, hết thảy đem sửa đổi lại. Lúc ấy có nhiều kẻ gièm chê tiên-sinh, bảo tiên-sinh là vụng-về đường chính-sự. Vua Hiếu-tôn nghe có những lời chê, mới hỏi Vương Hoài rằng : « Chính-sự Chu Hi liệu có khả-quan không ? » Vương Hoài liền nói rằng : « Chu Hi là kẻ học đạo, nay tu-cử cái chính-sách cứu-dân nạn đói, thế là đem điều sở-học thi-thố ra điều sở-hành, dân thực được nhờ ân-huệ, nên tiến-chức cho Chu Hi, để tiêu-biểu lấy người khá. » Liền thăng-chức tiên-sinh làm chức Chực-Huy-du-các.

Tiên-sinh liền phụng-mệnh làm chức đại-sứ, thanh-tra việc tiền lương hình-ngục đất Triết-đông. Đi đến châu Thiên-thai, viên địa-phương-quan là Đường Trọng-Hữu vốn là kẻ phong-lưu. Thành Thiên-thai khi ấy có một người kỹ-nữ tên là Nghiêm-Nhị, tự là Ấu-phương, cờ cao, đàn hay, thơ hay, chữ tốt, vẽ khéo, hát múa khéo. Đường Trọng-Hữu từng giao-thiệp với

Ấu-phương, sai Ấu-phương vịnh cái hoa đào vừa sắc hồng vừa sắc bạch để thử tài. Ấu phương tức-khắc ứng-khẩu vịnh rằng :

*Hoa lê chăng ? trông đó thử trông !*
*Hoa hạnh chăng ? trông đó thử trông!*
*Bạch bạch lại hồng hồng,*
*Chữ tình riêng ngỏ với đông-phong ;*
*Nhớ hay không ? nhớ hay không ?*
*Vũ-lăng ngày nọ chén men nồng, (1).*

Đường Trọng-Hữu cả thưởng thức, tặng cho Ấu-phương hai tấm lụa.

Tiên-sinh đến Thai-châu nghe có sự ấy, cả lấy làm ghét, muốn luận tội Đường Trọng-Hữu, liền bắt Ấu-phương đem bỏ ngục, hơn một tháng roi vọt tra hỏi, mà Ấu-phương vẫn không một lời nào can-thiệp đến họ Đường. Kẻ ngục-lại dỗ Ấu-phương khiến thú nhận cho sớm. Ấu-phương đáp rằng : « Tôi thân làm kỹ-nữ, tùng-nhiên có cùng với Đường Thái-thú tư-tình chăng nữa, tội cũng không đến tôi chết. Song-le có hay không, hư hay thực, không dám nói càn, để ô-danh cho kẻ sĩ-đại-phu ; dẫu chết cũng cam, chẳng nỡ vu oan cho Đường Thái-thú. » Ấu-phương vẫn phải tù ở trong ngục, chửa được tha, nhưng cái danh-giá Ấu-phương, lại vì thế mà càng tăng. Thậm-chí tiên-sinh phải tạm bỏ việc tra xét. Nhưng tiên-sinh vẫn chủ-ý luận tội Đường Trọng-Hữu, sớ lên triều-đình. Tể-tướng Vương Hoài ẩn đi. Vương Hoài càng ẩn đi, thì tiên-sinh lại càng luận mãi. Cuối cùng Vương Hoài bất-đắc-dĩ phải bãi cái chức Giang-tây đề-hình là chức tân-mệnh của Đường Trọng-Hữu, mà đem cử chức ấy cho tiên-sinh. Tiên-sinh cũng cố-từ chẳng nhận chức, liền kiến-trúc một nếp tinh-xá ở núi Vũ-di về đọc sách. Sự cấm ngụy-học sau này, làm một sự chẳng may cho triều nhà Tống, cũng là kẻ phong-lưu với kẻ đạo-đức, hai kẻ thường xung-khắc nhau như nước với lửa mà gây thành.

Nguyên Đường Trọng-Hữu với Vương Hoài là bạn đồng-lý và tình thông-gia. Vương Hoài vì cớ ấy oán tiên-sinh, muốn tìm kế để bài-kích tiên-sinh. Viên giám-sát ngự-sử là Trần Giả, a-dua với Vương Hoài, sướng-nghị xin cấm phái ngụy-học, cho rằng kẻ sĩ-phu ở đời, cậy mình tri-tri cách-vật, khoe mình chính-tâm tu-thân, chẳng qua giả-danh thánh-hiền, để giúp sự gian-ngụy ; từ nay cái phong-thói ấy nên cấm-tuyệt đi, mà xét rõ từng người, ruồng đuổi cho xa, chớ lại dùng nữa. Lại có kẻ xui giết tiên-sinh để tuyệt phái ngụy-học. Từ đấy về sau kẻ tiểu-nhân muốn làm hại người quân-tử, chỉ đem cái danh-hiệu ngụy-học mà chỉ-trích ; rồi kẻ hiền-sĩ đại-phu ở đời, cơ-hồ không có chốn dung thân. Triều-đình lại lập ra có sở ngụy-học, biên tên từng người, cho Triệu Nhữ-Ngu, Chu Tất-Đại với tiên-sinh là kẻ đứng đầu, còn những kẻ nhà nho, có trứ-danh ở đời là lũ Lưu Quang-Tổ, Thái-Nguyên-Định, Lã Tổ-Thái, năm-mươi-chín người cả thảy, đều bị đuổi đi phương xa. Lúc ấy học trò có nhiều người phải đổi lối ăn mặc nhà nho đi, để tự tỏ mình là không phải đảng ngụy-học. Những học trò đi theo học tiên-sinh khi ấy, phần nhiều núp-náu ở chốn sơn-lâm. Duy tiên-sinh vẫn thung-dung ở trong một tòa tinh-xá gọi là Trúc-lâm tinh-xá, vì học-trò giảng học chẳng thôi. Hoặc có kẻ khuyên tiên-sinh nên bãi-giảng mà giải-tán học-trò đi. Tiên-sinh chỉ mỉm cười mà chẳng đáp lại.

---

(1) Vũ-lăng = Tên đất, tức là chàng Ngư-lang tìm thấy cảnh Đào-nguyên.

Năm Khánh-nguyên cuối đời Ninh-tôn, tiên-sinh mất, thọ bảy-mươi-mốt tuổi. Tiên-sinh mất về sau, học trò tiện-sinh là lũ Lý Bàn, Thái Thầm, Hoàng Miễn-Trai, Lý Phương-Tử, có nhiều kẻ trứ-danh, học-thuyết của tiên-sinh lại dần dần phát-siển ở đời. Đến đời Lý-tôn, năm Gia-định thứ hai mới truy-tặng tên thụy cho tiên-sinh là Văn-công, và trừ bỏ sự cấm ngụy-học, cái vạ lớn của kẻ sĩ-phu ở đời mới thật thôi.

Tiên-sinh khảo-cứu trước-thuật rất nhiều, hàng chư-nho trong lịch-đại không người nào sánh kịp. Những sách của tiên-sinh làm ra, thuộc về sử-học thì sách *Tư-trị thông-giám cương-mục*. Thuộc về kinh-học thì sách *Dịch-bản-nghĩa khải-mông*, sách *Thi-kinh tập truyện*. Thuộc về sách Tứ-thư, thì sách *Đại-học*, sách *Trung-dong* chương-cú học-vấn, sách *Luận-ngữ*, sách *Mạnh-tử tập-chú*. Lại những sách *Thái-cực-đồ-thông-thư Tây-minh-giải*, sách *Sở-từ biện-chứng*, sách *Hàn-văn-khảo-dị* và Văn-tập một trăm quyển. Lại có sách *Ngữ Mạnh tinh-nghĩa*, sách *Trung-dong tập-lược*, sách *Mạnh-tử chỉ-yếu*, sách *Tiểu-học*, sách *Tống-danh-thần ngôn-hạnh-lục*, sách *Gia-lễ*, sách *Cận-tư-lục*, sách *Trình-thị-di-thư-ngoại-thư*, sách *Y Lạc uyên-nguyên--lục*, phần nhiều là những sách vĩ-đại phong-phú, tinh-vi xác-thực. Cho nên tự tiên-sinh trở về trước, nước Trung-hoa có riêng một học-giới ; tự tiên-sinh trở về sau, nước Trung-hoa lại có riêng một học-giới. Khiến cho nghĩa-lý có chốn y-qui chuẩn-đích, sự học có phạm-vi, không mập-mờ phức-tạp như trước, tiên-sinh thực là một bậc có đại-công cho muôn đời.

## HỌC-THUYẾT CỦA CHU TIÊN-SINH

### *Luận về sử-học*

Đọc sách ví như luyện-nấu phương thuốc, lúc mới thì nên lửa mạnh đun to, rồi sau dần-dần dùng lửa nhỏ đun lâu để hâm-dưỡng sức thuốc ; lại như nấu-nấu cái vật gì cũng vậy. Kẻ đọc sách, lúc mới nên gắng sức cần-mẫn, về sau lại nên thong-thả hâm-dưỡng tìm nghĩ, thì đạo-lý tự-nhiên phát-sinh. Sự học cốt để hiểu lẽ, muốn hiểu lẽ tất phải đọc sách, cái phép đọc sách lại phải nên tuần-tự mà cầu tiến lên bậc tinh-thâm ; nhưng cái gốc tinh-thâm thì lại ở về tôn-kính sự minh mà chuyên-lập lấy chí minh.

Ngày nay kẻ bàn nói sự học, đầy cả trong thiên-hạ, rút lại xem người ấy hành - vi cử - động, lại chẳng giống với con người có học, há chẳng tại sự học khiến thế ru ? Nhưng mà chẳng phải thế, ví như vào một cái nhà bảo-tàng, trong nhà những vật kỳ-dị qui-báu, vật gì là chẳng có. Nếu mình chẳng để công-phu tự đi khảo-sát mà thí-nghiệm học lấy, thì rút-cục chẳng ích gì.

Cái lẽ uyên-vi của đạo học, kẻ đi học nên sở-đắc về những khi thư-nhàn thanh-tĩnh. Vì đạo không khó ở sự cầu mà khó ở sự dưỡng. Cho nên thầy Thiệu Khang - Tiết có bảo gã Trương Đôn rằng : « Cứ lấy cái tài của nhà ngươi, đối với cái học của ta, chỉ khoảnh - khắc có thể hết được ; nhưng phải theo ta ở dưới rừng này, chừng độ một vài mươi năm, khiến cho cái trần-tâm tục-lự nó tiêu-tán đi, trong bụng khi ấy khai-khoát không trệ-ngại gì, mới có thể đem cái học ta trao đổi cho nhà ngươi được. » Thầy Thiệu Khang-Thiết nói thế, chính là vì lẽ ấy.

Kẻ xem cái tháp mười mấy từng của nhà chùa, cứ ngửa đầu trông lên mà bàn bạc, không bằng cúi đầu xuống lần từ bậc mà đi dần lên. Vì rằng xem ở bề ngoài, chỉ đủ biết cái tháp ấy nó cao nó đẹp mà thôi. Chỉ bằng vào ngay trong ấy, có thể khiến cho chỗ nào ta đã trông

thấy, tức là chỗ ta đã thực đi đến nơi, mà lại có thể xét kỹ được cái nguyên-do của cái tháp ấy, tầng-tầng lớp-lớp. kết-cấu ra làm sao. Lời nói của thánh-hiền đủ cả ở trong sách, kẻ đi học chỉ xem qua bề ngoài, phảng-phất được một đôi chút, liền tự bảo rằng ta đã trông thấy, rồi không chịu bước vào trong cõi sâu nữa, sở-dĩ rút-cục chẳng thành sự-nghiệp gì.

Nay kẻ sĩ nhà Nho, cũng nên như thầy tăng nhà Phật đi vân-du, giao-tiếp kẻ hiền-sĩ bốn phương, xem xét sự-tình trong thiên-hạ, xem hình-thế non sông, xét cái dấu-vết hưng-vong trị-loạn của đời xưa đời nay, trong khi ấy, đạo-lý mới trông thấy được chứa-chan, chẳng phải là chỉ như cái người nặn bằng đất ở trong một cái nhà, đóng cửa ngồi một mình mà đã xong đâu. Con nhà thánh-hiền, sự gì chẳng nên thông-hiểu, sự thiên-hạ quốc-gia, sự lễ-nhạc, nghề tập bắn, nghề ngự-xạ, nghề viết, nghề tính, và mọi nghề nữa, bao nhiêu là phẩm-nghệ phân-phồn ; nghề gì lý-hội được kỹ, thì đạo-lý tiện-thị ở trên cái nghề ấy. Lại như những sự hình-luật, binh-gia, thiên-văn, địa-chí, cũng phải nên biết qui-mô đại-khái, đạo-lý sẽ thông-thấu dồi-dào. Sở-dĩ thánh-nhân dạy người, cốt nên bác học. Ông Khổng-tử có nói rằng: «Ta chẳng phải là sinh ra mà biết cả đâu, ta hiếu học cần-mẫn để cầu đấy vậy.»

*Nói về sự dạy người*

Sự học của người quân-tử cốt là để tu lấy cái thân, muốn làm hạng người bậc nhất trên đời ; nếu tài-lực chẳng đủ thì cũng làm được hạng người bậc thứ hai thứ ba ; rồi suy-diễn cái mục-đích ấy để giáo-dục cho kẻ con em. Vì thế phong-tục ở đời sở-dĩ được thuần-mĩ, mà đức-nghiệp của từng người sở-dĩ được sùng-cao. Cái tệ-tục gần đây thì chẳng như thế, người cha người anh khi dạy kẻ con em, khiến nó cầm quyền vào thi, đứa nào thóc-mách dí-dỏm được ý-tứ quan-trường, để nay mai chực bước ấm no, thế là đứa ấy giỏi. Đứa tiểu-sinh tản-học kia nó đã biết gì, chỉ hàng ngày thấy cha anh dạy bảo những cái khôe tranh-dành đối-đá đê-tiện như thế, chung-thân nó không biết tự mình trở lại con đường chân-chính, rồi rút-cục lại thành ra một đứa tiểu-nhân ; cũng là cái lỗi tại kẻ cha anh dạy con em không phải đường mà làm hại nó vậy. Hi này trộm xem cái ý-tứ của thánh-hiền sở-dĩ dạy người đi học, chẳng gì là chẳng phải giảng-minh điều nghĩa-lý, để mà tu-tiến lấy cái thân cho thành tài thành đức, rồi sau suy ra sự-nghiệp để kịp cho người ; chẳng phải là chỉ muốn cho người nhớ cho nhiều, đỗ cho sớm, để cầu lấy thanh-danh, cướp lấy lợi-lộc mà thôi.

*Luận về chính-trị*

Muôn việc trong thiên-hạ, tất có điều căn-bản lớn, mà ở trong mọi việc lại đều có chốn thiết-yếu. Điều căn-bản lớn đó, là cái tâm-thuật của người làm việc, mà những chốn thiết-yếu đó, tất phải căn-bản lớn đã lập rồi, sau mới có thể suy ra mà trông thấy được. Như là dùng kẻ hiền-tài, ức-chế thói bôn-cạnh thỉnh-thác là điều thiết-yếu cho sự lập-chính. Kén chọn quan-lại, nhẹ việc nhẹ thuế cho dân, là điều thiết-yếu sự dưỡng-dân. Tướng có lược-thao, quân có giáo-dục, là điều thiết-yếu sự trị-binh, vui nghe điều răn bảo, chẳng ưa kẻ dua-nịnh, là điều thiết-yếu sự dùng người. Suy vài sự ấy thì sự khác đều khá rõ. Song-le, chưa có khi nào tâm-thuật kẻ cầm quyền chẳng chính, gốc lớn của chính-trị chẳng lập, mà có thể thực-hành được những việc như trên. Vì thế đời xưa muốn trị-quốc bình thiên-hạ, sở-dĩ bắt đầu làm trước về sự thành-ý chính-tâm, để lập lấy căn-bản vậy.

*Nói về quân-tử với tiểu-nhân*

Sự biết người là khó, vua Nghiêu vua Thuấn còn lấy làm bệnh, mà ông Khổng-tử cũng có câu răn : «Nghe lời nói phải xem nết làm». Song-le cứ ý ta mà xem ra, thì cổ-nhân cẩn-thận như vậy, là vì xét kẻ tiểu-nhân mà nói ra đấy thôi. Nếu trên đời đều là quân-tử, thì có khó biết về nỗi gì đó thay. Cớ là trong thiên-địa-gian, phàm thể dương thì tất cương, cương thì tất minh, minh thì tất dễ biết. Phàm thể âm thì tất nhu, nhu thì tất ám, ám thì tất khó lường. Cho nên thánh-nhân làm kinh *Dịch* lấy thể dương làm quân-tử, lấy thể âm làm tiểu-nhân. Ta thường trộm suy-diễn cái thuyết trong kinh *Dịch*, để xem xét hạng người trong thiên-hạ. Phàm người nào quang-minh chính-đại, thông-sướng đỗng-đạt, như thanh-thiên bạch-nhật, như cao-sơn đại-xuyên, như lôi-đình làm oai, như vũ-lộ làm ơn, như con long con hổ nó mạnh giỏi, như con lân con phượng nó đẹp lành, lỗi-lạc sáng-sủa, không chút gì khả ngờ, người ấy tất là người quân-tử vậy. Còn những người y-a mềm nhát, quanh-co ẩn-náu, cong queo như loài rắn loài dun, tủn-mủn như loài kiến loài rận ; hoặc như loài quỉ loài cáo, loài trộm loài giặc, lẩu-lỉnh gian-dảo, không thể nào đo-lường được, người ấy tất là kẻ tiểu-nhân vậy. Phàm người ta, cái phẩm quân-tử hay là tiểu-nhân, đã ấn-định ở bề trong, thì dẫu bàn nói một câu, cử động một bước, không gì là chẳng hình-hiện ra bề ngoài. Mà phương-chi những chốn hiện ra sự-nghiệp, phát ra văn-chương, thì lại càng rõ-ràng lắm. Kìa kẻ tiểu-nhân, tuy rằng khó biết, nhưng tưởng cũng há dễ mà trốn được đó thay !

**La Tòng-Ngạn**

La Tòng-Ngạn 羅從彥 là một kẻ nhà nho trung-hậu và chính-trực về cuối đời Bắc-Tống. Tiên-tổ nguyên là người đất Dự-chương, thiên-cư sang đất Kiếm-phố. Tiên-sinh tên tự là Trọng-tố 仲素, tự thuở còn làm kẻ đồng-ấu, đã có cái trác-thức hơn người, chẳng thèm học về lối chỉ làm văn mà nói không. Kịp lúc trưởng-thành, đức-tính nghiêm-nghị, tiết-hạnh thanh-khổ, dốc chí cầu đạo thánh-hiền ; nghe thầy Dương Thời được cái học chính-truyền của họ Trình, trong lòng khẳng-khái hâm-mộ. Kịp khi thầy Dương Thời làm chức lệnh-trưởng huyện Tiêu-sơn, tiên-sinh tự nhà đi bộ đến Tiêu-sơn tòng học ; bắt đầu vào tiếp-kiến thầy Dương Thời, trong ba ngày, dường như giấc mộng mới kinh-giác, mồ-hôi thường sâm-sấp ở lưng, có nói rằng : « Nếu chẳng đến chốn này, ngõ-hầu uổng phí mất đời ta. » Thầy Dương Thời cũng mừng mà bảo rằng : « Tòng-Ngạn là người có thể cùng bàn được đạo, kẻ đệ-tử khác không kẻ nào kịp Tòng-Ngạn. » Rồi càng ngày càng được thầy Dương Thời thân yêu. Tiên-sinh từng nghe giảng kinh *Dịch* đến một quẻ kia, thầy Dương Thời có nói rằng : « Quẻ này chỉ có Trình Y-Xuyên tiên-sinh giảng thuyết là hay lắm. » Tiên-sinh tức-khắc về nhà bán ruộng để làm tiền hành-lý, chạy lên đất Lạc, yết-kiến thầy Y-Xuyên, khấu hỏi mọi lẽ trong kinh *Dịch* quẻ kia, rồi về lại tòng học thầy Dương Thời.

Thầy Dương Thời thường bảo cho rằng : « Cái phép đọc sách, phải lấy thân thực-hành về đạo-đức của thánh-hiền, lấy tâm thực-nghiệm về mọi lẽ của thánh-hiền, cứ thung-dung hiểu ngầm ở trong chốn u-nhàn tĩnh-nhất, mà siêu-nhiên tự-đắc ở ngoài quyển sách, ngoài lời nói, ngoài cảnh-tượng, ngoài ý-tứ của thánh-hiền, mới gọi là kẻ đọc sách. » Lại bảo cho rằng : « Đời học làm văn, mà chẳng nghe đạo thánh-hiền, kết-cục vẫn là một kẻ ngu, cũng như kẻ chẳng học mà thôi. »

Tiên-sinh nghe lời thầy Dương Thời tự mình càng gắng sức học đạo; thủy-chung tòng học thầy Dương Thời, có hơn hai-mươi năm. Lúc ấy thầy Dương Thời có người rể là thầy Trần Uyên, thường đến chơi với tiên-sinh, mỗi khi đến, tất cùng nhau bàn nói suốt ngày rồi mới trở về. Trần Uyên thường bảo với người rằng: « Chơi với bác La Trọng-Tố, hàng ngày nghe những điều chưa từng được nghe; bác Trọng-Tố học-vấn uyên-thúy, tiết-hạnh thanh-cao, thực là một kẻ quan-miện (1) ở cõi Nam-châu vậy. »

Về sau tiên-sinh kiến-trúc một nếp nhà nhỏ ở trong núi sâu tuyệt-ý tiến thân về đường sĩ-hoạn, suốt ngày đoan-chính ngồi, đạo-đức sung-túc, hiện ra ngoài mặt. Lũ thầy Chu Tùng thầy Lý Đồng hết thầy chấp lễ đệ-tử theo tiên-sinh học. Tiên-sinh thường đem những việc cũ bản-triều nhà Tống, phán-đoán nghị-luận, làm ra thành sách, gọi là *Tuân-Nghiêu-lục*, nghĩa là đời sau nên noi phép vua Nghiêu, là ý nói bản-triều nên noi phép vua Thái-tổ Thái-tôn, để cảnh-cáo cho đời về sự biến-pháp vô-ích mà hại dân. Giữa năm Tĩnh-khang đời vua Huy-tôn, đã toan hiến bộ sách ấy lên chốn triều-đình, chợt gặp nhà Tống có nạn giặc Kim rồi sách ấy lại chỉ tàng ở trong núi mà thôi. Tiên-sinh luận về chính-trị có nói rằng: « Pháp-độ của tổ-tiên không nên bỏ, ân-huệ của nhà vua không nên cậy, bỏ pháp-độ thì sự biến-loạn dễ khởi, cậy ân-huệ thì lòng kiêu-sỉ dễ sinh. » Vì khi ấy vua Huy-tôn mê-tín đạo-giáo hay bố-thí hoặc xá-tội, đối với dân chỉ làm những cái ân-huệ nhỏ-mọn, mà không hỏi chính-trị dở hay, cho nên tiên-sinh có lời luận ấy. Tiên-sinh lại nói rằng: « Người quân-tử ở chốn triều-đình thì nước trị, kẻ tiểu-nhân ở chốn triều-đình thì nước loạn. Vì quân-tử thường nói ra cái gương nguy-loạn khiến đấng vua-chúa thường nhiều phần lo, lo thì cái lòng thiện sinh ra, cho nên nước trị. Tiểu-nhân thường trang-sức ra những lời thái-bình, khiến đấng vua chúa thường nhiều phần vui, vui thì cái lòng xa-xỉ sinh ra, cho nên nước loạn. » Lại nói rằng: « Xưa nay thiên-hạ loạn, chẳng thường khởi ra ở tứ-phương, mà thường khởi ra ở triều-đình; vì như người ta khí-lực yếu, thì khí rét khí nực dễ xâm-phạm; cái cây trong ruột sâu thì cơn mưa cơn gió dễ lay gẫy. » Tiên-sinh luận về phẩm-hạnh của kẻ sĩ có nói rằng: « Cái tâm thánh-hiền, chỉ khiến cho người ta minh-hiểu lấy đạo đấy thôi. Nếu ta minh-hiểu được đạo, thì cái tâm của thánh-hiền đã vào sâu ở trong mình ta, mà ta tự vui tự thích. Nhân-vật ở đời xưa, hàm-dưỡng được cái tâm thánh-hiền mà minh-hiểu được đạo, cho nên coi sự chết sự sống, sự làm quan sự về núi, cũng như là khí rét khí nực, ban ngày ban đêm nó chuyển-di, mà đi về đường trung-chính nhân-nghĩa vậy dễ-dàng. Nhân-vật ở đời sau, không hàm-dưỡng được cái tâm thánh-hiền mà chẳng minh-hiểu được đạo, cho nên coi sự chết sự sống, sự làm quan sự về núi, chính như là muôn tạ chín đỉnh nó nặng-nề, mà làm về điều trung-chính nhân-nghĩa vậy khó lắm. » Tiên-sinh lại nói rằng: « Kẻ sĩ lập-thân xử-thế, phải lấy điều trung-hậu và điều chính-trực làm gốc, chính-trực thì mình không hổ-nhục, trung-hậu thì người không oán-thù. Nếu thiên về chính-trực mà chẳng trung-hậu, thì dần-dà vào cõi khắc-bạc, thiên về trung-hậu mà chẳng chính-trực, thì

(1) Quan-miện — Mũ đội, ý nói là bậc đệ-nhất đứng đầu.

dần-dà vào cõi đê-hèn.» Tiên-sinh nghị-luận, thuần-khiết trung-chính, đại-khái như vậy.

Thầy Chu Hối-Am có khen tiên-sinh rằng : « Từ thầy Dương Qui-Sơn (tức Dương Thời) xướng-khởi đạo-học ở miền đông nam, kẻ du-học ở cửa rất nhiều. Nhưng chịu nghĩ, gắng làm, mang nặng, biết sâu, như La Trọng-Tố tiên-sinh, thì chỉ có một người mà thôi. » Hồi tiên-sinh vãn-cảnh, đặc-biệt ra nhận chức Bác-la chủ-bạ, tuổi đã sáu-mươi-tư, mất ở chốn làm quan, đời gọi là Dự-chương tiên-sinh 豫章先生.

## Lý-Đồng

Lý Đồng 李侗 là một kẻ nhà nho siêu-nhiên tuyệt-tục về hồi bắt đầu nhà Nam-Tống. Tiên-sinh tên tự là Nguyên-trung 愿中, người đất Diên-bình, là học-trò thầy La Tòng-Ngạn, dạy học thầy Chu Hối-Am. Tiên-sinh hai-mươi-bốn tuổi, bỏ hẳn lối học khoa-cử, cắp sách vào yết-kiến thầy La Tòng-Ngạn, thầy La Tòng-Ngạn thực là một kẻ chân-nho, được môn học chính-truyền của họ Trình. Song-le thầy là người thanh-cao tuyệt-tục, thường ở trong núi, đời ít người biết, chỉ cho La Tòng-Ngạn là một kẻ sĩ sơn-lâm mà thôi. Người đời thấy tiên-sinh cắp sách vào thụ-nghiệp, có nhiều kẻ chê cười. Nhưng tiên-sinh vẫn để những lời chê cười ấy ở ngoài tai, theo thầy La Tòng-Ngạn học mấy năm, kính thụ cái học-thuyết phát-minh về sách *Xuân-thu*, sách *Luận-ngữ*, sách *Mạnh-tử*, sách *Trung-dong*. Thầy La Tòng-Ngạn ngày thường ưa tĩnh-tọa. Tiên-sinh lui về cũng học lối tĩnh-tọa. La Tòng-Ngạn thường bảo tiên-sinh trong khi tĩnh-tọa phải xét xem cái khí-tượng của mình về những lúc điều mừng điều giận, điều thương điều vui nó chửa phát-hiện, mà cầu lấy cái đạo trung-dong; như vậy dần lâu, rồi đối với mọi lẽ của sự-vật trong thiên-hạ, sẽ có mành-mối, mà thấu-triệt quán-thông. La Tòng-Ngạn ít khen người là khá, duy thường khen tiên-sinh.

Tiên-sinh là người đỉnh-đặc hào-hùng, mà hàm-dưỡng thuần-túy, không lộ ra khuê-giốc (1), sắc nhã mà lời nghiêm, thần tĩnh mà khí hòa; trong thể tự-nhiên, dường như vẫn có pháp-độ. Tiên-sinh thờ cha mẹ rất hiếu, có người anh ruột tính rất trái-ngược, đối với tiên-sinh một tỏ ý thuận-hòa. Trong gia-đình rất nghiêm-kính hòa-mục, bằng dường không có tiếng người nói, mà mọi sự đều nhất-nhất chỉnh-lý. Tiên-sinh gặp việc, hết thảy lấy điều nghĩa-sở-dương-nhiên mà đoán-định, quả-quyết thực-hành, không ai có thể ngăn-trở được. Tiên-sinh sản-nghiệp tuy vốn nghèo, song kẻ bằng-hữu thân-thích, hoặc kẻ nào nghèo không thể dựng vợ gả chồng được, tiên-sinh liền bớt cơm xẻ áo để cấp-đỡ cho.

Tiên-sinh dạy học-trò, tùy tài vấn-đáp, thiển nói điều thiển, thâm nói điều thâm, nhưng tất khiến học-trò bắt đầu phải xét mình dạy mình trước, cho nên tiên-sinh thường nói rằng: « Sự học-vấn không ở nói nhiều, chỉ nên bình-tĩnh tự-trị, khiến cái tâm thường trong-sạch để mà thể-nhận lấy lẽ trời, thì dẫu một chút gì là cái tâm ác-trọc nó mạnh ra, nó cũng phải lánh xa vậy ». Lại nói rằng: « Phàm đọc sách nên biết lời nói của thánh-hiền, đều là cái phương-pháp tiến-hành của ta, mà thí-nghiệm ngay vào thân ta để cầu lấy, thì cõi thánh-hiền cao-xa đến đâu, ta cũng có thể cố gắng mà đi được đến nơi vậy. Nếu chỉ cầu về

(1) Khuê giốc = Góc cạnh, nói bóng là người xử-thế tiếp-vật chẳng hồn-viên.

hàng chữ trên quyển sách, để mà thuộc lấy cho nhiều, nói lấy cho nhiều, thì chẳng ngõ hầu là ngoạn-vật táng-chí đấy dư! » Tiên-sinh thường đọc lên câu *hung trung sái-lạc như quang-phong tế-nguyệt*, là câu ông Hoàng Đình-Kiên khen nhân-phẩm thầy Chu Liên-Khê, mà tiên-sinh cho rằng nhà nho nên để ý ấy luôn luôn, thì ngõ-hầu việc gì làm cũng được. Tiên-sinh là một kẻ nhân-cư, bằng dường không có ý với đời, nhưng lo đời bàn việc, nói về mọi điều minh thiên-lý, chính nhân-tâm, sùng-thượng thói tiết-nghĩa, khuyến-khích thói liêm-sỉ, mỗi mỗi cảm-động lòng người. Thầy Đặng Địch bảo thầy Chu Tùng rằng: « Lý Nguyên-trung tiên-sinh, vi như băng-hồ thu nguyệt, trong sáng không vết ». Thầy Chu Tùng cho là lời nói biết người. Tiên-sinh ở về chốn nước trong trúc biếc, cách-tuyệt thói đời, hơn bốn-mươi năm, cơm ăn áo mặc cũng có khi hoặc thiếu-thốn, mà vẫn không đổi sự vui. Đến khi tuổi già, có hai con là Hữu-Trực và Tín-Phủ đều thi đỗ tiến-sĩ, làm quan ở châu-quận lân-cận thay đổi nhau đón rước phụng-dưỡng, đời lấy làm vinh. Năm Long-hưng nguyên-niên tháng mười, viên đại-sứ đất Mân là Uông Ứng-Thần đem đồ vải lụa và bức thư đến đón tiên-sinh, đến nơi thì tiên-sinh vừa có bệnh, liền mất, tuổi bảy-mươi mốt, viên Uông-Sứ nhân tâu với triều-đình đặt tên thụy cho tiên-sinh là Văn-Tĩnh 文靖. Đời gọi là Lý Diên-Bình tiên-sinh 李延平先生. Học-hạnh của tiên-sinh thửa truyền, thì có tập sách *Diên-bình vấn-đáp ký* của thầy Chu Hối-Am lưu-hành ở đời.

---

## Hồ Dẫn

Hồ Dẫn 胡寅 là một kẻ nhà nho khảng-khái ngôn-luận về hồi Bắc-Tống Nam-Tống chi-giang. Tên tự là Minh-trọng 明仲, là cháu gọi thầy Hồ An-Quốc bằng bác. Tiên-sinh thuở thiếu niên là kẻ kiệt-hiệt, khó ai chế nổi. Người bố là Hồ Thuần lấy làm lo, đem nhốt tiên-sinh vào trên một cái gác mà khóa cửa lại, trong gác khi ấy có một đống gỗ vụn, tiên-sinh hết thảy đem khắc làm hình người. Người bác là An-Quốc đến thăm trông thấy thế, có bảo với Hồ Thuần rằng: « Cháu ấy nó cũng là người có khéo khôn tư-tưởng, sao chẳng nên có một sự gì có ích để biến-đi cái tâm-chí nó. » Hồ Thuần mới đem vài nghìn quyển sách để ở trên gác. Tiên-sinh vì lệnh cha bó buộc, phải ở trên gác hơn một năm, đọc xem khắp hết mấy nghìn quyển sách. Kịp chút lớn lên, theo thầy Hầu Sư-Thánh đi du-học. Năm Tuyên-hòa thứ ba, lên Biện-kinh thi đỗ tiến sĩ, bổ-dụng làm chức Hiệu-thư-lang. Khi ấy thầy Dương Thời làm chức Tế-tửu, chưởng-giáo nhà Thái-học, tiên-sinh lại đến tông-học thầy Dương Thời. Ít lâu, dời làm chức Tư-môn viên-ngoại-lang. Gặp giặc Kim vào phá Biện-kinh, tiên-sinh cùng với Trương Tuấn và Triệu Đỉnh đều trốn ở trong nhà Thái-học. Tiên-sinh khi mới đỗ tiến-sĩ, kẻ quyền-quí là Trương Bang-Xương cố-ý muốn đem con gái gả cho, tiên-sinh cũng cố-ý khước đi không lấy. Đến khi Trương Bang-Xương ỷ-thế giặc Kim làm phản nước tiếm ngôi hoàng đế, tiên-sinh mới bỏ quan về.

Khi vua Cao-tôn nối ngôi ở đất Kim-lăng, là khi bắt đầu về triều Nam-Tống. Viên đốc-sư là Trương Tuấn tiến tiên-sinh làm chức Giá-bộ-lang, liền cử làm chức Khởi-cư-lang. Giặc Kim kéo quân xuống miền Nam lấn đánh. Cao-tôn có chiếu nghị dời quốc-đô về Hàng-châu. Tiên-sinh dâng sớ kháng-nghị rằng: « Tự đời xưa các vua trung-hưng khôi-phục được vật cũ, chẳng vua nào là chẳng gốc ở lòng phẫn-xỉ, cái thù chửa rửa được sạch, thì cái xỉ chửa bao giờ thôi. Nay bệ-hạ đã chẳng

làm cái kế-sách đón Huy Khâm nhị thánh về (Huy-tôn Khâm-tôn bị giặc Kim bắt), lại chẳng tính cái mưu lược giữ đất trung-nguyên. Nếu cứ thấy giặc mà nhút-nhát, thì thành ra trái cái đạo hiếu-đễ, mang lỗi với đấng phụ huynh. Tôi sợ rằng nhân-tâm nhất-dân lìa tan, thì dẫu muốn nương núi tựa bể, cũng không phải là cái kế tự toàn. » Kẻ đương-sự là Lã Di-Hiệu ghét lời nói tiên-sinh là thiết-trực quá, tìm kế đuổi tiên-sinh ra làm chức Chủ-quản thái-bình-quán ở Giang-châu. Chửa bao lâu, tiên-sinh lại được ứng-chiếu dâng mười sự, một là tu việc nội-chính, hai là phòng chốn biên-thùy, ba là trị việc quân-lữ, bốn là dụng kẻ nhân-tài, năm là trừ kẻ đạo-tặc, sáu là tin điều thưởng-phạt, bảy là kinh-lý tài-chính, tám là xét hỏi danh-thực, chín là đuổi kẻ dua-nịnh, mười là bỏ kẻ gian-ác. Tiên-sinh lại được triệu làm chức Khởi-cư-lang, liền thăng chức Trung-thư xá-nhân, từ tam-phẩm phục. Lúc ấy triều-đình có nghị sai sứ sang giảng-hòa với giặc Kim. Tiên-sinh lại dâng sớ thiết-can rằng : « Đại-kế ngày nay, chỉ nên minh cái nghĩa phục-thù, dùng kẻ hiền-tài, sửa-sang đức-chính, nghỉ quân dạy dân, để mưu toan sự bắc-phạt. Nếu hoặc chửa thể làm được, thì hãng kiên-thủ để đãi-thời. Nếu cầu chiến mà hòa, bề nào cũng chẳng quyết về bề nào, chỉ dùng-dằng bại-sự, tất chẳng thành-lập được sự gì. » Chợt gặp tang vua Huy-tôn ai-phó đến nơi. Tiên-sinh xin vua Cao-tôn mặc đồ áo trở đi ra lâm-ngự chốn hàng-trận, để cảm-động thiên-hạ. Chợt có lệnh cử tiên-sinh chức Lễ-bộ Thị-lang, kiêm chức Thị-giảng học-sĩ. Tiên-sinh chợt vì có tang thân-phụ lại từ chức về. Trước kia ngươi Tần Cối cùng thầy Hồ An-Quốc có quen biết, đối với tiên-sinh vốn có giao-tình. Kịp khi Tần Cối cầm quyền nước, chủ-trương hòa-nghị, tác uy tác phúc. Tiên-sinh ghét Tần Cối là kẻ chủ-hòa làm ngộ việc nước. Tiên-sinh vì công-nghĩa cắt bỏ tư-tình, cùng Tần Cối tuyệt-giao. Tần Cối cả giận, nhân cử tiên-sinh làm chức Huy-du-các trực-học-sĩ nhân việc thủ-từ, bắt phải trí-sĩ. Tần Cối oán giận còn chưa thôi, tiên-sinh lại phải tội về sự chê-bai triều-chính, bị cách chức đi an-trí ở Tân-châu. Tiên-sinh nghe lệnh tức-khắc ngày hôm ấy khởi-trình. Tiên-sinh ở nơi cấm-cố vài năm, trước thuật ra bộ sách *Độc sử quan hiến*, rất phong-phú vài mươi vạn lời. Kịp khi Tần Cối chết, tiên-sinh mới được tự-do, và được khôi-phục quan-chức. Năm Thiệu-hưng thứ hai-mươi-mốt tiên-sinh mất, tuổi năm mươi chín, tên thụy là Văn-trung 文忠. Tiên-sinh sở trước-thuật lại còn có sách *Luận-ngữ tường-thuyết* sách *Sùng-chính biện* và sách *Phỉ nhiên tập*, cả thảy là ba mươi quyển. Đời gọi là Trí-đường tiên-sinh 致堂先生.

---

### Lưu Miễn-Chi

Lưu Miễn-Chi 劉勉之 là một kẻ nhà nho đạm-bạc vô-cầu ở hồi Bắc-Tống Nam-Tống. Tiên-sinh tên tự là Trí trung 致中, người đất Sùng-an, tự thuở bé đã cố học lắm, hàng ngày tụng đọc vài nghìn lời nói; lại có tài văn-chương, làm văn rộng-rãi như bể, lăng-tẳng như non. Kịp khi lớn lên lấy vợ nhà giàu, nhà vợ không có con trai chỉ có một con gái, khi bố mẹ vợ già, mưu tính toàn đem gia-sản cho con gái, tiên-sinh cố từ-tạ chẳng nhận. Khi bố mẹ vợ chết, tiên-sinh vì nhà vợ liệu-lý tang-sự, rồi chọn một kẻ hiền-lành trong tôn-thuộc họ nhà vợ làm kẻ thừa-tự mà đem hết thầy sản-nghiệp nhà vợ giao cho, khiến phụng-sự tổ-tiên nhà vợ.

Cuối đời Huy-tôn, tiên-sinh nhân dịp hương-cử, lên Biện-kinh đến nhà

Thái-học. Lúc ấy sự cấm sách Nguyên-hựu đương rất nghiêm (những sách của chư-hiền năm Nguyên-hựu làm ra, như sách họ Tô họ Trình, v.v.), kẻ nào cất quyển sách ấy, thì cả thầy lẫn trò đều liền phải tội, tội đến đi lưu đi đầy. Tiên-sinh một mình âm-ngầm đi tìm hỏi những sách học-phái đất Y đất Lạc, đem về chứa giấu, đến đêm khuya mới dám mở hòm, thắp ngọn đèn nhỏ, lầm-rầm tụng đọc. Người đất Bồi-lăng là thầy Tiêu-Định từng tòng học cửa hai họ Trình, thâm-thúy về kinh *Dịch*. Tiêu-Định đến Biện-kinh, tiên-sinh tức-khắc đi khấu-yết Tiêu-Định, lĩnh-hội được hết đầu đuôi học-thuyết họ Trình, mới bái-biệt các bạn học ở Biện-kinh đi về. Khi đi đường, vào yết-kiến hai bậc lão-thành là Lưu Xưởng và Dương Thời, đều xin thụ-nghiệp làm đệ-tử. Lưu Xưởng càng cho tiên-sinh là kỳ-dị, cùng tiên-sinh nói, không điều gì là chẳng nói hết. Tiên-sinh đội lời hai bậc lão-thành trở ra về, kết một cái thảo-lư ở thôn Tiên-đồn đất Kiến-dương, vừa đọc sách vừa hết sức cầy ruộng lấy ăn, vô-cầu với đời.

Tiên-sinh lúc bình-nhật nhàn-cư, thường nghiêm-kính giữ-gìn, mà khi đối-nhân tiếp-vật rất hòa-nhã, nét mặt tiếng cười khá thân-yêu. Học trò đến cửa, tiên-sinh tùy-tài trỏ bảo cho đường lối vào của thánh-hiền, suốt ngày thuyết-giảng không lúc nào có sắc mỏi. Kẻ hiền-sĩ đại-phu ở đời đều tôn-ngưỡng cái cao-phong nhã-hạnh của tiên-sinh. Tiên-sinh cùng với thầy Chu-Tùng thầy Hồ Hiến, thầy Lưu Trở-Huy, càng là bạn thân-thiết. Về triều Nam-Tống, tiên-sinh vốn trứ-danh. Lũ viên Trung-thư xá-nhân là Lã Cư-Nhân tranh nhau tiến-cử tiên-sinh. Tiên-sinh đã đi đến Hoàng-kinh. Lúc ấy Tần Cối đương chủ-trương hòa-nghị, ghét những kẻ sĩ sơn-lâm, họ chẳng đoái gì lợi-hại, gặp việc họ hay nói thẳng, lo rằng có điều trở-ngạnh cho mình, mới không khiến tiên-sinh vào yết-kiến Thiên-tử, chỉ khiến tiên-sinh thi một bài văn sách, để sau đợi xét mà thôi. Tiên-sinh biết rằng đạo mình chẳng thực-hiện được, tức-khắc ngày hôm ấy thác-bệnh từ-tạ đi về, chẳng vào thi nữa, đóng cửa hơn mười năm, chẳng can-dự việc đời. Thầy Chu Tùng khi ốm nặng, lấy việc nhà sau này phó-thác cho tiên-sinh. Tiên-sinh hết lòng vì kính-lý cho việc nhà họ Chu, lại giáo-dục thầy Chu Hi coi như con mình, lấy con gái gả cho thầy Chu Hi. Năm Thiệu-hưng thứ 19 tiên-sinh mất, tuổi năm mươi chín, chỗ tiên-sinh ở có một cái khe nước trắng, đời gọi là Bạch-thủy tiên-sinh 白水先生.

TÙNG-VÂN *biên-dịch*

# ÁI-TÌNH VỚI TRIẾT-HỌC

## Bà Clotilde de Vaux trong triết-học ông Auguste Comte (1)

**Khổng-Đức trong Triết-học-sử nước Pháp.** — Kể về đường văn-học thì nước Pháp có thể đứng vào bậc nhất Âu-châu, song kể về đường triết-học thì còn kém nước Đức, nước Anh vậy. Nhưng trong vòng 3 thế-kỷ đã sản-xuất ra được hai nhà triết-học trứ-danh, làm vẻ-vang cho triết-học-sử nước Pháp, và ảnh-hưởng rất sâu-xa đến tư-tưởng triết-học thế-giới.

Ông Đích-tạp-nhi (DESCARTES) sinh vào thế-kỷ thứ 17, đã nhất-đán giải-phóng cho tư-tưởng triết-học ra ngoài cái học-thuyết « kinh-viện » (*scolastique*) mà mở ra một cái kỷ-nguyên mới trong lịch-sử triết-học nước Pháp. Cái ảnh-hưởng của ông truyền qua thế-kỷ thứ 17 mà thâm-nhập vào thế-kỷ thứ 18. Nhưng cái học-thuyết đó dùng « lý-tính » (*raison*) mà suy-cầu chân-lý, tưởng chửa được hoàn-toàn. Khoa-học phát-đạt là một phần lớn phải nhờ ở thực-nghiệm, vậy cái « thực-nghiệm triết-lý-học » (*positivisme*) của ông Khổng-đức (AUGUSTE COMTE) về thế-kỷ thứ 19 tức là để bổ-khuyết vào cho chỗ thiếu ấy.

Nhờ lý-luận tự-do mà phát-minh ra những tư-tưởng mới, kế-quả đến gây ra cuộc Cách-mệnh năm 1789, đó mới là cái công-dụng về phá-hoại mà thôi. Nhưng có nhờ ở kinh-nghiệm mà thực-tiễn bốn chữ « cách-vật trí-tri » thì mới là cái công-dụng về sự kiến-thiết, ích-lợi cho khoa-học biết bao nhiêu! Vậy ta cũng nên biết tới cái địa-vị của ông Khổng-đức trong triết-học-giới nước Pháp và trong lịch-sử khoa-học ở thế-giới vậy.

**Triết-học thực-nghiệm là gì?** — Đã biết cái địa-vị cao-trọng của ông ở trong tư-tưởng-giới nhân-loại, tất không thể nào lại không có vài hàng nói qua về cái triết-học của ông được vậy.

Triết-học của ông căn-cứ ở sự thực-nghiệm, cho nên ông phản-đối rất kịch-liệt những cái tư-tưởng tuyệt-đối (*absolu*) và chỉ xét cứu tới những cái thuộc về tương-đối (*relatif*) mà thôi.

Thế nghĩa là ông biết lượng cái sức óc của người ta không có thể nào khám-phá được những cái nguyên-lý mà ta không đủ tư-cách phát-minh. Đại-đề như bàn về cái nguyên-nhân của muôn vật, cái cứu-cánh của muôn loài, là cái ta không thể thấu-triệt đến nơi mà bàn được đích-xác, thì ta quyết không nên bàn đến. Mà hễ có bàn đến cũng chỉ là lý-tưởng mơ-hồ mà thôi, không có giá-trị gì về thực-tế cả.

Trước kia ông Tô-cách-lạp (SOCRATE) có nói: « Ngươi phải tự biết lấy ngươi ». Nay ông Khổng-đức thực đã tự biết mình lắm. Ông biết ông tức là ông biết lực-lượng tinh thần của nhân-loại vậy.

Nhưng ta đừng vội tưởng rằng thực-nghiệm chỉ nghĩa là mắt thấy, tai nghe, tâm suy, ý nghĩ là đã đủ rồi đâu.

Thực-nghiệm theo nghĩa như thế thì eo-hẹp quá. Triết-học của ông lại

(1) Về lịch-sử và triết-học AUGUSTE COMTE xem *Nam-Phong* số 138, 139 đã có bài chuyên-khảo.

còn căn-cứ vào lịch-sử, nương-tựa vào khoa-học, mục-đích đã có sở-định, thực-tiễn đã có phương-pháp vậy.

Ông khảo lịch-sử chia nhân-loại ra làm ba thời-kỳ trình-độ khác nhau: a) Thời-kỳ thứ nhất là lúc nhân-loại còn ấu-trĩ, nhân-sinh còn ngu-dại, là lúc « thần-quyền » rất thịnh (*âge théologique*); b) Thời-kỳ thứ hai là lúc nhân-loại đã tiến-hóa được đôi chút thì chế-độ thần-quyền tất phải giảm đi và tiếp vào « thời-kỳ lý-tưởng » (*âge métaphysique*); c) Thời-kỳ thứ ba là lúc nhân loại đã tiến-hóa nhiều thì tất là phải tỉnh-ngộ ra rằng chân-lý không có ở những cái lý-tưởng tuyệt-đối mà chỉ căn-cứ được ở sự thực-nghiệm triết-lý mà thôi, tức là « thời-kỳ thực-nghiệm » (*âge positif*) của nhân-loại hiện-kim vậy.

Đó là lẽ tiến-hóa tự-nhiên, cứ để tự-nhiên nhân-loại cũng tiến-hóa được như thế, nhưng nếu nay ta lại dụng-công mà giúp cho sự tiến-hóa ấy mau bước lên thì ta phải có phương-tiện thực-hành. Những phương-tiện đó là những khoa-học (*sciences*). Mà những khoa-học thì mỗi khoa có một công-dụng riêng, song chung-qui cũng chỉ là cốt cho đạt tới cái mục-đích cải-lương cho xã-hội thêm vui, tô-điểm cho nhân-loại thêm đẹp. Ông chia ra bảy khoa-học phải theo thứ-tự mà dùng thì mới có hiệu-quả:

1° Trước hết phải học khoa số-học (*mathématiques*) để định lấy qui-mô thực-nghiệm ở trong số-lượng, là những nguyên-chất đơn-giản nhất;

2° Phải học khoa thiên-văn (*astronomie*) để thực-nghiệm các vị tinh-tú mà chứng cho số-học;

3° Phải học khoa vật-lý học (*physique*) để thực-nghiệm cái bản-chất muôn vật ở thế-giới;

4° Phải học khoa hóa-học (*chimie*) để phân-tích mà thực-nghiệm các vật-chất;

5°/ Phải học khoa sinh-lý-học (*biologie*) để thực-nghiệm sự sinh-hoạt tiến-hóa của muôn vật;

6° Phải học khoa xã-hội-học (*sociologie*) để học cái bản-thể của xã-hội (*statique sociale*) và để học sự tiến-hóa của nhân-quần (*dynamique sociale*);

7° Sau hết mới học đến khoa luân-lý học (*morale*) là khoa-học để làm người, biết mang tâm-tư nghị-lực ra mà làm việc cho nhân-quần, mang sở-thủ sở-trường ra mà giúp ích cho nhân-loại.

Trong 7 khoa-học trên này thì chỉ có khoa xã-hội-học và luân-lý-học là tự ông đặt ra theo cái sở-kiến của ông, còn 5 khoa trên là ông vẫn thừa hưởng của người trước phát-minh. Ông cho rằng cần nhất là khoa xã-hội để hiểu biết được cái hoàn-cảnh của mình để tùy những chỗ hay mà tô-điểm, tùy những chỗ dở mà bổ-khuyết, và cốt-thiết lại là khoa luân-lý để giáo-dục cho người lấy cái tư-cách sinh-hoạt trong xã-hội. Người mà hay thì hoàn-cảnh tất cũng không dở được. Nhưng muốn khảo xã-hội cho được phân-minh thì tất là phải có khối óc thực-nghiệm, mà muốn cho có khối óc thực-nghiệm thì tất là phải rèn luyện ở trong năm khoa-học trên, theo thứ-tự từ khoa đơn-giản cho đến khoa phiền-tạp, tức là từ khoa dễ cho đến khoa khó vậy.

**Tính-cách của triết-học ấy.** — Cái triết-học đó đã phản-đối lý-tưởng siêu-hình, phản-đối tinh-thần tôn-giáo, tức nghĩa là muốn phản-đối hết thảy mọi cái mộng-tưởng thú-vị du-dương của nhân-sinh. Một môn triết-học như thế, dù có thiết-dụng với đời, thích-hợp cho người, nhưng tưởng cũng hơi có vị khô-khan, không đủ gây được

cái sinh-thú cho nhân-loại. Nhân-loại đối với thực-tế cố-nhiên vẫn phải cho là cần-yếu, nhưng đối với lý-tưởng, quyết cũng phải tha-thiết mơ-màng Nào những lúc trước cảnh tạo-hóa, phát-động hồn thơ, vì kiếp phù-sinh, xui lòng bi-đát, vì trò vân-cầu, khiến dạ thê-lương, thì tất là phải để tinh-thần được tự-do nhân tản trong cái lý-tưởng vô-hình, hay tiêu-dao sáp-nhập vào trong vòng tôn-giáo. Những tôn-giáo cổ ông đã phản-đối cho là không thích-hợp với trình-độ nhân-loại ngày nay. Vậy lấy đâu làm cái tôn-giáo thích-hợp với đời bây giờ cho người ta tin theo? Đó tức là một điều khuyết-điểm, sau này ông sẽ chữa lại, mà cũng là do cái ảnh-hưởng của một bạn nữ-lưu là Cát-tinh Vô phu-nhân (CLOTILDE DE VAUX) vậy.

**Tiểu - sử của ông trước ngày gặp-gỡ.**— Ông sinh năm 1798 ở thành *Montpellier* bên Pháp. Nhà - vào hạng trung-thường. Cha là một người thu tiền cho hàng quận, mẹ là một người rất sùng đạo Thiên-chúa. Lên chín tuổi, ông vào học trường trung-học ở tỉnh nhà, tiếp-xúc với một cái hoàn-cảnh có tư-tưởng quá-khích, nên ông dễ chịu sức cảm-hóa mà biến thành một kẻ vô-tôn-giáo có lắm ý-tưởng cộng-hòa. Ông học giỏi, khoa-học đã xuất-sắc hơn chúng-bạn, mà văn-học cũng vẫn giữ bậc nhất nhì. Năm 15 tuổi tốt-nghiệp tú-tài rồi lên kinh-thành *Paris* vào học trường « *Polytechnique.* » Sự học ông tấn-bộ lạ thường, ai cũng phải lấy làm dị-kỳ cảm - phục. Ông vừa chăm học lại vừa chăm đọc những sách triết-lý.

Học được hai năm, vì có sự phiến-động của học-sinh mà ông cũng có dự một phần lớn nên ông phải đuổi và phải giải về giao cho gia-đình quản-thúc. Ông có vào học ít lâu ở trường Y-học *Montpellier*, rồi lại phải tài-đáo Kinh-thành mở một lớp dạy tư toán-học để mưu kế sinh-nhai. Trong lúc ấy ông có học thêm khoa-học, khảo thêm triết-học lịch sử, và chuyên-cần nhất về khoa sinh-lý-học.

Năm 1826, ông mở ở nhà ông một lớp « thực-nghiệm triết-lý-học-khóa » (*Cours de Philosophie positive*), có nhiều những bậc thông-thái trong nước đến học lắm. Nhưng mới giảng được 3 bài mà ông đã bị bệnh sảng mất trí khôn vì quá dùng sức tinh-thần. Bệnh phát ra trầm-trệ, ông phải vào điều-dưỡng trong bảy tháng ở nhà bệnh-viện của ông Bác sĩ ESQUIROL. Năm sau khỏi, ông lại tức - thời làm việc ngay Năm 1827, ông lại kế-tục giảng-cứu về khoa « thực-nghiệm triết-lý-học », và thêm được nhiều người đến học lắm. Những bài giảng đó, sau ông có soạn lại in ra thành một bộ gồm có 6 quyển sách. Ông bác-sĩ LITTRÉ nước Pháp, và nhà triết-học STUART MILL ở nước Anh rất lấy làm khâm-phục những ý-tưởng ở trong sách ấy và coi ông như một bậc tôn-sư

Năm 1832, ông được bổ vào dạy trường *Polytechnique.* Song bởi bộ sách ông xuất - bản ra có chỗ nói phạm đến các quan Hàn-lâm, nên trong đó có một ngài tức-giận quá mà vận-động cho ông phải mất chức. Sau đến cả lớp học dạy tư của ông cũng bị họ bắt đóng cửa nữa.

Gia-tư bần-bách, vô-kế sinh-nhai, lại luôn luôn bị tụi Hàn-lâm hãm-hại, ông thực phải kinh-qua một cảnh-ngộ rất chiều khốn-quẫn. May được các bậc học trò ông tư-cấp, không thì sự-nghiệp ông cũng đành bỏ dở, mà thân-thế cũng đến nguy-vong.

Đến năm 1842, thì ông ly-dị vợ, sau khi đã ăn ở với nhau trong 17 năm trời. Vợ ông người rất tốt, song vì tính-khí ông biến đổi mà thành vợ

chồng xung khắc, ở với ông ngày nào lại khổ cho ông ngày ấy, nên ông bà bất-đắc-dĩ mà phải bỏ nhau.

Sau khi bỏ vợ thì ông tự giam-hãm mình vào một cái cảnh cô-độc vô-liêu để chuyên-chú vào sự-nghiệp. Rông-rã trong ba năm trời sinh-hoạt như thế. Kể đến năm 1845 thì đời ông lại biến đổi hẳn đi, ấy cũng là vì sự gặp gỡ sau này vậy

**Gặp gỡ.** — Cát-tinh Vô phu-nhân là người thế nào ?

Kể tuổi thì còn xuân xanh, kể tài thực nên xuất-chúng, kể tư-cách thì lỗi-lạc thanh-kỳ, kể đức-hạnh thì nên trang hiền-thục. Một người như thế mà lại lấy phải một người chồng là kẻ du-đãng côn-đồ, ngang-tàng vô-hạnh, đáng tiếc biết bao ! Người chồng sau vì cản-dỡ dông dài mà làm nên tội, bị kết án khổ-sai chung-thân, khiến cho bà đương là một kẻ có chồng, bỗng như phải vào địa-vị gái góa.

Bà vốn người đa-cảm, lại là khách văn-chương, nay càng chích-ảnh đan-thân, càng như khêu lòng bi-đát.

Ấy chính lúc ấy, thì ông bà gặp-gỡ nhau.

Ngẫu-nhiên tình-cờ, đối với một người trầm-uất lãnh-đạm như ông, vừa là một bậc vong tình thái-thượng, lại vừa là một nhà triết-học khô-khan, ai dám ngờ sẽ có được cái ái-tình thâm-thiết sâu xa sau này. Mới đầu đi lại còn là chỗ quen biết xoàng, sau đã hiểu nhau rồi liền thành nên đôi tri-kỷ, và từ đấy nghĩa tất-giao thắt chặt giải đồng, duyên bèo nước thực nên hãn-hữu Nhưng tình thâm nghĩa nặng, mà thật là trong-sáng thanh cao, đủ làm khuôn mẫu cho những bậc bác-nhã đa-tình vạn-thế.

**Ảnh-hưởng của bà.** — Phàm-giả nhà khoa-học thì không chuộng văn-chương, bậc triết nhân thì ít ưa thơ-phú, Ông Khổng-đức trước kia chỉ hết cặm-cụi trong phòng thí-nghiệm, lại chuyên chú vào việc học-hành, dù chưa dập tan được hết mối tình-cảm trong lòng, nhưng tưởng cũng ít khi dùng đến. Thế mà nay gặp bà Cát-tinh, đem lòng luyến-ái bà, đã là một điều lạ. Nhưng luyến-ái bà rồi lại còn chịu bà cảm-hóa, ấy mới là điều lạ nữa,

Bà thích văn-chương, ông cũng thích văn-chương. Bà mê thơ-phú, ông cũng mê thơ-phú. Bà hay mơ-màng mộng-tưởng trong thế-giới vô-hình, ông cũng thấy mê-li man-mác trong không-gian vũ-trụ. Nói tóm lại thì cái kho cảm-tình của ông thực đã nhờ bà mà phát-siển, cái mối thi-cảm của ông thực do bà mà phục-sinh,

Nhưng, than ôi ! Gặp-gỡ nhau nào có lâu gì, mà sao bà đã vội lánh trần xa tục để cho ông phải uất-muộn vô-liêu từ đấy ! Tiếc vậy thay !

**Sau khi bà mất.** — Bà mất ngày mồng 5 tháng 4 năm 1846 nghĩa là chỉ quen biết ông được có một năm tròn. Nhưng cái ảnh-hưởng của bà thâm-nhập vào trong tinh-tinh cảm-giác của ông thực thiết-tha đằm-thắm vô-cùng. Hình-ảnh bà lúc nào cũng như là một vị thần-tiên trong mộng, dẫn lối đưa đường cho cái tư-tưởng của ông ở trong sự-nghiệp. Ông coi bà như tiêu-biểu cho cả nhân-loại nay đã đến lúc hoàn-toàn chí-thiện.

Ông ngày ngày cầu-nguyện cho bà, nghĩ-ngợi đến bà, coi cái tinh-thần cao-siêu của bà như một vị thiên-thần hộ-mệnh, như một bậc thánh-mẫu hiển-linh. Ông nhân cái ảnh-hưởng đó mà làm ra hai bộ sách để phát-minh cái « Tôn-giáo Nhân-loại » *Religion de l'Humanité*).

**Cái tâm-sự ông thủy-tổ Tôn-giáo Nhân-loại.** — Tự ông cũng nói ra rằng sự-nghiệp của ông chia ra hai thời-kỳ khác nhau, trước là một nhà khảo-cứu triết-học, sau là một nhà phát-minh tôn-giáo, trước chỉ dùng trí để suy-tầm thực-nghiệm lấy chân-lý trong đời, sau mới dùng tâm để yêu-mến thiết-tha đến nhân-sinh nhân-loại. Rút lại cái khối «óc» của ông, trước càng thông-minh linh-động bao nhiêu, thì cái khối «tình» của ông, sau càng thâm-thiết trứ-minh ngần ấy.

Trong mấy năm trời, trước ngày ông giã-thế từ-trần hình như ông không chuyên-chú mấy đến khoa triết-học nữa, và chỉ hay đọc văn-thơ của những nhà thi-sĩ Ý-đại-lợi và Y-pha-nho, cho rằng văn-thơ có thể hướng-đạo cho linh-hồn ông được hiểu thấu tới cõi Đại-toàn-toàn của không-gian vũ-trụ mà tiêu-dao trong cõi lý-tưởng mộng-du.

Nhân cái tâm-sự ấy mà ông phát-minh ra cái tôn-giáo nhân-loại, căn-cứ vào cái xã-hội thực-nghiệm và bổ khuyết vào cho nền triết-học của ông.

Xét ra trong cái tôn-giáo này, có nhiều chỗ ông rất thiên-vị về phái nữ-lưu, khi thì tôn như thánh như thần, khi thì kính như chân-nhân bồ-tát, rõ-ràng là đã chịu ảnh-hưởng của bà Cát-tinh Vô. Vậy tưởng cũng nên bàn rõ về cái tôn-giáo đó, xem cái địa-vị bạn thoa-quần ở trong ấy cao-trọng tôn-qui là ngần nào.

**Tôn-giáo Nhân-loại** — Trước hết phải hỏi : Tôn-giáo là gì ?

Tôn-giáo tức là một cái ái-lực linh-thiêng dùng để dàng-buộc liên-kết người đời vào với nhau.

Tôn-giáo công-dụng những gì ?

Cổ lai vẫn nhờ ở tôn-giáo mà loài người tiến-hóa, vì có tín-ngưỡng để gửi-gắm linh-hồn, có mơ-màng để nuôi-dưỡng tâm-trí, có giáo-lý để mài-rũa lương-tâm, thì mới có đủ năng-lực mà làm việc, giúp ích vào cho sự tiến-hóa văn-minh.

Nhưng nay ta có thể theo mãi những tôn-giáo cổ được không ? Cái óc thực-nghiệm không thể nào theo được những sự mơ-hồ. Vậy phải có tôn-giáo mới, thích-hợp cho xã-hội bây giờ. Song đặt ra một tôn-giáo cũng như dựng nên một tòa nhà, tất phải xem đất mà đặt móng. Dựng nhà ở trên bãi cát là một điều thất-sách. Vậy phải xem miếng đất đặt móng của tòa nhà tôn-giáo có phải là thuận-địa không. Xem cá-nhân có đủ tư-cách thu-dụng tôn-giáo, xem xã-hội có đủ tư cách duy-trì tôn-giáo thì mới khả-dĩ hi-vọng cho tòa nhà tôn-giáo sẽ được vững-vàng kiến-cố ở trong cõi thế-gian này vậy.

1° Xét về phương-diện «cá-nhân» thì ông nói rằng thiên-tính người ta vẫn là vị-tha chứ không phải vị-kỷ. Và chính lúc sinh-tiền bà Cát-tinh Vô cũng đã nói với ông rằng : « Mình yêu người còn hơn được người yêu mình»; và : « Người ta có thể chán-nản được hết cả mọi sự mà không thể nào chán-nản được sự yêu thương». Nay nhân cái thiên-tính « ái-tha » ấy mà đặt nên tôn-giáo, tưởng cũng không phải là không gặp thuận-địa vậy. Tôn-giáo sẽ lại trau-dồi cho cái thiên-tính đó càng ngày càng chí-thiện mãi lên, cho lòng yêu người càng ngày càng rộng, cho tính ích mình càng hẹp mãi đi. Ấy là cái bản-ý của Khổng-đức tiên-sinh trong sự kiến-thiết tôn-giáo vậy.

Nhưng người ta không phải là chỉ có *lượng yêu* mà thôi đâu. Người ta còn có *lượng biết*, tức là lương-tri, có *lượng làm*, tức là lương-năng nữa. Nhưng nếu đã khiến cho cá-nhân yêu đến xã-hội thì tự-khắc cá-nhân tất phải mang lương-trí ra mà giúp xã-

hội bằng tinh-thần, dùng lương-năng mà giúp xã-hội đường vật-chất.

2° Về phương-diện xã-hội, thì xã-hội vốn là nguyên-lai tự cá-nhân. Cá-nhân đã hay, xã-hội không lẽ dở, cá-nhân đã có tư-cách thụ-dụng tôn-giáo, xã-hội tất cũng có tư-cách duy-trì tôn-giáo vậy.

Nhưng xã-hội vốn chia ra ba hạng người, mỗi hạng có một tính-cách khác nhau : a) Hạng trên là hạng phụ-nữ, giàu về tình-cảm, sẵn nhiều lương-tâm ; b) Hạng giữa là hạng học-giả, giàu về lương-trí, sẵn nhiều trí-thức ; c) hạng dưới là hạng sự-công, giàu đức lương-năng, chuyên về thực-nghiệp.

Xã-hội thế là tạp mà không là thuần. Nay ta có thể cho thuần-nhất lại được không ? Tất là không được. Vậy thì phải có một cái sức gì đủ liên-hiệp được người này với người khác, để-huề được hạng nọ với hạng kia, cho có trật-tự đằm-thắm trong xã-hội, để họ biết cùng nhau đồng-lao cộng-tác mà hồ-cứu vào cho sự tiến-hóa của nhân-quần. Cái sức đó bất-ngoại cũng là cái sức tôn-giáo sau này vậy.

Lấy « ái-tình làm nguyên-lý, trật-tự làm căn-bản, tiến-hóa làm mục-đích » (1) tức là cái sở-ý mà cũng là cái sở-nguyện của ông đó.

Nhưng tôn-giáo thì thờ gì ?

Ta sẽ thờ nhân-loại vậy : nhân-loại là gồm hết cả loài người, từ kẻ đã khuất, cho đến kẻ đồng-thời, cho tới người hậu-tiến. Đối với ông cha ta đời trước thì ta dùng ký-ức mà hồi-tưởng phụng thờ, đối với đồng-bào ta đời nay thì ta dùng tình-cảm mà thiết-tha yêu mến, đối với con cháu ta đời sau thì ta dùng tưởng-tượng mà mong-mỏi đợi chờ. Nhân-loại là gồm cả dĩ-vãng, hiện-tại, tương-lai vậy. Nay ta thờ nhân-loại thì ta cũng nên coi nhân-loại là nhất-thể mà hương hoa thờ phụng, như trước kia ta vẫn đối với đức Thượng-đế mà ta không biết là có thực hay không. Nay lấy nhân-loại thay cho Thượng-đế tức là lấy thực-tế thay cho mơ-hồ vậy.

Ta sẽ gọi nhân-loại là đấng Đại-thể (*Grand Etre*). Nhưng nhân-loại sinh-hoạt ở trên địa-cầu thì ta cũng phải thờ địa-cầu mà tôn lên là cái Đại-Hoàn-Cảnh (*le Grand Milieu*). Song bởi cái Đại-Hoàn-cảnh đó lại ở trong không-gian vũ-trụ, vậy cũng nên thờ vũ-trụ mà đặt tên là bậc « Đại-Tôn-thần » (*Grand Fétiche*).

Ấy đại-cương tôn-giáo nhân-loại là thế. Nhưng đã là tôn-giáo thì tất phải có « kinh » (*dogme*), có « lễ » (*culte*) có « chế-độ » (*régime*). Vậy Kinh là gì ? Lễ thế nào ? Chế-độ những sao ? Sẽ xin theo trật-tự mà diễn tả.

### *I. — Kinh*

Trong sách Kinh phải nói cả những lẽ tự-nhiên của tạo-hóa (2) đã nhờ khoa thực-nghiệm triết-lý phát-minh và nói đủ cả 7 khoa-học đã kể trên kia là những khoa-học cần-yếu của người ta, để suy-cầu lấy chân-lý xác-nhiên và để đạt tới cái mục-đích tiến-hóa của nhân-loại.

### *II. — Lễ*

Lễ đây chỉ là sự trầm-tiềm ngẫm-nghĩ đến đấng Đại-thể Nhân-loại mà thôi. Nhưng cái quan-hệ của người ta công-tư vẫn khác, thì cái cảm-tình của người ta tất là phải phát-siển từ cái

(1) Nguyên-văn rằng : « *Amour pour principre, ordre pour base, progrès pour but* ».

(2) Những cái luật-lệ tự-nhiên của tạo-hóa (*les lois naturelles* đại-đề như : « Luật tạo-hóa bao giờ cũng bất-di bất-dịch » ; « Cái sức động-tác và cái sức phản-động bao giờ cũng tương-đối » ; « tiến-hóa là phải căn-cứ vào trật-tự ». v. v...

gần cho đến cái xa, phải biết lễ đối với mình, đối với nhà, rồi mới hiểu lễ đối với quốc-gia, xã-hội, nhân-sinh, nhân-loại vậy

a) Nay lễ đối với bản-thân phải thế nào? Theo như Khổng-Đức tiên-sinh thì phải kính thờ bạn « phụ-nữ ». Đạo Thiên-chúa đã đặt ra những vị thần hộ-mệnh (*ange gardien*) để che-chở cho cá-nhân và gia-tộc, thì những bậc thần hộ-mệnh đó nào có gì đâu! Nay những vị thần hộ-mệnh thực có của ta, sao ta không biết đến? Này mẹ ta, vợ ta, chị ta, em ta, con gái ta, cho chí cả đến con hầu đứa ở ta, hết thảy toàn là thần hộ mệnh của ta cả đấy. Dù ở địa-vị nào, đàn-bà cũng là tiêu-biểu cho cái « kiểu mẫu hoàn-toàn của loài người » (*le meilleur type exemplaire de l'humanité*), vì đàn-bà sẵn cảm-tình, nhiều ái-tình, lại rất có bụng trung-thành. Nay ta thờ phụng đàn bà tức là để ta học lấy những cái đức hay đó, mà trau-dồi cho lương-tâm ta, bổ-khuyết cho tình-cảm ta, khiến cho ta rồi chỉ biết yêu người mà không biết ích mình, rồi chỉ thuần-hồ điều thiện, mà không có điều tà. Nhưng đã gọi là lễ thì phải có cầu-nguyện. Cầu-nguyện mỗi ngày ba bận: sáng, trưa và chiều. Mà cầu-nguyện thì phải một lòng thành-cẩn, một bụng thanh-cao, mang cảm-tình mà tưới-rẩy ở nơi lễ-bái, mang lời nói mà cầu-nguyện các đấng hộ-thân. Phải cầu-nguyện bằng lời nói, vì lời nói có thể tăng-tiến phần hiệu-quả. Phải cầu-nguyện bằng văn-thơ vì văn-thơ có thể cảm-hóa được lòng người.

b) Lại đến lễ nơi gia-đình thì phải làm sao?

Lễ-nghi trong gia-đình là mục-đích để liên-lạc gia-đình với xã-hội. Vậy chia ra chín lễ.

1° là lễ « giới-thiện » (*présentation*) lúc trẻ mới lọt lòng mẹ mà ra chào đời;

2° là lễ « nhập-môn » (*initiation*) khi trẻ đã 14 tuổi, thôi nhận cái giáo-dục gia-đình mà ra thụ-giáo ở xã-hội;

3° là lễ « nhập-tịch » (*admission*) khi trẻ đã 21 tuổi, chịu xong sự giáo-dục của xã-hội mà bắt đầu làm phần-tử của nhân-quần;

4° là lễ « ký-đáo » (*destination*) khi đã chọn xong nghề-nghiệp mà làm việc cho đời;

5° là lễ « thành-hôn » (*mariage*), lúc trai lấy vợ, gái lấy chồng (trai thì ít ra cũng phải 28 tuổi, và gái thì cũng 21 tuổi trở lên; trai ngoài 35 tuổi thì không nên lấy vợ, mà gái ngoài 28 tuổi cũng nên thôi lấy chồng);

6° là lễ « lão-thành » (*maturité*), 42 tuổi, từ đấy trở đi thì phải biết mực tu-thân sửa đức, cốt để có thể sáp-nhập vào đấng Đại-thể sau này;

7° là lễ « hồi-hưu » (*retraite*), 63 tuổi, là lúc mình tự phải tiến-dẫn kẻ kế chân, chọn lựa sao cho được người xứng-đáng;

8° là lễ « tịch-hóa » (*transformation*) là lúc sắp giã thế lìa trần thì có một ông giám-mục đạo nhân-loại đến an-ủy cho mình được hi-vọng rằng sau này thiên-hạ vẫn còn nhớ đến mình mà cái đời của mình còn như được trường-sinh ở trong ký-ức của bằng hậu-tiến;

9° là lễ « sáp-nhập vào đấng Đại-thể (*incorporation au Grand Etre*), sau lúc đã chết 7 năm, nếu thực mình là người xứng-đáng. Những người được sáp-nhập vào đấng Đại-thể thì hài-cốt được di-táng vào nơi « Linh-tầu » (*Bois sacré*) là nơi chỉ dành riêng cho những hạng người tiết sạch giá trong ấy mà thôi.

c) Lại thế nào là lễ ở nơi công-chúng?

Mục-đích lễ ở nơi công-chúng là cốt để khêu-gợi cái nghĩa hợp-quần ở trong xã-hội. Vậy cơ-sở tất là phải có một cái nhà Thờ làm ngay ở giữa nơi Linh-tẩu.

Trong nhà thờ có tạc tượng một người đàn-bà trạc độ 30 tuổi, tay ẵm con, để tiêu-biểu cho đấng Đại-thể nhân-loại. Cạnh đấy lại có 7 cái đền trong cũng có những tượng đàn-bà để tiêu-biểu cho những cơ-quan tiến-hóa của nhân-loại, như: tình «bác-ái», như nghĩa «ái-tha», như đức «lương-tri», như lòng «tận-tụy», v. v... Trong nhà thờ lại có nhà riêng cho những người giám-mục và gia-quyến ở, và một nơi giáo-đường để chuyên dạy giáo-lý. Khắp nhà thờ lại có treo những câu cách-ngôn của đạo thực-nghiệm như những câu: «Trật-tự và tiến-hóa», «Sống vì kẻ khác»; «Sống một cách chính-đại quang-minh» (1), v. v...

Lịch bấy giờ đổi lại: năm chia làm 13 tháng; một tháng có 28 ngày chia ra làm 4 tuần-lễ. Mỗi năm có một ngày bổ-khuyết (tức là ngày lễ, thứ 365). Mỗi năm nhuận có một ngày thừa ra. Tháng đầu thờ đấng Đại-thể. Năm tháng sau thờ 5 cái tình liên-lạc của đời người, tình vợ chồng, tình cha đối với con, tình con đối với cha, tình anh em, tình thầy-tớ. Ba tháng sau thờ ba cái thời-kỳ tiến-hóa của nhân-loại: Thời-kỳ ngẫu-tượng (*Fétichisme*); Thời-kỳ đa-thần (*Polythéisme*); Thời-kỳ độc-thần (*Monothéisme*) (2). Còn bốn tháng về sau tốt thờ 4 giai-cấp trong xã-hội: 1°/ Hạng phụ-nữ; 2°/ Hạng tri-thức; 3°/ Hạng doanh-nghiệp; 4°/ Hạng lao-động

Ngày bổ-khuyết trong một năm là lễ kỷ-niệm những người quá-vãng. Ngày thừa ra trong năm nhuận là ngày lễ những bậc liệt-nữ anh-linh.

*III.— Chế-độ*

Nay còn chế-độ của xã-hội thì phải thế nào?

Xã-hội tiến-hóa là nhờ ở chế-độ. Chế-độ dở hay là do tự cái trình-độ văn-minh cao thấp. Nay người ta đã đến cái thời-kỳ thực-nghiệm tất là phải có cái chế-độ tận-thiện tận-mĩ vậy. Cái chế-độ ấy, ông thảo-nghị ra như sau này:

Phàm chính-trị phải chia ra làm 2 quyền: quyền *tinh-thần* và quyền *chính-sự* (*pouvoir spirituel et pouvoir temporel*).

A. — Quyền tinh-thần giữ về cơ-quan giáo-dục và phó-thác cho những vị mục-sư. Phàm mục-sư phải tuyển ở những hạng người tri-thức, có đức-hạnh thuần-túy, có học-vấn hơn người. Trên nhất có đấng Giáo-chủ Nhân-loại (*le prêtre de l'Humanité*) làm chúa-tể là bậc người đã vì tư-cách lỗi-lạc mà được công-cử lên, quyền cũng như đức Giáo-hoàng (*Pape*) của đạo Thiên-chúa vậy.

Cái giáo-dục đầu tiên là phải tiếp-thụ ở nhà cho đến năm 14 tuổi. Trách-nhiệm giáo-dục là ở người mẹ. Trước hết mẹ phải dạy cho con biết âu-yếm, biết cảm-tình, biết tu lòng nhân-ái,

(1) Nguyên-văn những câu ấy là: «*Ordre et Progrès*»; «*Vivre pour autrui*»; «*Vivre au grand jour*».

(2) «Ngẫu-tượng» nghĩa là tưởng-tượng ở đâu cũng thần-thánh, như thần gốc đa, thần xó bếp, v.v... của ta vậy.

«Đa-thần» nghĩa là cho rằng mỗi cái hiện-tượng ở trong thế-gian đều có một vị thần sai khiến, như thần mưa, thần gió, thần sông nước v.v...

«Độc-thần» nghĩa là chỉ thờ độc có một Tương-đế (ông trời) mà thôi đạo Thiên-chúa tức là đạo độc-thần vậy.

biết luyện tình thương người. Rồi mới dạy cho biết một vài tiếng sinh-ngữ, dạy cho biết thi-ca, âm-nhạc, mĩ-thuật. Nhưng tóm lại cũng chỉ là một trường học vỡ lòng về tình-cảm mà thôi. Dạy khoa tình-cảm mà lại dùng nữ-giáo-sư thì lo gì mà học không tấn-bộ (1)?

Trẻ lên 14 thì bắt đầu theo học các vị mục-sư trong 7 năm cho đến năm 21 tuổi. Bảy năm ấy thì dùng để học 7 khoa-học thực-nghiệm đã nói trên kia. Và mục-đích học cũng chỉ là học để làm việc cho nhân-loại mà thôi.

Còn đức Giáo-chủ ở trên nhất thì cái trách-nhiệm của ngài cũng lớn lắm. Ngài phải dùng tài-trí mà hướng-đạo cho quyền hành-chính và nhân địa-vị mà giáo-hóa lấy nhân-tâm. Đối với kẻ phạm-tội trước hết phải thuyết nhân-nghĩa cho nó động-tâm mà hối-đầu cải-quá. Nhưng nếu không hiệu, thì phải dùng lý-luận cho nó biết lỗi mà tự sửa lấy mình. Nếu lại không hiệu nữa thì phải cho nó ra tòa-án dư-luận, để cho dư-luận phái phụ-nữ, dư-luận phái công-nhân kết án nó. Nếu nó chịu sám-hối thì thôi, nếu không thì đức Giáo-chủ có quyền trục-xuất nó ra ngoài xã-hội và không cho nó được sáp-nhập vào đấng Đại-thể nhân-loại sau này.

B. — Còn quyền chính-sự thì phải chia ra 3 nơi mà thi-thố: 1/ Trước nhất ở gia đình; 2°/ Sau đến ở xã-hội; 3/ Sau đến ở quốc-gia.

1° Trong gia-đình thì vợ chồng tức là tiêu-biểu cho hiện-tại; cha mẹ tức là tiêu-biểu cho dĩ-vãng; con-cái tức là tiêu-biểu cho tương-lai. Vậy cha mẹ, vợ chồng, con-cái là phải bắt buộc ăn chung ở lộn với nhau, để gây lấy gia-đình thuần-nhất. Gia-đình là cái khu-vực hành-động của người vợ, vợ phải giữ quyền hành-chính. Nhưng quyền hành-chính không phải là để cai-quản áp-chế chồng đâu. Chồng vốn thông-minh tài-trí hơn vợ thì vợ phải biết vâng lời chồng.

Song vợ kém chồng về trí-thức thì vợ lại hơn chồng về tình-cảm. Bởi vậy vợ phải có hai thứ quyền: một là quyền giáo-dục các con cho nên người bác-ái; hai là quyền khuyên răn người chồng cho nên kẻ thiện-nhân.

Đã lấy nhau không có phép ly-dị. Đã ở góa phải ở cho trọn đời. Hôn-nhân sẽ không chú ở sự nam-nữ dục-tình mà chỉ cốt ở cái ái-tình cao-thượng.

Ông Khổng-đức còn hi-vọng rằng khoa-học sẽ có ngày tiến-bộ, đủ gây nên được sự « sinh-sản nhân-tạo » (*fécondation artificielle*) không cần gì phải trông vào sự nam-nữ giao-cấu. Vợ chồng sau này sẽ chỉ là vợ chồng bằng lý-tưởng, bằng ái-tình, bằng cái lạc-thú tinh-thần giao-cảm, bằng cái hạnh-phúc thanh-cao lương-khiết (2). Như thế tất sẽ sản-xuất ra được những bậc « Đồng-trinh Thánh-mẫu » (*Vierge-Mère*) là những cái tinh-hoa của nhân-loại sau này.

2° Trong xã-hội thì hạng mục-sư sẽ được công-chúng châu-cấp cho sự kinh-phí của mình và của gia-quyến mình. Hạng tư-bản sẽ được hưởng cái lợi-tức của công-việc doanh-thương của họ. Còn hạng công-nhân thì không nhận lương-bổng và chỉ nhận tiền

(1) Ông J. J. Rousseau ở thế kỷ thứ 18, cũng đã bảo rằng cái giáo-dục lúc ấu-trĩ phải giao phó cho người mẹ. Song cậu *Emile* của ông từ 5 tuổi trở đi đã phải có gia-sư rèn luyện rồi.

(2) Cái lý-tưởng về hôn-nhân như thế, thật là hoàn-toàn phản-đối với cái óc thực-nghiệm, nhưng rất là thích-hợp với ông bạn tinh-thần của bà Cát-Tinh.

thưởng. Công việc đã làm cho xã-hội là phải vì xã-hội mà làm chứ không phải vì lợi-lộc. Nhưng bởi có ăn mới làm được thì cái tiền châu-cấp của xã-hội cũng phải túc-dụng cho họ.

3° Trong quốc-gia thì cái quyền tài-chính sẽ ở tay những bạng doanh-nghiệp, những nhà ngân-hàng. Mỗi dân-quốc chọn lấy ba nhà tư-bản đầu để giữ việc hành-chính. Đấng giáo-chủ nhân-loại sẽ lâm-thời khuyên-bảo, hướng-đạo cho họ trong những công việc họ làm. Sự kinh-phí trong nước thì rất ít, vì không cần phải nuôi binh-lính để dự-bị chiến-tranh, mà chỉ cần có một đội quân cảnh-sát để giữ yên trật-tự. Ngoài ra có những sự tiêu-dùng về chính-trị, lục-lộ, hoặc những sự châu-cấp cho các ông giám-mục, cho các hạng công-nhân, thì hạng tư-bản phải cán-đáng hết, vì họ giàu có nhất ở trong xã-hội, và cũng là cái trách-nhiệm của họ vậy.

Chế-độ đó rồi nước nào cũng theo, nước văn-minh thực-hành trước, nước bán-khai bước bước sau, chẳng bao lâu các nước trong hoàn-cầu sẽ liên-hiệp thành một cái đoàn-thể có hữu-ái, có hợp-quần, mà phụng-sự đấng Đại-thể cho tận-tụy. Chính-sách ngoại-giao sẽ không phải là khuynh-loát lẫn nhau để giữ phần ưu-thắng, mà chỉ cốt mưu lấy trật-tự mà tạo-thiết hòa-bình.

**Bình-phẩm về tôn-giáo nhân-loại.** — Đồng-thời những kẻ trung-thành với học-thuyết của ông cũng nhiều. Nhưng cũng nhiều người chỉ theo phần triết-học thực-nghiệm của ông, còn thì nhất-thiết những tư-tưởng về tôn-giáo xã-hội đều cho là những mộng-tưởng, không có giá-trị gì về thực-tế. Ông LITTRE và ông STUART MILL cũng là ở trong những số người ấy. Hai ông rất lấy làm hạn tiếc cho cái «sự suy-đồi của một cái tinh-thần quảng-bác như thế».

Nay ta cứ bình-tĩnh mà xét xem những tư-tưởng đó có thực là hư-phiếm, vô-giá-trị cả không?

Lấy con mắt của nhà khoa-học thì có lẽ hư-phiếm thật. Nhưng ở đời này nào có phải ai cũng là nhà khoa-học cả đâu?

Một phần lớn trong nhân-loại còn không biết đêm ngày cặm-cụi ở nơi phòng thí-nghiệm là thú, năm tháng tiêu-dao ở trong rừng sách-vở là tình, thì còn phải cần đến tình thật, đến cảm thật. Mà đã có tình, có cảm thì tất phải có mộng-tưởng, có mơ-màng, có nguồn thi-cảm bay nhảy ở khắp cõi không-gian, có óc tôn-giáo tiêu-dao ở trong đời lý-tưởng.

Nay trong nền tôn-giáo nhân-loại ta đã biết có ái-tình làm nguyên-lý, biết lấy nhân-loại để phụng-thờ, biết căn-cứ ở sự tiến-bộ của xã-hội nhân-quần, biết mơ-màng đến sự đại-đồng của tương-lai thế-giới, thì âu cũng là những điều cần-thiết của ta sao lại bảo là hư-phiếm được?

Hỏi khoa-học phát-đạt để làm gì? Để chế ra thần-công đại-bác mà tương-tàn nhau ư? Để chế ra chất độc hơi ngạt mà tương-sát nhau ư? Văn-minh đâu có thế! Khoa-học dẫu ích nhưng chỉ là những phương-tiện để đạt tới cái mục-đích làm tăng tiến sự hạnh-phúc cho loài người mà thôi. Cái bản-ý của Khổng-đức tiên-sinh là thế, ta không nên không biết vậy.

Nhưng trước khi gặp bà Cát-tinh-Vô thì ông chỉ mới biết lấy khoa-học để đạt tới cái mục-đích cao-viễn đó thôi.

Kế đến khi ông đã yêu-mến bà, thờ phụng bà, vì xót thương bà mà nhỏ sa rọt lệ, vì tiếc nhớ bà mà xúc-động can-trường, thì ông mới biết tình là quí. Cái tình đó, nó đã có bản-chất thanh-cao rồi, ông không cần phải mang lý-tưởng mà cải-lương lên nữa,

Nhưng tình đó mới chỉ là tình đối với một người đàn bà, ông còn cần phải suy rộng ra đối với hết thảy đàn-bà, rồi cứ tuần-tự tiến lên mà đối với quốc-gia, xã-hội, nhân-loại, thế-gian. Than ôi! Xử-dụng ái-tình được như ông, kể thực cũng là một bậc bác-nhã quân-tử, một kẻ xuất-tục siêu-phàm vậy.

Một nhà triết-học Trung-hoa có nói rằng: « Thánh-nhân sở-dĩ là thánh-nhân cũng bởi thánh-nhân có tình »; âu cũng là cái tình của Khổng-đức tiên-sinh đây chăng?

## Kết-luận

Học-thuyết ông Khổng-đức ảnh-hưởng vào khoa-học sâu-xa lắm. Những nhà bác-học về sau cứ theo những phương-pháp thực-nghiệm của ông mà hoặc cải-lương những điều đã tìm thấy, hoặc phát-minh những lẽ chưa xét ra. Cho nên tiếp luôn với thời-kỳ thực-nghiệm triết-lý, chính là thời-kỳ khoa-học toàn-thịnh (*âge du scientisme*) vậy. Nhưng nay ta xét xem khoa-học thịnh-đạt như thế đã có ảnh-hưởng gì đến văn-minh chưa?

Kia bay theo chim trên không-trung, kia lội theo cá dưới đáy bể, kia vô-tuyến-điện không giây mà truyền, kia máy lưu-thanh không người mà nói, lại chẳng là những cái chứng-triệu cho văn-minh đấy ư? Ta ở đời này tưởng cũng nên biết công cho khoa-học vậy.

Nhưng tiếc thay, khoa-học dù phát-đạt đến thế nào ra nữa, cũng không bao giờ đủ gây được hạnh-phúc cho ta. Bay nhảy trên không-trung, nhào-lộn dưới đáy bể, không đủ sướng; nghe vô-tuyến-điện ở xa, vặn chiếc máy hát ở gần, không đủ sướng.

Huống, khoa-học càng phát-đạt càng khiến cho người đời có nhiều binh-khí mà giết lẫn nhau, khoa-học càng tiến-bộ càng khiến cho loài người có nhiều vật-chất mà cùng nhau tranh-cạnh, thì khoa-học dù có thiết-dụng cho đời tưởng cũng chưa đủ cho ta có được cái ý-niệm lạc-quan vậy.

Vả văn-minh không phải là duy chỉ có nhờ đến trí-thức mà thôi đâu. Văn-minh lại còn một phần lớn do ở tình-cảm nữa. Trí-thức chỉ đủ cho phân-tán, tình-cảm mới khiến được dung-hòa. Trí-thức chỉ là để phát-minh ra chân-lý, tình-cảm mới thực là cái chân-lý xác-nhiên.

Rút lại, nếu muốn lấy trí-thức mà tạo-thiết nên văn-minh thì cái văn-minh đó chỉ có cái vẻ mâu-mỡ bề ngoài của anh nhà giàu ô-trọc, chứ vi-tất đã có cái tình thâm-thiết bề trong của bậc quân-tử thương người.

Nhưng nếu biết lấy tình-cảm làm căn-bản cho văn-minh thì lo gì ở nhân-loại lại không có ngày thấy phục-sinh cái đạo « kiêm-ái » của ông Mặc-tử, hay thực-tiễn cái nghĩa « bác-ái » của đức Gia-tô? Mặt địa-cầu lo gì còn có nơi đồ máu? Trên thế-giới biết đâu chẳng có lúc đại đồng?

Song, nếu theo ông Mặc-tử mà kiêm-ái, chưa chắc lòng mình đã có đủ lượng yêu; lại nếu theo đức Gia-tô mà bác-ái, thì cũng chưa chắc đã là yêu thực. Nay ông Khổng-đức đã xướng-minh ra đạo nhân-loại, lại còn đặt phương-pháp để dạy lấy ái-tình, thật ông mới là có công to với văn-minh vậy.

Xưa nay người ta chỉ quen mở trường để rèn luyện phần trí, đến ông thì ông mới bắt đầu đặt trường để tu-bổ phần hồn. Ông giao cái trách-nhiệm đó cho bạn phụ-nữ, tức là ông đã biết chọn hạng người có tư-cách mà giao. Dạy về khoa cảm-tình không cứ phải là người thông-kim bác-cổ, học-vấn thiên-kinh, mà chỉ cần người

lòng không cứng như gỗ đá, dạ không độc như hổ-lang, không biết hiểm sâu bần-tiện, không biết tri-trá viêm-lương. Những cái đức-tính ấy, đàn bà phần nhiều có cả. Giáo-dục khoa ái-tình mà lại dùng ái-tình làm lợi-khí, thì lo gì không có mĩ-quả tốt tươi ?

Từ cái tình đối với một người ra cái tình đối với nhiều người, từ cái tình ở nơi bản-thân gia-tộc ra đến cái tình ở chỗ xã-hội nhân-quần, cũng suy-tiếp đến cái tình đối với nhân-loại thế-gian chỉ là một.

Nhưng tình có rộng hẹp, nghĩa có thân sơ khác nhau, không thể bảo người ta nhất-đản yêu được kẻ khác như thân mình, yêu được nhân-loại như nhà mình. Ông Mạnh-tử trước chê đạo ông Mặc-tử là « vô-phụ » cũng là cái lẽ đó. Song đến ông Khổng-đức đây thì ông đã muốn cho ta yêu đến nhân-loại mà lại còn biết cho ta luyện lấy ái-tình ở cái lòng yêu cá-nhân, yêu gia-tộc mà suy-tiếp đến cái nghĩa yêu xã-hội, quốc-gia, yêu nhân-sinh, nhân-loại.

Thế là ông đã biết suy từ gần cho đến xa, từ hẹp cho đến rộng, mục-đích dù có viễn-vọng cao-xa, nhưng phương-pháp vẫn đã có sở-kiến thiết-thực, trên ông đã nối được trí bác-ái của đức Gia-tô, dưới ông lại mở đường cho những bậc da-tình học-giả muôn đời về sau vậy.

Ông trứ-danh về khoa triết-học thực-nghiệm, không lẽ nào ông lại không biết tới cái giá-trị của khoa-học trong đời. Song cái mục-đích của ông lợi-dụng khoa-học, không phải là vì khoa-học mà chỉ là vì văn-minh.

Một nhà Tây-nho về đời trước đã nói : « Học-vấn mà không lương-tâm chỉ làm hư cho linh-hồn ». Nay ông Khổng-đức thật đã biết mang câu đó ra thực-hành để chữa sửa lại cái lưu-tệ ấy vậy.

Than ôi ! Những nhà khoa-học đời nay mà đều biết nối chí ông, biết mang lương-tâm để sai khiến khoa-học, biết nhân tình-cảm mà làm việc cho đời, thì lo gì một ngày kia cái thế-giới này lại chẳng thành nên nơi lạc-địa, kiếp phù-sinh này lại chẳng có đấng Đại-thể ra đời ?

Tôi xin mang cái vấn-đề này ra chất-chính cùng các bậc thiết-thế ưu-thời, và mong rằng chị em đồng-bào ta đây tất cũng sẽ có dự một phần vào sự kiến-thiết văn-minh sau này của thế-giới

THIẾU-SƠN

# NAM-SỬ TẠP-BIEN

## I. — Hùng-vương nghi-sử

## 雄王疑史

*Trước tây-lịch kỷ-nguyên 2879 năm, nước ta đã có họ Hồng-bàng xuất-hiện; họ Hồng-bàng vua Hùng-vương, chính là vua thủy-tổ nước Việt ta vậy; dựng nước Văn-lang, truyền ngôi 18 đời, đều gọi là vua Hùng-vương.*

*Hùng-vương thứ một kể từ năm nhâm-tuất ngang đời vua Đế-Nghi nước Tàu, cùng thời đến vua Hùng-vương thứ 18, đến năm nhâm-tuất ngang đời vua Noãn-vương nhà Chu năm thứ 57 là hết đời. Cộng được 2622 năm.*

*Đương lúc ấy hồng-hoang thời đại, chưa thấy gì là hình thức văn-minh, nhưng có Lạc-hầu, Lạc-tướng, có Bồ-chính, có Lang-quan; tôn-chỉ trật-tự, nghiễm-nhiên là một nước quân-chủ, cách nội-trị thời chính-thể cộng-hòa, vua không ức-chế dân, dân không tiềm-lạm vua, cho nên không phải dùng đến hình-luật, phiền đến chế-độ, chỉ thắt nút dây, cũng đủ trị được nước, yên được dân. Cách ngoại-giao thời đời vua Đường-Nghiêu, đem hiến con thần-qui; đời vua Thành-vương nhà Chu đem hiến chim bạch-trĩ. Lúc ấy đường lối còn nhiều chỗ hoang-mãng, đi bộ chưa có xe, đi thủy chưa có tầu, thế mà đã trèo non vượt bể, cách muôn nghìn dặm cũng tìm lối để giao-thiệp với Chi-na, cái cơ-sở dựng nước đã được vững-vàng như vậy, cho nên hưởng nước mới được lâu dài.*

### Nói về cương-giới

*Cựu-sử vua Hùng-vương đóng đô Phong-châu, chia nước làm mười-lăm bộ: bộ Giao-chỉ tức là Hà-nội, Nam-định, Hưng-yên; bộ Chu-diên, bộ Phúc-lộc tức là Sơn-tây; bộ Vũ-ninh tức là Bắc-ninh; bộ Việt-thường tức là Quảng-trị, Quảng-nam; bộ Ninh-hải tức là Quảng-yên; bộ Dương-tuyền tức là Hải-dương; bộ Lục-hải tức là Lang-sơn; bộ Vũ-định tức là Thái-nguyên, Cao-bằng; bộ Hoài-hoan tức là Nghệ-an; bộ Cửu-chân tức là Thanh-hóa; bộ Tân-hưng tức là Tuyên-quang; còn bộ Bình-văn, bộ Cửu-đức thời không biết bộ-phận chỗ nào.*

*Nay xét Phong-châu thuộc phủ Vĩnh-tường, phủ Lâm-thao, đều thuộc xứ thượng-du. Lạ thay dựng nước hơn hai nghìn năm mà chỉ đóng đô ở Phong-châu, không thấy nói thiên-chuyển chỗ nào, thời đủ biết cương-giới bấy giờ còn nhỏ, ngoài bắc làm gì đã có Nam-định Hưng yên; trong Nam làm gì đã chiếm được Quảng-trị, Quảng-nam, vì là Hưng-yên ở Phố-hiến còn gọi là cửa Kiến-hải, tỉnh Nam-định còn truyền lại là cửa Đại-an; sau này đất bể dần dần nổi lên mới thành dân xã, cũng như huyện Kim-sơn, huyện Tiền-hải, huyện Hải-hậu gần đây mới nổi lên vậy; còn từ Quảng-bình, Quảng-trị trở vào trong Nam, thời từ vua Lê Đại-hành mới mở dần đến đất Chiêm-thành. Sau đến chúa Nguyễn mới chiếm được đất Quảng-bình, Bình-thuận. Xem thế thời đời vua Hùng-vương bộ-lạc chẳng qua ở xứ Thượng-du, bên trong thời chỉ đến Thanh, Nghệ, Hà-tĩnh đó thôi. Chẳng qua ngoại-sử của ông Ngô Sĩ-Liêm cũng là ngoa-truyền vậy.*

### Nói về chủng-loại

*Cựu-sử chép ba đời vua Thần-Nông*

là vua Đế Minh đi nam-tuần đến Ngũ-lĩnh (giáp-giới tỉnh Hồ-nam, tỉnh Quảng-đông) gặp tiên-nữ kết duyên, sinh ra ông Lộc-Tục có thánh-đức, vua Đế-Minh phong cho làm Kinh-dương-vương, sau sinh con trai gọi là Lạc-long-quân. Lạc-long-quân lấy nàng Âu-cơ, sinh trăm con trai. Nhưng xét Kinh-dương thuộc nước Tàu, cách nước ta kể mấy nghìn dặm, can gì lại phong cho nước ta, và sách thế-kỷ nước Tàu, đời vua Hiển-vương nhà Chu, nước Sở diệt nước Việt, con cháu tản-cư ở trên bể đều làm quân-trưởng, gọi là nước Âu-Việt (thuộc tỉnh Chiết-giang), nước Mân-Việt (thuộc tỉnh Phúc-kiến). Hai nước ấy đều là con cháu ông Câu-Tiễn. Đến như nước Lạc-Việt nay thuộc tỉnh Quảng-tây, không biết ông Hùng-vương có phải dòng-dõi ở Lạc-Việt hay không? Nhưng quyết không phải là con cháu ông Thần-Nông vậy. Vì là Quảng-tây Quảng-đông ở bên nam Ngũ-lĩnh, nước ta lại ở bên ngoài Lưỡng-Quảng, khi ông Vũ trị-thủy chín châu, chưa từng qua Ngũ-lĩnh đến Lưỡng-Quảng, phương-chi vua Đế-Minh cách đời Hồng-hoang chưa bao xa, lúc bấy giờ đã có xe chỉ-nam đâu, mà vua Đế-Minh lại đi tuần được bên nam Ngũ-lĩnh lấy tiên-nữ sinh được con khiến làm vua nước Nam, lời nói ấy thực là vu-khoát. Chẳng qua tự người Tàu sang cai-trị nước Nam, nhân đặt ra lời nói nước Nam là giống nước Tàu để dễ cách cai-trị, cũng là biến-thuật của họ, thế mà ngoại-sử cũng ngộ-nhận thật thế.

Đến như sinh trăm con trai, tục truyền sinh trăm cái trứng, lại là huyền-hoặc quá, kinh Thi có câu: Tắc bách tư nam 則百斯男, đó là chúc tụng cho nhiều con trai vậy, chứ có phải thật là một người đẻ trăm con trai đâu, phương-chi đẻ trăm cái trứng, thì khác gì giống cầm-thú, thế thời lời nói ấy cũng không đủ tin.

### Nói về thế-thứ

Cựu-sử chép ông Lạc-long-quân sinh trăm con trai, năm-mươi con theo mẹ lên núi, năm-mươi con theo cha về bể, suy con trưởng làm vua Hùng-vương truyền 18 đời.

Nay đem quốc-sử mà so-sánh với bắc-sử thời tự đời vua Đế-Nghi đến vua Noãn-vương nhà Chu, đời Thần-Nông kể đến nhà Đường, nhà Ngu, nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu, gồm sáu họ, thông-tính sáu-mươi ông vua mà nước ta chỉ có mười-tám đời vua Hùng-vương, thế thời vua Hùng-vương cùng với vua Thuấn cùng một thời-kỳ, vua Thuấn đã vào bậc tối-thượng-thọ mà chỉ được có một trăm mười tuổi; nay mười tám đời Hùng-vương hưởng thọ được 2622 năm, vậy đời vua nào cũng ở ngôi được hơn trăm năm, vua nào cũng hưởng-thọ được gần hai trăm năm, lại thọ gấp hơn vua Thuấn hay sao?

### Nói về phong-tục

Cựu-sử chép thời Hùng-vương bấy giờ dân-gian có nghề đánh cá, bị phải giao-long làm hại, vua sai dân lấy mực vẽ quái-tượng ở mình, khiến cho giao-long sợ, tự đấy mới có tục văn-thân, nhưng xét Sử-ký nước Tàu ông Thái-Bá trốn đi Kinh-man, con thứ vua Thiếu-Khang nhà Hạ là người Vô-Dư phong ở nước Việt, tục nước ấy đều bỉ-phát văn-thân nghĩa là búi tóc vẽ mình. Xem thế thời biết tục văn-thân không những nước ta, mà Đông-di, Nam-man trước xưa vẫn thế, chứ không tự ông Hùng-vương dạy ra, mới có tục ấy, mà cũng không chắc phải vì sợ con giao-long, chẳng qua tục bấy giờ lấy vẽ mình làm đẹp. Xem như thời nhà Lê nhà Lý quân-sĩ đều khắc mực vào trán, gọi là thiên-tử quân; thời nhà Trần quân-sĩ đều

khắc con rồng ở hai đùi ; đến nay như Thượng-du các tỉnh Mán, Thổ còn nhiều người vẽ chàm vào mình, thế thời đủ biết không phải sợ con giao-long mới bày ra tục văn-thân, cũng không phải riêng một đời vua Hùng-vương mà tục văn-thân mới có.

NÓI VỀ NGHỆ-NGHIỆP

Dân-cư thuần-phác chưa có nghệ-nghiệp gì là tinh-xảo, dân ở bằng sàn bằng gác, cùng là nhà gianh vách nứa, cũng như dân Thổ dân Mường bây giờ vậy ; dân ở rừng núi thời có nghề đánh cá ; dân ở bãi bể đợi nước thủy-triều xuống thời trồng cấy ở bãi đất mà sinh-nhai. Cựu-sử nói : Tục truyền dân ở Cửu-chân chỉ biết săn-bắn, không biết trồng cấy ; dân ở Giao-chỉ gọi là biết trồng cấy nhưng không biết cách làm ruộng ra thế nào ; mãi đến khi nội-thuộc Tây-Hán nhờ có Nhâm-Diên mới khiến dân chế-tạo ra điền-khí và dạy cách khai-khẩn ruộng nương, mới đủ thóc gạo mà ăn. Lạ thay cho dân-tộc nước mình tự đời Hùng-vương đến đời Tây-Hán hơn ba nghìn năm, lẽ nào ngu dại phải đợi đến Nhâm-Diên mới biết sự cày cấy hay sao ? Quả như vậy thời dân-tộc ta nếu không có Nhâm-Diên thời mình cứ phải ăn lông ở lỗ, có lẽ không ? Thế thời cựu-sử không đủ làm bằng-chứng vậy.

Tuy vậy, ta sinh bốn nghìn năm sau mà bàn đến truyện bốn nghìn năm trước, mơ-mơ màng-màng chẳng khác gì mộng trung thuyết-mộng, không lấy gì làm bằng-cứ, nhưng ta chỉ đem cái di-tích và cái danh-hiệu của đời xưa còn sót lại đến nay mà tham-đính với quốc-sử ngày trước thì cũng đủ biết vua Hùng-vương chính là vua khai-thác ra nước mình vậy. Xem như Phong-châu nguyên thuộc tỉnh Sơn-tây giáp tỉnh Hòa-bình, tỉnh ấy còn tục quan Lang và con gái nhà Lang gọi là Mị-nương, con trai gọi là Bồ-chính và chức Thổ-tư Thổ-mục, đó là cái danh-hiệu đời vua Hùng-vương còn để lại ; và xem núi Hi-cương 嶋 羕 thuộc xã Hi-cương huyện Sơn-vi tỉnh Phú-thọ, vẫn truyền vua Hùng-vương lập cung-điện ở đó, khi vua mất, dân chỗ ấy dựng miếu để sùng-bái hình-hương ; đến nay cung-điện đã mai-một trong đám hoang-thảo bóng tà-dương mất rồi, nhưng nay núi ấy vẫn gọi là núi Hùng-vương, miếu ấy vẫn gọi là miếu Hùng-vương ; có lăng gọi là lăng Hùng-vương. Bên miếu có hai cột đá, triều vua Tự-đức năm thứ mười-ba, ông Bùi Ái làm chức Hộ-đốc Sơn-tây Hưng-hóa Tuyên-quang lên núi Hùng-vương chiêm-bái, nhân thấy hai cột đá, bèn làm ra một gian thờ, hiện nay đền thờ có câu đối gỗ sơn son thếp vàng, coi đã cổ-khí, khắc chữ : « Lịch-quan vãng-sự tu vi sự, tế nhận như đồ dục mạnh thi 歷觀往事須爲史 細認如圖欲命詩. » Nghĩa là trải xem việc cũ nên ghi sử, kỹ nhận như đồ muốn mệnh thơ. Chữ viết rất là xương-kính, chỉ hiềm câu đối không thự tên ai làm, nghi là câu đối của họ Mạc hoặc của chúa Trịnh chăng ? Núi ấy lại có chùa Thiên-quang, dưới núi lại có miếu thờ bà công-chúa con vua Hùng vương. Trong miếu có một cái giếng nước rất trong. Núi ấy chung quanh cây-cối rậm-rạp, coi ra có vẻ thiên-nhiên ; dạng núi bày ở phía tây, sông bà quanh ở phía đông, quần-sơn triều-củng, vạn-thủy hợp-khâm, cũng là một kiểu đất danh-thắng vậy.

Triều vua Minh-mệnh đăng phong lịch-đại-đế-vương, sắc cho dân sở tại hương-đăng phụng-sự ; đến nay ngày 10 tháng ba là ngày hội đền Hùng-vương có đánh cờ, tuyển những con gái thanh-tân ở trong hạt xung vào quân cờ và tướng cờ. Các nơi kéo đến chiêm-bái cũng đông. Đàn ông đàn bà, người già người trẻ, hết lũ này đến lũ khác, người vào trước người vào sau,

*người bên tả người bên hữu, ai cũng muốn chen vào trước chỗ thờ mà dãi lòng cầu nguyện. Ngày hội quan tỉnh và các quan phủ huyện có lễ tam-sinh đến tế. Các quan các tỉnh đều về bái-vọng đền ngài.*

*Miếu Hùng-vương đó là một chỗ kỷ-niệm của cả dân-tộc nước ta, chứ không phải là cái đền riêng của dân hạt ấy.*

*Lạ thay, cảnh Hùng-vương trong con mắt ta lịch lãm đối với cảnh Hùng-vương khi ta đọc sách mà tưởng-tượng hai cái khác nhau, mà cái lòng thương-kim hoài-cổ của ta lúc du-lịch cùng lúc đọc sách vẫn thường cảm-xúc như một. Thế thời đủ biết giang-sơn cảnh-sắc chả phải là công-đức của tổ-tôn sáng-tạo đấy dư? Lịch-sử vẻ-vang chả phải là cái sự-nghiệp của tổ-tôn còn lưu-truyền đấy dư?*

*Than ôi, đại-phàm có nước thì có dân, có dân thì có tổ. Con chim còn biết vấn tổ, nữa là người ta không biết vấn tông hay sao?*

## II. — Lý Nam-đế

李南帝

*Non sông nước tổ, hợp khí thiêng mà chung đúc ra những vị anh-tài, nhà cải-cách, nhà chính-trị, nhà văn-chương, nhà đạo-đức, điểm-tô lên một pho lịch-sử rất là qui-báu, rất là vẻ-vang; ta đọc đến truyện, xét đến tâm-tích, khiến ta gây một mối cảm-tưởng, như thấy hồn cổ-nhân phảng-phất ở trước mắt bên tai, mà không thể quên được. Ta hâm-mộ những bậc anh-hùng đời xưa, nhất là anh-hùng có công cải-cách, vì là có công cải-cách rồi sau mới tự-trị được nước, rồi sau mới chấn-hưng được nền văn-chương đạo-đức của nước nhà.*

*Đứng đầu có công cải-cách là ai, là Lý-Nam-đế xuất-hiện đương quãng thế-kỷ thứ bảy, bấy giờ nước Việt ta nội-thuộc nước Tàu; nào Tấn, nào Ngô, nào Tề, nào Lương, đều đặt quan-lại để quản-trị, vì nước ta đất rộng sông dài, rừng vàng bể bạc, đường tiêu-thụ có mối lợi to, nên chúng nhằm ta như miếng thịt chín. Nếu không có Lý Nam-đế ra tay chống-cự, thời giang-sơn nước tổ đã về tay người Tàu tam-phân ngũ-liệt hết rồi, nào còn có hi-vọng gì đến ngày nay nữa, thế thời công Lý Nam-đế chả đáng tượng đồng bia đá hay sao?*

*Lý Nam-đế húy là Bôn 賁, người làng Thái-bình (nay thuộc phủ Ứng-hòa Hà-đông và phủ Quốc-oai Sơn-tây) Bôn đủ tài văn võ, sức mạnh hơn người, trước làm quan nhà Lương, hưởng cái mùi phú-quí vinh-hoa, tưởng như thế cũng đã mãn-nguyện vậy, thế mà bỏ quan về, coi phú-qui như một đám mây nổi vậy.*

*Đương lúc Tiêu Tư 蕭 咨 là tôn-thất nhà Lương, chính-lệnh tham-tàn, bắt dân ta chịu những sự áp-bức, không biết kêu ai được. Bôn lấy làm căm-tức, đem bụng nhiệt-thành vì nước vì dân, bèn cùng với Tinh-Thiệu 倖 紹, mưu dấy nghĩa-binh để báo-thù cho nước. Hào-kiệt đâu đấy nghe tiếng lấy làm hoan-nghênh, liền chiêu-tập quân-sĩ, đuổi đánh Tiêu Tư, Tiêu Tư thua quân chạy về Quảng-châu; (nay thuộc tỉnh Quảng-đông) Bôn giữ đất Long-biên, dần dần tiến đánh các châu huyện, thu phục được quận Giao-chỉ, quận Nhật-nam và Cửu-chân, trong ba năm đã thành được đế-nghiệp, quốc-hiệu là Vạn-xuân, kiến-nguyên là Thiên-đức, dựng đền Vạn-xuân để thiết-triều, đặt trăm quan để chỉnh-đốn công việc ở trong nước, dùng Triệu Túc 趙 肅 làm chức Thái-phó, cử Tinh-Thiệu, Phạm Tu 范 修 sung chức tướng văn tướng võ; quan-chế triều-nghi lại nghiễm-nhiên là một nước đế-quốc vậy.*

*Đoạn rồi nhà Lương sai quan Thứ-sử ở Cao-châu là Tôn-Quỳnh cùng*

quan Thứ-sử ở Tân-châu là Lư Tử-Hùng hợp-đồng với Tiêu Tư đem binh vào đánh. Bôn suất quân đuổi đánh quân nhà Lương đến châu Hợp-phố (nay thuộc Quảng-đông). Sau nhà Lương lại sai Dương Phiếu 陽瞟, Tiêu Bột 蕭勃, Trần Bá-Tiên 陳伯先 đem binh sang quyết-chiến trận nữa, Bôn thân-suất tướng-sĩ cùng với lũ Trần Bá-Tiên giao-chiến ở đất Chu-duyên, rồi lại giao-chiến ở Tô-lịch; Bôn thua trận lùi đóng ở đất Gia-linh (nay thuộc Lâm-thao và Quảng-oai), sau quân nhà Lương lại tiến đến đánh Gia-linh, lùi đóng ở Tân-xương (nay thuộc phủ An-bình tỉnh Tuyên-quang và phủ Tùng-hóa về Thái-nguyên). Sau Bôn lại kéo quân đến đóng ở hồ Điền-triệt 典澈 gần sông Bạch-hạc, rồi tạo ra chiến-thuyền để chống với quân nhà Lương, quân Lương kinh sợ không dám tiến nữa. Trần Bá-Tiên bảo tướng-sĩ rằng: « Nay quân ta nghiệp-dĩ đã kéo đến đây tiến cũng không được mà thoái cũng không được, không gì bằng lúc ban đêm thừa lúc nước lên kéo quân vào đánh, tất có cơ phá được. » Bấy giờ quân Lý Bôn ở trong thuyền, người thì thức, người thì ngủ, không ngờ quân nhà Lương kéo đến không kịp chỉnh-bị quân-ngũ đến nỗi thua quân, phải kéo về đóng ở động Khuất-liêu 屈獠. Lý Bôn phủ-dụ chư-tướng rằng: « Giặc Lương tàn-hại dân ta, cho nên ta phải đem mình mà hi-sinh cho nước, vậy chư-tướng cũng đừng nên lấy sự thắng-bại mà ngã lòng, nên vì ta đồng-tâm hiệp-lực, diệt được giặc Lương mới thôi. » Chư-tướng nghe lời, ai cũng hoan-hân cổ-vũ. Bèn sai Triệu Quang-Phục 趙光復 chủ việc quân-quốc. Quang-Phục vâng lệnh đem quân đi đánh Trần Bá-Tiên, hằng có công-trạng.

Không bao lâu Lý Bôn mất. Triệu Quang-Phục thay quyền coi việc quân-quốc đại-sự, rồi tự xưng là Triệu Việt-vương, giữ quyền được 23 năm, con nhà anh Lý Bôn là Lý Phật-Tử lên ngôi vua, gọi là Hậu-Lý Nam-đế đóng đô ở Phong-châu, hưởng nước được 32 năm.

Khen thay Lý Bôn tài cao trí rộng, đem sức yếu mà địch được với sức mạnh, anh-hùng khẳng-khái xưa nay chưa được hoàn-toàn, nhưng cũng là một tay mở lối trỏ đường, xây nền đắp móng cho thế-kỷ tương-lai vậy.

Trước Lý Bôn có Trương Trác rung chuông tự-lập chống với cường-quyền là Tô Định kia, nhưng chẳng qua vì thù chồng mới đem thân bồ-liễu mà hi-sinh ở chỗ chiến-trường như vậy, mà cứu ra công-nghiệp vẫn chưa thành, trước sau được bốn năm, Giao-chỉ Cửu-châu lại thuộc nhà Hán.

Sau Lý Bôn có Ngô-vương Quyền, Đinh Tiên-hoàng và các bậc anh-hùng làm nên sự-nghiệp long trời lở đất, tưởng không thiếu người, nhưng nên biết nước ta bị người Tàu áp-chế đã lâu, tự đời Trưng-vương trở về trước không kể, kể từ Trưng-vương đến thời-đại Lý Bôn bấy giờ trải gần năm trăm năm, mấy triệu người cam chịu trong vòng trói buộc, chưa thấy một bọn tu-mi nào dám ra tay thảo cũi xổ lồng, để khôi-phục cái quyền tự-do lại. Mà chỉ có một Lý Bôn có lòng ái-quốc nhiệt-thành như vậy, có cái can-trường quả-cảm như vậy, có cái tư-tưởng đặc-biệt như vậy, thời không những nối dấu Trưng-vương, mà lại mở đường cho Ngô-Vương Quyền dựng cờ độc-lập ở Cổ-loa, và lại làm gương phóng-đại cho cả Đinh Tiên-Hoàng, Lê Thái-tổ đời sau nữa. Đem sự-nghiệp mà so với Đinh Tiên-hoàng Lê Thái-tổ chưa lấy gì làm hiển-hách lắm, như xem khi dựng nước xong, đặt ra trăm quan cùng tướng văn tướng võ, nghiễm-nhiên tự-nhận mình là đế-quốc không làm như vua Đinh vua Lê cầu-phong nước Tàu, thời chí-khí cao-thượng biết

*là đường nào, giá-trị hiển-hách biết là đường nào.*

*Hoặc bảo Lý Nam-đế vốn là dòng-dõi Bắc-lai không phải anh-hùng nước ta. Ta bảo không phải, tổ-tiên mình ở đâu thì nước mình ở đó; đại-phàm anh-hùng có bụng nhân-từ bác-ái, thấy nước tổ-tiên mình cũng là nước khác, bị nước nào ăn hiếp, cũng hết lòng hết sức bênh-vực, khiến cho cùng hưởng cái hạnh-phúc tự-do, như thế mới là anh-hùng bậc nhất.*

*Tiếc thay Lý Bôn lập-quốc chưa lâu, lại bị giặc Lương đánh phá, lùi đóng ở động Khuất-liêu, thế mà dạ sắt lòng son vẫn còn hăng-hái như trước, không khiếp cường-quyền, không sợ mãnh-lực, quyết kế khôi-phục cho đạt được mục-đích mới thôi; ngờ đâu đoản-mệnh, phải chịu cầm-tức ở dưới hoàng tuyền, đó là bất-hạnh cho Lý Bôn, chả là đại-hạnh cho các bậc anh-hùng nối sau này, nhờ được cái thanh-thế ấy làm nên công-nghiệp đấy ư?*

PHỤC-BA

---

# LỊCH-SỬ VÀ SỰ-NGHIỆP

## Tư-Mã Quang 司馬光

Người ta sinh ra ở đời, chìm nổi ở trong doành nhân-hải, cái thân bảy thước rất là yếu-ớt! Thế mà hay chống-chọi với muôn sự khó-khăn, hiệu-nhiên độc-lập là cậy về cái gì? Cậy về tài thì tài cũng có lúc bị truất, cậy về trí thì trí cũng có lúc đến hết, cậy về thế thì thế cũng có lúc đến cùng. Vì mà tài không đến nỗi bị truất, trí không đến nỗi thấy hết, thế không đến nỗi thấy cùng, mà lúc nào cũng phải dụng hết trí khôn lo-lắng trăm đường đề phòng tai-vạ, trăm khoanh lừa lọc, ngờ-vực lẫn nhau, trong bụng lúc nào cũng rối beng, thì còn rỗi rảnh đâu mà trị việc thiên-hạ được nữa.

Trong thiên-hạ có cái tài vô-hình, cái trí vô-hình, cái thế vô-hình, ở trong một nhà mà ứng ra ngoài nghìn dặm, tuy quân mãn mọi cũng có thể cảm được, loài cá lợn cũng có thể hóa được, cái vật vô-hình ấy là cái gì? Là một bụng «*thành* 誠» mà thôi. Sách *Đại-học* nói về việc trị-quốc bình thiên-hạ, mà điều cốt-yếu thứ nhất ở về thành-ý, cũng như cây có gốc, nước có nguồn vậy. Ý đã thành thì việc gì mà chẳng làm xong, có biết như thế thì mới có thể luận được ông Tư-Mã Quang.

Đương đời vua Nhân-tôn, Anh-tôn, Thần-tôn nhà Tống, trong ngoài trị yên vô-sự, những kẻ sĩ tài-trí, và người bầy-tôi mưu-lược, đều không hay vụt chốc mà lập được công-danh. Huống-chi Tư-Mã Quang không muốn tỏ tài-trí, không muốn bày mưu-lược, chỉ ung-dung tự-nhiên hình như bất-cập thì còn ai biết được nữa. Khi Vương An-Thạch 王安石 làm tướng, ghen ghét ông lắm, để cho ông ở về tản-chức cuối hàng quan-liêu, ông không được thi-thố cái chí mình, mới lui về ở đất Lạc-hạ, ra ngoài thì bạn bè với kẻ điền-phu dã-lão, ở nhà thì vui chơi với sách vở bút nghiên, hình giống như hạng người đã trốn đời lánh tục. Thế mà thiên-hạ ai cũng tưởng-vọng phong-thái, không ai là không biết tiếng ông Tư-Mã Quân-thực, mong ra giúp đời để làm mưa tưới nhuần cho kẻ thương-sinh. Không biết tại sao mà được người ta ngưỡng-vọng như thế?

Hổ báo ẩn ở trong núi sâu, người ta không ai dám gần, là vì sợ cái oai

của nó. Tư-Mã-công là một kẻ thư-sinh có oai gì khá sợ, vả thời-thế đối với ông không phải là sợ ông, chính là yêu ông vậy, làm cho người ta sợ dễ, chớ làm cho người yêu rất khó! Ta xem như ông Tư-mã Quang, ta mới biết ra rằng lời ông thánh-nhân dạy rằng: « Thành năng động vật », « Thành trung hình ngoại », là có công-hiệu như thế. Tư-Mã-công cùng Thiệu Khang tiết (1) là bạn tâm-giao, có người hỏi rằng: « Quang là người thế nào?» Thiệu đáp rằng: « Quân-thực là người chắc-chắn thực-thà.» Tư-Mã-công rất lấy làm phải, thường nói chuyện với người ta rằng: « Ta không có cái gì hơn người, chỉ lúc bình-sinh có hành-vi điều gì là đều có thể đối với người nói rõ ra được cả. » Xem như câu nói ấy thì người đời sau có muốn học Tư-Mã-công cũng có thể biết đường mà theo vậy.

Người họa-sư có nói rằng: «Vẽ người khó, vẽ quỉ dễ.» Nghề làm sách Sử cũng vậy, truyền những bậc kỳ-nhân dễ, truyền bậc chính-nhân khó. Ta muốn tổng-luận về nhân-cách Tư-Mã Quang thì không phải một việc hay một lời nói đã bao-quát được hết cả. Không thì đã có những lời người đời Tống tổng-luận ông như sau này.

Tô Thức 蘇軾 (2) có soạn bài hành-trạng ông nói rằng: « Ông là người trung-tín hiếu-hữu, cung-khiêm chính-trực, vốn tự thiên-tính; tự khi nhỏ đến lúc già không có nói càn một câu nào, mà lại ham học như đói ham ăn, ghét những sự tài-lợi phồn-hoa như ghét mùi hôi, thành-tâm tự-nhiên, nên thiên-hạ đều tin-phục cả. Khi lui về ở đất Lạc, vẫn thường đi lại chơi đất Thiềm, người ở đất Thiềm đất Lạc đều cảm cái đức-hóa, bắt-chước những điều học-hạnh và điều tiết-kiệm của ông. Người nào lỡ ra làm điều bất-thiện thì lại sợ mà rằng: « Chẳng hay Quân-thực có biết không! » Ông học rộng không điều gì là chẳng thông, âm-nhạc, luật-lịch, thiên-văn, thư-số, đều học đến cực-diệu cả; về vãn-niên lại càng chăm học lễ, có soạn ra lễ quan hôn tang tế, châm-chước cổ kim cho được thích-nghi. Ông không ưa đạo Thích, đạo Lão, có nói rằng: « Những lời nói tinh-vi của đạo Thích đạo Lão cũng không ngoại ở trong sách Nho ta, còn những điều hoang-đản thì ta không tin. » Nhà ông không có trị sản nghiệp, có làm cái nhà ở đất Lạc chỉ đủ che mưa gió; có ba khoảnh ruộng, khi bà phu-nhân mất, phải cầm ruộng để lấy tiền mai-táng; sự ăn-mặc thì xấu-xa kiệm-ước suốt đời, mà thân ra gánh vác việc đời suốt ngày đêm không nản. »

Tô Thức lại soạn bài mộ-chí Thục-công (3) nói rằng: « Trong khoảng năm Hi-ninh Nguyên-phong (đều là niên-hiệu Thần-tôn), kẻ sĩ-phu luận người hiền trong thiên-hạ, tất đều nói đến Quân-thực và Cảnh-nhân, hai ông ấy đạo-đức phong-lưu đủ làm sư-biểu cho đời; những lời nghị-luận khen chê cũng đủ làm vinh-nhục cho thiên-hạ; hai ông thực là tương-đắc vui-vẻ lắm, vẫn tự lấy làm không ai bằng, có nói rằng: Ta với ngươi sống là đồng-chí, chết thì nên đồng-truyện. Người trong thiên-hạ cũng không ai dám phân-biệt ông nào hơn ông nào kém. Ông Tư-Mã thường bảo người ta rằng: « Ta với ông Phạm Cảnh-Nhân thực như là anh em chỉ có khác họ mà thôi. » Song đến cái

---

(1) Tên là Ung, tự là Nghiêu-phu, thụy là Khang-tiết, người ở Hà-nam.

(2) Tên tự là Tử-chiêm, thụy là Văn-trung, người Mi-sơn, cùng đồng-thời với Tư-Mã-công.

(1) Tên là Phạm Trấn, tên tự là Cảnh-nhân, người ở Thành-đô, được phong là Thục-quốc-công, thụy là Trung-văn.

việc bàn về chung-luật, thì hai ông nghị-luận phản-phúc trái khác nhau suốt đời vẫn không đồng-nhất. Người quân-tử xem đó mới biết rằng hai ông không phải là cầu-đồng vậy. »

Hoàng Chấn 黃震 (1) nói rằng : « Tư Mã Ôn công hay được lòng người, sinh vinh tử ai, các bậc phụ-tá đời Nghiêu Thuấn tam-đại cũng không ai vì bằng, là tại cớ sao ? Than ôi ! Cái sự ấy cũng có nhân lúc biến mà mới rõ-rệt ra vậy. Đương khi ấy Vương An-Thạch thi-hành tân-pháp, thiên-hạ rất khổ, ông vì tranh cãi tân-pháp bất-tiện, từ chức phó Khu-mật không làm, lui về ở đất Lạc mười-lăm năm, nhân-tâm đều cảm cái lòng yêu dân của ông, mà thương cái thân ông phải bị thoái biết là chừng nào ! Chợt một khi nhị-thánh ra ngự-triều, thuận theo ý muốn của dân, triệu ông ra cho làm tướng. Phàm những điều tân-pháp làm cho thiên-hạ khổ về An-Thạch đều bỏ sạch đi hết, nhân-tâm đương uất-ức mong-mỏi bấy lâu, mà nhất-đán được thỏa lòng biết là chừng nào ! Đương mong-mỏi trong mười-lăm năm, mà vụt một cái nhất-đán được thỏa-nguyện, lại vụt một cái trong ba tháng ông mất ngay, nhân-tâm bấy lâu uất-ức mới được thỏa, mà ông lại vội từ-trần thì thất kinh biết là chừng nào ! Than ôi ! Tư-Mã Ôn-công sở-dĩ đắc nhân-tâm, cũng là bởi nhân sự-biến mới lại càng rõ-rệt ra vậy. Các bậc phụ-tá đời Nghiêu Thuấn Tam-đại thủy-chung đối với nhân-dân thiên-hạ đều vô-sự nên cùng quên-nhãng đi cả, dẫu đến công-đức của nhà vua dân họ còn không biết, nữa là các vị tướng-thần ư !»

PHÊ-BÌNH. — *Sách* Đại-học : « *Cổ-giả muốn sáng cái đức sáng ra thiên-hạ phải trước trị nước mình ; muốn trị nước mình trước phải tề nhà mình ; muốn tề nhà mình trước phải sửa thân mình ; muốn sửa thân mình trước phải chính tâm mình ; muốn chính tâm mình trước phải thành ý mình ; muốn thành ý mình trước phải tri-tri ; tri-tri phải ở về cách-vật.* » *Cứ xem ra thì việc cách-vật với việc trị thiên-hạ có quan-hệ gì với nhau, mà sách* Đại-học *kể ra cái thứ-đệ như thế ? Thế mới biết kẻ sĩ mà không có cái công-phu học cách-vật, chỉ học được mấy câu bàn chính-trị ngoài đầu lưỡi, gặp nhờ được thời-thế, cũng nghiễm-nhiên dự bàn đến việc quốc-gia, thì có đáng hay không !*

*Cái học của Tư-Mã Ôn-công bắt đầu từ không nói một câu gì càn, mà được là cốt tại đứng vững về chốn thành-thực, nói cho đúng ra chỉ là ba chữ :* « Bất tự khi 不自欺 » *mà thôi, việc ấy không phải là cao-viễn khó làm gì, cứ bắt đầu giữ một niềm đó mà học, thì ai cũng có thể học theo được.*

∴

Ông phức-tính là Tư-Mã 司馬, tên là Quang 光, tên tự là Quân-thực 君實, hiệu là Vu-phu 迂夫, vãn-niên hiệu là Vu-tẩu 迂叟, người đời tôn-xưng ông là Tốc-thủy tiên-sinh 涑水先生, người ở Hạ-huyện đất Thiểm-châu. Ông thân-sinh tên là Thiên-chương 天章, làm quan Lệnh huyện Quang-sơn, năm Thiên-hi thứ ba đời vua Chân-tôn nhà Tống, ngày 18 tháng mười, sinh ra ông ở nhà quan-xá, vậy nên mới đặt tên là Quang 光. Nay trong nhà học huyện Quang-sơn, vẫn hãy còn có cái giếng Tư-Mã, đời truyền rằng khi ông mới sinh ra, có lấy nước giếng ấy để tắm, nên mới gọi là giếng Tư-Mã. Người đời sau dựng nhà Thư-viện thờ ông ở đó, mà làm bài ký có câu rằng : « Huyện

(1) Tên tự là Đông-phát, người Tử-khê.

Quang tuy rằng tích-lậu, mà Tư-Mã Ôn-công lại sinh ra ở đấy, thế thì huyện Quang lại càng rực-rỡ lớn-lao thêm lên vậy » Non sông sinh-sắc, đất vì người lại càng trọng thêm, thế thì người ta há chẳng nên cố-gắng lắm dư!

Ông Thiên-Chương lấy là người văn-học hạnh-nghĩa, thờ đời vua Chân-tôn, Nhân-tôn, làm quan đến chức Tam-ti phó-sứ, lấy điều thanh-trực nổi tiếng ở trong thiên-hạ, thực là một bậc nhất-thời danh-thần. Mẹ ông Quang là bà Tiền-Đường-quân Nhiếp-thị, vốn người hiền-thục hòa-hiếu có tiếng ở đời, thế mà lại sinh ra ông Quang đương lúc trong triều ngoài đã yên-ổn, lại có cha mẹ hiền dạy bảo, thế thì về đường gia-đình giáo-dục ông đã hơn người một bậc vậy.

Lời cổ-ngữ rằng: « Khi nhỏ mà tập quen cũng như là thiên-tính » Ông Quang khi còn bé đã khác với lũ trẻ con tầm thường, khi mới lên ba tuổi đã không thích những sự văn-hoa xa-xỉ, người lớn có mặc cho áo đẹp, đeo cho đồ vàng thì lấy làm thẹn-thò, đều trút bỏ đi. Đến khi đỗ tiến-sĩ giáp-khoa, lệ được cài hoa trên mũ, mà khi vào dự yến, ông lại không thích cài hoa, các bạn đồng-khoa bảo rằng: « Ơn vua cho không nên trái, » ông mới chịu cài một cái hoa; ấy cái tâm ông chuộng sự thực, truất phù hoa, đã gây ra từ lúc lên ba tuổi vậy.

Khi ông lên sáu tuổi, cha anh dạy cho tập viết. Ông chợt cầm quả hồ-đào xanh để chơi, người chị muốn bóc vỏ hộ cho không được, khi người chị đi rồi, có một đứa thị-tì lấy nước nóng dầm quả hồ-đào mà bóc cho. Sau người chị lại đến hỏi ai bóc hộ cho thế. Thưa rằng: « Em tự bóc lấy đấy. » Người cha chợt nghe thấy mắng rằng: « Trẻ con sao lại được nói dối! » Ông từ đấy không dám nói dối một câu nào nữa.

Khi ông lên bảy tuổi, mà đã nghiễm-nhiên như người lớn, nghe giảng sách *Tả-thị Xuân-thu*, lấy làm thích, khi lui ra lại giảng cho người nhà nghe, thì đã tóm hết được đại-ý. Ông có làm cái gối bằng gỗ tròn, để gối cho tỉnh ngủ, hễ khi chợt ngủ thì gối lăn đi lại tỉnh dậy mà đọc sách. Có khi cùng với lũ trẻ chơi ở vườn, có một đứa trẻ con trèo lên trên miệng thống nước, trượt chân ngã vào trong nước, lũ trẻ sợ đều bỏ chạy cả, ông vội lấy đá đập vỡ thống cho nước chảy ra, đứa trẻ được khỏi chết. Sau này ở chốn Kinh-lạc thường lấy sự-tích ấy vẽ ra tranh cho trẻ chơi.

Khi ông mới ra làm quan, tuổi mới độ hai mươi, người nhà thường thấy ông nằm nghỉ trong buồng sách, chợt vụt dậy mặc áo triều-phục, tay cầm cái hốt ngồi nghiêm-trang một hồi lâu, vẫn thường như thế mãi, không ai hiểu là ý gì. Phạm Thuần-Phủ có khi thung-dung hỏi lại ông. Ông bảo rằng: « Ta khi ấy chợt nghĩ đến việc thiên-hạ, người ta lấy việc thiên-hạ an-nguy làm nghĩ-ngợi, há lại chẳng nên kinh-cẩn lắm ru! »

PHÊ-BÌNH. — *Từ khi Âu-phong tràn sang bên Đông, cái thói kiệm-phác của nước ta, làm cho sạch-sành-sanh đi mất cả, phong-tục tập về đường xa-hoa, nhân-tâm xu về đường tham-dục, ấy thực là một điều lo lớn cho xã-hội. Xem như Tư-Mã-công khi nhỏ đã có cái bụng sùng tiết-kiệm, truất xa-hoa, nhất-sinh sự-nghiệp, đều từ cái bụng ấy suy ra cả. Khi vãn-niên ông có cái thư dạy con rằng: « Thủa bình-sinh ta áo mặc chỉ cốt cho khỏi lạnh, cơm ăn chỉ cốt cho no bụng, nhưng cũng không ăn mặc dơ-dáy quá, để kiếu-tục cầu lấy tiếng khen, cốt là chỉ thuận theo tính ta mà thôi vậy. Kẻ chúng-nhân đều lấy sự xa-xỉ làm vinh, nhưng tâm ta chỉ lấy điều kiệm-phác làm đẹp, người đều cười ta là hủ-lậu, nhưng ta cũng chẳng lấy làm bận lòng; người đời xưa lấy kiệm-ước làm mĩ-đức, thế mà người*

*đời nay lại lấy kiệm-ước làm chế-bác, ôi lạ lắm thay!» Trong thư lại dẫn những chuyện ông Lý Văn-Thanh 李文清, Vương Lỗ 王魯, Trương Văn-Tiết 張文節, Tang Ngự-Tôn 臧御孫, Chính Khảo-Phủ 正考父, Quản-Trọng 管仲, Hà Tăng 何曾, Khấu-Lai-công 寇萊公, để làm khuôn-phép dạy răn. Cổ-lai những người lấy kiệm-ước nên danh, lấy xa-xỉ bại-đức, vẫn thường như thế cả, bọn thiếu-niên ta nên biết đấy, tập giữ tính thành, thì khó chữa lại được đâu!*

*Bạch Lạc-Thiên khi lên ba tuổi đã nhận biết mặt chữ, khá khen là người thông-tuệ sớm. Tư-Mã-công lên ba tuổi chưa biết được mặt chữ, mà hay biết ghét những đồ vàng bạc hoa-mĩ, thế thì còn hơn biết chữ nhiều lắm.*

*Tư-Mã công tự nói rằng thuở bình-sinh không có điều gì hơn người, chỉ duy có một điều là không nói càn. Một việc không nói càn ấy coi tầm-thường như là dễ, mà làm thì thực khó. Muốn không nói một câu gì càn dỡ dối trá, thì phải giữ lấy chữ « Kính » làm đầu, đã hay không nói càn, thì tâm chính ý thành, có thể học đến cõi thánh-hiền được.*

*Nước Mĩ ông Hoa-thinh-đốn khi nhỏ chơi nghịch lấy búa chặt cây anh-đào ở trong vườn. Người cha khi trở về thấy thế lấy làm giận lắm, hỏi đứa nào chặt cây. Hoa-thinh đốn vội-vàng chạy đến tự thú rằng: « Con chặt đấy. » Người cha liền nguôi cơn giận xoa đầu mà rằng: « Con hay không nói dối, tốt lắm! Cây anh-đào nhỏ mọn, có làm gì!» Truyện này cùng với truyện Tư-Mã-công bóc vỏ quả hồ-đào cũng hơi giống nhau. Lời cổ-ngữ rằng: « Bên đông-phương có ông thánh ra đời, tâm ấy đồng thì lý ấy cũng đồng vậy; bên tây-phương có ông thánh ra đời, tâm ấy đồng thì lý ấy cũng đồng vậy.» Xem như lời ấy há chẳng tin đấy ư!*

*Thường thấy các nhà cha mẹ đôi với con trẻ, muốn nuông cho nó cười đùa nhẩm-nhi, lại bịa-tạc làm những chuyện hoang-đường giả-trá, để cho trẻ con tưởng thực mà cười đùa, dẫu biết rõ là vô-lý đấy, lại tự giải mà rằng: Đó là bỡn mà thôi. Không biết rằng con trẻ thiên-tính nó chửa bợn chút gì, làm cha mẹ mà chẳng kịp cái cơ-hội ấy dạy cho nó lấy điều thành-thực, mà lại dẫn cho nó lấy điều trá-ngụy, đêm thanh thử hỏi bụng mình có an-tâm được không?*

*Lúc nào nghĩ đến việc thiên-hạ, liền mặc mũ áo ngồi dậy, giả người đời nay mà nghe nói truyện ấy tất cười là dở. Ta bảo rằng người ta có kính-cẩn như thế mới hay đảm nhiệm được việc thiên-hạ. Khi xưa có người đi ở nơi xa hễ có viết thư về thăm cha mẹ, đến chỗ đề danh hiệu cha mẹ tất kính lạy rồi sau mới viết. Đưa thư cho bạn đến chỗ đề danh-hiệu bạn, cũng tất cúi đầu rồi sau mới viết. Người ta dẫu ở trong ám-thất mà hay bất-khi như thế, đều đủ khiến người khởi kính mà sinh lòng hâm-mộ vậy.*

∴

Khi ông hai mươi tuổi đỗ tiến-sĩ, được cử làm Lễ-bộ Lang-trung. Từ đó trở đi ông coi cái thân ông không phải là cái thân của mình, mà là cái thân đem ra để bảo-quốc vậy. Ông Phạm Văn-Chính khi mới đỗ tú-tài, đã coi những việc thiên-hạ đều là trách-nhiệm của mình, nay cái bụng trung-thành của ông có kém gì ông Văn-Chính đâu. Thế mà từ khi đỗ chửa bao lâu, gặp phải đại-cố, luôn mấy năm mắc tang-chế, phải đóng cửa ở nhà chú-thích sách *Hiếu-kinh*, cái sự-nghiệp ông làm sách là bắt đầu từ đó.

Trong các kinh duy sách *Hiếu-kinh* là thiết-yếu hơn cả, khi ông Chu-tử làm quan ở Nam-khang, đã trích ra một chương nói về hiếu của kẻ thứ-nhân, khuyên người ta trì-tụng, bảo rằng đọc sách này còn hơn là trì-tụng

kinh Phật. Đầu đời Minh ông Quách Thủ - Chính 郭守正 góp nhặt các chuyện trong sử, làm ra truyện *Nhị-thập tứ-hiếu*, đến nay vẫn còn truyền-tụng, xem thế đủ biết cái lòng yêu trọng đạo luân - thường, đã là loài người không ai tránh khỏi được điều ấy. Vậy nên Tư-Mã-công thường nói : « Sách *Hiếu-kinh* và sách *Luận - ngữ*, tuy rằng văn-chương không có mấy bài, mà cái đạo lập-thân trị-quốc đều ở cả trong đó. » Tư-Mã-công soạn sách *Hiếu-kinh* không theo kim-văn mà theo cổ văn, gọi tên là sách « *Cổ-văn Hiếu-kinh chỉ-giải* ». Ông nghĩ rằng mình làm quan ở về chức nhân - tấn, phải nên đem văn-chương ra để báo quốc, khi soạn xong sách rồi, làm tờ biểu dâng lên vua, nay cái sách ấy đã mất đi rồi, chỉ còn một bài tựa chép ở trong bản tập, lục ra đây để cho mọi người xem biết cái chỉ-thú vậy.

*Bài tựa sách Cổ-văn Hiếu-kinh chỉ-giải.*

« Đấng thánh-nhân nói ra thì đủ làm kinh sách, động làm thì đủ làm khuôn phép, vậy nên ông Khổng-tử cùng với thầy Tăng Sâm bàn đạo hiếu, kẻ môn-nhân chép lấy những lời ấy làm ra sách, gọi là *Hiếu-kinh*, về sau truyền-thụ càng ngày càng lâu, chương - cú mỗi ngày một sai đi, người nhà họ Khổng sợ rằng nó lưu-đãng mãi rồi thất thực đi, vậy nên mới đem cái bản sách nhất-định tự đời trước và cả những sách đời Ngu, Hạ, Thương, Châu và sách *Luận ngữ*, cất giấu trong vách tường. Nếu để cho người ta biết ra, thì chẳng bao lâu cũng đến tan mất cả, vậy nên dẫu con cháu cũng không bảo cho biết. Đến sau gặp đời Tần diệt bỏ Nho-học, sách vở trong thiên-hạ, mất sạch không còn sót một quyển nào. Đến đời Hán dấy lên, người đất Hà-gian là con ông Nhan Chi tìm được sách *Hiếu-kinh* mười tám chương, các nhà Nho cùng lấy truyền-tập, đó là bản kim-văn. Đến đời vua Cung-vương nước Lỗ dỡ nhà của ông Khổng, mới tìm ra được sách cổ-văn, phàm hai mươi hai chương. Song đương lúc bấy giờ người ta đã học theo về kim-văn nhiều lắm, vậy nên mới ruồng bỏ thể cổ-văn không cho liệt vào chương-trình nhà học, chỉ duy ông Khổng An-Quốc 孔安國 và ông Mã-Dung 馬融 đời Hậu-Hán đem ra truyền bá bản cổ-văn. Song các nhà Nho quen thói về đảng với kẻ đồng mà ghét kẻ dị, tin lời ngụy mà ngờ lời chân, nên trải qua đến mấy trăm năm mà chìm đắm đi mãi không mấy người biết đến. Đến đời Khai-hoàng nhà Tùy có quan Bí-thư học-sĩ là Vương Đật 王頍 có thấy thể cổ-văn ở người nước Trần, ông Lưu Huyền 劉炫 người Hà-gian có làm một bài *kên-ghi* 稽疑, ý là muốn xét nghĩa ngờ, toan để hưng-khởi cái mối đã phế-trụy đi mất, thế mà bấy giờ đã nhiều người chê bai. Đến năm Khai-nguyên đời vua Đường Minh-hoàng có xuống chiếu bàn xét về cách của họ Khổng với họ Trịnh, ông Lưu Tri-Cơ 劉知幾 bảo rằng nên theo sách họ Khổng mà bỏ họ Trịnh, song các nhà Nho đua nhau biện-nạn như ong cấy, bèn theo sách họ Trịnh. Sau vua Minh hoàng có chú-thích cứ theo lấy mười tám chương làm định-bản. Các nhà Tiên-nho đều cho rằng họ Khổng phải tránh cái nạn nhà Tần nghiêm cấm mà đem giấu sách đi, thần trộm nghĩ rằng không phải thế. Cớ sao vậy, nguyên là đến đời nhà Tần những sách chữ khoa-đẩu mất đi đã lâu rồi, lại đến năm thứ mười bốn đời vua Thủy-hoàng mới có cái lệnh đốt sách, cách đời Hán dấy lên mới độ bảy năm mà thôi, lẽ nào con cháu họ Khổng lại không người nào biết đến những sách cất giấu đi ấy, lại phải đợi đến đời vua Cung - vương mới tìm thấy ra. Vì là cái đời mới giấu sách đi, cách đời thánh - nhân chưa xa mấy, sách ấy mới là rất thực, không vi như

sách người nước khác truyền-thụ, trải đời rất xa. Vả lại sách *Hiếu-kinh* với sách *Thượng-thư* đều tìm ra ở trong vách, thế mà người đời nay đều tin kinh *Thượng-thư* là thực mà lại ngờ sách *Hiếu-kinh* kia là giả, thì có khác gì tin thức gỏi kia ăn được, mà lại ngờ thứ chả nọ chẳng ăn được không? Than ôi! Cái điều chân hay ngụy đã rõ ra như mặt trời mặt trăng, mà mấy mươi đời vẫn tranh luận nhau mãi không hay quyết-định, tựu trung cũng không có mấy điều dị-đồng cho lắm, nhưng cốt phải xét cho chính-đính, bởi thế học-giả vẫn lấy làm than-tiếc vậy.

Đời trước xét về bản sách *Hiếu-kinh* đã nhiều đến hơn năm mươi nhà, ít ra cũng không kém mươi nhà. Nay chứa ở trong bí-các chỉ còn có bản Trịnh-thị bản Minh-hoàng và bản cổ văn ba nhà mà thôi. Xét bản cổ-văn chỉ có kinh văn chớ không có truyện-văn, Khổng An-Quốc nghĩ rằng đời bấy giờ không mấy người thông chữ cổ-văn, mới dùng thể chữ *lệ* viết sách *Thượng-thư*, mà đem ra truyền-bá. Thế thì sách *Luận-ngữ* sách *Hiếu-kinh* không lẽ nào lại một dùng chữ cổ-văn, đó là đời sau kẻ hiếu-sự mới đem bản sách của họ Khổng viết ra bằng chữ cổ-văn đấy mà thôi, thế thì chữ viết không phải mà lời văn thì phải vậy. Ôi, kinh sách của thánh-nhân ý-tứ cao-thâm u-viễn, vốn không phải một người hay biết hết được, bởi vậy đời trước mới để nguyên cả các thuyết của mọi nhà, để cho người học tự biết kén chọn, để mà rộng thêm suy nghĩ, cũng là trọng về đường kinh-thuật vậy. Thần vốn ngu dẫu không đủ lường biết được bụng người trước, dòm thấu được phép rào cõi thánh-hiền, nhưng có sở-kiến thế nào cũng xin nói tỏ cái chi mình ra, nên mới dám lấy bản *Hiếu-kinh* cổ-văn viết chữ *lệ* mà dẫn-giải ra, còn những lời cựu-chú của bản kim-văn, nếu có chỗ chưa hết nghĩa thì cũng xin giảng dẫn ra cho rõ, còn những điều gì không hợp thì bỏ đi, song cũng chưa dám chắc như thế là phải, mà điều kia là trái vậy. Nhưng kinh sách cũng như là một cái dược vậy, để cho một người bẩn, không bằng là để cho mọi người cùng bẩn, thì tất cũng trúng được nhiều vậy. Bởi vậy thần không dám tránh cái tội cuồng-tiếm, chỉ mong họa là có ti-ích về đạo đấng tiên-vương, trong muôn phần họa được một phần chăng. »

Phê-bình. — *Khi Chu-tử làm quan ở Nam-khang có yết bảo dân rằng: « Sách* Hiếu-kinh *rằng: « Dùng theo đạo trời, chia rẽ lợi đất, cẩn-thận tiết-dụng, để nuôi cha mẹ, đó là đạo hiếu của kẻ thứ-dân. » Trở lên năm câu ấy là câu chính-văn ở trong chương thứ-dân sách* Hiếu-kinh, *mà bởi tự đức tiên-thánh Văn-tuyên vương nói ra, nay khuyên cho dân-gian ngày nào cũng tri-tụng, cứ theo y như lời giải-thuyết trong kinh ấy sớm tối suy nghĩ, thiết-thực noi theo, thì bất-tất phải tụng niệm kinh Phật hiệu Phật, đã vô ích cho thân mà lại uổng-phí mất sức-lực vậy.* »

*Sách* Ôn-công gia-phạm *có chép năm câu trong* Hiếu-kinh *rằng: « Khi ở với đấng thân thì phải rất kính, nuôi thì phải rất vui, lúc ốm đau thì phải rất lo, lúc tang thì phải rất thương, lúc tế thì phải rất nghiêm. » Trong năm câu ấy mỗi câu lại dẫn thêm kinh sử để làm chứng, xem thế thì biết hiếu đạo là trọng, mà Ôn-công làm sách ấy rất là có ý vậy.*

*Trình Khang-Thành* 程康成 *có bản về lục-nghệ nói rằng: « Ông Khổng-tử nghĩ rằng cái đề-mục lục-nghệ không giống nhau, mà ý-chỉ lại tán-mạn, sợ rằng đạo-lý mỗi ngày ly-tán, đời sau không biết được đến căn-nguyên, nên mới làm ra sách* Hiếu-kinh *để tổng-hội cả lại. » Xem thế thì biết sách* Hiếu-kinh *là căn-nguyên của chỉ-đạo, mà là*

*tổng-hội của lục-nghệ vậy. Kẻ học trò sao nên bỏ quên nhãng đi vậy.*

∴

Khi Ôn-công đã yên táng cha mẹ xong rồi, mới đến kinh đề hậu-bổ, bấy giờ ông là người tân tiến còn phải chìm nổi ở trong đoành nhân-hải, tiếng tăm chửa rõ rệt ra vậy. Duy có ông Bàng thừa-tướng (1) lấy làm lạ, hiện đương trấn-thủ ở Vân-châu, mới nhắc ông làm kẻ liêu-tá giữ về việc học trong bản-châu. Lã Cảnh-Hiền (2) có nói rằng : « Như ông Quân-thực thì khả rằng cái thực hơn cái danh vậy. » Đến sau thịnh-danh của Tư-Mã quả hơn cả đời, mà hay biết ông từ trước khi kẻ chúng-nhân chưa biết, duy có Bàng thừa-tướng và Chính-Hiến-công hai người mà thôi. Nếu không ai biết trước thì dẫu có tiếng tốt cũng không rõ-rệt ra được. Vậy nên kẻ sĩ phải cốt có người tri-kỷ, mà trước khi cầu-tri thì lại phải như Ôn-công hay trước cầu tự-tri đã.

Đời vua Nhân-tôn việc nội-chính việc ngoại-giao hình như không có điều gì phải lo cả, nhưng cái người bầy tôi trung vẫn phải thâm-mưu viễn-lự, đương lúc trong triều ngoài dã vô sự mà vẫn phải thống-khốc rỏ nước mắt để lo tính việc nước. Nếu để đến khi họa-hoạn đến nơi mà mới vội-vàng bổ-cứu thì cũng đã muộn lắm rồi.

Năm Nguyên-hựu nguyên-niên, (Nhân-tôn ở ngôi đã 34 năm) vua Nhân-tôn bị đau đã mấy tháng không ra ngự-triều, ngôi thái-tử chửa lập, thiên-hạ ai cũng lấy làm nguy, các quan đại-thần trong ngoài đều lấy làm lo, mà không ai dám nói, dẫu người bạo tợn mà tự-phụ là trung-trực như lũ ông Đường Giới 介 唐 cũng không dám nói. Duy ông Phạm Trấn 范 鎮 khi bấy giờ làm gián-quan, đã trước hiến cái nghị xin lập ngôi trừ-nhị, Tư-Mã-công khi bấy giờ còn ở Tinh-châu mới là một chức phán-quan thuộc về mạc-khách ông Bàng Tịch, ngôi quan còn thấp, đất ở thì xa, can gì lại mạo-phạm vào cái uy bất-trắc mà dự bàn đến việc đại-kế ấy làm gì. Song người quân-tử đối với quốc-gia chỉ biết có công mà không biết có tư, chỉ biết có nghĩa mà không biết có lợi, có kể gì phúc với họa đâu. Tư-Mã-công bèn dâng tờ trạng thứ nhất xin lập ngôi trừ-nhị và tiến-dụng người tôn-thất, đại-lược nói rằng :

« Bệ-hạ chửa lập ngôi hoàng-tử, nhân-tâm lấy làm ưu-nguy, cúi xin Bệ-hạ nghĩ đến đấng tổ-tôn gian-nan, cơ-nghiệp rộng rãi tốt đẹp, thần-khí là ngôi báu lớn, thượng-sinh lấy làm trọng-vọng, chớ có nghe lời nói cẩu-thả, chớ có theo cái kế nhân-tuần, phải trước đoán-định tự thánh-chí, rõ rệ, chớ nghi-ngờ, cẩn-thận chọn trong họ tôn-thất người nào thông-minh cương-chính, hiếu-hữu nhân-từ, khiến cho nhiếp ở ngôi trừ-nhị, để đợi khi đấng hoàng-tử sinh ra, rồi lại lui ra ở ngoài phiên-quốc. Nếu thánh-ý chưa muốn như thế, thì hoặc hãy cho làm phụ-chính, hoặc cho giữ quân túc-vệ, hoặc cho làm quan Kinh-doãn, cũng đủ trấn yên được thiên-hạ nhân-tâm, như thế thì thiên địa thần kỳ, tôn-miếu xã-tắc, thực cũng nhờ cái đức thánh-minh của Bệ-hạ, nữa là quần-thần dân-chúng ai lại chẳng vui mừng cổ-vũ lắm ư! Xưa kia người con gái ở Tất-thất bước Lỗ lo rằng vua

(1) Tên là Tịch 籍, tên tự là Thuần-chi 醇之, người ở Võ-thành châu Kỷ, được phong làm Đĩnh quốc-công, thụy là Trang-mẫn.

(2) Tên tự là Hối-thúc 晦叔 người Thọ-châu, con ông Lã Di-Giản.

nước Lỗ đã già mà thái-tử còn trẻ. Kẻ kia là đàn bà con gái còn biết lo thay cho tai-nạn nước nhà, vì rằng nước Lỗ mà gặp phải tai-nạn, thì thân mình tất cũng dự phải chịu lây, cở thế vậy. Huống-chi thần là người ăn bổng lộc của Bệ-hạ, đứng trong triều Bệ-hạ, lại vâng được giữ chốn điển-sách, ví với người con gái Tất-thất còn có phần hệ-trọng hơn, thực không nỡ ngồi yên mà nhìn thấy cái lo chí-cấp chí-đại của nhà nước, mà giấu im đi không nói. Thần vẫn biết rằng ngôn trách không phải ở mình, thần mà nói ra chỉ tổ là mang lấy tai-vạ. Nhưng mà cũng phải nói, họa là muôn phần trong một phần mà Bệ-hạ nghe theo; thần đối với nhà nước ví như sâu bọ, mà dám vì Bệ-hạ bàn dựng cái cơ-sở vạn-thế vô-cùng, cứu cái sinh-mệnh của dân-chúng bốn bề, thì thần được vinh-hạnh nhiều lắm, xin Bệ-hạ chớ nghĩ thần người hèn ngôi thấp, mà bảo thần là cuồng-quyến quên những bỏ đi vậy.»

Tờ trạng trên này tâu lên chưa được hiệu-quả gì, lại dâng lên đến tờ trạng thứ hai thứ ba, mới giao xuống tòa Trung-thư hội-nghị. Tư-Mã-công lại đưa thư khuyên bảo Phạm-Trấn nên hết sức tâu lên cho được. Sau Tư-Mã-công được vào kinh diện-tấu vua Nhân tôn rằng: « Thần trước làm Thông-phán Tinh-châu, có tờ trạng tâu dâng lên, xin Bệ-hạ quả-quyết mà thi-hành.» Vua nghĩ lặng hồi lâu mới nói rằng: « Có phải là tờ tấu khuyên ta tuyển người tôn thất để làm kế-tự đấy phải không? Đó là lời nói kẻ trung-thần, chớ như người thường không dám nói đến.»

Tư-Mã-công lui ra, lại dâng sớ mà rằng:

« Trước kia thần đã tâu lên, tưởng rằng nhà vua cho thi-hành ngay. Mà nay im hẳn đi, tất là có kẻ tiểu-nhân bảo rằng Bệ-hạ xuân-thu đỉnh-thịnh, sao đã làm cái sự bất-tường ấy. Kẻ tiểu-nhân nó không biết lo xa, chỉ muốn nhân lúc thẳng-thốt, vin lấy lập cho người thân-thiện đấy mà thôi, nếu để như thế thì lại đến kẻ quốc-lão tự định kế-sách cho thiên-tử như kẻ môn-sinh, cái vạ ấy sao kể xiết được!»

Nhân-tôn được tờ tâu ấy trong lòng mới sinh cảm-động. Tư-Mã-công lại vào yết kiến quan Tể tướng là Hàn Kỳ mà bảo rằng: « Các ông không kịp ngay bây giờ định-nghị trước đi, ngộ ngày khác nửa đêm trong cung-cấm bàn ra một tờ chiếu, định lấy một người nào làm hoàng-tự thì thiên-hạ còn ai dám trái nữa.» Lũ ông Hàn Kỳ đều chắp tay mà thưa rằng: « Dám xin hết sức!»

Chửa được bao lâu, vua mới xuống chiếu cho Anh-tôn phán chức Tôn-chính, cố từ không chịu làm, vua bèn lập cho làm hoàng-thái-tử, cũng lại cáo tật không chịu vào. Tư-Mã công mới tâu lên rằng: « Nay hoàng-tử chối từ ngôi phú-quí phi-thường, để đến hàng thảng, thế thực là hiền hơn người nhiều lắm! Song cứ như lễ thì mệnh cha triệu không đợi lời vâng phải đến ngay, mệnh vua triệu không đợi sắp xe phải đi ngay, xin lấy cái đại-nghĩa thần-tử ấy mà trách hoàng-tử nên phải ứng mệnh vào ngay!» Anh-tôn mới vào thụ-mệnh, nền nước mới định yên.

PHÊ-BÌNH. — *Nay các nước dân-chủ, ngoài chức Tổng-thống lại phải tuyển một chức phó-tổng-thống nữa, để phòng khi thẳng-thốt phi-thường, đã có chức phó quyền-nhiệm, thì nền tôn-xã không kinh-động, mà trong triều ngoài đã đều yên vững. Nước quân-chủ khi xưa, hoặc phòng kẻ quyền-thần tiếm-thiết, hoặc sợ các tông-chi tranh ngôi, vậy nên nước quân-chủ nên sớm định người nối ngôi, lại cần-thiết hơn là nước dân chủ.*

*Ngôi hoàng-tự chửa định, mà kẻ thần-hạ tâu lên nói với vua, cái lời trung-thành ấy ông vua nên hoan-nghênh*

*thì phải, việc gì lại sợ bị vua quở-trách. Vì rằng nhân-tình ai chẳng sợ chết, huống chi ngôi vua rất là tôn-vinh phú-quí lại càng ham mến lắm, thì cái tấm lòng tham sống ghét chết của vua lại càng lắm. Nay kẻ thần-hạ dám xin lập ngôi hoàng-tự, tuy rằng lời tâu lên khôn khéo đến thế nào, cũng vẫn như là thúc-giục vua phải sắp sửa việc hậu-sự đi, sác phạm ngay đến lòng vua kiêng-kỵ, tài nào lại khỏi tức mà nổi giận lên vậy.*

*Nhân-tôn là một ông vua hiền, kẻ thần-hạ đem lời lập hoàng-tự tâu lên, lẽ nào lại gặp vua giận mà bị phải cái vạ bất-trắc, xem như cái việc ông Phạm Cảnh-Nhân và Tư-Mã-công đó thì biết. Nhưng lúc trước không ai dám nói, là chỉ câu-nệ về cái thói cũ vậy. Vậy nên thấy việc nghĩa cứ làm bạo đi, chẳng cần đoái sợ gì cả, thế mà vị-tất đã bị họa. Còn những kẻ cứ sợ đầu sợ đuôi, khéo mưu lần-tránh cũng vị-tất đã được phúc.*

*Phạm Cảnh-Nhân làm quan chức gián-nghị, triều-chính có điều đắc điều thất, thì phải cứ sức-phạm thẳng nhân mà thẳng can là phải. Còn như Tư-Mã Ôn-công, quan còn ở chức thông-phán, thân còn ở ngoài biên-cương, có thể không nói cũng được, mà cứ nói tâu lên, so với Cảnh-Nhân đã dễ được mấy người như thế.*

. .

Triều Tống đương đời Nhân-tôn, ngoài cõi đất Vân Yên dẫu không có quân giặc vào ăn cướp, nhưng nước Tây-hạ vẫn thường quấy rối ngoài biên. Năm Gia-hựu thứ hai, Tư-Mã-công ở Tính-châu, thân ra xem xét hình-thế ngoài Lân-châu (ở ngoài Thiểm-tây), thấy một dải điền-thổ về phía tây sông Khuất-dã, đã lâu năm đến nay bị phải người Tây-hạ xâm-chiếm, có dụ bảo lấy lẽ phải, thì người nước ấy, cũng chẳng chịu lại, có đem binh áp-bức thì lại thành ra đánh nhau; có với đến để bàn-định lại cương-giới thì người nước ấy kiêu-căng không chịu đến, nên quan-lại xứ ấy phải đành gác bỏ không hỏi đến nữa, nhân dân ở đấy lấy làm rất khổ.

Tư-Mã-công xem xét địa-thế Lân-châu phía tây giáp một con sông lớn gọi là Khuất-dã, từ con sông ấy trở về phía tây thẳng đến đầu cõi độ năm sáu mươi dặm đường, đều không có đặt vọng-canh để làm bảo-chướng, vì thế người Hạ mới lấn sang cày bừa ruộng đất làm trần cả đi, những quân du-kỵ thường thường kéo thẳng đến dưới thành, xông-đột qua cả phía thành-đông, mà người bản-châu vẫn không biết.

Tư-Mã-công cùng với quan Kinh-lược là Bàng Tịch, bàn nên ở phía tây bản-châu độ hai-mươi dặm đặt thêm ra hai cái đồn, làm những cái đồn ấy chẳng qua độ mười ngày, mà về sau binh-lính trong bản-châu có ra vào đều có nơi trú-túc, nhờ đó để làm phên rào tai mắt cho Lân-châu, lợi nước lợi dân chẳng gì hơn kế ấy. Bàng Tịch mới theo lời ông sức cho quan thủ-tướng Lân-châu sắp sửa lập đồn.

Tờ sức đến nơi chưa kịp khởi công lập đồn, thì quân Tây-hạ đã kéo đến đông, quan thủ-tướng Lân-châu mới đem hơn một nghìn quân, đêm mở cửa thành kéo ra, đi tắt đến phía tây sông Khuất-dã, đàng trước không có quân do-thám, đàng sau không ứng-viện, bọn châu-binh chỉ đem cơm rượu ra đánh chén, hẹn rằng hễ thắng-trận xong rồi lại tha-hồ thống-ẩm, việc quân mà chỉ cậy mạnh khinh giặc, làm-sự đến không có phòng-bị gì cả, như thế thì tài nào mà chẳng thua. Khi quân Lân-châu thua rồi triều-nghị mới rách Bàng Tịch tự-tiện sửa lập đồn trại gây ra biên-hấn, bèn giáng chức Bàng Tịch bắt đi đầy. Tư-Mã-công mới tâu việc ấy về triều nhận làm lỗi mình, xin

thay lũ ngươi Tịch chịu tội, lời tâu ấy không thấy đáp lại, ông lại dâng một tờ trạng thứ hai nữa đại-lược rằng:

«Thần trộm nghĩ rằng nếu triều-đình không cho việc sửa lập đồn-trại làm không phải, thì lũ Bàng Tịch không phải chịu trách phạt. Nếu cho làm không phải thì Bàng Tịch trước đã sức cho Lân-châu bãi lập cái đồn ấy rồi. Vì thần đến đấy, thấy quân giặc đã lui tan, mới nghị sửa lại. Lũ ngươi Võ Trạm, Hạ Ỷ tuy rằng bày ra kế ấy, nhưng cũng vì tôi đến đó truyền lời bàn ấy ra, mới đạt đến Bàng Tịch. Cứ kể như thế thì cái việc sửa lập cái đồn ấy đều tại thần cả, nếu trị tội thì thần là đầu. Nay lũ Bàng Tịch đã phải chịu trách phạt rồi mà thần chưa phải chịu phạt, thần thực thẹn ở trong lòng không biết tự-xử thế nào cho phải; huống-chi thần khi ở Tỉnh-châu có chịu tờ diệp kinh-lược-ti cho quản-lĩnh những công-sự trọng-yếu trong bản-ti, Bàng Tịch có xử-trí việc ngoài biên vẫn thường nay hỏi đến thần mà nghe theo lời nghị của thần, nên thần sớm tối cũng hết bụng ngu, nghĩ biết việc gì đều nói ra cả, mong rằng cùng đồng-tâm để họa là có một phần bổ-ích cho quốc-gia. Nay vì thần tri-thức thô-thiển, mưu-lự không tinh, trên để làm lo cho triều-đình, dưới lại làm lụy cho Bàng Tịch, nếu cầu-thả cầu tự-thoát lấy mình, mà không ra chịu tội, thì ra thần chỉ vì cái thân nhỏ mọn mà làm khuy mất cái phép công-bình của quốc-gia, tội lại càng trọng, giá chết cũng không dám từ.»

Sau Bàng Tịch mất rồi, ông đến tận nhà hỏi thăm người vợ coi như mẹ, vỗ nuôi các con coi như anh em, đó là báo lại người tri-kỷ, lại thay mình chịu lỗi vậy.

Xưa kia kẻ sứ-giả nước Tây-hạ sang tri-lễ, quan Chỉ-huy-sứ Diên-châu là Cao Nghi đi bạn-tống, lại khinh-ngạo kẻ sứ-giả, coi nhờn cả chúa nước Hạ, kẻ sứ-giả mới thưa tại triều-đình. Tư-Mã-công với Lã Hối xin bắt tội ngươi Nghi, nhưng triều-đình không nghe. Đầu năm Trị-bình, người Tây-hạ vào lấn ngoài biên, giết kẻ lại-sĩ, Triệu Tư trấn-thủ Hùng-châu chỉ chuyên lấy việc dữ tợn cai-trị ngoài biên, ông đã từng luận là không phải.

Khiết-đan là một rợ thường vào cướp ở phía bắc, nay người Khiết-đan bắt cá ở cõi bên sông lại lấn vào đánh cướp phía nam sông Liễu-bạch cầu. Đình-nghị hạch quan trị Hùng-châu Lý Trung-Hựu là bất-tài, muốn thay đổi đi. Tư-Mã-công bảo rằng nhà-nước đương khi rợ Nhung-di thuận theo, thì thường hay hạch sách những lễ-tiết lặt-vặt; đến khi nó kiệt-ngạo lại xử một cách cô tức nhũng-nhằng. Mấy câu nói ấy đủ tóm được hết cái lỗi «đối-ngoại» của các triều-đình nước Tàu từ xưa đến nay.

Khi Hàn Kỳ làm tướng, sức bắt lính nghĩa-dũng tỉnh Thiểm-tây hai mươi vạn, dân-tình tao-nhiễu. Những bọn lính ấy kỷ-luật sơ-lược không thể dùng được. Tư-Mã-công có nói cho Hàn Kỳ biết. Hàn Kỳ nói: «Việc binh phải cốt có tiên-thanh cho lừng-lẫy, nay chúa Tây-hạ là Lượng Tộ Ương kiệt-ngạo, nếu trợt nghe thấy thêm binh đến hai-mươi vạn, há lại chẳng run sợ». Tư Mã-công nói: «Việc binh cốt có tiên-thanh, là chỉ vì không có thực-trạng nên phải làm ra thế, nhưng chỉ khá nói dối độ khoảng trong một đêm mà thôi. Nay ta tuy rằng thêm binh, song kỳ-thực không hề dùng được, chẳng qua chỉ độ mười ngày thì nó biết tất cả, nó còn sợ gì nữa». Hàn Kỳ không hay nghe theo.

Về sau năm Nguyên-hựu, (niên-hiệu đời vua Triết-tôn) Tư-Mã-công ra làm thủ-tướng, triều-nghị bảo rằng nước Tây-Hạ nay đã suy yếu; trong tâm thực muốn qui-thuận, nếu nó lại thì cũng chẳng cự, nó đi thì cũng chẳng truy, cư

phó mặc nó chứ chẳng để ý làm gì cả. Song trước kia nhà Tống đã cử-binh lấn sang nước Hạ, các tướng-sĩ đi đến đâu là cướp bóc rất thảm, đó là cái thói quen quan binh nước Tàu, xưa nay vẫn thế vậy. Người nước Hạ cái tâm oán giận muốn báo thù, cái ý dòm-nom muốn thừa- ấn chực lấn vào, ngày đêm không lúc nào quên, như là khát không lúc nào quên uống, thong-manh không lúc nào quên nhìn vậy. Thế mà người Trung-quốc không biết lo-nghĩ đến, ví như có con hổ-lang nó nằm ở bên cạnh nhà, cúi đầu đương ngủ kỹ, người ta thấy nó không động đậy, cứ coi khinh-nhờn, nào là lần đàng đầu, chặn đàng đuôi, chẳng cũng nguy lắm thay!

Tư-Mã-công kiến-nghị bảo nên trả lại đất xâm cho nó, và cấm không cho người nó sang mua bán. Trả lại đất xâm để cho nó giải-thích cái giận cũ đi, cấm không cho người nó sang mua bán, để làm cho nó đoạn-tuyệt đường cung-cấp, ân-ưy đều dùng, cũng là một cái kế để mà dẹp yên ngoài biên-cảnh lúc bấy giờ vậy. Tiếc thay vua Thần-tôn không hay dùng.

Phê-bình. — *Tư-Mã-công vốn là một kẻ thư-sinh, tưởng rằng không phải sở-trường về chính-sách ngoại-giao. Song xưa nay nước Tàu đối với các nước ngoài đều không có thành ý cả, hễ sự-cơ còn hoãn thì bỏ nhãng đi, đến lúc việc gấp lại rối beng. Tư-Mã-công chủ-trương thì khác hẳn thế, có nói rằng : « Nhà nước đương khi rợ nhung-di nó thuận theo, thì lại hay hạch-sách những lễ-tiết lặt-vặt, đến khi nó kiệt-ngạo, thì lại xử một cách cô-tức nhùng-nhằng. » Đời nhà Thanh mà Trung-quốc phải bỏ mất cả các nước phiên-thuộc ; lúc cùng các nước Âu Mĩ thông-thương có đính-kết điều-ước nhiều điều bất-lợi, để lầm-lỡ cho đến ngày nay, nyoại-giao mà sở-dĩ thất-bại, cũng đều đúng như lời Tư-Mã-công nói cả. Ông Khổng có nói rằng lời nói mà hay trung-tín đốc-kính, thì dẫu ra ngoài rợ mọi cũng có thể giao-thiệp được cả. lời thánh-nhân nói hà lại không thực đấy ư.*

*Cách-lan-tư-đốn là một vị danh-tướng nước Anh, chỉ lấy trung-tâm công-đạo mà phù-tá nữ-vương Day-da-lợi-á ; người ta bảo rằng Cách-thị không giỏi đường ngoại-giao. Nhưng không biết rằng sự-nghiệp đường bể của nước Anh rất thịnh, cái cơ-sở đã gây dựng ra tự năm-mươi năm trước rồi, chính là cái lúc Cách-thị đương làm tướng, cái đạo ngoại-giao hà phải chỉ cậy về quỉ-quyệt đâu.*

*Cái việc lập đồn ở phía tây sông Khuất-dã, Tư-Mã-công đã không dám nói đến công, chỉ vì quan-lại Lân-châu họ làm hỏng việc, triều-đình mới qui-cữu cho Bàng Tịch, mà không bắt cữu đến ông. Cứ kể thường-tình ra thì ông vẫn được tiện-nghi không can gì cả. Thế mà trong tâm ông vẫn không tự-an, đã hai ba lần dâng sớ gỡ tội cho Bàng Tịch mà tự mình xin thay, những kẻ trượng-phu hèn-hạ, đọc đến truyện này hà lại chẳng biết cách tự-xử lầm ư ?*

*Tư-Mã-công hễ gặp việc gì trong bụng đã quyết-định, dẫu đối với đấng quân-phụ, tất mong cho bày tỏ được việc mới thôi, vậy nên thường có một việc mà đến ba bốn lần dâng sớ lên kháng-nghị, những bài sớ ấy còn chép ở trong văn-tập, xem đó thì biết ông chỉ là một bụng thành mà thôi.*

*(Còn nữa)*

Nguyên hán-văn của Tôn Dục-Tu

Đông-Châu *dịch*

# TẤM GƯƠNG TÌNH

*(Đoản-thiên tiểu-thuyết)*

## Giấc mộng tương-phùng

*Huyện Thường-sơn có một ả họ Vương, tên là Quỳnh-Nô, tự là Nhuận-trinh; lên hai tuổi thì người cha chết sớm, người mẹ là Trương-thị ẵm Quỳnh-Nô đi tái-giá với một ông nhà giàu là Thầm Tất-Qui. Họ Thầm không có con, yêu Quỳnh-Nô quá con mình đẻ ra. Quỳnh-Nô tuổi mười-bốn, vốn giỏi nghề thi-ca, gồm thông nghề âm-nhạc, trong tứ-đức, công, dung, ngôn, hạnh đều đủ, chốn gần chốn xa tranh nhau tìm đến giạm hỏi. Lúc ấy trong đồng-hương có hai người, là Từ Tông-Đạo và Lưu Quân-Ngọc, đều cầu-hôn thiết lắm. Con họ Từ là Thiều-Lang, con họ Lưu là Hán-Lão, đều dung-mạo tuấn-tú, vả lại đều cùng với Quỳnh-Nô cùng tuổi. Duy họ Từ thì dòng-dõi nhà quan mà thanh-bần, họ Lưu thì nhà bạch-ốc mà trọc-phú, vì thế cho nên còn do-dự hoài-nghi, chẳng biết quyết-định về bên nào. Một hôm Thầm Tất-Qui mưu với người có tri-thức ở trong họ. Người tri-thức ấy nói rằng: «Kén rể là việc trọng, chớ nên vội-vàng.» Nhân bảo Thầm Tất-Qui bày ra một cuộc ăn yến thi thơ, triệu hai chàng đến mà diện-thí.*

*Thầm Tất-Qui mới trong giữa tuần tháng hai là tết Hoa-chiêu, bày tiệc hội-khánh; trong làng những người có danh-giá hết thảy đều họp cả ở trong nhà, họ Từ họ Lưu cũng đều đem con đến. Con họ Lưu là Hán-Lão tuy nhân-vật cũng tề-chỉnh, nhưng khi lên xuống vái chào, chửa khỏi có ý gìn-giữ bên-lẽn. Con họ Từ là Thiều-Lang thì khăn áo mộc-mạc, ngồi đứng tự-nhiên. Người tộc-trưởng họ Thầm tên là Canh-Vân, nhất-kiến hai chàng, trong bụng đã ghi chép phần ưu-liệt. Canh-Vân mới đứng lên làm người chủ-khảo, trỏ vào bốn bức danh-họa hiện treo ở trong nhà. Một bức đề là kiểu «* Tích hoa xuân khởi tảo 惜花春起早. *» Nghĩa là: tiếc hoa mà mùa xuân trở dậy sớm. Bức ấy vẽ một người mĩ-nhân chửa trang-sức mái đầu, tất-tả đi ra thăm vườn hoa. Một bức đề là «* Ái nguyệt dạ niên tri 愛月夜眠遲 *» Nghĩa là: yêu trăng mà ban đêm đi ngủ chậm. Bức ấy vẽ một cảnh nửa sáng nửa tối, mặt trăng sắp-sửa lặn, gác ở đầu mái nhà; một người mĩ-nhân đứng ở bên cái câu-lơn, còn ngó ra trông theo. Một bức đề là kiểu: «* Cúc thủy nguyệt tại thủ 掬水月在手 *». Nghĩa là vốc nước mà trăng ở trên bàn tay. Bức ấy cũng vẽ người mĩ-nhân cúi xuống lấy hai tay vốc nước lên, bóng trăng chấp-chới in vào ở trên bàn tay. Một bức đề kiểu: «* Lộng hoa hương mãn y 弄花香滿衣 *». Nghĩa là chơi hoa mà hương đầy trong xiêm áo. Bức ấy cũng vẽ một người mĩ-nhân vin cành hoa, năm ba con bướm xúm lại bậu quanh cả ở bên xiêm áo. Cả thầy bốn bức họa, Canh-Vân thỉnh hai chàng đề-vịnh. Thiều-Lang thong-dong cầm bút, khoảnh-khắc mà thành. Canh-Vân nức-nở khen tài, rất lấy làm thưởng-thức.*

*Bài vịnh về kiểu* Tích-hoa *rằng:*

Giấc mộng uyên-ương mới tỉnh ra,
Đài-trang vừa cuốn bức song-sa;
Hải-đường hoa nở hay chưa nở,
Để khách đông-quân luống đợi chờ.

*Bài vịnh về kiều* Ái-nguyệt *rằng* :

Bồi-hồi nghiêng tựa bức lan-can,
Nửa mái hiên tây bóng nguyệt tàn ;
Con hầu sẽ giục cô đi ngủ,
Trên đá trà-mi sương lộ hàn.

*Bài vịnh về kiều* Cúc-thủy *rằng* :

Phân-minh vầng nguyệt ở trên tay,
Cái lụy trần-tâm rửa những ngày ;
Các bạn chị em cười nói nói,
Nói rằng tay phật hiện cung mây.

*Bài vịnh về kiều* Lông-hoa *rằng* :

Rõ-ràng hồng tử mặt đông-phong,
Sực-nức hương thừa chốn đỗng-phòng;
Đàn bướm chẳng hay xuân có chủ,
Bay đi bay lại bức xiêm hồng.

*Chàng Hán-Lão vốn là con nhà cậy giàu, bình-nhật ít học tập, nghe mệnh cử ngần-ngơ, chờ lâu mãi cũng chẳng thành được chữ nào. Người cha là Quân-Ngọc thấy con mình trông trời đã đỏ hai con mắt, nhấm bút hồ đen một khác lòng, cả lấy làm xấu-hổ, rồi cha con chẳng đợi đến trọn tiệc, bảo nhau cùng tháo lui. Còn cha con Thiều-Lang ở lại, cử-tọa đồng-thanh khen giỏi, rồi cái nghị hôn-nhân của Thiều-Lang liền thành. Chừng độ ngoài một tháng, Thầm Tất-Qui vì cớ yêu rể quá, muốn cho rể thường thường vãng-lai ; mới mời Thiều-Lang sang nhà mình, đón thầy học tập để đi thi Phán cung (thi hương đỗ cử tú), cho kịp kỳ thi, chờ thi đỗ rồi sẽ chọn ngày cưới. Chợt gặp khi mẹ Quỳnh-Nô là Trương-thị hơi có chút bệnh, Quỳnh-Nô đương hầu mẹ, coi sóc thuốc-thang, mà Thiều-Lang chợt vào thăm bệnh, Quỳnh-Nô không kịp tránh, mới cùng nhau tương-kiến ở trước giường bệnh người mẹ. Thiều-Lang thấy dung-mạo Quỳnh-Nô tuyệt-thế, riêng lấy làm mừng, về chốn thư-phòng, phong một bức hồng-tiên, tả một bài thơ, khiến đứa tiểu-tì cầm lấy đưa cho Quỳnh-Nô. Quỳnh-Nô mở ra xem thì là một tờ giấy không. Vì Thiều Lang phong lầm cho nên thơ để lại. Quỳnh-Nô nhân mỉm miệng cười, tức-khắc đề một bài thơ vào tờ giấy không để đáp lại Thiều-Lang rằng :*

Đỗ gắt tiên-hà một bức xinh,
Vương-lang sao lại quá đa-tình ;
Phong-lưu không phải không giai-cú,
Hai chữ tương-tư tả chẳng thành.

*Thiều-Lang cầm thơ ấy về, đem khoe với chàng họ Lưu là Hán-Lão, chẳng hay Hán-Lão đương hận rằng Thiều-Lang cướp mất vợ mình, đem kể với người cha là Quân-Ngọc. Chẳng hay Quân-Ngọc đã chẳng trách con là vô-học, lại nghiến răng thâm-oán với họ Từ họ Thầm, gây sự hiềm-độc ngầm đem vu-cáo. Họ Từ họ Thầm đều chẳng bạch được oan, họ Từ phải tội phát-vãng đi làm lính-thú đất Liêu-dương, họ Thầm cũng phải tội phát-vãng đi làm lính thú đất Lĩnh biểu, cả nhà đều phải đi ; trong khi lâm-biệt với họ hàng làng mạc, thê-thảm kinh-hồn, kẻ xem hết thầy vì chảy nước mắt. Từ đấy họ Thầm họ Từ đều chẳng được nghe tin tức nhau. Được ít lâu Thầm Tất-Qui ở Lĩnh-biểu tạ-thế, gia-sự tiêu-điều, chỉ Trương-thị Quỳnh-Nô hãy còn, vách đất lều tranh, mẹ con làm nghề bán rượu ở ven đường cái. Tuy trong cơn hoạn-nạn Quỳnh-Nô không có dung-quang thái-độ như ngày trước nữa, nhưng tuổi trẻ mặt hoa, vẫn khác người thường.*

*Có một viên quan võ họ Ngô, chức là Chỉ-huy, trông thấy Quỳnh-Nô lấy làm đẹp lòng, muốn lấy về làm thiếp. Trương-thị từ chối rằng Quỳnh-Nô đã có chồng. Viên Ngô Chỉ-huy, dò xét biết duyên-cớ, khiến người mối đến bảo rằng : « Gã Thiều-Lang đi tòng-thú ở Liêu-hải, sống chết chưa biết, tùng-sử may mà còn sống chăng nữa, xa-xôi mấy nghìn dặm, sao có thể đến đất Lĩnh-biểu này mà thành-hôn được đấy ư ! » Quỳnh-Nô vẫn khăng-khăng chẳng nghe. Ngô Chỉ-huy mới đem uy-thế*

*bách-hiếp. Trương-thị lấy làm sợ hãi, bảo với Quỳnh-Nô rằng : « Từ-Lang một chuyến ra đi, đến nay đã năm năm, tin-tức mù-mịt, cái sự chung-thân của con, sợ rằng đã thành ra giấc mộng-ảo ; huống chi-quê người đất khách, cô-quả chiếc thân, lấy kế sách gì mà cự lại được với kẻ hùng-hổ kia, chẳng thà con cứ nhắm mắt mà lấy kẻ kia, may ra mẹ con sẽ được hoàn-hảo.» Quỳnh-Nô thề rằng : «Từ-Lang gặp cơn tai-vạ, thực là vì sự con ; nay con bội người ấy, thì là kẻ bất-nhân, con chỉ có một sự chết mà thôi. » Quỳnh-Nô nhân làm một bài từ-khúc để tự-thệ rằng :*

Chim loan phượng bắc nam thất-sở,
Vẻ hồng-vân cách ngả Thiên-thai ;
Gió đông chiếc yến lạc loài,
Ngọc-kinh chốn cũ ai người chủ-nhân.
Đường Liêu-hải lang-quân muôn dặm,
Biết ngày nào bể thẳm qui lai ;
Hoa đình-hương khô chết vẫn còn cười,
Cành xuân nỡ để cho người khác vin!

*Ngay đêm hôm ấy Quỳnh-Nô tự lấy khăn thắt cổ ở trong phòng, may người mẹ là Trương-thị biết mà cứu giải, hồi lâu Quỳnh-Nô mới sống lại. Viên Ngô Chỉ-huy nghe thấy sự ấy, chẳng lấy làm cả kinh lại lấy làm cả giận, khiến quân lính đến nhà đập phá tan-nát cả những đồ nấu rượu bán rượu, và đuổi mẹ con Trương-thị đi ở nơi khác, muốn để làm khốn-nhục cho mẹ con Trương-thị.*

*Khi ấy có một viên dịch-sứ, coi giữ về việc nhà trạm, tuổi đã già, hiệu là Đỗ-quân, cũng là người quê-quán đất Thường-sơn, bình-nhật cùng với Thầm Tất-Qui từng quen biết nhau, thương mẹ con Trương-thị lênh-đênh cô-khổ, cho mượn một gian nhà trạm để nương thân. Một hôm có ba bốn người khách mặc đồ võ trang, tình-cờ vào chỗ nhà trạm. Đỗ-quân hỏi : « Các người từ chốn nào mà lại đây ? » Mấy người khách nói rằng : « Chúng tôi là hàng quân-lính tiểu-kỳ ở vệ đội Tiểu-đông, được lệnh sai đi Nam-hải truyền lệnh lấy quân, tạm ngủ trọ ở chốn này mà thôi. » Gặp khi Trương-thị chợt mở rèm bước ra, trong bọn khách có một người thiếu-niên, trông ra người nho-giả thuần-cẩn, không giống kẻ vũ-tốt, thường đi lại nhìn trông Trương-thị, mà cái sắc thê-thảm hiện ra ngoài mặt. Trương-thị cũng động tâm, nhân bước ra hỏi người thiếu-niên, thì người thiếu-niên thưa rằng : « Tôi tên Thiều-Lang, họ Từ, người huyện Thường-sơn, tỉnh Triết-giang, thuở bé cha tôi đã từng lấy vợ cho tôi người đồng-hương là con gái ông Thầm Tất-Qui, chưa cưới mà hai nhà đều gặp sự biến, cùng phải đi trích-thú, chẳng nghe tin-tức nhau đã mấy năm nay ; chợt nhân khi vào đây thấy tướng-mạo nhà bà, cùng với người mẹ vợ tôi giống nhau lắm, cho nên tôi bất-giác cảm-động mà thê-thảm, chẳng phải là có cớ gì. » Trương-thị lại hỏi : « Thế thì họ Thầm nay ở chốn nào, người con gái tên là gì ? » Người thiếu-niên đáp rằng : « Người con gái tên là Quỳnh-Nô, tự là Nhuận-trinh, khi kết-hôn tuổi mới mười-bốn, nay tính ra thì tuổi vừa mười chín. Chỉ biết rằng họ Thầm đi trích-thú Nam-hải, không biết ở về chỗ châu-quận nào, vậy khó có thể hỏi tìm. » Trương-thị vào bảo với Quỳnh-Nô. Quỳnh-Nô nói rằng : « Nếu thật thế, thì là sự trời vậy. » Sáng ngày mai, Trương-thị triệu người thiếu-niên đến trong nhà riêng hỏi-han kỹ thì quả là Thiều-Lang vậy ; nay đã đổi tên là Từ-Lan, mà vẫn còn chưa lấy vợ. Trương-thị cả khóc lên nói rằng : « Tôi tức là mẹ vợ chàng đây. Bố vợ chàng đã chết rồi. Mẹ con tôi lưu-lạc ở đây, thoát vạn-tử đã được tái-sinh, chẳng ngờ ngày nay lại được tương-kiến. Trương-thị mới đem sự-tình bạch với Đỗ-quân, và các người đồng bạn với*

*Thiều-Lang. Khi ấy chàng-khẩu đồng-từ than-thở, cho là sự tiền-duyên. Đỗ-quân mới tự xuất tiền mình, lạo thảo đủ lễ cưới, khiến Thiều-Lang trọn-vẹn sự hôn-nhân. Tối hôm cưới, nỗi mừng chẳng được nỗi thương, Quỳnh-Nô vừa khóc vừa tỏ khúc-nhôi, nhân đọc lên câu thơ của Đỗ Thiều-Lang, câu rằng :*

Dạ tan cánh bỉnh chúc,
夜闌更秉燭
Tương-đối như mộng mị.
相對如夢寐

*Nghĩa cũng tựa như là : rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao. Thiều-Lang yên-ủi nói rằng : « Chớ bi-thương cho quá lắm, hằng đợi năm sau, sẽ đem mẹ nàng với nàng cùng về Liêu-đông. » Khi đó người đồng bạn với Thiều-Lang có viên tổng-ký họ Đinh cũng là người trung-hậu, bảo Thiều-Lang rằng : « Ngươi mới xum-họp, chớ nên đã vội phân-ly, trách-nhiệm việc quân của ngươi, để lũ ta chia gánh cho, ngươi cứ ở đây yên-ủi cho mẹ con Trương-thị mà đợi khi lũ chúng ta về rồi cùng về Liêu-đông.» Thiều-Lang lấy làm cảm-tạ, liền đặt tiệc rượu để tiễn-biệt các người đồng bạn.*

*Các người đồng bạn đã đi, viên Ngô chỉ-huy dò xét biết sự Thiều-Lang với Quỳnh-Nô tái-ngộ, càng lấy làm giận, liền lấy danh-nghĩa đào-quân bắt tội Thiều-Lang, sai quân lính bắt Thiều-Lang đem bỏ ngục, định tìm kế giết đi. Ngô chỉ-huy kíp khiến người mối đến dọa Trương-thị rằng : « Kẻ kia phạm tội đào-quân, tội ấy tất chết, mẹ con nhà mụ đã tuyệt-vọng rồi ; ta sắp-sửa chọn ngày đem kiệu đến đón Quỳnh-Nô. Nếu mẹ con mụ lại trái ý cự-tuyệt, thì ta quyết hạ độc-thủ, chẳng buông tha như thứ trước. » Quỳnh-Nô biết rằng sự thế không cự-tuyệt nổi, bảo mẹ cứ vâng lời đi. Người mối đi ra khỏi, Quỳnh-Nô liền bảo mẹ rằng : « Thôi mẹ đừng tiếc đến con nữa, con mà chẳng chết, thì bị kẻ cường-bạo kia nó làm nhục. » Quỳnh-Nô đã sắp-sửa đủ cả, toan ngay đêm hôm ấy giả tạ mẹ để tự tài quyết sự chết. Người mẹ cũng không biết làm thế nào.*

*Ngay chiều hôm ấy chợt gặp viên giám-sát ngự-sử là Phó-công đi thanh-tra việc hình-ngục qua đến trạm Đỗ-sứ quán. Quỳnh-Nô ngửa mặt lên trời mà kêu rằng : « Cái oan-án của vợ chồng ta, phen này trời rửa cho vậy.» Quỳnh-Nô mới thuật đủ sự-trạng, quì ở trước ngựa khiếu-cáo với Phó-công. Phó-công tức-khắc vựng-án tâu lên triều-đình, được chỉ-dụ cho Phó-công tiện-nghi tài phán. Phó-công tức-khắc đòi hỏi Ngô chỉ-huy, thì Ngô chỉ huy thừa-nhận rằng bắt Thiều-Lang về tội đào-quân, còn sự khác thì không thừa-nhận. Phó-công xét hỏi thực-tình, cả trách phạt Ngô, đã toan quyết-luận Ngô về tội cướp vợ người. Nhưng vì người ấy người khác đều sợ cái uy của Ngô, không dám nói ra, cho nên chưa tìm đủ chứng-cớ. Ngô Chỉ-huy lấy làm sợ hãi, nửa đêm thân-hành đem trăm lạng vàng, vào hối-lộ cho Phó-công, Phó-công cả phát lôi-đình, thóa-mạ Ngô chỉ huy, liền luận về tội ô-uế thiện-chính, cách chức Ngô làm linh thủ biên, đi sung quân nơi khác và triệu Thiều-Lang ở ngục ra, xét hỏi học-vấn quả-nhiên là một kẻ tài-tử ; liền lấy cớ tài đáng trọng, tình đáng thương, tha cho cái tội đào-quân. Thiều-Lang nhân lại khổ-khiếu về sự cha con Lưu Hán-Lão vu oan ngày trước. Phó-công than rằng : « Giai-nhân tài-tử đa-truân đa-nạn, một đến thế dư ! » Phó-công cũng hết sức vì họ Từ họ Thầm thân-oan. Về sau oan ấy lại được bạch, luận về án vu phản tội đồng, cha con Lưu Hán-Lão lại bị phát-vãng đi nơi xa sung-quân, họ Từ họ Thầm lại được phóng-hồi Thường-sơn khôi-phục nghiệp cũ, đời truyền lấy lấy làm thịnh-sự.*

## II. – Liễu-trinh-nữ-truyện

*Người Tô-châu họ Diêm tên là Lan có cùng với một người họ Liễu chơi thân-thiện với nhau, vợ hai người trong bụng cùng có hoài-thai, hai người nhân ước với nhau sự hôn-nhân sau này. Kịp đến lúc sinh, họ Diêm sinh con trai đặt tên là Tự-Trân, họ Liễu sinh con gái đặt tên là Loan-Anh, hai người mới cùng nhau kết làm bạn tiền-duyên tức-khế. Về sau, họ Liễu đỗ Tiến-sĩ, làm quan đến Bố-chính-sứ; mà Diêm-Lan thì chỉ do ngạch cống-sinh được chút giáo-chức nho nhỏ rồi chết. Con Diêm Lan là Tự-Trân nhà nghèo không thể cưới được vợ. Họ Liễu dấp ý muốn bội ước. Nàng Loan-Anh khóc lóc bảo với mẹ rằng: «Thân con tuy chửa về nhà họ Liễu, nhưng tâm hai họ đã ấn định từ ngày xưa; cái sự gả bán cho họ khác, thì con chỉ có chết mà thôi.» Loan-Anh lại bạch với cha, người cha giả cách ưng thuận nhưng mà chửa cho. Loan-Anh âm-liệu ở trong bụng rằng người cha kết cục tất bội ước ấy, mới bí-mật khẩn-cầu với một bà lão láng-diềng, khiến đi bảo Diêm Tự-Trân rằng: « Loan-Anh có số tiền riêng, xin chàng cứ đúng buổi chiều ngày hôm ấy đến chỗ hậu-viên họ Liễu, cầm lấy số tiền mang về, thì sự hôn-thú khá thành, nếu chậm thì người khác người ta tranh mất.» Tự-Trân nghe nói, cả lấy làm mừng, không thể sao tự nén được, liền đối với hai người con ông thầy học là Lưu Giang, Lưu Hải nói hết cả duyên cớ sự ấy. Hai chàng họ Lưu liền bí mật bày kế, đặt rượu mừng Tự-Trân, cho Tự-Trân uống rượu thật say ở trong nhà học-xá. Hai anh em chàng họ Lưu mới y như kỳ ước hẹn của Loan-Anh đến chỗ họ Liễu. Loan-Anh thì đã đứng tựa sẵn ở cửa vườn cầm số tiền mà ngóng trông. Lúc ấy sắc trời đã hoàng-hôn, hơi nhọ mặt người. Loan-Anh liền cầm số tiền trao cho hai người. Duy đứa tiểu-tì đứng ở bên cạnh biết rằng không phải Diêm-sinh, liền nói lên rằng: « Ấy là gã họ Lưu đấy, không phải Diêm-sinh.» Loan-Anh mới biết là lầm, liền cả mắng rằng: « Lũ chó kia, sao lại khi-trá mà lấy của ta, mau chóng trả lại ta ngay, thì ta thôi cho, nếu chẳng thế, ta sẽ cáo quan trị tội mày.» Lưu Giang Lưu Hải khi đó số tiền lớn đã ở trong tay, lại sợ rằng sự tiết-lậu thì tất bị tội, liền tức-thì đánh giết Loan-Anh và cả con tiểu-tì nữa. Đến nửa đêm chàng Tự-Trân mới tỉnh, tự hối-hận rằng mình thất-ước, kịp trở dậy, chạy đến cửa vườn họ Liễu. Khi ấy sắc trời đen như mực, Tự-Trân chạy thẳng vào trong vườn, dẫm phải cái xác người đầm-đìa những máu mà vấp ngã, ngửi thì thấy mùi tanh, cả sợ-hãi mà lui về, áo mình đều thấm máu, chẳng biết là sự làm sao, chẳng dám đem bảo với ai. Kịp đến sớm ngày, họ Liễu mới biết rằng con gái bị giết mà chẳng biết tên hung-phạm là ai. Quan địa-phương về khám nghiệm, vì tra hỏi khắp cả mọi người, đến hỏi bà lão láng diềng, bà lão mới thú nhận có việc kết-ước của người con gái. Tức-khắc bắt Tự-Trân đến, áo Tự-Trân hãy còn đầm-đìa dấu máu. Quan địa-phương một phen tra hỏi, cho là đích-phạm, không cho biện-bạch, nhất-khái luận về tội « sát nhân giả tử ». Gặp viên ngự-sử là Hứa-công vừa đi thanh-tra đến. Hứa công liền thẩm-phán ra rằng: « Sự giết người một là cừu thù, hai là tham của, ba là tham sắc, ba cái ấy làm cái máy động thúc-giục sự giết người. Tên Diêm Tự-Trân đối với đứa con gái là kẻ ân-tình, đã có hi-vọng được của, lại có hi vọng được vợ, không quan-hệ gì đến ba cái máy động giết người. Sự giết đứa con gái họ Liễu, tất là người khác. Vả lại coi nét mặt tên Diêm Tự-Trân, hiện ra có sắc sầu-khổ bi-thương, không hiện ra có sát-khí, chắc là kẻ bị oan.» Sáng ngày mai, Hứa công triệu Tự-Trân đến chỗ bí mật xét hỏi. Hỏi rằng sự kết*

*ước đêm hôm ấy có tiết lậu ra người nào không ? Tự-Trân thưa rằng có nói hở ra với tên Lưu Giang Lưu Hải. Lại hỏi rằng tên Giang tên Hải trạc bao nhiêu tuổi, làm nghề gì. Tự-Trân thưa rằng : « tên Giang tên Hải cùng trạc thanh-niên và là bạn đồng-học. » Hứa-công mừng nói rằng : « Sự này ta đã hiểu được rõ rồi, tên Giang tên Hải tất là đứa giả-trá làm kẻ tinh-nhân không sai.» Tức-khắc nã bắt Lưu-Giang Lưu-Hải. Hứa-công bắt đầu trông mặt tên Giang tên Hải đã hiện ra sát-khí, liền đem tên Giang tên Hải vào chỗ bí-mật. Hứa-công bắt đầu nói ra rằng : « Đêm hôm qua ta nằm thấy một con gái bưng đầu khóc mà nói rằng : Thiếp là Liễu Loan-Anh, thân thiếp bị giặc là Lưu-Giang Lưu-Hải giết chết ; xin ông thương xót biện-bạch cho cái oan này thiếp tôi dẫu chết cũng là bất-hủ. Ta chợt thức dậy, lấy làm sự lạ, cho nên phải kíp kíp lại đây. » Hứa-công nói xong, tên Giang tên Hải liền đổi sắc mặt, mình dường cầy run, nhưng chửa thú nhận. Hứa-công cả phát nộ, truyền đem cực-hình tra khảo. Tên Giang tên Hải liền khấu đầu thú-phục. Hứa-công truyền đem tên Giang tên Hải chém ở giữa chợ, rồi tha cho Tự-Trân, lại vì người con gái họ Liễu dựng lên một cái phường, gọi là « Trinh-tiết-phường » để tiêu-biểu lấy danh-tiết. Sau Tự-Trân đi thi đỗ hương-tiến, làm một kẻ có văn tài. Người đời đua nhau làm tập Liễu trinh nữ truyện. Sự ấy truyền ở trong sách* Hứa-công dị chính-lục. »

TÙNG-VĂN *dịch*

---

# VĂN-UYỂN

## Thiên-gia thi-thảo diễn-âm (1)

CẢNH THU

秋

清溪流過北山頭。
空水澄鮮一色秋。
隔斷紅塵三十里。
白雲紅樹兩悠悠。

Nước từ khe núi chảy lung đồi,
Sắc nước trong xanh ngỡ tựa trời ;
Xa cách bụi hồng riêng một cõi,
Cây hồng mây trắng cảnh thêm vui.

七夕

未會牽牛意若何。
須邀織女弄金梭。
年年乞與人間巧。
不道人間巧更多。

Hỡi hỡi chàng Ngâu nhắn một lời,
Nên tìm ả Chức để đưa thoi ;
Năm năm khoe khéo cùng nhân-thế,
Nhân-thế đường kim lại khéo mười.

立秋

乳鴉啼散玉屏空。
一枕清涼一扇風。
睡起秋聲無覓處。
滿階葉梧月明中。

Đêm thanh-bình vắng tiếng nha kêu,
Khói dượm mù sương quạt phất theo ;
Ngủ dậy tiếng thu tìm chẳng thấy,
Thấy ngô lá rụng lúc trăng treo.

七夕

銀燭秋光冷畫屏。
輕羅小扇撲流螢。
天街夜色涼如水。
臥看牽牛織女星。

---

(1) Xem Nam-phong số 144-146.

Bình không vắng vặc bóng ngân câu,
Đom đóm qua thềm quạt phất sau;
Cảnh chốn thiên-nhai đêm lạnh-lẽo,
Nằm xem ả Chức với chàng Ngưu

中秋

暮雲收盡溢清寒。
銀漢無聲轉玉盤。
此生此夜不常好。
明月明年何處看。

Quấn hết tàn-vân lạnh-lẽo chiều,
Sông Ngân vắng tiếng bóng trăng theo;
Nghĩ mình cảnh ấy khôn thường gặp.
Trông nguyệt năm sau chắc chỗ nào?

江樓有感

獨上江樓思悄然。
月光如水水如天。
同樂玩月人何在。
風景依稀似去年。

Lững-thững lên lầu nước mắt sa,
Một trời một nước một Hằng-nga;
Trông trăng người cũ đi đâu nhỉ,
Năm trước phong-quang cũng thế à?

西湖

山外青山樓外樓。
西湖歌舞幾時休。
暖風薰得遊人醉。
直把杭州作汴州。

Non lại tầng non lầu lại lầu,
Tây-hồ múa hát sớm đêm thâu;
Say trăng say gió người mê-mẩn,
Phong-cảnh Hàng-châu tưởng Biện-châu.

湖上初晴

水光潋灩晴方好。
山色空濛雨亦奇。
欲把西湖比西子。
淡粧濃抹總相宜。

Nước đương lúc tạnh trông càng biếc,
Núi gặp trời mưa sắc lại mầu;
Muốn sánh Tây-hồ với Tây-tử,
Vẻ nồng sắc đạm cũng ngang nhau.

入直

綠槐夾道集昏鴉。
敕使傳宣坐賜茶。
歸到玉堂清不寐。
月鉤初上紫薇花。

Con ác hôm về đậu gốc hoa,
Chực hầu nội-cấm sắc ban trà;
Cảm ơn trân-trọng về không ngủ,
Ngảnh mặt tường hoa nguyệt chửa tà

水亭

紙屏石枕竹方床。
手倦拋書午夢長。
睡起莞然成獨笑。
櫓聲漁笛在滄浪。

Có bình có gối có giường tre,
Quyển sách dở tay ngáy giấc hòe;
Thức dậy một mình cười với bóng,
Lẳng tai thuyền cá địch vo-ve.

觀書有感

半畝方塘一鑑開。
天光雲影共徘徊。
問渠那得清如許。
唯有源頭活水來。

Ao vuông nửa mẫu nước như gương,
Lộn bóng mây trời sắc vẻ-vang;
Hỏi nước ở đâu trong được thế,
Tự trên nguồn chảy xuống ao vuông.

竹樓

傲吏身閒笑五侯。
西江取竹起高樓。
南風不用蒲葵扇。
紗帽閒眠對水鷗。

Lại nhân coi rẻ chức công-hầu,
Lấy trúc Tây-giang để dựng lầu;
Cửa lọt gió nam không phải quạt,
Mũ the ngủ chống với chim âu.

答鍾弱翁

草鋪橫野六七里。
笛弄晚風三四聲。
歸來飽飯黃昏後。
不脫簑衣臥月明。

Cỏ mọc ngang đồng năm bảy dặm,
Địch tâu trước gió một vài bài;
Về đồng cơm chán ban chiều đoạn,
Hóng nguyệt nằm nguyên cả áo tơi.

CẢNH ĐỒNG

冬景

荷盡已無擎葉蓋。
菊殘猶有傲霜枝。
一年好景君須記。
最是橙黃橘綠時。

Sen tàn hết lá che mưa gió,
Cúc tạ còn cành dạn tuyết sương;
Cảnh đẹp năm trời ngươi nhớ lấy,
Đương khi quýt chín với chanh vàng.

題壁

一團茅草亂蓬蓬。
爲地燒天爲地空。
爭似滿爐煨榾柮
漫騰騰地煖烘烘。

Một đống cỏ tranh rối tứ tung,
Phút bằng bằng cháy phút như không;
Sao bằng cốt-đốt đầy lò chất,
Lâu cháy mà lâu vẫn chưa hồng.

*(Còn nữa)*

*Cử-nhân* PHẠM SĨ-VĨ *dịch*

---

## Tái-tiếu sầu-ngâm

Đàn xưa ai dứt dây đàn,
Đứt dây từ đấy chứa-chan mạch sầu!
Ngày xanh chi dở-dang nhau,
Tuổi xanh nghĩ buổi bạc đầu mà thương.
Vóc mai gầy-gò tuyết-sương,
Tám thu chiếc bách cành buồm bơ-vơ.
E-dè buổi gió chiều mưa,
Con côi, mẹ góa, dễ nhờ nương đâu?
Bước đi âu cũng thương nhau,
Dừng chân đứng lại cơ-mầu dở-dang.
Dây loan chắp-nối đoạn-tràng,
Ngâm câu «tái-tiếu» hai hàng lệ sa!
Dễ âu duyên mới ru mà,
Còn tình chăng nữa, cũng là lụy thôi!
Trăm năm danh-tiết lỡ rồi,
Dẫu thân chung-đỉnh, cũng đời bỏ đi.
Đào tơ sen ngó từ khi,
Ngây-thơ đôi lứa ngờ chi nỗi này.
Uyên-ương chia rẽ bấy nay,
Lạc bầy chắp cánh thẹn ngày giao-hoan.
Tình xưa lai-láng khôn hàn,
Bến xưa ngoảnh lại muôn vàn thương-tâm!

Thuyền ai nào khách ôm cầm,
Dây tơ dìu-dặt âm-thầm tiếng tơ.
Khúc thành lệ ứa như mưa,
Cảm xoang điệu cũ bao giờ cho thôi!
Thân này đôi dẫu đủ đôi,
Lòng này riêng vẫn lẻ-loi tấm lòng,
Theo duyên ân-ái đèo-bòng,
Trăm năm vẫn một khúc lòng bi-thương!
Trông về lối cũ Bình, Hương (1),
Sông sâu chín khúc đoạn-trường quặn đau!
Non cao thẳm-ngất non sầu,
Cảnh xưa ai vẽ nên mầu thê-lương,
Tình xưa càng nghĩ càng thương,
Biết bao khoảng vắng đêm trường khóc nhau!
Gối nghiêng tẩm-tã tuôn châu,
Màn hoa chăn gấm giọt sầu chứa chan.
Cửa hầu gửi ánh xuân tàn,
Chén vinh-hoa nhấp muôn vàn đắng cay.
Nỗi lòng chua xót ai hay,
Tấm thân bồ-liễu vò-gầy riêng thương.
Vì chàng tâm-sự dở-dương,
Vì con thôi mấy đoạn-trường cũng cam!
Nghĩ vui đuốc tuệ hoa đàm,
Cha già con dại dễ làm sao đây?
Chàng từ cưỡi hạc chơi mây,
Bụi hồng nào biết những ngày gió mưa.
Đau lòng thiếp nỗi sau xưa,
Cửa nhà non-nước như tơ rối-bời!
Lòng nào lòng tưởng vui cười,
Cũng thân nghiêng-ngửa với trời đa-đoan.
Nửa đời nếm hết tân-toan,
Khôn ngoan chi mấy, mà oan trái nhiều.
Nước non duyên nợ nghĩ liều,
Cầm như con trẻ chơi diều đã xong.
Nỗi riêng lệ ứa đôi dòng,
Trăm năm để một tấm lòng từ đây!

TƯƠNG-PHỐ

---

(1) Hương-giang, Ngự-bình, sông núi Huế.

## Nam-Anh tùng-vịnh
## 南英叢詠

Chung quanh vịnh đất nước nhà,
Ai tri-âm đó mặn-mà với ai.

### Tựa

*Hai chữ « Nam-anh » 南英, nguyên nghĩa là một vật văn-minh nhất, xinh-đẹp nhất ở trong khoảng trời Nam, cũng như chữ « Đông anh » 東英 của Nhật-bản tự tôn nước mình là một nước tinh anh ở phía đông châu Á-tế-á. Song cái mối tinh-thần của Hán-tự cũng huyền-vi u-ảo, một chữ hai ba nghĩa, một nghĩa hai ba từ. Vậy hai chữ « Nam-anh » đây lại có một nghĩa một từ riêng khác.*

*Nguyên xã Quần-anh 羣英社 tôi xưa là nơi hoang-nhưỡng ở vịnh bể, triều Lê 黎 hiệu Hồng-thuận 洪順 thứ ba (1509), có bốn ông : Trần 陳, Vũ 武, Hoàng 黃, Phạm 范, xuất tiền xuất lực, hết sức kinh-doanh, mộ dân bạt xú-vẹt làm thành ruộng, đắp cồn đống dựng nên nhà, năm năm tháng tháng ngày ngày, dần dần tổ-chức ra một hạt rất phong-phú, rất kiều-diễm. Sông gò rất là hữu-tình, cầu chợ rất là khang-trang, thần-từ phật-tự rất là nguy-nga tráng-lệ. Không những thế thôi đâu, nhân-dân quốc-thước mà phong-tục lại càng thuần-hậu.*

*Sau gặp phong-trào phân-liệt, một xã chia ba, « Quần-anh-thượng 羣英上, Quần-anh-hạ 羣英下, Quần-anh-trung 羣英中. » Phong-dao có câu : 1º Ninh-cường Cát-giả, ba xã Quần-anh... 2º Xứ nam Quần-anh, xứ Thanh Bồng-hải... 3º Xã Thượng lắm kẻ anh-hùng, xã Hạ lắm thóc, xã Trung lắm tiền...*

*Xem ba lời ở cửa miệng người ta thường nhắc luôn đó, cũng đủ chứng-nhận sự tiến-bộ của xã Quần-anh so-sánh với xã Ninh cường 寧彊 xã Cát-giả 葛莊, xã Bồng-hải 蓬海 cũng cùng chen chân đứng vào một phương-diện lắm kẻ anh-hùng và lắm tiền lắm thóc. Còn như câu :* Hồng thuận tam niên thử địa đầu, tứ gia bốc trúc chi kim lưu 洪順三年此地頭。四家卜築至今留 ; *đó lại là câu văn kỷ-niệm xã Quần-anh của bậc đại gia ông Nghè Ngô Dương-Đình 吳陽亭 soạn.*

*Năm quý-vị 癸未 (1883) chữ anh phải tị-húy miếu-hiệu vua Tự-đức, « Đực-anh ». Quần-anh mới đổi ra Quần-phương 羣芳 thuộc huyện Hải-hậu 海後 tỉnh Nam-định 南定. Thế thì hai chữ « Nam-anh » đây thủ nghĩa là « xã Quần-anh ở xứ Nam-định ».*

*Ôi ! dâu chìm bể nổi, cuộc tuần-hoàn phó mặc khuôn xanh. Cây nọ gò kia, mối quan-cảm chạnh vầy tấc dỏ. Bao nhiêu những di-tích của tổ-tiên ngoại bốn trăm năm về trước, nơi còn nơi mất, chỗ bớt chỗ thêm. Cái cảnh-tượng trong đám trò thiên-diễn xoay ra hàng ngày, ta đây đã mục-kích, đã nghe tới, đã đi tới. Gió mưa khiến-hứng, sương-tuyết gieo vần. Bất-giác cũng tự mình mà ghê-gớm cho mình, nực cười cho mình, vì cứ mơ-màng hoài-bão mãi cái tư-tưởng gàn-xuông, cái vấn-đề vơ-vẩn.*

*Nay tựa.*

### 1.— Tứ-tổ miếu
### 四祖廟

Một ông, hai ông, ba bốn ông,
Là ông khải-xã lúc tiên-phong ;
Xem ra sự-nghiệp còn bia đá,
Nghĩ kỹ huân-lao đáng tượng đồng;
Áo-mũ xênh-xang nền châu-chất,
Thuyền-bè giong-ruổi dấu non-sông;
À đây miếu lại ngôi đình mới,
Chúc-tụng năm năm lúc hội-đồng.

NGUYÊN-TÍCH.— Xã Quần-anh 羣英 trước là một nơi xú-vẹt ở vịnh bể, chiều muông bằng-lẳng, sóng nước mênh-mông, không biết có từ bao giờ, cũng không biết đến đâu là bờ là cõi.

Ôi ! ông tạo-vật kia đã bày ra cái quang-cảnh rực-rỡ ở đời, tất cũng phải sinh ra một

tay kiều-sở, để đứng mũi chịu sào, thay quyền bá-dẫn,

Đất này tới hồi thế-kỷ thứ 15, là năm thứ 3 hiệu Hồng-thuận triều Hậu-Lê, có quan Đinh-điền sứ Trần Công-Vu 營田使陳公廡 biệt-hiệu là Phúc-đức 福德 cùng với quan Đại-tướng-quân Vũ-công Chính-tâm 大將軍武公正心 và Hoàng-công Ngô-Phúc 黃公遇福, Phạm-công Kim-cập, 范公金及 ở xã Tương-đông 鏹東 (nay thuộc huyện Thư-trì Thái-bình) tới nơi khai-thác, mới phân ra điền-thổ khu-vực.

Ngày tháng thoi đưa, bể dâu mấy chuyển, kể từ đời Hậu-Lê tới nay tuy chưa mấy chốc, thế mà bốn ông đó đã nghiễm-nhiên thành ra vị tị-tổ xa xa. Kể con cháu cũng đã tới mười lăm, mười sáu đời, kể xuân-thu cũng đã trải ngoại bốn trăm năm.

Đền thờ bốn ông gọi là đền « Khải-xã » 啓社祠 nguyên lập đã lâu. Song là phần riêng của xã Quần-phương Trung 羣芳中.

Năm bính-dần 丙寅 hiệu vua Bảo-đại nguyên-niên 保大元年 (1926) quan Trí-phủ trí-sĩ Vũ Tiên-Đan 知府致仕武仙丹 húy Luyện 煉, quan Đề-đốc Nguyễn Công-Đại 提督阮公玳, Trí-huyện Nguyễn Công-Đỉnh 知縣阮公瑋 ở xã Quần-phương-thượng 羣芳上 cùng với ông Bắc-kỳ nghị-viên 北圻議員 ở xã Quần-phương-đông 羣芳東 là Trần Công-Hoàn 陳公完 (xã Đông mới phân ở xã Thượng ra, nhưng thần-từ phật-tự vẫn còn thờ chung, dân vẫn hỗn-cư, điền vẫn hỗn-canh) cùng nhau hiệp-lực sửa lại ngôi đình, và làm thêm một tòa chính-tâm để hợp-hưởng bốn ông. Trong đó có ba chữ đại-tự « Quần-tính xã, 羣姓社 » và rất nhiều câu đối. Song có câu vắn nhất viết rằng : « Tổ-tôn cơ-sở Quần-anh địa ; Văn-vũ y-quan nhị-xã đình 祖宗基礎羣英地 文武衣冠二社亭 » Đại-ý bảo là ; ông cha gây mảnh nước non này, đem đối với ; con cháu gồm tài văn vũ đó. Xem kỹ lời văn thì như có ngụ ý khoe-khoang, nhưng khoe-khoang mà thiết-thực, có lòng trung-hậu, có vẻ dịu-dàng. Tuy gặp ngày nay, vẫn hoài công cũ. Vậy bài thơ này chuyết-giả cũng xin cảm-phục cái mục-đích đó.

## 2.—Chùa Phúc-lâm

福林寺

Tay lần tràng-hạt miệng na-mô,
Cảnh Phúc-lâm đây trót hẹn-hò ;
Kệ mở dăm tờ sư lúi-húi,
Sen xòe chín cánh phật lô-nhô ;
Giường thuyền cơn tỉnh om lần mõ,
Bóng tuệ canh khuya gợn nước hồ;
Duy nguyện trời Tây như có thấu,
Bể trần tế-độ chúng-sinh cho.

NGUYÊN-TÍCH.— Chùa Phúc-lâm nay về xã Quần-phương-thượng, làm từ thế-kỷ thứ 15, chùa ở trên đám đất như bức tranh vẽ, trông rất ngoạn-mục ; tục truyền nơi đó là đầu con rồng, hai bên có hai cái giếng trông gọi là mắt rồng, đằng sau có một giếng nữa gọi là rốn rồng, phía trước lại có một cái hồ rất sâu và rất rộng, gọi là hàm rồng.

Chùa rộng bao-la ước hai ba mẫu, bốn mặt mặt nào cũng có sông quanh bọc cả. Nào hành-lang, nào chính-tâm, nào tiền-đường, nào nội-các, công cả mười một nóc, kể gian thì có tới ngoài trăm. Trong thờ tượng đồng tượng gỗ tượng đất, Hằng-hà sa số Phật, so với chùa Thiên-trù ở Hà-đông lại có phần diễm-lệ hơn.

Có tháp đá có am mây,
Trúc beo mõ sớm, mai gầy chuông trưa

Chùa vẫn giám-sát bộ sư-tăng ở, song tục xã những bọn cần-quắc trong cảnh phiền-duyệt lại thường rủ nhau kết thành một cái xã-hội nho nhỏ, gọi là hội Thái-lão 太老會, mỗi tháng cứ tối 14 và tối 30, nếu tháng thiếu thì tối 29, hương-hoa ri-rầm, khăn áo bảnh-bao, cùng tới cửa thuyền để tụng kinh niệm phật.

Chủ-nghĩa hội đó là dâng một mảnh kiền-thành để khấn-khứa Phật-tổ chứng minh ban cho phúc đẳng hà-sa, mai sau được về nơi cực-lạc. Chứ không dám bi như bọn nữ-lưu ở bên Âu bên Mĩ có cái óc trong sạch siêu-tuyệt.

## 3 — Chùa Phúc-sơn

福山寺

Bốn mặt đồng không cảnh vắng teo,
Rừng thuyền hiu-hắt gió đưa vèo ;
Mảnh gương chính-giác rồng bay lộn,

Ngọn đuốc Như-lai lửa cháy xèo:
Tiếng kệ câu kinh sư trống mõ,
Lưng hồ chiếc áo tiều trâu heo;
Ai tu tu kỹ cho thành phật,
Non phúc xây cao chớ quản trèo.

NGUYÊN-TÍCH. — Xã Quần-phương-Trung có chùa Phúc-sơn cũng rất rộng-rãi tráng-lệ, nhưng đem gộp với chùa Phúc-lâm mà bình-phẩm thì lại có phần kém, vì là ở giữa cánh đồng, dân làng vắng-lặng. Chỉ ngày hội ngày chay mới có khách tới, ngoại-giả không ai vãng-cảnh bao giờ. Cho nên tục gọi là Chùa Tĩnh 靜寺. Cũng có người cho chùa này nguyên trước là một nhà tĩnh thờ vị Thái-thượng Lão-quân 太上老君 của cảnh Phù-thủy 符水派. Sau đến năm 1803 là năm vua Gia-long thứ 3 嘉隆三年 năm giáp-tí, 甲子 Quần-phương-Trung đã phân ở Quần-phương-Thượng ra, nhân tiện chỗ nhà tĩnh ấy làm nên chùa, tiếng chùa Tĩnh phát-nguyên tự đó.

Sư cụ chùa bây giờ hiệu là Quang-dụng 光用, hạnh-kiểm giữ-giàng, cử-chỉ khiêm-tốn, thầy trò ngoại việc kinh sách lại hay lưu-ý về việc nông-phố, trong chùa bao giờ cũng nuôi canh-điền hai ba người, trâu lợn giàm bảy con. Về vụ tháng năm tháng mười ngắm cái phong-cảnh không-môn lại khác hẳn ra một nhà phú-hộ.

## 4. — Chùa Quỳnh-lâm

### 瓊林寺

Qua chợ Đông-cường xế lại may,
Nóc chùa Phương-hạ đích là đây;
Mở dòng tĩnh-thủy sông bên quắc,
Hướng bãi thành-điền lúa trước bay;
Phật nhiễm hơi đồng khuổn tượng [béo.
Sư ôm phận gái vẻ hoa gầy;
Ngất trời vãng-vẳng lầu chuông đó,
Khuya sớm khua dồn giấc tỉnh say.

NGUYÊN-TÍCH. — Chùa Quỳnh-lâm này ở xã Quần-phương-Hạ, chứ không phải chùa Quỳnh-lâm có tiếng tượng lớn, thuộc về một phần tư An-Nam tứ-khí. 安南四器。 Chùa làm đã cổ, trước chùa Phúc-sơn mà sau chùa Phúc-lâm, cũng từ thời phân-thôn hiệt-xã dựng ra. Bên chùa có con sông chạy thẳng nam-bắc, phía tay tả thì chợ Đông-cường 東彊市 và dân-làng ở. Còn như phía tay hữu và phía trước mặt sau lưng, thì lúa mạ tuyệt vời, bờ xôi ruộng mật.

Song có một điều đáng tiếc, vì là chùa to cảnh rộng, nếu có giàm bảy người lực-điền sửa-sang quanh năm cũng chưa chắc đã rồi việc. Thế mà trơ-trọi ngày này tháng khác chỉ có một vài người sư nữ ở. Nâu-sồng gói nhẹ, bồ liễu tái non, lấy đâu mà « độ tận chúng sinh », lấy đâu mà « bể trầm-luân lấp cho đầy mới thôi. »

Chùa có gác chuông cao vót, chầy kinh lơ-lửng, rốn nguyệt lâm-ly. Cứ mỗi ngày hằng nện ba khóa, khóa sớm khóa ngọ và khóa lâm-thuy. Trên mặt gác chuông có ba chữ đại tự « Kinh đại mộng 驚大夢 » nghĩa là nghe thấy tiếng chuông, ai nấy đều tỉnh sự trong khi mơ ngủ. Chữ đó nguyên gốc của ông Lý Thái-Bạch 李太白 đời Đường 唐 làm bài minh cái chuông ở chùa Hóa-thành 化城寺大鐘銘 có câu: « Phật dĩ hồng-chung kinh đại-mộng 佛以洪鐘驚大夢. »

## 5. — Tống-hậu miếu

### 宋后廟

Một dòng sông trước ruộng hai bên,
Nắng sớm mưa hôm trọi nóc đền;
Vẻ ngọc thỏ vờn gương Đại-Tống,
Tiếng chì chim mỉa khúc Cửu-Nguyên;
Qua cầu Chính-ngự hồ sen ngát,
Hỏi đất Cô-nhai núi đá buồn;
Nhắn-nhủ ông từ thôi nhớ nhé,
Năm năm hương lửa lúc thần-hôn.

NGUYÊN-TÍCH. — Đức Tống-hậu sinh vào thế-kỷ thứ 12, là mẹ vua Đế-Bính 帝昺 triều Tống 宋 bên Tàu. Năm 1277 quân Nguyên-Đát 元韃 ở Mông-cổ 蒙古 kéo vào bức ngôi tôn. Quan Thừa-tướng Lục Tú-Phu 丞相陸秀夫, Tướng-quân Trương Thế-Kiệt 將軍張世傑 đưa Hậu và vua tới núi Nhai-sơn 崖山 để ẩn núp.

Ở Nhai-sơn không được mấy bữa, chúa Nguyên-Đát nhân lúc lưu-lạc sai Trương-Hoằng 張弘 theo gót lừa đánh. Ông Lục Tú-

Phu cùng vua theo đường bể chạy. Thế là cơ-nghiệp Biện 汴 Quảng 廣 Mân 閩 Hàng 杭 ngang trời dọc bể hơn ba trăm năm tới nay là liễu-cục.

Khi đó bảng-lảng hồn quyên, mơ-màng gối điệp, nào cố-quốc, nào tha-hương, đường kia lối nọ ngổn-ngang bời-bời, còn biết đâu là còn là mất, là vua là tôi. Đoạn rồi ông Trương Thế-Kiệt cùng Hậu cỡi con thuyền vượt bể, toan xuôi gió sang Nam, đi tới nửa chừng chợt bắt được tin vua và quan Thừa-tướng đã ngự ở dưới Long-cung, bèn cùng nhau khóc lóc, rồi đều tự-tận. Thật là : «Thủa trời đất nổi cơn gió bụi, khách mà hồng nhiều nỗi truân-chiên.»

Sau vài mươi năm vua Trần Anh-tôn 陳英宗 nước ta đi đánh Chiêm-thành 占城 đem đại-quân chủ-tất ở cửa Cần 芹海 nay gọi cửa Càn 乾海 thuộc về Thanh-hoa 清化. Đêm đó mộng có vị nữ-thần lại trước kể rằng : «Thiếp tôi là người Triệu-Tống, đấng Ngọc-hoàng Thượng-đế sắc cho làm hải-thần đã lâu, nay bệ-hạ có việc binh, nguyện xin giúp sức.» Vua ngủ tỉnh giấc, làm lễ bái-yết, rồi vượt bể sang Chiêm, Lúc khải-hoàn mới dựng đền thờ.

Đến triều Lê Thánh-tôn 黎聖宗 sắc gọi là «Quốc-mẫu vương-bà» 國母王婆. Bản-triều vua Gia-long 嘉隆 tôn phong là «Thượng-đẳng thần, coi mười hai cửa bể 十二海門上等神.» Bởi thế các miền duyên-hải đâu nào cũng thờ. Đền ở Quần-phương này làm từ hồi thế-kỷ thứ 18, gọi là Đền-Bóng 影祠, cũng có người gọi là đền Chánh 正祠. Đống-vũ lăng-tăng, đình-từ sáng-khải, trước mặt có hồ sen, giữa hồ có cầu, ngoài có con sông Trẻ 滯江 chạy ngang đông tây, còn thì ruộng nương bọc cả chung-quanh, cỏ cây sầm uất, chim muông véo vót, ai nấy qua lại cũng phải rùng mình sởn gáy, khởi kinh khởi bái. Bây giờ Quần-phương-Thượng Quần-phương-Đông phụng sự.

## 6.— Trần-vương-từ

### 陳王祠

Cửa thánh bầu tiên bụng ước ao,
Có qua nơi đó rủ nhau vào ;
Vang lừng cõi Việt tờ thư hịch,
Khêu lộn đầu Nguyên lưỡi kiếm trao;
Chuông trống râm-ran hồn cố-quốc,
Khói hương nghi-ngút vị tân-trào;
Ai ơi ngẫm lại bầu non nước,
Cái vẻ xinh xưa nó thế nào?

NGUYÊN-TÍCH.— Đức Trần-vương là người tôn-thất triều Trần, tức là đức Hưng-đạo đại-vương 興道大王, vì ngài là bậc đại-trung đại-hiếu đại-anh-hùng ở nước ta, cho nên thiên-hạ nghìn muôn đời vẫn sùng-bái úy-phục, không dám nhắc danh-hiệu ngài ra mà gọi thõa bao giờ. Song sự-nghiệp cũng đã bia đá đã tượng đồng, đã chói-lọi trong các sử các truyện, đây không phải nhắc lại nữa.

Đền đây tục gọi là đền Âm-hồn 陰魂 không biết thủ-nghĩa là sao. Nhưng có một điều khá chắc, về phía may cách sau đền một con sông nhỏ có đám nghĩa-trủng an-táng những mộ vô-thừa-nhận. Trong đền hai dẫy hành-lang bày đến non trăm bát hương, trên có cái bài-vị sơn đỏ viết các tên họ. Thí-dụ như : Trần, Vũ, Hoàng, Phạm, Nguyễn, Đặng, vân-vân. Xem đó thì có lẽ đền này trên thờ thánh, dưới hợp-tự cả các vong hồn «những mồ vô-chủ ai mà viếng thăm» đó. Cho nên mới gọi là Âm-hồn.

*(Còn nữa)*

NHÂN-VÂN-ĐÌNH

# THỜI-ĐÀM

## Việc thế-giới

**Sự-nghiệp duy-tân của nước Ai-cập.** — Trên trường quốc-tế, nước Ai-cập (*Egypte*) là nước mới được độc-lập sau cùng hết, mới thoát được ra ngoài vòng lao-lung đã bị gian-hãm trong mấy thế-kỷ, làm cho chủ-quyền không phát-siển ra được, bốn trăm năm bị ngăn-trở về kinh-tế, chính-trị, xã-hội, không tuần-tự tiến-hoá lên được. Bây giờ đã đến hồi vận-hội thay đổi, bĩ cực thái lai, đương qua một cuộc cải-cách sâu-xa về khắp các phương-diện vật-chất tinh-thần.

Sự-nghiệp duy-tân nước Ai-cập kể cũng là một công-cuộc vĩ-đại trong lịch-sử, có lẽ chỉ có sự-nghiệp duy-tân nước Thổ-nhĩ-kỳ (*Turquie*) là sánh được mà thôi. Và đối với Âu-châu không phải là không có quan-hệ.

Nước Ai-cập ở vào giữa chỗ gặp nhau của các đường hàng-hải lớn miền Cận-Đông; lại là một nơi thị-trường lớn trong thế-giới, không những các cường-quốc ở miền Địa-trung-hải có thuộc-địa to ở đấy, mà đến cả các nước Tây-Âu Bắc-Mĩ cũng đến tranh-đánh buôn-bán; sau nữa lại là nơi trung-tâm chính-trị của đạo Hồi, rất có quan-hệ cho những nước như nước Pháp nước Anh, có nhiều thuộc-địa theo đạo Hồi. Ở *Le Caire* là kinh-đô Ai-cập tự xưa đến giờ vẫn có một trường Đại-học đạo Hồi, là trường *Et-Azhar*, xưa các nghĩa-lý về tôn-giáo là phát-minh tự đấy mà nay những học-thuyết mới vừa châm-chước theo tư-tưởng đời nay, vừa căn-cứ ở kinh Cô-lan (*Coran*), là nguồn gốc của pháp-luật, chính-trị, xã-hội các dân Hồi-giáo, cũng tuyên-truyền tự đấy mà đi.

Ở các dân-tộc đạo Hồi, phàm cổ-điển cùng tập-tục vẫn có sức mạnh lắm, chỉ canh-cải tiến-hoá thường không địch nổi; bởi thế nên trong trường Đại-học *Et-Azhar* mãi đến gần đây mới đặt được một hội-đồng các giáo-sĩ đạo Hồi để bàn xem có nên dạy thêm mấy khoa-học mới để châm-chước với sự yếu-cần ngày nay mà không trái với các giáo-lý trong kinh Cô-lan.

Sự cải-cách đó đáng lẽ mấy năm trước thì không thể sao làm được, vì đạo Hồi vốn là một tôn-giáo rất nghiêm, không ai dám đả-động đến; vậy mà nay đã thay-đổi được như thế, đó cũng là cái triệu-chứng rằng cái phong-trào tiến-thủ ngày nay đã mạnh lắm. Phong-trào này còn lan ra khắp các phương-diện khác nữa.

Hết thảy các chế-độ trong nước đều thay đổi hết. Về các phương-diện tinh-thần, xã-hội, chính-trị, kinh-tế đều có cái vẻ tấn-tới thịnh-vượng cả.

Các hiệu-quả tốt của văn-minh phong-tục Thái-Tây, trước còn mới xuất-hiện ra ở nơi thành-thị lớn, có người ngoại-quốc ở nhiều, nay dần dần lan ra cả các nơi nhà quê, thay đổi cả cách sinh-hoạt của hạng *fellah* là hạng nông-dân Ai-cập, mà tức là cái nguyên-lực phong-phú của nước ấy.

Ở nhà quê ngày nay đã có nơi mua máy cày của Âu-Mĩ để thay cho cái cày cổ vẫn dùng xưa nay; tát nước cũng thấy dùng cái máy động-cơ hay cái ống thụt máy để thay cho cái gầu tát xưa gọi là *sakich* hay *chadouf* coi cũng lạ, nhưng tự thượng-cổ truyền lại; sự tiến-bộ đó tuy châm nhưng đã có kiến-hiệu.

Nước Ai-cập ngày nay được một vị quốc-vương vừa biết bảo-tồn mà lại vừa biết tiến-thủ, được một vị thủ-tướng đương trai-trẻ mà có nghị-lực, quyết một lòng đưa quốc-gia vào đường tiến-bộ, nên trong khoảng mấy tháng gần đây đã thực-hành được mấy việc cải-cách rất bạo, thật là có ích-lợi về đường kinh-tế xã-hội.

Nói về phương-diện nội-trị thì cả cách cai trị cũ thay đổi hết. Dùng cái chính-sách địa-phương phân-quyền, các tỉnh đặt quan tổng-đốc mới (tiếng Ai-cập là *moudir*), cho rộng quyền hành-động. Chọn những người trai-trẻ hoạt-bát, trung-thành với Chính-phủ, để sửa lại những chỗ khuyết-điểm của quan-trường cũ, xưa kia đã làm cho quan-trường giảm mất giá-trị đi nhiều. Chú-ý nhất về việc trị-an, khiến cho các miền nhà quê được khỏi trộm cướp như xưa.

Nhưng Chính-phủ cốt chăm cải-cách về kinh-tế xã-hội hơn nhất.

Ai-cập là một xứ lấy nông-nghiệp làm gốc, nên cố tìm phương-pháp để một là tăng số sinh-sản thóc lúa, hai là tăng diện-tích ruộng đất.

Chính-phủ bèn ký ước với nước Anh để định cách phân-phát nước sông *Nil*, rồi trù-tính xây cao cái đập đá ngang sông ở *Assouan*, và xây một khu chứa nước ở *Djebel-Aulia*. Các nhà kỹ-sư đã nghiên-cứu xong, các khoản kinh-phí cũng đã trù-liệu cả, Chính-phủ định nay mai khởi-công, thật là hai cái công-trình vĩ-đại. Tính ra phải hơn 20 triệu bạc Ai-cập, nhưng bao giờ thành-công thì có dư nước tưới ruộng, lại khai-khẩn được nhiều ruộng đất bỏ hoang nữa, lợi cho nông-nghiệp không biết bao nhiêu mà kể.

Về phương-diện xã-hội cũng cải-cách được nhiều điều có ích: nào là chia công-điền công-thổ cho các dân tiểu-nông để lấy ruộng đất mà làm ăn nào là làm những trại cho các dân lao-động ở, khỏi phải chui-giúc trong những nhà cửa chật hẹp dễ sinh ra bệnh-tật dịch-tệ; nào là đặt máy nước cho dân các tỉnh, hiện nay đến 3 phần 4 không đủ nước dùng, được có nước lành mà ăn uống; nào là lấp các hồ ao kề hàng mấy nghìn nơi, xưa nay vẫn là tổ muỗi truyền các bệnh-tật; nào là dựng một lúc một trăm năm-mươi cái nhà thương ở các nơi nhà quê, mấy tháng nữa thì khánh-thành.

Xem ra tòa Nội-các cầm quyền hiện nay chú-ý nhất về các phương-pháp làm cho cách sinh-hoạt bọn công-nhân được mỗi ngày một tăng-tiến lên. Cái tình-hình chính-trị nước Ai-cập mới được trong khoảng một năm nay là yên-ổn, không có lắm sự biến-động như mấy năm trước; vậy mà đã làm được biết bao nhiêu công-việc ích-lợi cho dân.

Ngoài các sự cải-cách về xã-hội kinh-tế đó, còn sự mở-mang việc học nữa, bắt đầu từ sau cuộc Âu-chiến, đến chính-phủ hiện nay thì lại càng tấn tới lắm.

Người bình-dân Ai-cập trước kia không có học-hành gì cả, nên bậc tiểu-học là cần nhất. Vậy trước lập trường ở các tỉnh-thành, sau về đến cả các nhà quê.

Ngày xưa chỉ có ít nhiều trường sơ-học gọi là *Kouttab* do các thầy tu dạy con trẻ về sách đạo mà thôi; nay đều đặt trường tiểu-học theo kiểu Thái-Tây cả. Lại tuyên-bố cái chủ-nghĩa cưỡng-bách-giáo-dục, để thực-hành dần. Trước đã có 1.400 trường, năm 1929 thêm được 240 trường nữa.

Bậc trung-học cũng phát-đạt lắm: các tỉnh-lị lớn (*moudirich*) đều có đặt « ly-xê », số học-trò mỗi năm một nhiều, sự học-hành cũng thấy tấn-tới.

Cao hơn nhất thì có trường Đại-học ở kinh-đô *Le Caire* mới lập, nay đã thành qui-củ : năm 1929 học-sinh mới thi tốt-nghiệp lần đầu, phát bằng cũng ngang bằng trình-độ bằng cử-nhân của các trường Đại-học nước Pháp.

Ấy sự-nghiệp duy-tân của nước Ai-cập, mới chỉ trong khoảng mấy năm mà đã làm được như thế. Mà đó là công của Chính-phủ Ai-cập độc-lập, của vua, quan, dân Ai-cập đồng tâm hiệp-lực với nhau mà làm nên, chứ không phải nhờ đến nước ngoài vậy. Xem đó thì có thể đoán được cái tiền-đồ nước Tân-Ai-cập sẽ rực-rỡ biết đường nào.

. . .

**Nội-các nước Pháp.** — Có trong khoảng mấy ngày (cuối tháng 2 đầu tháng 3), Nội-các Pháp đổ hai lần. Nội-các TARDIEU bị đổ, vì đảng cấp-tiến phản-đối. Theo lệ thường quan Giám-quốc vời lãnh-tụ đảng ấy là ông CHAUTEMPS để lập Nội-các mới. Nhưng Nội-các CHAUTEMPS khi ra tuyên-bố chính-sách ở Nghị-viện, không được đa-số tán-thành, lại đổ nốt. Ai cũng cho là tình-trạng như thế, chỉ có ông POINCARÉ ra là giải-quyết được mà thôi ; nhưng ông cáo-bệnh không nhận. Quan Giám-quốc lại phải vời đến ông TARDIEU lần nữa. Ông TARDIEU nhận, cũng muốn châm-chước với đảng cấp-tiến (đảng này được chừng hơn một trăm người ở Nghị-viện), để cho vững-vàng hơn, nhưng đảng cấp-tiến không chịu, ông đành phải lập Nội-các mới thiên về bên hữu. Khi ra tuyên-bố chính-kiến ở Nghị-viện thì bỏ vé được quá nửa phần nghị-viên chừng 50 vé, nghĩa là chỉ hơn các đảng phản-đối ngần ấy vé mà thôi. Như thế thì cũng không lấy gì làm chắc lắm. Trong Nội-các TARDIEU mới, Bộ Thuộc-địa vẫn tổng-trưởng là ông PIÉTRI và thứ-trưởng là ông ALCIDE DELMONT.

. . .

**Thời-cục nước Tàu.**— *Trong mấy tháng gần đây cái phong-trào « phản Tưởng » nổi lên tứ-tung ở nước Tàu, ai cũng nguy cho Tưởng ; thế mà Tưởng Giới-Thạch quyết dụng vũ lực ra trấn-áp, thì quả-nhiên quân Tây-bắc lùi, phái Quảng-tây chạy, Trương Phát-Khuê bại, Đường Sinh-Trí hàng, cái cuộc nội-biến ở nước Tàu đã hồi yên-tĩnh, ai cũng nghĩ rằng thế-lực Tưởng lại vững-vàng. Không ngờ ngày nay cánh quân Tây-bắc lại chực hoạt-động, Diêm với Tưởng lại muốn phân-tranh, cái địa-vị Tưởng cũng chưa chắc đã vững. Tưởng Giới-Thạch có phát-biểu một bài tuyên-cáo quân-nhân, đại-ý nói rằng : « Nếu kẻ nào cát-cứ xưng binh, hiếp-đảo Chính-phủ trung-ương, chuyên đổi pháp-lệnh, phá-hoại kỷ-luật, thực là nội-loạn, chứ không phải là nội-chiến, nội-loạn không dẹp yên, thì không bao giờ thống-nhất được. Chính-phủ trung-ương đang lúc cuộc nội-loạn sắp khởi mà chưa phát, tất phải đem hết nhiệt-thành, cố khuyên bảo cho phải thôi, vì mong kẻ làm loạn biết hối tội thôi việc làm loạn đi, để duy-trì thống-nhất hòa-bình, nếu khi việc loạn đã phát mà không thể ngăn thôi được, thì Chính-phủ trung-ương theo cái chủ-nghĩa cách-mệnh cứu-quốc, chỉ có cách là phải dùng võ lực mà dẹp yên việc biến-loạn vậy. »*

*Có tin ở Thái-nguyên rằng Diêm Tích-Sơn có chất-vấn Tưởng Giới Thạch hai việc sau này : 1°) Cớ gì lại họp đại-quân ở đường Tân phố ; 2°) Sao lại phản-đối việc triệu-tập cuộc quốc-dân hội-nghị.*

*Diêm Tích-Sơn có gửi một bức điện cho Tưởng Giới-Thạch, giục cùng mình cùng từ chức, đoạn cuối có nói rằng : « Lấy lẽ-nhượng trị nước, bỏ điều ấy không còn biết theo điều gì. Tích-Sơn xin theo ngài cùng giao trả trách-nhiệm,*

*việc đảng do đảng-viên quyết, làm cái đảng có chính-đốn ; việc nước do quốc-dân quyết, làm cái nước có chính-đốn. Tích-Sơn đã rõ việc võ-lực thống-nhất không những khó thành-công, và không nên dùng ở dưới cái nước theo lối đảng-trị dân-chủ. »*

*Sau khi Tưởng nhận được bức điện đã lập-tức trả lời, có nói việc cách-mệnh là nghĩa-vụ chứ không phải là quyền-lợi, đã là nghĩa-vụ thì không có nói lễ-nhượng được*

*Tưởng Giới-Thạch có nói chuyện với các viên ký-giả các báo rằng : « Ta đây vì đảng vì nước, quyết không thể vội bỏ mà về được, ta quyết dùng hết sức dẹp yên hết thảy bọn phản cách-mệnh ở trong nước rồi mới thôi. »*

*Diêm lại điện cho Tưởng rằng : « Tôi bày tỏ về lẽ dẹp loạn không bằng chỉ-loạn, tất cần phải chỉ-loạn, thì dẹp loạn mới có kết-quả, nếu không chỉ-loạn mà chỉ một mực dẹp loạn thì việc loạn không bao giờ dẹp yên được, đó là điều sở-kiến của tôi như thế. Cuộc toàn-thể đại-hội là cái cơ-quan rất cao của đảng-quốc, không nên để cho người có cớ mà nói được, nếu có chỗ nào để cho người lấy cớ mà nói được, thì nên nghĩ cách mà trừ bỏ đi, chỉ-loạn có phương thì dẹp loạn mới có kết-quả. Còn như việc biên-khiển vẫn là việc khẩn-cấp ngày nay, nhưng đảng Quốc lấy đảng làm chủ-thể, cái võ-lực trung-tâm của cá-nhân, là cái chướng-ngại cho đảng Quốc, đều nên giao trả cho đảng, lại thực-hành việc biên-khiển. »*

*Tưởng lại gửi cho Diêm một bức điện-văn, đại-ý nói rằng : « Theo như bức điện tôi gửi trước có bày tỏ hai điều cốt-yếu : Một là xin đại-huynh tự bỏ cái nghị lấy thuyết lễ nhượng mà từ chức, hai là xin đại-huynh thực-hành cái ước bảo Phùng Ngọc-Tường xuất-dương, thực-hành việc biên-khiển. Nếu đại-huynh quả-quyết thực-hành thì lập-tức giải được lòng ngờ của mọi người. Vậy mà điện đại-huynh gửi đến, không đáp lại ra sao cả, vẫn cứ cái lý-luận như trước, mà trách tôi lấy những điều khó thể làm được, thực đáng nên phàn-nàn. Trung-Chính này chỉ biết có đảng Quốc, không biết có cá-nhân, cái võ-lực của bản-đảng ngày nay, là do Tổng-lý khó-nhọc gây dựng giao lại cho chúng ta, để cầu cuộc cách-mệnh cho thành-công vậy. Trung-Chính chịu lời phó-thác của Tổng-lý, lập ra đảng Quốc, lại vâng mệnh-lệnh đảng Quốc nhận chức quốc-dân cách-mệnh-quân tổng-tư-lệnh và chức hải-lục không-quân tổng-tư-lệnh, không phải dám lấy võ-lực cá-nhân làm trung-tâm, chịu một số ít bọn quân-phiệt phản-loạn tôn đội lên, mà làm những sự trái phạm đảng-kỷ, phản-kháng cách-mệnh, hại nước khổ dân, tranh quyền cướp lợi đâu.*

*« Lại như Trung-Chính này hoặc có làm trái đảng-kỷ, làm rối việc nước, xướng ra cái thuyết sai lầm là « Người đảng trị đảng, người nước trị nước », đặt riêng ra việc khu-mật, phủ nguyên-súy để giải-quyết việc nước, thì cũng không sao tránh khỏi sự trách-bị của những lời thanh-nghị. Nay Trung-Chính chỉ biết phục-tòng mệnh-lệnh của đảng Quốc, chấp-hành chức-quyền của đảng Quốc, quét trừ quân bạn-nghịch, sao lại bảo là cái võ-lực trung-tâm của cá-nhân. Đại-huynh đối với cái lịch-sử cách-mệnh của bản-đảng, hoặc còn chưa rõ hẳn, cho nên lấy cái hư-danh lễ-nhượng bảo Trung-Chính từ chức, có biết đâu là cái thuyết ấy nếu thực-hành, không khác gì vì phái phản-động giải-trừ võ-trang, ngăn-trở cuộc cách-mệnh của bản-đảng, vì vậy nên tôi không theo lời được. Hay là nói Tổng-lý ngày xưa từng nhường ngôi cho Viên Thế-Khải để cho chóng xong cuộc Nam-*

bắc thông-nhất, trộm nghĩ khéo học Tổng-lý, nên học cái tinh - thần cách-mệnh, chớ nên nói cái thuyết lễ-nhượng là cái thuyết không có thiết-thực, để lại một cái lo lớn cho đảng-quốc, đó mới là chân-lý. Không thì cách-mệnh và lễ-nhượng thực đối khó dung nhau. Văn điện đi lại, chẳng có bổ-ích gì, chỉ hại cho nhân-dân, tôi rất lấy làm lo nghĩ không yên vậy ».

Gần đây Diêm Tích-Sơn có tuyên-ngôn rằng các tướng ở Sơn tây đã nài Tưởng Giới-Thạch từ chức, vì quốc-dân-đảng thành - lập trong cuộc hội-nghị thứ ba không đủ. Cái chính-thể ngày nay, dùng võ-lực mà đạt, là trái với cái tôn - chỉ quốc-dân-đảng, và khiến cho không thể cai - trị được. Muốn bổ-cứu cái tình-thế bây giờ, chỉ có một cách là đánh đổ đoàn của Tưởng Giới-Thạch mà thôi.

Xem thế thì miền nam và miền bắc không khỏi có sự chiến-tranh. Sơn-tây có 90.000 quân, quốc - dân - quân có 200.000 quân, các tướng đồng-minh có 110.000, thế là phía bắc cộng có 400.000 quân.

Nghe đâu đội tiên-phong của quốc-dân-đảng đã được lệnh tiến-hành.

Có tin ở Bắc-bình rằng 50 sư-đoàn quân Sơn-tây (quân Diêm) đã đến đóng ở đường Bình-Hán. Quân Tây-bắc (quân Phùng) đã họp cả ở đường Lũng-hải.

Diêm Tích - Sơn và Phùng Ngọc-Tường sắp tới Bắc-bình, và Uông Tinh-Vệ là lĩnh-tụ tả-đảng của Quốc-dân-đảng cũng sắp đến nơi.

Các đạo quân của bọn tướng - lĩnh quân Phùng là Lộc Chung-Lân, Tống Triết-Nguyên, Thạch Kính-Đình, Tôn Lương - Thành đều bắt đầu ra sức hành động, có điện cho Diêm Tích-Sơn tỏ ý kiến - quyết, đại - ý nói Tưởng không quên cái mê-mộng võ-lực thống-nhất, khoáng - trương quân - đội của mình, tảo-trừ những kẻ khác mình, vì muốn đạt tới cái mục-đích chân-chính hòa-bình, đã họp cả quân-đội, đợi lệnh Diêm, Phùng sẽ tiến-hành.

Diêm Tích-Sơn đã cùng các tướng-lĩnh phía bắc và phía Phùng tất cả là 45 người thông điện đi các nơi, rõ-ràng tỏ ý không nhận Chính-phủ Nam-kinh. Trong bức thông-điện ấy không có tên Trương Học-Lương, vì trước khi phát-biểu, Diêm có điện mời Trương ký tên, nhưng Trương cự-tuyệt.

Uông Tinh-Vệ và Hứa Sùng-Trí có điện cho Diêm xin dự tên vào bức thông-điện ấy.

Có tin ở Bắc-bình rằng Diêm Tích-Sơn định triệu-tập các ủy-viên chấp-giám cũ trong kỳ thứ nhất thứ hai và thứ ba sẽ khai-hội ở Bắc-bình. Diêm nói đã có 51 người trả lời tán-thành việc ấy. Những ủy-viên chấp-giám cũ ấy phần nhiều là bị Chính-phủ trung-ương hiện-thời cách xóa tên trong sổ đảng hay là hạ lệnh bắt, cho nên Diêm triệu-tập để phản-kháng Chính - phủ trung-ương vậy.

Diêm Tích-Sơn đã phái đại-biểu đến bốn sứ-quán Anh, Nhật, Mĩ, Pháp nói rõ cái cớ phản-đối Chính-phủ trung-ương yêu-cầu hiểu rõ cho. Diêm sẽ đến Bắc-bình nhận chức Hộ-đảng-quân tổng-tư-lệnh. Lại đối với công - sứ-đoàn xin chịu trách - nhiệm bảo - hộ kiều - dân ngoại-quốc.

Bọn Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hy, Hoàng Thiệu - Hùng, Trương Phát-Khuê, Hồ Tôn-Đạc thông-điện giục Tưởng Giới-Thạch từ chức, tôn Diêm Tích-Sơn làm tổng-tư-lệnh, cử Phùng Ngọc-Tường làm phó - tư - lệnh, giúp Diêm chỉnh-lý việc đảng, thực-hiện việc thống-nhất.

Tin ở Giang-ninh nói rằng Trương Học-Lương thấy Diêm Tích-Sơn mưu

*việc phản-động Chính-phủ trung-ương nên đã điện triệu viên đại-biểu ở Thái-nguyên là Cát Quang-Đình về, để tỏ ý cùng Diêm quyết-tuyệt.*

*Chính-phủ trung-ương định cử Trương Học-Lương làm hải-lục-không-quân phó-tổng-tư-lệnh.*

*Có tin ở Nam-kinh rằng hội Trung-ương giám-sát quyết-nghị xóa bỏ tên Diêm Tích-Sơn trong sổ đảng, nói Diêm phản-đảng hại nước, sự-tích rõ-ràng, giao cho hội Trung-ương chấp-giám ủy-viên lần thứ ba xét định và lột bỏ hết các công-quyền.*

*Chính-phủ Nam-kinh khởi thảo đạo lệnh đánh Diêm.*

*Tôn Khoa có báo-cáo lại bộ tuyên-truyền Trung-ương, đại-ý nói Diêm lấy lẽ-nhường làm điều, bên ngoài tỏ ý phục-tùng, trong lòng mưu việc phản-động, kết-cục sẽ bị thất-bại.*

*Chính-phủ trung-ương đã xếp đặt xong các quân-đoàn đánh Diêm Tích-Sơn. Tổng-chỉ-huy đường Tân-phố là Hà Ứng-Khâm, có 11 sư-đoàn, ước 18 vạn người; đường Bình Hán thì Chu Bồi-Đức làm tiền-địch tổng-chỉ-huy, có 10 sư-đoàn, cộng 16 vạn người. Phương-diện đường Tân-phố không kể lúc nào theo đường Lũng-hải ra sức tiến-đánh phương-diện Vũ-Hán quyết giữ thế thủ.*

*Sau cùng lại có tin Diêm Tích-Sơn tuyên-ngôn lấy làm hối về việc thách Chính-phủ trung-ương, Diêm đã xin từ chức, không biết thực hư thế nào.*

*Nói tóm thì hiện tình-thế nước Tàu ngày nay hãy còn bối-rối lắm, về phía nam thì xảy ra vụ chiến-tranh Lưỡng-Quảng và quân cộng-sản ở Long-châu quấy rối; phía bắc thì Diêm Tích-Sơn kết liên với Phùng Ngọc-Tường. Còn Uông Tinh-Vệ cũng từ hải-ngoại mò về, định lập riêng Chính-phủ.*

*Cứ như tình-hình ấy mà xét thì cuộc nội-loạn nước Trung-hoa cũng còn chưa yên được. Nhưng mấy hôm nay thì tình-thế lại xoay ra khác. Trương Học-Lương muốn đứng ra điều-đình, và có nhiều tướng-lĩnh miền Bắc trước định phản-đối bây giờ lại quay ra thái-độ ủng-hộ trung-ương. Nên Diêm Tích-Sơn lại phải lui, nghe có thông-điện cho Tưởng xin lỗi, nói rằng trước kia vì thực-tình tỏ bày ý-kiến riêng mà Tưởng sinh ác-cảm, muốn dùng võ-lực đối-phó với Diêm, song Diêm vẫn một lòng tôn-phục Trung-ương. Những việc điều-động binh-mã ở Sơn-tây là việc thuyên-chuyển trong quân-giới mà thôi, chớ không phải là định khởi-chiến với quân Chính-phủ.*

*Nếu như vậy thì thời-cục Trung-hoa lại yên, địa-vị chủ-tịch Chính-phủ trung-ương của Tưởng lại vững. Nhưng đã chắc đâu, cái cuộc phân-tranh của Trung-hoa sau này chưa biết chừng còn biến-hóa thay đổi ra thế nào nữa.*

**Trung Nga giao-thiệp.** — *Vấn-đề Trung-Nga dằng-dai trong ngót một năm trời, người ta tưởng thế nào cũng sinh ra cuộc đại-chiến-tranh, nhưng chỉ đôi khi xảy ra những trận xung-đột ở biên-thủy. Sau đến khi quân Nga kéo vào đánh phá Mãn-châu-lý và Hải-lập-nhĩ, Trung-hoa mới đành phải chịu thoái-nhượng, cùng nước Nga nghị-hòa, hai bên cùng rút quân, lại cùng phái đại-biểu mở cuộc hội-nghị, dự-bị tại Bá-lực để bàn cách giải-quyết hết thảy những sự rắc-rối, đại-biểu hai bên đã đồng-ý lập ra những điều-kiện, đại-khái như sau này:*

*1. Hai bên đều giữ đúng như bản hiệp-định Phùng Nga trong năm 1924, phải theo các điều đã định mà làm, lại phải chú-ý về điều thứ năm trong bản hiệp-định ấy, không được tuyên-truyền cộng-sản ở trong quốc-cảnh Trung-hoa.*

*2. Trung-hoa cũng cần phải tuân giữ như bản hiệp-định Phùng Nga*

*đuổi hết bọn phản-đối chính-phủ Nga Sô-viết là những người Nga trắng ra khỏi cõi.*

*3. Về việc đường sắt Trung-Đông, hai bên dùng người, số phải đều như nhau, mà hai bên đều phải dùng những nhân-tài về kỹ-thuật, khiến cho đường Trung-Đông thuần là cái tính-cách doanh-nghiệp.*

*4. Hết thảy các cách đã trù-nghĩ trong hội dự-bị này, đợi hai bên đều phái viên đại-biểu toàn-quyền, sẽ họp ở Moscou để hiệp-định.*

*Trong những điều-kiện kể trên đó, phần quan-hệ lớn nhất là việc xử-lý đường sắt Trung-Đông. Về phương-diện Nga chẳng phải nói thì ai cũng biết là được lợi, vì lại khôi-phục được những lợi-quyền như trước khi xảy ra cuộc phân-tranh, còn phương-diện Trung-hoa thì thực đáng buồn, hi-sinh bao nhiêu sinh-mệnh và tài-sản của nhân-dân mà kết-cục vẫn chẳng được hơn tí gì, về quân-sự đã chịu thất-bại, còn việc ngoại-giao không lẽ chịu thất-bại nốt hay sao. Đối với bản nghị trong hội dự-bị vừa kể trên, chính-phủ Trung-ương Nam-kinh tuyên-bố là không nhận, và lại phản-đối việc nước Nga định mở cuộc hội-nghị chính-thức ở Moscou, và yêu-cầu phải lấy Cáp-nhĩ-tân (Kharbine) làm nơi hội-nghị mới là hợp phép. Các đoàn-thể nhân-dân cũng đều bất-bình về bản nghị ấy, có xin chính-phủ phải lập-tức tuyên-bố là vô-hiệu và trừng-trị Thái Văn-Thăng là đại-biểu của Đông-tam-tỉnh cử đi dự cuộc hội-nghị ấy về cái tội làm mất quốc-quyền.*

*Phương-diện Trung-hoa đã không chịu kém mà phương-diện Nga bao giờ cũng cố giữ cái thái-độ cường-ngạnh, chứ không chịu lui, hiện đã tuyên-ngôn rằng bản nghị ở Bá-lực là do hai bên đồng-ý mà ký chữ, dù sao cũng không thể thay đổi được nữa. Nếu Chính-phủ Nam-kinh cứ nhất-định phản-đối, thì nước Nga sẽ trực-tiếp giao-thiệp với các nhà đương-cục Đông-tam-tỉnh để cầu giải-quyết cho chóng xong.*

*Hội Trung-ương chính-trị đã quyết cử Mạc Đức-Huệ làm toàn-quyền đại-biểu dự cuộc hội-nghị Trung Nga, giải-quyết cái vấn-đề thiện-hậu đường Trung-Đông.*

*Cái phương-châm của Chính-phủ Trung-ương đối với việc giao-thiệp với nước Nga, hiện đã quyết-định, nên theo như qui-định cố sức tiến-hành, cốt lấy không trái với bản hiệp-định Phụng Nga và Trung Nga, cũng là cố giữ lấy quyền làm chủ.*

## Việc trong nước

**Nói về đặc-quyền của Đông-Pháp Ngân-hàng.** — Ở Đông-dương trong các nhà băng duy có nhà «Đông-Pháp Ngân-hàng» (*Banque de l'Indochine*) là có quyền được phát-hành giấy bạc. Những giấy bạc ta tiêu dùng hiện nay là của nhà băng ấy cả. Quyền ấy là một đặc-quyền, Chính-phủ cho riêng một nhà băng nào thì nhà băng ấy phải có nghĩa-vụ và trách-nhiệm riêng đối với Chính-phủ bản-xứ. Bởi thế nên nhà Đông-Pháp Ngân-hàng xưa nay vẫn có cái tính-cách như một nhà băng của Nhà-nước. Song cái đặc-quyền của nhà băng hết hạn đã đến mười năm nay mà cứ trù-trừ mãi, Chính-phủ cùng Nghị-viện Pháp chưa quyết-định nên cho gia hạn nữa, nên sửa đổi thế nào, hay nên đặt nhà băng khác. Trong khi ấy thì cứ tạm cho gia hạn từng sáu tháng một, tạm thế trong mười năm rồi, không khỏi trở-ngại cho việc kinh-tế trong bản-xứ. Mãi

đến nay mới được tin rằng bộ Thuộc-địa, bộ Tài-chính và bộ Ngoại-vụ, mới đệ-trình Nghị-viện để thảo-luận một bản dự-án luật định gia hạn chính-thức cho nhà Đông-Pháp Ngân-hàng cái đặc-quyền phát-hành giấy bạc.

Cứ theo như lời các báo tây thuật thì bản dự-án này có thay đổi khác xưa nhiều, chứ không phải cứ giữ nguyên cái chế-độ cũ.

Nguyên nhà Đông-Pháp Ngân-hàng từ khi thành-lập đã nghiễm-nhiên có tư-cách một nhà băng lớn ở cõi Á-Đông. Ngoài đất Đông-dương, cái phạm-vi hành-động của nhà băng lại gồm cả các thuộc-địa Pháp ở Ấn-độ, Hồng-hải, và Nam-dương-quần-đảo. Ngay tự khi mới thành-lập, trong hội-đồng trị-sự đã có mấy tay chủ-trương các nhà băng lớn ở Pháp, nên đã có thế lực vững-vàng tự bấy giờ. Sắc-lệnh ngày 21 tháng giêng năm 1875 cho nhà băng được đặc-quyền phát-hành giấy bạc, năm 1888 được tái-hạn, năm 1900 lại tái-hạn lần nữa. Hạn sau này thì đến ngày 21 tháng giêng năm 1920 là hết. Trung-gian, vào khoảng năm 1917, Nghị-viện Pháp theo lời thỉnh-cầu của ông nghị-viên CECCALDI quyết-định rằng từ nay phàm các vấn-đề thuộc về sự tổ-chức các nhà băng thuộc-địa phải đệ-trình cho Nghị-viện thảo-luận. Nhân đó ngày 30 tháng sáu năm 1922 Chính-phủ Pháp mới đệ-trình cho Nghị-viện một bản dự-án luật, gia-hạn cho cái đặc-quyền phát-hành của nhà Đông-Pháp Ngân-hàng. Sở-dĩ chậm như thế, là bởi hồi bấy giờ mới chiến-tranh xong, trong nước còn nhiều việc bối-rối, lại cũng cần phải điều-tra cho kỹ ở các thuộc-địa khác có quan-hệ vào đấy. Ngay hồi tháng tư năm 1918, ông ALBERT SARRAUT đương làm Toàn-quyền ở Đông-dương có ý khẩn-khoản giục, nên tổng-trưởng bộ Thuộc-địa bấy giờ là ông HENRY SIMON đã có thảo một bản dự-án trình một hội ủy-viên xét trước.

Khi dự-án đem ra trình ở Nghị-viện thì Nghị-viện giao cho ông nghị-viên VALUDE xét trước để làm tờ phúc-trình. Tờ phúc-trình của ông VALUDE ưng-thuận như bản dự-án, không bẻ-bác gì. Tuy-nhiên, hồi bấy giờ Nghị-viện nhiều việc không thể đem ra thảo luận ngay trong năm 1922 được, qua năm sau thời quá hạn phải bỏ.

Kế đấy đến kỳ tổng-tuyển-cử năm 1924, nhân Nghị-viện mới bầu lên, Chính-phủ định bỏ bản dự-án cũ và định nghiên-cứu các phương-pháp để bắt-buộc các nhà băng thuộc-địa được đặc-quyền phát-hành thì phải có trách nhiệm giúp cho các thuộc-địa về đường tài-chính kinh-tế nặng hơn trước. Năm 1925 ông DALADIER làm Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa, lập ra nhà băng *Madagascar* chính là theo cái nguyên-tắc như thế, và năm 1929 luật gia hạn đặc-quyền phát-hành cho nhà băng Tây Phi-châu (*Afrique Occidentale*) cũng là chủ-ý như thế.

Về phần nhà băng Đông-Pháp thì vì Chính-phủ thương-thuyết mãi không xong, nên chưa thể quyết-định gì được. Tự năm 1920, chưa có luật nhất-định, nên chỉ do sắc-lệnh quan Giám-quốc gia từng hạn ngắn một, cho mãi đến ngày nay, cái tình-trạng tạm-thời đó, thật không có ích-lợi gì cho bản-xứ cả.

Đã có lúc xem ý Chính-phủ muốn đặt hẳn một nhà băng phát-hành mới của Nhà-nước, nhưng sau xét ra đặt một nhà băng mới không thể nào có thế-lực vững được bằng nhà băng cũ đã có tiền trữ-kim tích-lũy tự hơn 50 năm nay. Bấy giờ mới quyết-định lại thương-thuyết với nhà Đông-Pháp Ngân-hàng vậy, mà thương-thuyết theo hai cái nguyên-tắc như sau này: một là châm-chước theo thể-lệ của hai

nhà băng *Madagascar* và Tây-Phi-châu, nghĩa là làm nặng thêm cái trách-nhiệm của nhà băng đối với bản-xứ; hai là châm-chước cái tình-trạng đặc-biệt của nhà Đông-Pháp Ngân-hàng không giống các nhà băng khác.

Nguyên nhà Đông-Pháp Ngân-hàng ngay từ khi thành-lập không phải chỉ là một sở phát-hành giấy bạc (*institut d'émission*) mà thôi, lại là một nhà băng giao-dịch buôn bán, một nhà băng doanh-nghiệp (*banque d'affaires*) lớn nhất ở cõi Á-đông nữa. Bởi nhà băng có hai cái tính-cách như thế, nên Chính-phủ phải thương-thuyết lâu mới quyết-định thỏa-hợp được. Mãi đến tháng mười năm 1929, Chính-phủ với nhà băng mới thảo xong bản hiệp-ước; giữa lúc ấy thì tòa Nội-các đổ. Khi Nội-các mới thành-lập, thì hai bên Chính-phủ và nhà băng đã thuận-nhận bản hiệp-ước, bèn cùng nhau ký-duyệt.

Chính bản hiệp-ước này đặt thành dự-án luật, đệ-trình để Nghị-viện xét. Các điều-kiện quan-trọng, đại-khái như sau này:

1º) *Nói về cách phát-hành.* — Hồi đầu thời nhà băng phát-hành ra ba phần giấy bạc phải có một phần hiện-ngân bằng bạc thật ở trong quĩ. Tự năm 1914 thời vì tình-thế đặc-biệt, quan Toán-quyền Đông-Pháp được ký nghị-định miễn cho nhà băng cái lệ đó, và định cái số giấy bạc phát-hành tối-cao là 175.000.000 đồng và số hiện-ngân tại quĩ là một phần tư số ấy.

Nay trong dự-án luật không hạn-định số phát-hành tối-cao là bao nhiêu, mà hạn-định số hiện-ngân tại quĩ phải một phần ba tổng-số giao-dịch của nhà băng chứ không một số phát-hành mà thôi.

Nhà băng lại phải cam-đoan hết sức giúp cho chính-phủ Đông-Pháp thi-hành đặt giá nhất-định cho đồng bạc Đông-Pháp theo giá vàng, mà trong việc này thì nhà băng không được lấy công lấy lãi gì cả.

2º) *Nói về cách quản-trị trong nhà băng.* — Hội-đồng quản-trị nhà Đông-Pháp ngân-hàng, từ nay sẽ có hai-mươi hội-viên, trong số đó thì có sáu người thay mặt Nhà-nước, bốn người do sắc-lệnh quan Giám-quốc cử theo lời tư-trình của hai bộ Tài-chính và Thuộc-địa, và hai người do một bộ Thuộc-địa cử. Chánh hội-đồng do cả hội-đồng chọn, và phải có sắc-lệnh quan Giám-quốc bổ. Chức tổng-quản-lý thì do hội-đồng quản-trị chọn, và phải có hai bộ Tài-chính và Thuộc-địa duyệt-y. Như thế thì cái quyền kiểm-soát của Chính-phủ đối với cách hành-động của nhà băng thật là phân-minh và chắc-chắn lắm.

3º) *Nói về các trách-nhiệm tài-chính.* — Theo cái nguyên-tắc mới về tài-chính gọi là phép « lý-tài tham-bán » (*économie mixte*), nghĩa là trong các công-cuộc lý-tài lớn Nhà-nước tham-dự vào một phần to trong tư-bản và trong hoa-lợi, lối này từ khi chiến-tranh đến giờ đã nhiều nước thi-hành, vậy Nhà-nước đã dành một phần to trong tiền gốc và tiền lãi của nhà băng.

Tiền gốc của nhà băng trước có 72.000.000 quan nay tăng lên 120.000.000 chia ra làm 96.000 cổ-phần, một nửa về phần Nhà-nước.

Còn lợi-tức việc phát-hành giấy bạc thì mỗi năm nhà băng phải nộp cho Chính-phủ Pháp ít ra là 200.000.000 quan. Nhà băng lại phải để sẵn cho Chính-phủ một khoản lưu-thông là hai triệu đồng bạc, tức là 20.000.000 quan. Lại phải trích ra một khoản 120.000.000 quan để giúp cho các sở nông-nghiệp-ngân-hàng, mà không được lấy lãi quá năm phân. Hiện nay tuy hiệp-ước chưa thi-hành, nhà băng

Đông-Pháp cũng đã cho các nông-nghiệp ngân-hàng vay hơn 12.000.000 đồng rồi.

Ấy đại-khái các khoản quan-trọng trong đạo luật mới về nhà Đông-Pháp Ngân-hàng như thế. Xem ra thì cũng có phần lợi-ích cho bản-xứ. Chưa biết đem ra Nghị-viện thảo-luận thế nào.

∴

**Về việc biến-động ở Yên-báy.**— Như kỳ trước đã nói, việc biến-động ở Yên-báy và ở mấy tỉnh Bắc-kỳ trong hồi trung-tuần tháng hai tây, hiện giao cho Hội-đồng Đề-hình xử. Hội-đồng đã xử một lớp, kết-án 15 người, 13 người phải tử-hình, còn thì phải tội khổ-sai.

Lãnh-tụ Việt-Nam Quốc-dân-đảng là Nguyễn Thái-Học do Hội-đồng Đề-hình kỳ trước đã xử khuyết-tịch, cùng nhiều tay yếu-nhân trong đảng, cũng mới bắt được cả.

Đối với việc biến-động này, dư-luận Tây ở đây phân-vân náo-nhiệt lắm. Phần nhiều các báo đều thúc-giục Chính-phủ nên thẳng tay mà trị. Lại cho là quyền quan Toàn-quyền bên nay chưa được rộng, đại-khái như các tội-nhân bị án tử-hình còn có thể xin ân-xá sang quan Giám-quốc được, quan Toàn-quyền không thể truyền cho hành-hình ngay, vậy các báo muốn yêu-cầu cho quan Toàn-quyền được thật là toàn-quyền để gặp khi nguy-cấp cứ tự-tiện hành-động, không phải bị bên Bộ hạn-chế như bây giờ. Nhưng trong dư-luận Pháp, ngoài phái nóng-nảy đó, còn có người cho rằng đã có pháp-luật phân-minh thì cứ theo thường-pháp mà làm, cho được công-bằng, không cần gì phải vội-vàng.

Còn dư-luận người Nam ta, thì không kể Trung-kỳ, Nam-kỳ, ở Bắc-kỳ vẫn bình-tĩnh như thường.

∴

**Viện Dân-biểu Bắc-kỳ sửa đổi lại.** — Mới có nghị-định quan Toàn-quyền sửa đổi lại cách tổ-chức viện Dân-biểu Bắc-kỳ mấy điều như sau này :

1° Số nghị-viên bốn phần thì một phần quan Thống-sứ được quyền lựa chọn trong các thân-hào không làm việc Nhà-nước ;

2° Kỳ-hạn nghị-viện là bốn năm. Trong hạn ấy các dân-biểu không được lĩnh phẩm-hàm hay huy-chương gì của Nhà-nước ;

3° Tòa trị-sự bảy người mỗi năm bầu lại một lần, nghị-trưởng do trị-sự bầu, cũng mỗi năm một lần.

---

## Nam-Phong Tùng-Thư

MỚI XUẤT-BẢN :

*Lịch-sử thế-giới.* — Của Phạm Quỳnh biên-dịch. Sách tóm-tắt cả các việc lớn trong lịch-sử cổ-kim Đông-Tây. (Đông-kinh-ấn-quán xuất-bản, giá 4 hào, ở xa tiền cước ngoài).

XUẤT-BẢN TRƯỚC :

1.— *Văn-minh luận,* 4 hào.
2.— *Ba tháng ở Paris,* 4 hào.
3.— *Văn-học nước Pháp,* 4 hào.
4.— *L'idéal du Sage,* 4 hào.
5.— *Chính-trị nước Pháp, quyển I,* 4 hào.
— *quyển II,* 5 hào.
6.— *Khảo về tiểu-thuyết,* 4 hào.

SẮP XUẤT-BẢN :

*Le Paysan tonkinois à travers le parler populaire.* (Bài diễn-thuyết của ông Phạm Quỳnh ở Hội Địa-dư Hà-nội).